

OFFENSE

OFFENSE

TỈNH DÒNG THÁNH PHANXICÔ VIỆT NAM

TÁC PHẨM CỦA THÁNH PHANXICÔ ASSISI

Bản dịch mới dựa theo ấn bản truy nguyên của
CARLO PAOLAZZI, OFM

VĂN PHÒNG TỈNH DÒNG
-2015-

OFFMNN

LỜI GIỚI THIỆU

Để tìm hiểu và thẩm nhuần tinh thần của thánh Phanxicô Assisi thì tài liệu quan trọng nhất có thể giúp chúng ta là các bản văn do chính Cha Thánh đã để lại. Qua các bản văn ấy, chúng ta như trực tiếp nghe được những lời cầu nguyện, những lời tâm sự hay khuyên bảo của Cha Thánh, nhờ đó chúng ta có thể đáp trả dễ dàng hơn lời Chúa Cha mời gọi “đi theo vết chân” của Con yêu dấu Người.

Năm 2009, nhân kỷ niệm 800 năm (1209-2009) Bản luật tiên khởi của thánh Phanxicô do Đức Giáo hoàng Innôxenxiô III phê chuẩn, Hội dòng chúng ta đã cho ra mắt một ấn bản truy nguyên mới về các bản văn của thánh nhân, do cha Carlo Paolazzi thực hiện, theo lời đề nghị của vị Tổng Phục vụ lúc bấy giờ là cha José Rodriguez Carballo và của ban Tổng Cố vấn. Cha C. Paolazzi đã tiếp nối công trình nghiên cứu của cha Kajetan Esser (x. Ấn bản truy nguyên 1976 của cha K. Esser) và đã truy tìm kỹ lưỡng nguồn gốc các bản sao. Vì thế, với ấn bản truy nguyên mới của cha C. Paolazzi, mang tựa đề “*Francisci Assisiensis Scripta*” (Các bản văn của thánh Phanxicô Assisi), chúng ta có cơ may gặp được những bản văn lâu đời nhất của thánh Tổ phụ chúng ta.

Ấn bản của cha C. Paolazzi mới được anh Norbertô Nguyễn Văn Khanh dịch sang Việt ngữ. Tôi thấy có bốn phận thay mặt anh em trong Tỉnh dòng để cảm ơn anh Norbertô Khanh. Bất chấp giới hạn về sức khoẻ do bệnh tật, với lòng đam mê của người nghiên cứu và với lòng yêu mến

thiết tha đối với Cha Thánh và lý tưởng của ngài, anh đã miệt mài làm việc nhằm hoàn chỉnh công trình phiên dịch này để cống hiến cho chúng ta.

Nay tôi hân hoan giới thiệu với anh em trong Tỉnh dòng cũng như anh chị em trong gia đình Phan sinh Việt Nam bản dịch chính thức từ nay sẽ được sử dụng thay thế cho bản cũ.

Dakao, ngày 03 tháng 12 năm 2015

Tu sĩ Inhaxiô **Nguyễn Duy Lam**, OFM

Giám tỉnh

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Năm 1976, một học giả người Đức, cha Kajetan Esser, OFM, đã xuất bản một ấn bản truy nguyên¹ về các “*Tác phẩm của thánh Phanxicô Assisi*”². Trong hơn 30 năm tiếp theo, nhiều học giả vẫn tiếp tục công việc nghiên cứu. Năm 2009, cha Carlo Paolazzi, OFM, một học giả người Ý, đã xuất bản một ấn bản truy nguyên mới, theo yêu cầu của cha Tổng Phục vụ José Rodriguez Carballo, OFM, nhân dịp kỷ niệm 800 năm thành lập Dòng Anh Em Hèn Mọn (1209-2009)³. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu với các độc giả, đặc biệt là với các anh chị em trong đại gia đình Phan sinh Việt Nam, đôi điều về ấn bản mới này, nhất là những khác biệt quan trọng với ấn bản của cha K. Esser, đồng thời bản dịch của chúng tôi dựa trên ấn bản mới này.

¹ Ấn bản truy nguyên dùng các phương pháp phê bình (vì thế cũng có thể gọi là *ấn bản phê bình*) để phát hiện bản văn nguyên thủy, hay ít nhất là những bản văn gần với bản văn nguyên thủy.

² *Opuscula Sancti Francisci Assisiensis*: Xuất bản năm 1976, được tái bản trong ấn bản nhỏ năm 1978, và được dịch sang Việt ngữ năm 1992 dưới đầu đề: “*Bút tích thánh Phanxicô Assisi*” (in ronéo); bản dịch Việt ngữ này được tái bản năm 2007 dưới đầu đề “*Di cảo thánh Phanxicô*” (đánh máy bằng vi tính), và năm 2008 dưới đầu đề “*Tác phẩm của thánh Phanxicô Assisi*”.

³ *Francisci Assisiensis Scripta*, Grottaferrata (Roma) 2009; viết tắt: *SCRIPTA*.

I. Đầu đề

Ấn bản của cha C. Paolazzi mang đầu đề là “*Francisci Assisiensis SCRIPTA*” (Các bản văn của thánh Phanxicô Assisi).

Tác giả cho rằng đầu đề “*Opuscula*”⁴ áp dụng cho các bản văn của thánh Phanxicô thì không hoàn toàn thích hợp, vì các văn bản này quá khác biệt nhau về thể văn, nội dung và độ vắn, dài.

II. Cách sắp xếp

Quyển “*Scripta*” dày 504 trang (24cmx17cm): trang bên trái in bản văn La ngữ, còn trang bên phải là bản dịch tiếng Ý của học giả.

Các bản văn vẫn được viết tắt trong bản La ngữ theo kiểu của cha K. Esser, nhưng không còn được sắp xếp theo vần A, B, C...: nay chúng được xếp theo ba phần lớn và một phần phụ trương, như sau:

⁴ *Opuscula*: (dịch sát) là các tác phẩm ngắn, nhỏ. Từ La tinh này đã được anh Luca Wadding, OFM, người Ái Nhĩ Lan, dùng năm 1623 làm đầu đề cho những bản văn của thánh Phanxicô mà anh đã sưu tầm: “*Beati Patris Francisci Assisiatis opuscula*”. Năm 1642, anh Jean de la Haye, OFM, người Pháp, đã dùng từ “*opera*” (các tác phẩm) để làm đầu đề cho bộ sưu tập các bản văn của thánh Phanxicô và thánh Antôn: “*S. Fr. Ass. minorum patriarchae necnon S. Antonii Paduani ejusdem ordinis opera omnia*”.

- **Kinh nguyện;**
- **Các thư;**
- **Các Bản luật và các lời khuyên bảo:** gồm các Bản luật, các Huấn ngôn, Di chúc, các bản văn gửi cho chị Clara và các chị em;
- **Phụ trương:** phần này tương ứng với Chương XXVIII trong ấn bản của cha K. Esser “Các tác phẩm đã được đọc cho viết” (*Opuscula dictata*), nhưng được chia ra thành hai mục nhỏ:
 1. *Các di ngôn (“detti”, những câu nói);*
 2. *Các thư đã thất lạc hoặc khả nghi.*

Qua cách sắp xếp như trên cha C. Paolazzi muốn gợi ý về kinh nghiệm thiêng liêng của thánh Phanxicô: Lời Chúa được lắng nghe trong đức tin trước hết phải trở thành lời ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa (*Kinh nguyện*), sau đó được biến đổi thành lời rao giảng (*Các thư*) và quy luật sống cho cá nhân và cộng đoàn (*Các Bản luật và các lời khuyên bảo*). Chúng ta cũng được mời gọi sống kinh nghiệm ấy khi đọc các bản văn của vị thánh thành Assisi.

Trong mỗi phần, học giả trình bày các bản văn theo thứ tự thời gian, bắt đầu từ bản văn lâu đời nhất (*Kinh đọc trước Thánh giá*, năm 1206) tới bản văn cuối cùng của thánh Phanxicô (*Di chúc*, năm 1226).

III. Nội dung

1. Danh sách các bản văn

Năm 1976, khi cha K. Esser xuất bản quyển "*Opuscula Sancti Francisci Assisiensis*" thì người ta thấy ngay những đóng góp rất quan trọng của ấn bản truy nguyên này so với hai ấn bản ra đời năm 1904: của cha Leonhard Lemmens⁵ và của giáo sư Heinrich Boehmer⁶. Những đóng góp ấy là:

- Thiết lập một danh sách gần như đầy đủ các chứng từ về các bản văn của thánh Phanxicô, được chép tay hoặc được in ấn;

- Ấn định danh sách các bản văn xác thực, các bản văn khả nghi hoặc không xác thực;

- Phát hiện một số bản văn xác thực của thánh Phanxicô trước đây chưa được biết tới như: "*Lời mời gọi ngợi khen Thiên Chúa*", bản gốc của *Thư gửi các giáo sĩ*, bản văn ngắn của *Thư gửi các tín hữu*; ngoài ra còn có *Những đoạn văn ngắn của một Bản luật không sắc chỉ khác*.

- Nêu ra gần như đầy đủ các nguồn Kinh Thánh, Giáo phụ và Phụng vụ.

Các đóng góp này của cha K. Esser đều được cha C. Paolazzi ghi nhận lại: *danh sách các bản văn xác thực* của thánh

⁵ *Opuscula Sancti Patris Francisci Assisiensis*, Quaracchi 1904.

⁶ *Analekten zur Geschichte des Franziskus von Assisi*, Tuebingen-Leipzig 1904.

Phanxicô vẫn được giữ nguyên như cũ. Như vậy có thể nói ấn bản mới này là công trình nghiên cứu của cả hai học giả K. Esser và C. Paolazzi.

2. Những khác biệt giữa hai ấn bản

Theo cha C. Paolazzi thì giới hạn quan trọng nhất nơi ấn bản của cha K. Esser là không thiết lập gia phả các bản sao, vì thế người ta khó mà biết được các dị bản xuất hiện ở đâu và khi nào. Công trình cốt yếu của cha C. Paolazzi là *thiết lập gia phả các bản sao*, để xem chúng lệ thuộc vào nhau như thế nào, và từ đó biết được bản sao nào có trước, bản sao nào có sau. Hậu quả là ấn bản của cha C. Paolazzi và ấn bản của cha K. Esser khác nhau chủ yếu về mặt ngôn ngữ, vì trong nhiều trường hợp mỗi học giả dựa trên một bản sao khác để xác định bản văn. Sau đây xin nêu vài trường hợp:

* La ngữ trong bản văn của cha C. Paolazzi cổ hơn, gần với văn nói tiếng Ý thời Trung cổ hơn. Ví dụ, trong bản văn của cha C. Paolazzi chúng ta đọc: *hec* (thay vì *haec* trong bản văn cha K. Esser), *celi et terra* (thay vì *caeli et terra*), *que* (thay vì *quae*), *michi* (thay vì *mihi*)...

* Về Bản luật sống trong ẩn viện, theo bản văn của cha K. Esser, chúng ta thường gặp kiểu nói "*Isti fratres*" (các anh em này), còn theo cha C. Paolazzi chúng ta lại thường gặp "*Illi fratres*" (các anh em ấy);

* Huấn ngôn 13 (về đức kiên nhẫn): trong ấn bản của cha K. Esser, được bắt đầu bằng câu Phúc âm: *Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa*", nhưng

trong ấn bản của cha C. Paolazzi thì câu Phúc âm này không còn được trích dẫn nữa;

* Thư gửi anh Lêô: ở câu 2, theo bản văn của cha K. Esser chúng ta đọc: “cha tóm tắt trong những lời (*verba*) này”, còn theo bản văn cha C. Paolazzi chúng ta đọc: “cha tóm tắt trong một lời (*verbo*) này”;

* Thư II gửi các anh Phục vụ và Thư gửi anh Antôn: theo K. Esser được kết thúc mà không có lời chào “*Valete/Vale*” (Chúc mọi sự tốt lành), còn theo C. Paolazzi thì có lời chào ấy quen thuộc đối với Phanxicô và Clara.

Những khác biệt như vừa nêu trên, nhất là về phương diện ngôn ngữ, thì khó mà nhận ra được trong một bản dịch Việt ngữ.

Tất nhiên cũng có vài khác biệt, nhìn bên ngoài thì nhỏ nhặt, nhưng về nội dung thì quan trọng, đặc biệt nhất là trường hợp sau đây: về câu đầu tiên của “Thư gửi các tín hữu”, bản văn của cha K. Esser là: “*Universis christianis religiosis...*” (Cùng tất cả các tín hữu tu sĩ), và như vậy bản văn được hiểu là bức thư gửi cho các anh chị em Phan sinh Tại thế, những tín hữu đang sống đức tin một cách tích cực và một cách nào đó được xem như là tu sĩ. Theo bản văn của cha C. Paolazzi, chúng ta đọc: “*Universis christianis, religiosis...*” (có cái phẩy giữa *christianis* và *religiosis*), và như vậy bức thư lại có một tầm vóc rất rộng rãi vì nhắm gửi đến “Tất cả các tín hữu, tu sĩ, giáo sĩ và giáo dân...”. Chúng tôi sẽ

lưu ý độc giả về những khác biệt quan trọng trong phần các chú thích.

Cha C. Paolazzi là một người Ý, lại vừa là một nhà ngữ học⁷, nên ấn bản của học giả này có cơ may cống hiến cho ta một bản văn gần với nguyên bản hơn, nhất là khi đề cập tới những kiểu nói quen thuộc của một người Ý như thánh Phanxicô. Đây là một đóng góp quý hóa của ấn bản mới này. Còn về nội dung tư tưởng của thánh Phanxicô, thì ấn bản này không thêm gì mới mẻ quan trọng, so với ấn bản của cha K. Esser.

IV. Công việc của chúng tôi

Công việc chính của chúng tôi trong bản dịch này là điều chỉnh lại bản dịch Việt ngữ được thực hiện trước đây theo ấn bản của cha K. Esser cho phù hợp với ấn bản truy nguyên mới của cha C. Paolazzi. Bản dịch này mang một số đặc điểm sau đây:

1. Đầu đề

Chúng tôi vẫn giữ đầu đề tổng quát của quyển sách là *“Tác phẩm của thánh Phanxicô Assisi”*, như bản dịch trước, mặc dù cha C. Paolazzi có lý khi nhấn mạnh rằng đây là “những điều đã được viết ra” (*scripta*), những bản văn, khác với những gì không được hoặc chưa được viết ra cách chính

⁷ Tác giả sinh năm 1938 tại Trento, đã theo học văn chương tại Đại học Công giáo Sacro Cuore, rồi sau đó trở thành nhà nghiên cứu và giảng sư.

thức, những “câu nói” (“*detti*”) của thánh Phanxicô. Ngoài ra, áp dụng từ “*opusculum*” cho một câu nói ngắn ngủi nào đó của thánh Phanxicô thì cũng không hoàn toàn thích hợp.

Sở dĩ chúng tôi vẫn muốn giữ lại đầu đề cũ, một phần vì nó đã quen thuộc với các anh chị em trong đại gia đình Phan sinh Việt Nam, phần khác chúng tôi không muốn tạo ra cảm tưởng là đang trình bày một quyển sách mới mẻ về thánh Phanxicô, vì nội dung ấn bản mới này của cha C. Paolazzi không khác gì bao nhiêu với ấn bản của cha K. Esser.

2. Các bài dẫn nhập và các chú thích

Trong bản dịch này, chúng tôi đã soạn mới lại các bài dẫn nhập trước mỗi tác phẩm, dựa trên những lời dẫn nhập của cha C. Paolazzi và của ấn bản Pháp ngữ do ông Jacques Dalarun chủ biên (xem mục: “*Tài liệu tham khảo*” ở sau). Tất nhiên chúng tôi cũng giữ lại những gì có thể giữ lại từ những bài dẫn nhập trong bản dịch trước.

Về các chú thích cuối các trang, chúng tôi bỏ đi những chú thích không cần thiết lắm trong bản dịch trước, nhưng cũng bổ sung một số khác.

3. Cách viết tắt

Nói chung chúng tôi vẫn giữ cách viết tắt như trong ấn bản trước, trừ hai bản văn:

- “*Bản luật có sắc chỉ*”, nay được viết tắt là: **Lsc** (thay vì chỉ có chữ “**L**” như trước đây);

- “*Kinh Vượt Qua*” nay được đổi đầu đề là *Kinh kính các mầu nhiệm Chúa* và được viết tắt là *KMN*.

4. Cách dịch

Chúng tôi cố gắng tối đa theo sát bản văn La ngữ, để độc giả chẳng những hiểu được tư tưởng của thánh Phanxicô, nhưng đồng thời cũng nhận ra được phần nào những nét độc đáo trong cách diễn đạt của thánh nhân, nhất là thứ ngôn ngữ đầy những quy chiếu, rõ ràng hay kín đáo, về Kinh Thánh.

Tuy nhiên do cấu trúc câu văn La ngữ khác với cấu trúc câu văn Việt ngữ, nên trong một số trường hợp, chúng tôi cố gắng tìm một kiểu dịch vừa diễn tả đúng ý của bản văn gốc vừa giữ được kiểu nói của câu văn Việt ngữ.

Về bộ *Kinh kính các mầu nhiệm Chúa Giêsu*, vì thánh Phanxicô đã đọc các Thánh vịnh trong bản văn La ngữ (x. bộ *psalterium gallicanum*), nên chúng tôi dịch theo bản La ngữ, và không quan tâm đến các bản dịch từ tiếng Do Thái hay Hy Lạp, mặc dầu các bản dịch này trôi chảy hơn và có âm điệu hơn.

5. Tài liệu tham khảo

Khi thực hiện bản dịch này, chúng tôi đã tham khảo trước hết bản dịch bằng tiếng Ý mà chính cha C. Paolazzi cung cấp cùng với bản văn La ngữ trong cùng một ấn bản; sau nữa chúng tôi cũng tham khảo một số bản dịch khác:

- ARMSTRONG Regis & Others, *Francis of Assisi. Early Documents*, Vol. I: *The Saint*; Vol. II: *The Founder*; New York, 1999.
- DALARUN Jacques, dir., *Francois d'Assise. Ecrits, Vies, Témoignages*, (2 tomes), Edition du VIII^e centenaire. Editions du Cerf – Edit. franciscaines, Paris 2010.
- HARDICK, L. & GRAU, E., *Die Schriften des Heiligen Franciskus von Assisi*, (Taschenbuchausgabe) Werl/Wesfalen 1987.
- OLGIATI Feliciano & Altri, *Fonti Francesane*, Padova, 1990.
- MỘT NHÓM TU SĨ PHAN-SINH, *Bút tích Thánh Phanxicô Nghèo Khó*, Nhà xuất bản Phan-sinh, Sài-gòn, 1975.

Mặc dầu đã cố gắng rất nhiều, chúng tôi vẫn ý thức là công việc của chúng tôi vẫn còn những khiếm khuyết. Vì thế chúng tôi rất biết ơn những anh em đã và sẽ góp ý, để cho bản dịch này và các tái bản về sau được hoàn chỉnh hơn.

Norberto **NGUYỄN VĂN KHANH**, OFM

Lễ thánh Mátthêu Tông đồ, 21/9/2015.

CÁCH VIẾT TẮT CÁC TÁC PHẨM CỦA THÁNH PHANXICÔ

I. KINH NGUYỆN

(Có chữ K đi đầu)

<i>KTg</i>	Kinh đọc trước Thánh giá
<i>KMg</i>	Mời gọi ca ngợi Thiên Chúa
<i>KĐM</i>	Kinh kính chào Đức Trinh nữ Maria
<i>KNđ</i>	Kinh kính chào các nhân đức
<i>SnKLC</i>	Suy niệm Kinh Lạy Cha
<i>KSt</i>	Kinh suy tôn đọc vào mọi giờ kinh
<i>KMN 1-15</i>	Kinh kính các mẫu nhiệm Chúa Giêsu (15 kinh)
Thủ bút gửi cho anh Lêô:	
* <i>KLeo</i>	Kinh ngợi khen Thiên Chúa Tối Cao
* <i>CLLeo</i>	Lời chúc lành cho anh Lêô
<i>BcMT</i>	Bài ca anh Mặt Trời
<i>BcCl</i>	Bài ca gửi cho các chị em Clara

II. THƯ TÍN

(Có chữ T đi đầu)

<i>TGs I & II</i>	Thư I & II gửi các giáo sĩ
-----------------------	----------------------------

<i>TcPv I</i>	Thư I gửi các anh Phục vụ
<i>TLđ</i>	Thư gửi các nhà lãnh đạo nhân dân
<i>TcPv II</i>	Thư II gửi các anh Phục vụ
<i>TLeo</i>	Thư gửi anh Lêô
<i>TPv</i>	Thư gửi một anh Phục vụ
<i>TAt</i>	Thư gửi anh Antôn
<i>TTh I</i>	Thư I gửi các tín hữu
<i>TTh II</i>	Thư II gửi các tín hữu
<i>TTD</i>	Thư gửi Toàn Dòng

III. LUẬT DÒNG VÀ NHỮNG LỜI KHUYÊN BẢO

<i>Lksc</i>	Luật không sắc chỉ
<i>Đvn</i>	Các đoạn văn ngắn
<i>Lsc</i>	Luật có sắc chỉ
<i>Lav</i>	Luật trong ẩn viện
<i>Hn 1-28</i>	Huấn ngôn 1-28
<i>MmCl</i>	Mẫu mực sống gửi cho chị Clara:
<i>NgCl</i>	Nguyện ước cuối cùng gửi cho chị Clara
<i>DC</i>	Di chúc

PHỤ TRƯỞNG

I. Các di ngôn

Nvđt Niềm vui đích thực

DcXi Di chúc tại Xiêna

ChlBnđ: Lời chúc lành cho anh Bênađô

II. Thư tín thất lạc hoặc khả nghi

THug Thư gửi cho Đức Hồng y Hugôlinô

TPh Thư gửi cho anh em nước Pháp

TBlñ Thư gửi nhân dân thành Bôlônia

TCl Thư gửi cho chị Clara về việc giữ chay

ChlCl Lời chúc lành cho Clara và các chị em

TGcb Thư gửi cho bà Giacôba

III. Một số truyện ký

Bnb Truyện Ba người bạn.

1 *Cel* Tôma Cêlanô, *Hạnh thánh Phanxicô*, Quyển I

2 *Cel* Tôma Cêlanô, *Hạnh thánh Phanxicô*, Quyển II

3 *Cel* Tôma Cêlanô, *Khảo luận về các phép lạ*

GTL *Gương Trộn lành (Speculum Perfectionis)*

KDPer *Khuyết danh Pêrugia (Anonymus Perusinus)*

STAs *Sưu tập Assisi (Compilatio Assisiensis, còn được gọi là Legenda Perusina)*

SƠ LƯỢC CUỘC ĐỜI THÁNH PHANXICÔ VỚI NIÊN BIỂU CÁC TÁC PHẨM⁸

- 1181/1182: Phanxicô sinh tại Assisi, con ông Phêrô Bernadônê và bà Pica, một gia đình thương gia giàu có; tên thánh Rửa tội là Gioan; học đọc và viết bên cạnh nhà thờ thánh Georgio (1 Cel 23; 1 Bon XV,5).
- 1193/1194: Clara sinh tại Assisi, con gái ông Favarone di Offreduccio và bà Ortolana, thuộc giới quý tộc.
- 1198-1200: Sau khi hoàng đế Henri VI qua đời (9/1197), dân thành Assisi đập phá pháo đài La Rocca của hoàng đế, tấn công các ngôi nhà kiên cố của giới thượng lưu; nhiều gia đình trong giới này chạy trốn tại Perugia, thành phố của hoàng đế.
- 1202-1203: Trong cuộc chiến giữa hai thành Pêrugia và Assisi, Phanxicô tham gia trận đánh tại cầu thánh Gioan, bị bắt cầm tù; được giải thoát sau một năm; bị một cơn bệnh kéo dài.
- 1204-1206: Phanxicô bắt đầu “cuộc hoán cải”: thị kiến lạ lùng tại Spoleto; cuộc gặp gỡ quyết định với những bệnh nhân phung (DC 1-3); lời kinh trước Thánh giá ở nguyện đường San Damiano (x. Bnb 6-14), bản văn đầu tiên của Phanxicô được biết đến:

⁸ Dựa theo C. Paolazzi, *SCRIPTA*, tr. XII-XVII; có thêm một số chi tiết.

- *Kinh đọc trước Thánh giá* (đầu năm 1206)

1206-1208: Xung khắc với người cha; trước mặt Đức Giám mục, Phanxicô từ bỏ mọi của cải; ăn mặc như một ẩn sĩ, Phanxicô sửa lại nhà thờ San Damiano, nhà nguyện kính thánh Phêrô và nhà nguyện Poxiuncula.

- Sáng tác và đọc Kinh "*Lạy Chúa Giêsu Kitô chí thánh*" (DC 4).

1208 (24/2): Tại Poxiuncula, Phanxicô nghe đọc bài Phúc âm ngày lễ thánh Mátthia (Mt 10). Ngài khám phá ra ơn gọi sống đời tông đồ trong nghèo khó. Ngài bỏ y phục ẩn sĩ vẫn mặc từ khi tu sửa các nhà nguyện, mặc một tu phục khác để đi rao giảng lưu động.

1208 (16/4): Cùng với những người bạn tiên khởi, Bênadô và Phêrô Catani, Phanxicô tới nhà thờ thánh Nicôla tra cứu sách Tin Mừng: ba đoạn Tin Mừng tìm thấy trở thành luật sống cho họ (x. *Bnb* 27-29; *KDPer* 10-11). Họ ăn mặc như *những người sống đời hoán cải* và bắt đầu đi rao giảng.

1209: Khi con số lên tới 12, Phanxicô và các bạn đi Rôma: tại đây Đức Giáo hoàng Inôxenxiô III đã phê chuẩn bằng miệng một Bản luật ngắn theo "mẫu mực thánh Phúc âm" mà Phanxicô "đã xin viết ra một cách đơn sơ và ngắn gọn" (DC 14-15). Đức Giáo hoàng cũng cho phép họ đi rao giảng đời hoán cải (x. *Bnb* 51; *KDPer* 36). "*Bản luật tiên khởi*" này dần

dần được khai triển thành “Bản luật không sắc chỉ” (1209-1221).

1212: Từ Rivortorto huynh đệ đoàn chuyển tới Poxiuncula, một ngôi nhà nguyện nhỏ được các đan sĩ Bênêđictô tại Subasiô cho phép sử dụng.

1212: Vào đêm Chúa Nhật Lễ Lá, rạng sáng thứ Hai Tuần Thánh, tại Poxiuncula, Phanxicô đón tiếp Clara vào đời sống hoán cải tức cũng là vào sự tuân phục (18-19/3), với lời cam kết nâng đỡ do Phanxicô viết ra.

Mẫu mực sống (khoảng 1212) được Clara trích dẫn trong Luật (6,1-5) và Chúc thư (c. 29) của chị.

1212-1215: Phanxicô lên đường định đi Syria (1211?), rồi Maroc qua đường Tây Ban Nha (có lẽ trong thời gian từ 1213-1215), nhưng bị ngã bệnh tại Tây Ban Nha, ngài phải trở về lại nước Ý.

- *Mời gọi ca ngợi Thiên Chúa*: do cấu trúc và hình thái chưa vững, kinh này có thể được sáng tác trong những năm này.

1215: Tháng 11: khai mạc Công đồng Lateranô IV, quan trọng cho việc cải cách trong Giáo Hội và những biện pháp chống các lạc giáo. Phanxicô đã tham dự và rất có thể trong dịp này ngài đã gặp thánh Đa Minh.

1216: - Ngày 16/7 Đức Giáo hoàng Inôxenxiô III qua đời. Đức Giáo hoàng Hônôriô III kế vị.

- Hiện diện trong các sự kiện ấy có Đức Hồng y Jacques de Vitry: trong một lá thư viết vào tháng 10/1216 ngài nhắc tới các “Anh Em Hèn Mọn” và “Chị Em Hèn Mọn” được nhiều người ngưỡng mộ: đây là chứng từ đầu tiên, rất quý báu, của một người ngoài Dòng.

1217 (26/5): Tổng Tu nghị tại Poxiuncula quyết định xúc tiến cuộc truyền giáo đầu tiên ngoài nước Ý.

1218 (11/7): Trong sắc chỉ “*Cum dilecti*”, gửi cho các giám mục và các chức sắc, Đức Giáo hoàng Hônôriô cho biết là “các Anh Em Hèn Mọn... đã chọn một lối sống đáng được Giáo Hội Rôma chấp thuận” và khuyến khích các ngài hãy đón tiếp họ “như những người công giáo và trung thành”.

1219: Tháng 6, Phanxicô sang Đông phương, cập bến tại Damiette (Ai Cập); gặp Quốc vương Hồi giáo Melek el Kamel; sau đó ít lâu ngài sang Thánh địa.

1220: - Tháng 1: tại Maroc, năm anh em tiên khởi tử đạo;
- Được tin các “Đại diện” của ngài đã tự ý đưa một số điều khoản mới vào trong Bản luật, Phanxicô trở về Ý với các anh Phêrô Catani, Êlia và Xêdariô Xpira. Ngài từ chức Tổng Phục vụ và chỉ định anh Phêrô Catani thay thế (2 Cel 143).

- Theo thỉnh nguyện của Phanxicô, Đức Giáo hoàng Hônôriô III chỉ định Đức Hồng y Hugôlinô

làm người bảo trợ Hội dòng; Phanxicô cũng xin anh Xêdariô Xpira đưa những câu Kinh Thánh vào trong Bản luật (x. *Chroniques du Fr. Jourdain de Giano*, Ghi chép thời sự của anh Jourdain de Giano, 12-15).

- Dựa trên những điều đã thấy tại Đông phương và tông thư của Đức Giáo hoàng ("*Sane cum olim*", đề ngày 22/11/1219), Phanxicô gửi một số thư cho các chức sắc để mời gọi người ta ca ngợi Thiên Chúa cách công khai và tôn sùng bí tích Thánh Thể:

- *Thư gửi các giáo sĩ*, bản gốc I và II;

- *Thư gửi các nhà lãnh đạo nhân dân*;

- *Thư I gửi các anh Phục vụ*;

- *Thư II gửi các anh Phục vụ* (với yêu cầu phổ biến ba thư trước).

- Sắc chỉ "*Cum secundum*" của Đức Giáo hoàng buộc các Anh Em Hèn Mọn phải trải qua một năm Nhà Tập, và không được bỏ Dòng sau khi đã tuyên khấn.

1221: - Anh Phêrô Catani qua đời (ngày 10/03/1221). Anh Elia được chọn làm Tổng Phục vụ⁹.

⁹ Mặc dầu một vài bản văn gọi anh Êlia (cũng như anh Phêrô Catani trước đó) là "*vicario*" (phó, đại diện), nhưng chính thánh Phanxicô gọi anh là Tổng Phục vụ (x. *TTD* 2.38.40.47).

- Tổng Tu nghị dịp lễ Ngũ Tuần (30/05) tổ chức những cuộc đi giảng khác ngoài nước Ý (Đức); Bản luật mới được đưa ra bàn cãi:

- *Bản luật không sắc chỉ*, gồm 24 chương, được Đức Giáo hoàng chấp thuận (x. *Lksc*, *Lời mở đầu* và XXIV,4) nhưng không có sắc chỉ chính thức.

- Một tài liệu “thiênêng liêng” bổ túc cho các luật lệ: đó là *Các Huấn ngôn*, có lẽ đã được thu thập dần dần tại các Tổng Tu nghị nơi đó “thánh Phanxicô nói với anh em những lời khuyên bảo, quở trách và răn dạy [...], sau khi đã thỉnh ý Chúa” (x. *KDPer* 37).

Sau 1221: Một số tác phẩm đã được thành hình trong những năm mà Phanxicô đã chín muồi, mặc dầu không thể xác định rõ ràng niên biểu, đặc biệt là một số kinh:

- *Kính chào các nhân đức*;

- *Kính chào Đức Trinh nữ Maria*;

- *Suy niệm Kinh Lạy Cha*.

1221-1223: - Phanxicô tiếp tục công việc để đạt tới một bản văn chung kết cho Bản luật, như một tài liệu quan trọng sau đây cho thấy:

- **Thư gửi một anh Phục vụ (câu 12-20; x. *Lsc* 7).**

- Trong thời gian này xuất hiện một số căng thẳng giữa các vị Phục vụ và Phanxicô (tại “Tu nghị chiếu”, x. *STAs* 17-18; *GTL* 68); thánh nhân cũng

phải trải qua một “chước cám dỗ” lâu dài (x. 2 Cel 115; GTI 99). Hoàn cảnh đau đớn này có thể đã làm phát sinh:

- *Đàm thoại về niềm vui đích thực*;

- *Bộ Kinh kính các màu nhiệm Chúa*.

1223: Tại Fontê Cômôbô, Phanxicô biên soạn Luật dòng (x. Bônaventura, *Đại truyện*, IV,11; TTAs 17).

Bản luật chung kết: Luật này được đem ra thảo luận tại Tổng Tu nghị vào tháng 6. Ngày 29/11 Đức Giáo hoàng Hônôriô III phê chuẩn qua sắc chỉ “*Solet annuere*”.

1223 (24-25/12) Lễ Giáng sinh tại Grêsiô (1 Cel 84-87).

1224: Chắc chắn sau Bản luật chung kết:

- *Thư gửi anh Antôn* (quy chiếu về Lsc 5,2);

- *Thư gửi Toàn Dòng* (các câu 38-43 quy chiếu về Luật dòng).

1224: Tháng 8-9: Phanxicô lên núi La Verna để mừng lễ Tổng lãnh Thiên thần Micaen (15/8-29/9). Ngày 14 hay 15/9 ngài được Chúa ban các dấu đinh trên thân mình. Sau đó người “tự tay” viết:

- *Kính Ngợi khen Thiên Chúa Tối Cao* (x. *Thủ bút gửi anh Lêô*);

- *Lời chúc lành cho anh Lêô*.

- Phanxicô trở về Poxiuncula. Người phải giới hạn sinh hoạt tông đồ do các dấu đinh trên thân mình và do các bệnh tật khác.

- *Thư gửi các tín hữu* (ít nhất là bản văn II, nếu không phải là cả bản I nữa) có lẽ phát xuất trong thời gian này, vì người nói: "...vì tôi bệnh tật và hèn yếu, không đích thân đến thăm từng người được, nên tôi dùng lá thư này làm sứ điệp" (*TTh* II,3).

1225 (3/5): Ngài cư trú hai tháng tại đan viện của Chị Clara ở San Damiano để chữa mắt. Tại đây ngài sáng tác hai bài ca bằng tiếng Ý địa phương: bài thứ nhất để tạ ơn Thiên Chúa vì đã ban cho ngài lời hứa cứu độ, bài thứ hai để an ủi các bà chúa nghèo đã đón tiếp ngài tại San Damiano:

- *Bài ca anh Mặt Trời* (x. STAs 83);

- *Bài ca gửi cho Clara và các chị em* (x. STAs 85).

- Phanxicô được đưa tới Rieti để chữa bệnh đau mắt, chứng bệnh mà người bị nhiễm tại Đông phương, nhưng vô hiệu quả.

1226 - Giữa tháng 4 và 5, tại Xiêna, do bệnh tình trở nên trầm trọng, Phanxicô cho viết vài hàng ngắn ngủi về "ý muốn" của người:

- *Di chúc tại Xiêna* (x. STAs 59; *GTL* 87)

- Phanxicô được đưa về Assisi, ngang qua Cortona, Bagnara (gần Nocera). Biết mình không

còn sống được lâu, người cho viết khúc cuối cùng (về chị Chết) cho *Bài ca anh Mặt Trời*.

1226: Cuối tháng 9 đầu tháng 10, Ngài cho viết:

- *Di chúc*.

- *Nguyện ước cuối cùng* gửi cho Clara và các chị em tại San Damiano (x. *Luật của Clara*, VI,6-9);

- *Thư gửi bà Giacôba*, (x. 3 Cel 38).

1226: Phanxicô qua đời tại Poxiuncula, chiều ngày thứ bảy, ngày 3-10 (sau mặt trời lặn: theo cách tính của phụng vụ thời Trung cổ, đó là ngày 4-10). Ngày hôm sau linh cửu được đưa về Assisi và chôn trong nhà thờ San Giorgio (ngày nay là một phần trong vương cung thánh đường thánh Clara) “nơi, thời niên thiếu ngài đã học chữ, và về sau ngài đã thuyết giảng lần đầu” (x. *Bônaventura, Đại Truyền*, XV,5).

1228 (16/7): Đức Tân Giáo hoàng Grêgôriô IX (trước kia là Hồng y Hugôlinô) phong thánh cho ngài tại Assisi. Sắc chỉ liên hệ: “*Mira circa nos*” được công bố ngày 19/7.

1288-1229: Tôma Cêlanô biên soạn *Hạnh thánh Phanxicô* (sau này được gọi là 1 Cêlanô) theo lệnh của Đức Giáo hoàng Grêgôriô (x. 1 Cel, *Lời tựa*).

1230 (25/5): Hải cốt thánh Phanxicô được đưa về hầm mộ tại vương cung thánh đường Assisi mới được xây cất để tôn kính ngài.

PHẦN I

KINH NGUYỄN

KINH ĐỌC TRƯỚC THÁNH GIÁ¹⁰

Hầu hết các bản sao đều nói rằng, thánh Phanxicô đã đọc kinh này khi người cầu nguyện trước tượng Thánh giá trong ngôi Nhà thờ thánh Damianô và rồi đã nhận sứ mạng từ Đấng chịu đóng đinh: "Phanxicô, con hãy đi sửa lại Nhà Ta. Con thấy đó, nó đã bị đổ nát!"

Các bản sao cho thấy rõ ràng là lúc đầu kinh này được đọc bằng thứ tiếng bình dân. Nhất là tại nước Ý, nó được truyền đạt qua các thế hệ dưới dạng được thích ứng theo thổ âm từng miền và từng thời. Nhưng tại đâu đó, nó đã được dịch sang La ngữ "để mọi người hiểu được mà thu lượm nhiều lợi ích hơn". Kinh này là một chứng từ rõ ràng nhất về đời sống nội tâm của thánh Phanxicô lúc người mới được ơn trở lại.

Sau đó, bản văn đơn sơ và mộc mạc của kinh này đã được ai đó sửa chữa và trau chuốt. Vì thế trong các ấn bản truy nguyên trước kia, nó đã bị xem là một di cảo giả mạo hoặc đáng nghi ngờ, do hình thức quá kiểu cách của nó. Sau khi đã làm sáng tỏ được hình thức cổ xưa của bản văn, cha K. Esser và hiện thời cha C. Paolazzi đều nhìn nhận lời kinh này đích thực là của thánh Phanxicô đã được thánh nhân sáng tác bằng tiếng Ý bình dân thời xưa.

Trước kia chúng tôi dịch theo bản văn La ngữ, nhưng nay thì dịch theo bản tiếng Ý do cha C. Paolazzi cung cấp.

¹⁰ Đầu đề bằng tiếng Ý: *Preghiera davanti al Crocifisso*, x. *SCRIPTA*, tr. 34.

BẢN VĂN

Lạy Thiên Chúa tối cao và vinh hiển,
xin chiếu sáng cảnh tối tăm lòng con,
và ban cho con đức tin ngay thẳng,
đức cậy vững vàng
và đức mến hoàn hảo, cảm thức và hiểu biết¹¹,
để con thi hành huấn lệnh thánh thiện
và chân thật của Chúa. Amen.

¹¹ *Senno e cognoscimento*: “*Senno*” (*sensus*) là sự hiểu biết bằng các giác quan (ở đây là các giác quan thiêng liêng); “*cognoscimento*” (*cognitio*) là sự hiểu biết bằng lý trí.

LỜI MỜI GỌI CA NGỌI THIÊN CHÚA¹²

Marianô Florentinô (+1523) và người sao chép bản N7 (bản vẫn được giữ tại Napôli, thế kỷ XV) đều nhất trí quả quyết rằng, vào thời các tác giả ấy, những lời ngợi khen này được cất giữ tại tu viện Eremita (Terni) và được xem như một thủ bút của thánh Phanxicô. Hình thức bản văn mà hai tác giả ấy để lại giống nhau hầu như hoàn toàn. Vì thế người ta có thể xếp bản văn này vào số những di cảo xác thực của thánh Phanxicô. Với thời gian, bản thủ bút cũng đã hư hoại, cũng như tu viện cổ kính kia của Dòng Anh Em Hèn Mọn, nơi mà di tích được cất giữ. Nhưng nhờ các bản sao, nhất là của Luca Wadding, người ta có thể thiết lập lại bản văn.

Dựa theo những chỉ dẫn của L. Wadding, cha K. Esser đã nêu ra một giả thuyết rất thỏa đáng là kinh này đã được sáng tác nhân dịp nhà nguyện hoặc bàn thờ của ẩn viện Cesi (tại Terni) được làm phép. Giả thuyết này giải thích được lý do hiện hữu của nhiều câu. Hai câu 8 và 12 gọi lên dịp lễ biện minh cho lời mời gọi ca ngợi Thiên Chúa. Phần đầu của câu 8 (“Đây là ngày...”) giới thiệu chính dịp lễ, còn trong phần thứ hai (“Alleluia...Vua Ítraen”) gọi lại việc Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem trước ngày chịu khổ nạn và đồng thời việc Người đến trong ngôi nhà nguyện mới này qua Bí tích Thánh Thể. Câu 12 (“Hỡi anh em những người đang đọc kinh này...”) gợi ý là nhiều người đang đọc chung bản văn và đồng thời bổ túc cho chứng từ của anh Marianô: anh này nói là đã thấy tại ẩn viện Cesi một tấm bảng trên đó thánh Phanxicô đã xin người ta

¹² Đầu đề bằng La ngữ: *Exhortatio ad laudem Dei*, x. SCRIPTA, tr. 38.

vẽ hình các thiên thần, các trẻ em, chim chóc, cây cối... với những câu kinh mời gọi các thụ tạo ca ngợi Đấng Hóa công. Có thể là tấm bản này đã được để trước bàn thờ để những người dự lễ cùng đọc. Các câu 4 (nhắc đến Đức Maria) và 19 (nhắc đến Tổng lãnh Thiên thần Micaen) mới nhìn qua thì không hợp với lời mời gọi ca ngợi Thiên Chúa ở đây, nhưng lại gợi ý là ngôi nhà nguyện này cũng được dâng kính Đức Bà các Thiên thần như nhà nguyện ở Assisi (Kinh Kính chào Đức Trinh nữ Maria cũng nhắc tới Tổng lãnh Thiên thần Micaen). Sau hết câu 17 ("Con chiên đã bị giết...") nhắc tới của lễ của Chúa Kitô được cử hành trong thánh lễ tại nhà nguyện ngày hôm ấy¹³.

Hiện thời người ta không thể xác định được thời gian sáng tác. Tuy nhiên, người ta có thể xem đó là chứng từ lâu đời nhất về cách thức thánh Phanxicô cầu nguyện hoặc ngợi khen Thiên Chúa bằng những câu Thánh vịnh hay những câu kinh lấy từ phụng vụ. Chúng ta cần lưu ý thêm là thánh Phanxicô đã dùng sách Thánh vịnh quen gọi là sách Thánh vịnh Rôma. Những câu rút từ sách ấy được đánh dấu bằng chữ R.

¹³ x. Jacques Dalarun, dir., *Francois d'Assise. Ecrits, Vies, Témoignages*, Tome I, Editions Franciscaines, Paris 2010, tr. 109-110.

BẢN VĂN

- ¹ *Hãy kính sợ Đức Chúa và tôn vinh Người (Kh 14,7).*
- ² *Đức Chúa thật xứng đáng lãnh nhận
lời ngợi khen và danh dự (x. Kh 4,11).*
- ³ *Hỡi tất cả anh em là những người kính sợ Đức Chúa,
Hãy ca ngợi Người đi (x. Tv 21,24).*
- ⁴ *Kính mừng Maria đầy ơn phúc,
Đức Chúa Trời ở cùng Bà (x. Lc 1,28).*
- ⁵ *Hãy ca ngợi Thiên Chúa,
hỡi trời cao đất thấp (x. Tv 68,35: R)*
- ⁶ *Hãy ca ngợi Đức Chúa,
hỡi mọi giòng sông (x. Đn 3,78).*
- ⁷ *Hãy chúc tụng Đức Chúa, hỡi con cái Chúa Trời (x. Đn 3,82).*
- ⁸ *Đây là ngày Chúa đã dựng nên,
Nào ta hãy vui mừng hoan hỷ (x. Tv 117, 24: Rom)*
- ⁹ *Alleluia, Alleluia, Alleluia!
Vạn tuế Vua Ítraen! (x. Ga 12,13)*
- ¹⁰ *Hỡi mọi loài sinh vật, hãy ca ngợi Đức Chúa (x. Tv 150,6).*
- ¹¹ *Hãy ca ngợi Đức Chúa, vì Người tốt lành (x. Tv 146,1).*
- ¹² *Hỡi tất cả anh em, những người đang đọc kinh này,
Hãy chúc tụng Đức Chúa (Tv 102,21: R).*
- ¹³ *Hỡi muôn loài thụ tạo,
hãy chúc tụng Đức Chúa (x. Tv 102,22).*

- ¹⁴ *Hỡi mọi giống chim trời,
hãy ca ngợi Đức Chúa* (x. *Đn 3,80; Tv 148,7-10*).
- ¹⁵ *Hỡi mọi thiếu nhi,
hãy ca ngợi Đức Chúa* (x. *Tv 112,1*).
- ¹⁶ *Hỡi các thanh niên nam nữ,
hãy ca ngợi Đức Chúa* (x. *Tv 148,12*).
- ¹⁷ *Con chiêm đã bị giết thật xứng đáng lãnh nhận
lời ngợi khen, vinh quang và danh dự* (x. *Kh 5,12*).
- ¹⁸ *Nào ta cùng chúc tụng Ba Ngôi thánh thiện
và Mỗi Hợp nhất bất phân chia*¹⁴.
- ¹⁹ *Lạy thánh Tổng lãnh Thiên sứ Micaen,
Xin bảo vệ chúng con trong cuộc giao tranh.*

¹⁴ *Indivisa Unitas*: Trong lời kinh kết thúc *Thư gửi Toàn Dòng*, ta gặp kiểu nói “Mỗi Hợp nhất đơn thuần”, một kiểu nói đồng nghĩa, vì “sự đơn thuần” loại bỏ mọi cản trở cho sự Hợp nhất trong bản tính, trong tình yêu và trong chân lý, làm cho Ba Ngôi không thể phân chia được.

KINH KÍNH CHÀO ĐỨC TRINH NỮ MARIA¹⁵

Trong truyền thống các bản sao, kinh này nhiều khi được chép tiếp liền với kinh "Kính chào các Nhân đức". Một vài nhà truy nguyên hiện đại nghĩ rằng lúc đầu cả hai kinh này cũng chỉ là một kinh. Họ dựa vào sự kiện vừa nêu ở trên và câu cuối cùng trong kinh Kính chào Đức Trinh nữ Maria. Đáng khác, một vài bản sao kinh "Kính chào các Nhân đức" mang đầu đề: "Các Nhân đức mà Đức Trinh nữ Maria đã được trang điểm và mỗi linh hồn thánh thiện phải có". Tuy nhiên, trong đa số các bản sao thì hai kinh này lại được tách ra, nghĩa là mỗi kinh có đầu đề riêng. Vì thế phần lớn các học giả vẫn nghĩ rằng đây là hai bản văn độc lập. Các chứng lý nội tại yểm trợ cho quan điểm này, vì các câu văn của hai lời kinh rất khác biệt nhau.

Thánh Phanxicô đã sáng tác kinh này có lẽ khi người đã trưởng thành trong đức tin. Đầu đề và những câu đầu tiên rõ ràng quy chiếu về lời chào của Thiên sứ Gáprien như được ghi chép trong Tin Mừng của Luca (x. Lc 1,26-38).

Qua kinh này người ta thấy được vị trí trung tâm của mẫu nhiệm Nhập thể trong lịch sử cứu độ mà thánh Phanxicô hằng suy niệm và đã tóm tắt trong chương XXIII của Bản luật không sắc chỉ (Lksc XXIII,3). Vì Đấng Trung gian cứu độ đã sinh ra từ lòng Đức Trinh nữ Maria, nên thánh nhân có một lòng yêu mến đặc biệt đối "Thân Mẫu của Thiên Chúa", như Tôma Cêlanô đã xác nhận:

¹⁵ Đầu đề bằng La ngữ: *Salutatio beatæ Mariæ Virginis*, x. *SCRIPTA*, tr. 42.

“Ngài kính mến Mẹ Đức Giêsu với tấm lòng tha thiết khôn tả, vì nhờ Đức Mẹ vị Chúa Tể Uy quyền đã trở thành một người anh em của chúng ta. Hướng về Đức Mẹ, thánh nhân soạn những kinh Ngợi khen riêng, tuôn trào những lời khẩn cầu, dâng tâm tình mộ mến, nhiều và sâu đậm đến mức không một miệng lưỡi phàm nhân nào có thể diễn tả hết” (2 Cel 198).

BẢN VĂN

- ¹ Kính chào Bà, Nữ hoàng thánh thiện,
Thánh Maria Thân Mẫu của Thiên Chúa,
Bà là Nữ Trinh đã được dựng nên¹⁶ thành *ngôi thánh đường*¹⁷,

¹⁶ *Facta*. Động từ *facere*” được dùng rất nhiều lần trong Kinh Thánh để nói về việc Thiên Chúa đã *dựng nên* trời đất và muôn loài (St 1,26; 2,4; 7,4; 9,6; Tv 121,2; 124,9.v.v.) Như vậy có thể nói trong kinh này Đức Maria đã được thánh Phanxicô chiêm ngắm như *một công trình sáng tạo mới* của Thiên Chúa. Xin lưu ý thêm: sau khi đã “làm” nên Adam (St 1,28), Thiên Chúa quyết định “làm” cho ông một trợ tá (St 2,18); rồi từ cái xương sườn của Adam Thiên Chúa đã “xây” (*aedificavit*, St 2,22) thành một người đàn bà! Có lẽ vì đã quen với công việc xây cất (Phanxicô đã tu bổ 3 thánh đường, x. 1 Cel 18,21), cho nên trong năm biểu tượng ám chỉ Đức Maria, thì bốn biểu tượng thuộc công trình xây cất: *thánh đường, cung điện, nhà tạm, ngôi nhà* (trừ biểu tượng *y phục*).

¹⁷ *Ecclesia* có hai nghĩa: *thánh đường* hoặc *Giáo Hội* (được viết hoa trong các ngôn ngữ hiện đại). Cha C. Paolazzi đã hiểu theo nghĩa là *Giáo Hội*, nên đã in bằng chữ hoa “*Ecclesia*”. Tuy nhiên, trong kinh này, Đức Maria được chiêm ngắm chủ yếu theo chức năng Mẹ của Thiên Chúa; vì thế Mẹ được so sánh với “*cung điện, nhà tạm, ngôi nhà, y phục*” của Chúa

² được Chúa Cha chí thánh trên trời tuyển chọn.

Bà đã được Chúa Cha
cùng với Chúa Con chí thánh đầu yêu
và Chúa Thánh Thần, Đấng Bảo trợ, thánh hiến.

Giêsu (các câu 3-5): các hình ảnh cụ thể này đều diễn tả việc Con Thiên Chúa nhập thể *trong* lòng Mẹ. Theo thiển ý chúng tôi, từ "*ecclesia*" phải được hiểu trong ngữ cảnh đó: hình ảnh "ngôi thánh đường" diễn ý việc Đức Maria cư mang Con Thiên Chúa *trong* lòng mình cách cụ thể và rõ ràng hơn là Giáo Hội (= cộng đoàn các tín hữu), nhất là những ngôi thánh đường có cất giữ Minh Thánh Chúa. Bản Di chúc cho thấy thánh Phanxicô thường nghĩ tới sự hiện diện của Chúa Kitô "trong hết mọi nhà thờ trên thế giới" (x. DC 5). Lưu ý là ngay trong câu đầu tiên, từ "*ecclesia*" tiếp nối từ "*Dei Genitrix*" (Thân Mẫu Thiên Chúa). Vì thế từ "*ecclesia*", nếu hiểu theo nghĩa "thánh đường" sẽ phù hợp hơn với mạch ý tổng quát đó. Nếu ta hiểu Đức Maria là Giáo Hội (cộng đoàn các tín hữu), thì ý tưởng này sẽ cắt đứt dòng tư tưởng đã được bắt đầu ngay ở câu đầu (Thân Mẫu Thiên Chúa), rồi được khai triển ở các câu 3-5: câu 5 cũng sẽ được kết thúc bằng tước hiệu Đức Maria là "Thân Mẫu của Thiên Chúa". Vào thế kỷ XII, trong một bài giảng dịp lễ Truyền Tin, nhà thần học danh tiếng Pierre Lombard cũng đã nói: "Thực vậy Đức Maria đã được tạo dựng làm ngôi thánh đường" ("En effet, la Vierge Marie fut faite église", x. *In festo Annuntiationis b. Mariae*, in PL, vol. 171, col. 609AB, được trích trong J. Dalarun, édit., *Francois d'Assise*. Édition du VIII^e centenaire, Paris 2010, tome 1, tr. 165). Câu kinh của thánh Phanxicô giống từng chữ với câu nói trong bài giảng của Pierre Lombard. Rất có thể thánh Phanxicô đã nghe được ý tưởng ấy do các giáo sĩ chuyển đạt trong những bài giảng lễ. Cha K. Esser cho in bằng chữ nhỏ "*ecclesia*" (= thánh đường); bản dịch Pháp ngữ cũng làm như thế, khi dịch: "*Vierge faite église*" (x. J. Dalarun, dir., "*Francois d'Assise. Ecrits, Vies, Témoignages*", Quyển I, tr. 167).

- ³ Bà đã được và đang được tràn đầy mọi ơn phúc và mọi điều thiện hảo.
- ⁴ Kính chào Bà, cung điện của Chúa.
Kính chào Bà, nhà tạm¹⁸ của Chúa.
Kính chào Bà, ngôi nhà của Chúa.
- ⁵ Kính chào Bà, y phục của Chúa.
Kính chào Bà, nữ tì của Chúa.
Kính chào Bà, Thân Mẫu của Chúa¹⁹.
- ⁶ Và kính chào toàn thể các nhân đức thánh thiện²⁰:
Nhờ Chúa Thánh Thần thi ân và soi sáng,

¹⁸ *Tabernaculum*: Nhà Tạm là thánh điện di động, được làm bằng gỗ và vải, trong thời dân Do Thái còn hành trình trong sa mạc (x. Xh 26,1).

¹⁹ Tước hiệu *Thân Mẫu của Thiên Chúa* đã được nêu ra ở câu 1: tước hiệu này được nhắc tới hai lần tạo ra bút pháp được gọi trong văn chương là “gọng kềm” (*enclave*; tương tự như “thủ vĩ ngâm” trong thơ văn Việt Nam): nó đặt ranh giới cho một đơn vị văn chương có cùng một chủ đề.

²⁰ *Omnes sanctae virtutes*: “*Virtutes*” thường được dịch là các nhân đức, nhưng cũng có thể hiểu là các *Dũng Thần*, một bậc thiên thần được nhắc tới nhiều lần trong quyển Tác Phẩm (x. *Lksc* 23,6; *DC* 40; *Điệp ca* trong Bộ Kinh kính các mầu nhiệm Chúa). Nếu hiểu như vậy, thì sau khi kính chào Đức Mẹ, Phanxicô kính chào các thiên thần vây quanh Ngài. Theo truyền thống Kitô giáo, ma quỷ xúi dục người ta làm điều dữ; thánh Phanxicô dựa trên Phúc âm để khẳng định là Satan cố dập tắt Lời Chúa khỏi cõi lòng người ta để tới cư ngụ ở đó (*Lksc* 22,19-20). Còn các thiên thần khích lệ người ta thực hành các nhân đức. Vì thế có sự đồng hóa giữa các thiên thần và các nhân đức. Tác động của các thiên thần thực ra phát xuất từ “ân sủng và sự soi sáng của Chúa Thánh Thần”. Vì thế lòng tôn sùng

quí vị được đổ xuống trong tâm hồn các tín hữu,
để biến đổi những con người bất tín
trở nên trung tín cùng Thiên Chúa.

các thiên thần là một cách diễn tả cụ thể lòng tôn sùng đối với tác động của Chúa Thánh Thần. Thánh Phanxicô yêu mến đặc biệt ngôi đền thờ kính *Đức Mẹ các thiên thần* ở Poxiuncula. Theo kinh nghiệm của ngài, nơi đó “được nhiều thiên thần trên trời viếng thăm” (1 Cel 105).

KINH KÍNH CHÀO CÁC NHÂN ĐỨC²¹

Thánh Phanxicô chắc chắn là tác giả của lời ngợi khen này, vì trong quyển *Truyện ký* thứ hai, Tôma Cêlanô có viết: "Bởi thế Kinh ngợi khen các nhân đức mà người đã đặt ra, bắt đầu như sau: "Kính chào Nữ hoàng Khôn Ngoan" (x. 2 Cel 189).

Bài ca này được sáng tác lúc nào, thì các chứng tá ngoại tại không nói tới. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu hiện đại đặt bản văn này trong bối cảnh cuộc khủng hoảng nảy sinh từ sự biến chuyển của huynh đệ đoàn tiên khởi, sự phát triển của Dòng Anh Em Hèn Mọn và từ nỗi đau buồn mà Phanxicô trải qua sau khi từ Trung Đông trở về vào đầu thập niên 1220, có lẽ là sau Bản luật có sắc chỉ (1223). Một cách cụ thể, bối cảnh đó là sự xung đột giữa Phanxicô và những anh em có học vẫn muốn Dòng đi theo con đường các dòng khác đã đi. Phanxicô có cảm tưởng là các nhân đức của Tin Mừng đã bị đe dọa không chỉ trong xã hội, trong Hội Thánh, mà cả trong huynh đệ đoàn của người. Vì thế người sáng tác áng văn này để cảnh cáo và đồng thời khích lệ anh em mình phải tuân phục Thần Khí Chúa và tuân phục nhau.

Bài ca có thể được chia làm 4 phần: kính chào các nhân đức và xin Thiên Chúa cứu vớt các nhân đức (câu 1-4); điều kiện để có được các nhân đức (câu 5-8); tác động của các nhân đức trong cuộc sống (câu 9-14), và người tu sĩ tuân phục (câu 15-18)

²¹ Đầu đề bằng La ngữ: *Salutatio Virtutum*, x. *SCRIPTA*, tr. 46.

BẢN VĂN

- ¹ Kính chào Nữ hoàng Khôn Ngoan,
xin Chúa cứu độ Bà
cùng với em Bà là Thánh đức Đơn Sơ tinh tuyền²².
- ² Kính chào Thánh đức Nghèo Khó,
xin Chúa cứu độ Bà
cùng với em Bà là Thánh đức Khiêm Nhường²³.
- ³ Kính chào Thánh đức Bác Ái,
xin Chúa cứu độ Bà,
cùng với em Bà là Thánh đức Vâng Phục²⁴.
- ⁴ Kính chào toàn thể các Nhân đức rất thánh,
xin Chúa cứu độ quý Bà,
quý Bà từ Chúa mà đến và phát xuất từ Người.

²² Phát xuất từ Con Thiên Chúa là “sự khôn ngoan chân thật của Chúa Cha” (*TTh* II, 67) “nữ hoàng khôn ngoan” là chị em với Thánh đức đơn sơ, vì đức đơn sơ diễn tả sự khôn ngoan bằng việc làm một cách tinh tuyền, nghĩa là loại bỏ sự tách biệt giữa tư tưởng và lời nói, giữa lời nói và việc làm như ta đọc thấy nơi các đoạn song song (x. *Lksc* XVII,9-14; *Hn* 7).

²³ Nghèo khó bên ngoài phải đi đôi với nghèo khó nội tâm, nghèo khó trong tinh thần, tức là sự khiêm nhường, nhờ đó người tu sĩ “ghét bỏ mình và yêu mến kẻ và mặt mình” (*Hn* 14,4).

²⁴ Vâng nghe và tuân giữ các giới răn là dấu chứng đích thực của tình yêu, như Chúa đã nói: “Ai có và giữ các giới răn của Thầy, người ấy mới là kẻ yêu mến Thầy” (*Ga* 14,21).

- 5 Tuyệt đối không ai trên toàn cõi trần gian có được một Nhân đức trong quý Bà mà tiên vàn không phải chết đi²⁵.
- 6 Ai có được một Nhân đức mà không xúc phạm đến các Nhân đức khác là có tất cả.
- 7 Ai xúc phạm đến một Nhân đức, thì không được Nhân đức nào cả, lại còn xúc phạm đến tất cả các Nhân đức (x. Gc 2,10).
- 8 Mỗi Nhân đức đều đánh bại các nét xấu và tội lỗi.
- 9 Thánh đức Khôn Ngoan đánh bại Satan và mọi mưu chước của nó²⁶.
- 10 Thánh đức Đơn Sơ tinh tuyền đánh bại mọi kiểu khôn ngoan thế gian này (x. 1 Cr 2,6) và mọi kiểu khôn ngoan xác thịt.
- 11 Thánh đức Nghèo Khó đánh bại lòng tham lam, keo kiệt và những bận tâm về đời này.

²⁵ Câu này quy chiếu về một ý tưởng cơ bản của thánh Phaolô, đó là phải chết đi cho tội lỗi để bước vào đời sống mới: “Anh em hãy coi mình như đã chết đối với tội lỗi, nhưng nay lại sống cho Thiên Chúa, trong Đức Kitô” (Rm 6,11).

²⁶ Bị cám dỗ trong sa mạc, Đức Giêsu đã đánh bại Satan bằng sự khôn ngoan thần linh được diễn tả qua các câu Kinh Thánh mà Người vận dụng để đáp trả với đối thủ.

- ¹² Thánh đức Khiêm Nhường đánh bại sự kiêu căng và mọi người trên trần gian cũng như mọi sự trên trần gian.
- ¹³ Thánh đức Bác Ái đánh bại mọi chước cám dỗ của ma quỷ và xác thịt, cùng mọi nỗi sợ hãi của xác thịt (x. 1 Ga 4,18).
- ¹⁴ Thánh đức Vâng Phục đánh bại các ý riêng²⁷ của thân thể và xác thịt,
- ¹⁵ cùng khống chế thân xác để bắt nó vâng phục Thánh Khí²⁸ và vâng phục anh em mình²⁹;

²⁷ Riêng (*proprias*): không có trong bản Esser, *Opuscula*.

²⁸ *Spiritus*. Một số học giả hiểu *spiritus* ở đây là thần khí của con người (vì thể in kiểu chữ nhỏ; *spirito*, *esprit*). Bản dịch Anh văn của nhóm dịch giả Hoa Kỳ hiểu là Thánh Khí (vì thể in chữ hoa *Spirit*: x. *Francis of Assisi: Early Documents*. Vol. I: *The Saint*, N.Y. 1999, tr. 165). Chúng tôi cũng theo cách dịch này, nhất là khi thấy thánh Phaolô nêu lên một cách chi tiết hai lối sống: lối sống theo xác thịt và lối sống theo Thánh Khí, và mời gọi các tín hữu “hãy sống theo Thánh Khí, và như vậy anh em sẽ không còn thỏa mãn đam mê của tính xác thịt nữa” (x. Gl 5,16-25).

²⁹ Theo cha Th. Desbonnets, câu này quy chiếu một cách kín đáo tới tư tưởng của thánh Gioan: “Chính vì người anh em, mà tôi thấy, là hình ảnh của Thiên Chúa, mà tôi không thấy, cho nên vâng phục anh em là một cách lắng nghe Lời Chúa”, x. Th. Desbonnets, *De l'Intuition à l'Institution*, E.F., Paris 1983, tr. 62.

- ¹⁶ lại làm cho người ấy *tùng phục và đứng dưới*³⁰
mọi người trên đời,
¹⁷ và không những loài người, mà cả súc vật và dã thú,
¹⁸ để chúng có thể làm gì chúng muốn (x. Mt 17,12),
theo như Chúa từ trên cao ban phép (x. Ga 19,11)³¹.

³⁰ Kiểu nói quen thuộc của thánh Phanxicô diễn tả tính hèn mọn: *minores et subditi* (Lksc 7,2), *idiotae et subditi* (DC 19), *servi et subditi* (TTh II, 47), và ở đây *subditus et suppositus*: người tu sĩ hèn mọn chẳng những tuân phục mọi người (*subditus*), mà còn tìm vị trí thấp hèn trong trật tự xã hội, trong việc chọn lựa nghề nghiệp (*sup-positus*= được đặt ở dưới; x. thêm 1 Cel 38).

³¹ Mầu gương vâng phục là chính Chúa Giêsu, Đấng đã trả lời với Philatô: “Ngài không có quyền gì đối với tôi nếu Trời (dịch sát: ‘Đấng ở trên cao’) chẳng ban cho ngài” (Ga 19,11).

SUY NIỆM KINH LẠY CHA³²

Kinh này trước kia mang đầu đề là “*Kinh Lạy Cha quảng diễn*” (*Expositio in Pater noster*), nhưng như Cha Carlo Paolazzi lưu ý, đầu đề này không thích hợp: đây không phải là một bài quảng diễn (*expositio*) mang tính cách trình bày, nhưng chủ yếu là một lời kinh (*oratio*) trong đó thánh Phanxicô suy niệm lâu dài lời kinh Chúa dạy (Mt 6,9-13), chiêm ngắm những ân huệ của Thiên Chúa, nhớ lại hai giới răn tình yêu của Tin Mừng và chờ đợi những thực tại tương lai.

Đây là một công trình góp nhặt của thánh Phanxicô hơn là một công trình sáng tác, vì thánh nhân đã thu thập nhiều câu văn và thêm vào đó một số lời lẽ của riêng mình. Thánh nhân ưa thích kinh này và thường đọc chung với anh em. Họ đã học được kinh này từ thánh nhân rồi truyền lại cho những người tới sau. Vì thế, trong một bản sao (bản Isidoro 3), người ta gán nó cho chân phước Êgidiô. Thực ra, anh Êgidiô tiếp nhận kinh này từ cha thánh Phanxicô, rồi truyền đạt cho những anh em đến sau mình. Do đó, kinh này là một chứng tá rõ ràng về cách thức cầu nguyện của thể hệ phan sinh tiên khởi.

³² Đầu đề bằng La ngữ: *Oratio super Pater noster*, x. *SRIPTA*, tr. 56.

BẢN VĂN

¹ *Lạy Cha chí thánh chúng con:*

Cha là Đấng Tạo hóa, Đấng Cứu chuộc, Đấng An ủi và là Đấng Cứu độ chúng con.

² *Cha ngự trên trời:*

giữa các thiên thần và các thánh. Cha soi sáng để các ngài hiểu biết, vì lạy Cha, chính Cha là ánh sáng; Cha nung nấu để các ngài yêu mến, vì chính Cha là tình yêu; Cha ngự trong các Ngài và đổ tràn chan chứa để các ngài được hạnh phúc, vì Cha là sự thiện cao cả, sự thiện vĩnh cửu, làm phát sinh mọi sự thiện, không có Cha thì không có sự thiện nào cả.

³ *Chúng con nguyện Danh Cha cả sáng:*

Xin cho chúng con được hiểu biết Cha rõ ràng, để chúng con nhận ra *chiều rộng* (Ep 3,18) các hồng ân Cha ban, *chiều dài* các lời Cha hứa, *chiều cao* uy quyền của Cha và *chiều sâu* các phán quyết của Cha.

⁴ *Nước Cha trị đến:*

Xin Cha ngự trị trong lòng chúng con bằng ân sủng và đưa chúng con tới Nước Cha, nơi chúng con được thấy Cha rõ ràng, yêu mến Cha hoàn hảo, sống với Cha hạnh phúc, vui hưởng Cha muôn đời.

⁵ *Ý Cha được thực hiện dưới đất cũng như trên trời:*

Xin cho chúng con được yêu mến Cha

hết lòng, là luôn luôn nghĩ đến Cha (x. Lc 10,27);

hết linh hồn, là luôn luôn khao khát Cha,

hết trí khôn, là quy hướng mọi ý định về Cha và tìm kiếm vinh quang Cha trong mọi sự;

hết sức lực, là hiến dâng tất cả nghị lực và cảm xúc của linh hồn và thể xác, làm của lễ ca ngợi³³ tình yêu Cha, chứ không vì sự gì khác. Xin giúp chúng con yêu mến tha nhân như chính mình, là hết sức lôi kéo họ về với tình yêu của Cha, vui mừng về những điều thiện hảo của kẻ khác cũng như của chính chúng con, thông cảm với họ trong các nỗi gian truân và *không xúc phạm đến một ai* (x. 2 Cr 6,3).

⁶ Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày:

Xin ban cho chúng con hôm nay Đức Giêsu Kitô, Con Cha yêu dấu và là Chúa chúng con, để tưởng nhớ, thấu hiểu và tôn kính tình yêu của Người đối với chúng con, cũng như mọi lời Người nói, mọi việc Người làm và mọi nỗi đau khổ Người đã chịu vì chúng con.

⁷ Và tha nợ chúng con:

vì lòng từ bi khôn tả của Cha, vì hiệu lực cuộc khổ nạn của Con Cha yêu dấu, Chúa chúng con, và vì công nghiệp

³³ *In obsequium tui amoris*: cha Carlo Paolazzi dịch sang tiếng Ý là “*in offerta di lode al tuo amore*”. Theo tác giả kiểu nói này có thể gợi lại ý tưởng của thánh Phaolô trong Rm 12,1: “Anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ... Đó là của lễ xứng hợp (*rationabile obsequium*)”.

cùng lời chuyển cầu của Đức Trinh nữ diễm phúc Maria và của mọi người được Cha tuyển chọn.

⁸ Như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con:

khi chúng con không tha thứ trọn vẹn được, thì lạy Cha, xin giúp chúng con tha thứ cho trọn vẹn, để chúng con có thể vì Cha mà thực lòng yêu mến các địch thù và sốt sắng cầu bầu cùng Cha cho họ, không hề lấy ác báo ác cho ai (x. Rm 12,17), nhưng trong mọi sự, cố gắng vì Cha mà trợ giúp họ.

⁹ Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ:

chước cám dỗ thầm kín hay hiển hiện, thành linh hay dai dẳng.

¹⁰ Nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ:

đã qua, hiện thời và sẽ tới.

*¹¹ Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con
cùng vinh danh Thánh Thần Thiên Chúa,
Tự muôn đời và chính hiện nay,
luôn mãi đến thiên thu vạn đại. Amen.*

KINH SUY TÔN ĐỌC VÀO MỌI GIỜ KINH³⁴

Bản văn gồm những câu Kinh Thánh, đặc biệt lấy từ sách Khải huyền của thánh Gioan, và những câu trích từ phụng vụ của Giáo Hội. Cho dầu không có những lời lẽ độc đáo, nhưng nội dung và việc chọn lựa từ ngữ cho thấy chính thánh Phanxicô là tác giả.

Những lời lẽ riêng của thánh Phanxicô được in nghiêng.

Trong truyền thống các bản sao thì trước bản văn có lời giới thiệu như

[Khởi đầu những lời kinh ngợi khen mà cha thánh Phanxicô đã sắp xếp; người đã đọc vào mọi giờ kinh ban ngày và ban đêm và trước giờ Kinh kính Đức Trinh nữ Maria, và bắt đầu như thế này: “Lạy Cha chí thánh chúng con ở trên trời” cùng với “Vinh danh Chúa Cha”. Sau đó người đọc những lời ca tụng này:]

BẢN VĂN

- ¹ Thánh, Thánh, Thánh, Đức Chúa,
Thiên Chúa toàn năng,
Đáng *hiện có*, đã có và sẽ đến (x. Kh 4,8):
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời
(x. Đn 3,57b)

³⁴ Đầu đề bằng La ngữ: *Laudes ad omnes horas dicendae*, x. SRIPTA, tr. 62.

- ² Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con,
Ngài xứng đáng lãnh nhận *lời ngợi khen*,
vinh quang và danh dự cùng lời chúc tụng
(x. *Kh* 4,11):
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ³ Con chiên đã bị giết thật xứng đáng lãnh nhận
quyền lực và thần tính, khôn ngoan và sức mạnh,
danh dự với vinh quang cùng lời chúc tụng (*Kh* 5,12):
Chúng ta hãy ca tụng
và suy tôn Người đến muôn đời.
- ⁴ Chúng ta hãy chúc tụng Chúa Cha,
Chúa Con và Chúa Thánh Thần,
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ⁵ Chúc tụng Chúa đi, hỡi mọi công trình của Chúa
(*Đn* 3,57):
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ⁶ Nào ca ngợi Thiên Chúa chúng ta,
hỡi tất cả tôi trung của Chúa,
kẻ thấp hèn và người cao trọng
hàng kính sợ *Thiên Chúa* (x. *Kh* 19,5):
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ⁷ Hãy ca ngợi Thiên Chúa *quang vinh*,
hỡi trời cao đất thấp (x. *Tv* 68,35):
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.

- ⁸ *Hỡi mọi loài thụ tạo* trên trời, dưới đất và trong lòng đất, ngoài biển và trong lòng biển (x. *Kh* 5,13):
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ⁹ Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con,
cùng vinh danh Thánh Thần Thiên Chúa:
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ¹⁰ Tự muôn đời và chính hiện nay,
luôn mãi đến thiên thu vạn đại. Amen:
Chúng ta hãy ca tụng và suy tôn Người đến muôn đời.
- ¹¹ **Lời nguyện:**

Lạy Thiên Chúa toàn năng, chí thánh, chí tôn và cao cả³⁵;
Chúa là tất cả sự thiện, sự thiện cao cả, sự thiện toàn diện;
chỉ một mình Chúa là tốt lành (x. *Lc* 18,19).

Chúng con xin dâng về Chúa mọi lời ca tụng, mọi vinh quang, mọi lời cảm tạ, mọi vinh dự, mọi lời chúc tụng và mọi điều thiện hảo.

Fiat. Fiat³⁶. Amen.

³⁵ Bốn tước phẩm này của Thiên Chúa được nhắc lại để mở đầu cho lời kinh long trọng kết thúc Bản luật không sắc chỉ (*Lksc* 23,1).

³⁶ *Fiat*: Nguyện được như vậy.

KINH KÍNH CÁC MẪU NHIỆM CHÚA GIÊSU³⁷

Bộ Kinh này cũng như Kinh Suy tôn được hình thành từ những lời của Kinh Thánh, nhất là từ những câu Thánh vịnh được trích ra và được sắp đặt một cách rất tự do. Ta nói là “được trích”, nhưng thực ra thánh Phanxicô không “trích” Lời Chúa, nhưng người cầu nguyện với Lời Chúa. Đây là một loại Thần tụng riêng tư mà trong thời Trung cổ người ta thường thêm vào các giờ kinh chính thức. Vì thế nó cho chúng ta thấy một cách rõ ràng nhất lời kinh và cách thức cầu nguyện của vị thánh Sốt Mến.

Thánh Phanxicô thường lấy các câu Thánh vịnh theo quyển Thánh vịnh Rôma (*psalterium Romanum*). Vào thời ấy, quyển Thánh vịnh này được dùng trong phụng vụ tại Rôma và các vùng lân cận. Về sau, những người sao chép đã thích ứng bản văn bộ kinh của thánh Phanxicô theo quyển Thánh vịnh phổ biến tại nước Pháp (*psalterium Gallicanum*) được dùng rộng rãi hơn trong Hội Thánh ở Tây phương và được ấn định cho anh em trong Dòng dùng (Lsc 3,1). Vì thế có sự khác biệt giữa các bản sao.

Có lẽ độc giả sẽ nhận ra một cách dễ dàng những chỗ đã đánh động tâm hồn thánh Phanxicô. Thật vậy nhiều câu Kinh Thánh đã được quảng giải và những lời được thêm vào làm nổi bật rõ ràng ý nghĩa mà người cầu nguyện muốn diễn tả. Những dị biệt và những lời thêm ấy sẽ được in nghiêng. Bởi vậy, chúng ta chẳng phải vất

³⁷ Đầu đề bằng La ngữ: *Officium Passionis Domini* (dịch sát: Kinh Thương Khó của Chúa), x. *SCRIPTA*, tr. 70.

và gì để biết được thánh Phanxicô cầu nguyện “với lòng sốt sắng trước mặt Thiên Chúa” (x. Thư gửi Toàn Dòng, 41) và chu toàn như thế nào các giờ kinh phụng vụ.

Phần độc đáo nhất của thánh nhân trong Bộ kinh này và là chứng tích đặc biệt biểu lộ thái độ của thánh Phanxicô đối với Đức Trinh nữ Maria là điệp ca “**Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria**”. Trong một vài bản sao, điệp ca này được chép tách biệt với bộ kinh.

Từ thế kỷ XVII, bắt đầu với bộ sưu tập của Luca Wadding (1623), bộ kinh này được gọi là “Kinh Thương Khó của Chúa” (*Officium Passionis Domini*), nhưng đầu đề này chỉ phù hợp với sáu Thánh vịnh đầu. Thực vậy, thánh Phanxicô không chỉ chiêm ngắm cuộc khổ nạn của Đức Kitô, nhưng là tất cả lịch sử cứu độ, trong đó tình yêu của Thiên Chúa được mặc khải cho chúng ta một cách rạn vỡ qua cuộc đời người Con yếu đuối của Người, cụ thể là từ lễ Giáng Sinh tới lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống. Vì thế chúng tôi lấy đầu đề là “Kinh Kính các mầu nhiệm của Chúa Giêsu” (KMN) dựa theo bản dịch Pháp ngữ mới đây³⁸.

Các chỉ dẫn về cách đọc chắc chắn không phải của thánh Phanxicô, nhưng là của những người sao chép về sau.

[LỜI HƯỚNG DẪN]

Khởi đầu những lời kinh mà cha thánh Phanxicô chúng ta đã sắp xếp để tôn kính, tưởng niệm và ca ngợi Cuộc Khó

³⁸ x. J.DALARUN, édit., *Francois d'Assise. Écrits, Vies, Témoignages*. Paris, 2010, tr. 125.

nạn của Chúa. Phải đọc bộ kinh này vào mỗi giờ kinh ban ngày và ban đêm. Bắt đầu bằng Kinh Tối ngày thứ Năm Tuần Thánh. Vì trong đêm ấy, Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta bị phản bội và bị bắt. Đây là cách thức thánh Phanxicô đọc bộ thần tụng này:

- Trước hết, người đọc lời kinh mà Chúa và cũng là Thầy chúng ta đã dạy: “Lạy Cha chí thánh chúng con”, với kinh suy tôn “Thánh, thánh, chí thánh”, như đã được chép ở trên.

- Sau “Kinh Suy tôn” với lời nguyện, người đọc điệp ca “Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria”.

- Bắt đầu người đọc các thánh vịnh kính Đức Mẹ; sau đó người đọc những Thánh vịnh khác tự ý người chọn; cuối cùng người mới đọc các kinh tôn kính Cuộc Khổ nạn.

- Cuối các kinh, người lại đọc điệp ca “Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria”.

- Xong điệp ca, thì giờ thần tụng kết thúc.

PHẦN I

DÀNH CHO TAM NHẬT VƯỢT QUA CỦA TUẦN
THÁNH VÀ CÁC NGÀY THƯỜNG QUANH NĂMKINH TỐI³⁹

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria...

KMN I

- ¹ Lạy Chúa, cuộc đời con, con đã kể hết với Ngài,
nước mắt con, Ngài đã bày ra trước Thánh Nhan
(Tv 55,8b-9).
- ² Mọi kẻ thù con suy tính hãm hại con (Tv 40,8a)
và cùng nhau bàn bạc mưu kế (Tv 70,10c).
- ³ Chúng làm điều ác đáp trả điều lành,
lấy hận thù đáp lại tình thương của con (Tv 108,5).
- ⁴ Đáng lẽ phải thương con, chúng lại hạ nhục,
phản con, con chỉ biết nguyện cầu (Tv 108,4).
- ⁵ *Lạy Cha thánh thiện của con (Ga 17,11), là Vua trời đất,
xin đừng rời xa con,*

³⁹ Những câu Thánh vịnh được chọn đây gợi lại những gì đã xảy ra trong đêm thứ Năm Tuần Thánh, đặc biệt là tâm tình của Đức Giêsu trong vườn Ghêtsêmani và việc Giuđa đã phản bội và trao nộp Thầy mình.

vì cơn nguy khốn đã cận kề,
và không một ai trợ giúp con (Tv 21,12).

⁶ Các địch thù con sẽ phải tháo lui
vào ngày con cầu cứu;
như vậy con nhận biết Ngài là Thiên Chúa cứu độ con
(Tv 55,10).

⁷ Bạn bè và thân hữu tiến gần và dùng chân chống cự,
bà con ruột thịt lại lùi ra xa (Tv 37,12).

⁸ Chúa làm cho người quen xa lánh,
họ coi con như đồ ghê tởm,
con bị trao nộp và không sao thoát khỏi (Tv 87,9).

⁹ *Lạy Cha thánh thiện (Ga 17,11),*
xin đừng đẩy xa ơn Ngài cứu độ (Tv 21,20).
Lạy Thiên Chúa con thờ,
xin đưa mắt nhìn mà cứu độ con (Tv 70,12).

¹⁰ Xin Ngài quan tâm trợ giúp,
lạy Chúa là Thiên Chúa cứu độ con (Tv 27,23)

Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con,
cùng vinh danh Thánh Thần Thiên Chúa,
Tự muôn đời và chính hiện nay
luôn mãi đến thiên thu vạn đại. Amen.

Điệp ca:

⁽¹⁾ Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria, không phụ nữ nào
sinh ra trên trần gian sánh được với Bà. ⁽²⁾ Bà là Ái nữ và là
Nữ tì của Đức Vua rất cao cả là Chúa Cha trên trời, Bà là

Thân mẫu của Chúa chí thánh chúng con là Đức Giêsu Kitô, Bà là Hiền thê⁴⁰ của Chúa Thánh Thần. ⁽³⁾ Xin cầu cho chúng con, cùng với thánh Tổng lãnh Thiên thần Micaen, các Dũng Thần thiên quốc⁴¹ và toàn thể các thánh, bên cạnh Con yêu dấu chí thánh của Bà: Người là Chúa và là Thầy chúng con.

Vinh danh Chúa Cha...

Tự muôn đời...

Lưu ý: Điệp ca trên đây được đọc vào mọi giờ kinh, thay thế cho cả điệp ca, bài đọc vắn, thánh thi, xướng đáp và lời nguyện, vào giờ Kinh Khai nhật cũng như vào mọi giờ kinh. Giờ nào cũng chỉ có điệp ca này với Thánh vịnh riêng.

Để kết thúc giờ kinh, thánh Phanxicô luôn luôn đọc:

Chúng ta hãy chúc tụng Chúa
là Thiên Chúa hằng sống và chân thật.
Hãy luôn luôn dâng lên Người lời ca ngợi,
vinh quang, danh dự, muôn lời cung chúc
và mọi điều thiện hảo.

Amen. Amen.

⁴⁰ Đây là một tước hiệu mới mẻ, lần đầu tiên xuất hiện trong Giáo Hội để kính tặng Đức Maria: vì thánh Phanxicô đã hiểu chính nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần mà Con Thiên Chúa đã đầu thai trong lòng trinh khiết của Đức Mẹ (x. Lc 1,35).

⁴¹ Về lòng tôn sùng của thánh Phanxicô đối với các thiên thần, nhất là Tổng lãnh Thiên thần Micaen, x. 2 Cel 197.

KINH KHAI NHẬT⁴²

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria...

KMN II

- ¹ Lạy Chúa là Thiên Chúa cứu độ con,
Ngày đêm con kêu cứu trước mặt Ngài, (Tv 87,2).
- ² Nguyên cho lời kinh đặt tới Thánh Nhan,
Xin ghé tai nghe lời con cầu khẩn (Tv 87,3).
- ³ Nguyên Chúa quan tâm và giải thoát mạng con,
Xin kéo con ra khỏi đám địch thù (Tv 68,19).
- ⁴ Vì chính Ngài đã kéo con ra khỏi lòng mẹ,
Ngài là nguồn cây trồng, từ thuở con còn bú mớm.
- ⁵ Từ khi lọt lòng mẹ,
con đã được trao phó cho Ngài (Tv 21,10).
Từ thuở con còn trong lòng mẹ,
Ngài đã là Thiên Chúa của con,
xin Ngài đừng nỡ rời xa con (Tv 21,11).

⁴² *Matitunum*: Trong thời Thượng cổ đây là giờ kinh đầu tiên được cử hành trước lúc mặt trời mọc. Về sau các đan sĩ đọc giờ kinh này ban đêm trong đó có nhiều bài đọc Kinh Thánh, vì thế ngày nay nó tương ứng với giờ Kinh Khai nhật. Thánh Phanxicô và anh em đọc ban sáng, lúc mới thức dậy (LAv 3). Các câu Thánh vịnh không diễn tả một hoạt cảnh Phúc âm nào rõ ràng, nhưng là tâm tình của Đức Giêsu khi bị địch thù bắt và sỉ nhục, nhưng Người vẫn cầu nguyện và phó thác vào Chúa Cha. Đó là điều mà Phanxicô đã nói với các tín hữu: “Người đã đặt ý mình theo ý Chúa Cha” (TTh II,10).

- ⁶ Ngài biết con phải chịu nhục nhằn,
xấu hổ và khiếp sợ (Tv 68,20).
- ⁷ Trước mặt Ngài là mọi kẻ đang làm khổ con,
Lòng con chờ đợi báng bỏ với gian truân (Tv 68,21).
- ⁸ Con mong có người chia sẻ nỗi đau,
Nhưng chẳng có một ai;
Con chờ có người an ủi,
Nhưng chẳng thấy một ai (Tv 68,21)!
- ⁹ Lạy Chúa, phường gian ác nổi lên chống lại con,
Hội đường những kẻ cường quyền⁴³
tìm hại mạng sống con,
chúng đâu có đặt Ngài trước mắt chúng (Tv 85,14).
- ¹⁰ Con như đang ở với những người rơi xuống hố,
trở thành kẻ không ai trợ lực,
lạc lõng giữa đám tử thi (Tv 87,5-6a).
- ¹¹ Chính Ngài là *Cha cực thánh*⁴⁴ của con,
là Đức Vua, là Thiên Chúa của con (Tv 43,5a).
- ¹² Xin Ngài quan tâm trợ giúp,
Lạy Chúa, là Thiên Chúa cứu độ con (Tv 37,23).

⁴³ *Synagoga potentium*: hội đường những kẻ có quyền hành. Từ này thật ý nghĩa: nó gọi lên hình ảnh các thủ lãnh của dân Do Thái; chính họ lại là những kẻ đang chờ đợi Đấng Mêsia!

⁴⁴ Ở nhiều chỗ kiểu nói "*Pater sanctus*" (Cha thánh thiện) trong Ga 17,11 được thánh Phanxicô đổi ra là "*Pater sanctissimus*" (Cha cực thánh)!

Vinh danh Chúa Cha...

Từ muôn đời...

KINH GIỜ NHẤT⁴⁵

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria

KMN III

- ¹ Xin thương xót con cùng, lạy Thiên Chúa,
xin Ngài thương xót con,
vì hồn con tín thác vào Ngài (Tv 56,2a).
- ² Dưới bóng cánh Ngài, con sẽ trông cậy,
cho tới khi nào tai họa qua đi (Tv 56,2b).
- ³ Con sẽ kêu lên *Cha cực thánh*⁴⁶ và cao cả của con,
lên Thiên Chúa là Đấng đã thi ân cho con (Tv 56,3).

⁴⁵ Vào thời Trung Cổ, Kinh Giờ Nhất nhằm tưởng nhớ tới việc Đức Giêsu bị giải ra trước tòa của Philatô. Ở đây cũng thế, hoạt cảnh bên ngoài như lời xét xử của ông quan La Mã không quan trọng bằng tâm tình bên trong của Chúa. Lời kinh chủ yếu là Tv 56,1-5a.7-12 (với một vài sửa đổi): ở giữa hai phần là câu 18 của Tv 17.

⁴⁶ Các từ *Deum Altissimum* (Thiên Chúa Tối cao) của Thánh vịnh đã được Phanxicô đổi thành *sanctissimum Patrem... meum* (Cha rất thánh thiện... của con). Điều này cho thấy vị Thiên Chúa mà Đức Giêsu (và Phanxicô) kêu cầu là Chúa Cha như chúng ta đọc trong Ga 17,11.

- ⁴ Từ trời cao, Người đã gửi xuống ơn lành
và giải thoát tôi⁴⁷,
hạ nhục kẻ thù đang chà đạp tôi (*Tv 56,4*).
- ⁵ Thiên Chúa đã gửi xuống tình thương và lòng thành
tín của Người, đã giật thoát mạng sống tôi (*Tv 56,4-5a*)
khỏi quân thù rất hùng mạnh,
khỏi những kẻ ghen ghét tôi,
bởi vì chúng mạnh thế hơn tôi (*Tv 17,18*).
- ⁶ Chúng đã giăng lưới dưới chân tôi,
và đề cho thân tôi cụp xuống (*Tv 56,7*).
- ⁷ Chúng đào hố trước mặt tôi,
rồi lại té nhào xuống đó (*Tv 56,7*).
- ⁸ Lòng sẵn sàng, lạy Thiên Chúa, lòng con đã sẵn
sàng⁴⁸, con sẽ hát ca và ngâm câu Thánh vịnh
(*Tv 66,8*).
- ⁹ Hãy trời dậy, vinh quang ta hỡi,
Hãy thức giấc, hỡi đàn sắt đàn cầm,
Tôi sẽ vùng dậy lúc hùng đông (*Tv 56,9*).
- ¹⁰ Lạy Chúa, giữa chư dân,
con sẽ tán dương Ngài,

⁴⁷ Các câu 1-3 diễn tả lời cầu nguyện của Đức Giêsu; còn các câu 4-7 diễn tả sự đáp trả của Chúa Cha: sự đáp trả ấy được trình bày qua suy nghĩ của Đức Giêsu. Cuộc đối thoại với Chúa Cha được tiếp tục ở câu 8.

⁴⁸ Các câu 8-12 diễn tả vinh quang Phục sinh của Đức Giêsu.

Giữa muôn nước,
con sẽ hát Thánh vịnh kính dâng Ngài (Tv 56,10).

- ¹¹ Vì tình thương của Ngài cao tận trời xanh,
Lòng thành tín của Ngài đạt tầng mây thẳm
(Tv 56,11).
- ¹² Lạy Thiên Chúa, nguyện Chúa được suy tôn trên các
tầng trời, và vinh quang Ngài trên khắp cõi đất
(Tv 56,12).

Vinh danh Chúa Cha...

Từ muôn đời...

[Lưu ý: kinh trên luôn được đọc vào giờ nhất].

KINH GIỜ BA⁴⁹

Diệp ca: Lạy Thánh Nữ Đồng trinh Maria.

KMN IV

- ¹ Xin thương xót con cùng, lạy Thiên Chúa,
vì người ta chà đạp thân con;
suốt ngày chúng tấn công con, gây bao cực hình
(Tv 55,2).

⁴⁹ Các câu Thánh vịnh được chọn gợi lên tâm tình của Đức Giêsu trong giờ Người chịu đánh đòn, chịu đội mũ gai và bị quân lính sỉ nhục, chê cười.

- ² Suốt ngày địch thù chà đạp con,
vì bề lũ chống đối con thật đông đảo (*Tv 55,3*).
- ³ Mọi kẻ thù con toan tính những điều độc ác,
Chúng buông lời điêu ngoa chống lại con (*Tv 40,8-9*).
- ⁴ Những kẻ canh giữ mạng con,
đã cùng nhau hội họp (*Tv 70,10b*).
- ⁵ Chúng bước ra ngoài,
rồi cùng nhau bàn tán (*Tv 40,7-8a*).
- ⁶ Mọi kẻ thấy con đều cười cợt,
Chúng nói năng trên môi mép, chúng lắc đầu
(*Tv 21,8*).
- ⁷ Con là sâu bọ, đâu còn phải là người,
Nổi nhục nhã cho đời, đồ đê tiện cho dân (*Tv 21,7*).
- ⁸ Trên cả địch thù, con còn nên trò cười cho thân cận,
nổi kinh hoàng cho kẻ quen biết (*Tv 30,12*).
- ⁹ *Lạy Cha thánh thiện (Ga 17,11),*
xin đừng đẩy xa ơn Ngài cứu trợ,
xin đưa mắt nhìn mà bảo vệ con (*Tv 21,20*).
- ¹⁰ Xin Ngài quan tâm giải cứu,
lạy Chúa là Thiên Chúa cứu độ con (*Tv 37,23*).

KINH GIỜ SÁU⁵⁰

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria

KMN V

- ¹ Tôi đã cất tiếng kêu lên Chúa,
Tôi đã cất tiếng van nài Người (*Tv 141,2*)⁵¹.
- ² Tôi giải bày lời kinh trước Thánh Nhan,
nỗi khổ đau, kể ra trước mặt Người (*Tv 141,3*).
- ³ Khi lòng trí con suy nhược,
Ngài vẫn biết mọi nẻo đường con đi (*Tv 141,4*).
- ⁴ Trên đường con đi,
Chúng đã kín đáo giăng lưới (*Tv 141,4*).
- ⁵ Trông sang bên phải con nhìn xem;
chẳng một ai đã nhận biết con (*Tv 141,5*).
- ⁶ Con không còn lối thoát,
Và chẳng ai màng tới mạng con (*Tv 141,5*).
- ⁷ Bởi vì Ngài con gánh chịu nhục nhằn,
nên xấu hổ phủ lấp mặt mày (*Tv 68,8*).

⁵⁰ Giờ kinh thứ Sáu, tức 12 giờ trưa, tưởng nhớ Đức Giêsu chịu đóng đinh vào thập giá, hoàn toàn bị mọi người bỏ rơi...

⁵¹ Sáu câu đầu tiên của kinh này được lấy từ *Tv 141* là Thánh vịnh mà Phanxicô rất ưa thích. Ngài đã đọc Thánh vịnh này trước giờ chết (x. Bonaventura, *Đại truyện*, XIV,5).

- ⁸ Anh em nhà kẻ con như người lạ,
Con cái cùng mẹ xem con như lũ khách (*Tv 68,9*).
- ⁹ *Lạy Cha thánh thiện (Ga 17,11)*⁵²,
Lòng nhiệt thành với nhà Ngài dày vò con,
nên chi lời lẽ những kẻ sỉ nhục Ngài
đều đổ xuống trên mình con (*Tv 68,10*).
- ¹⁰ Chúng reo vui và họp nhau chống lại con,
đòn vọt trút xuống trên con,
nhưng con chẳng hiểu lẽ gì (*Tv 34,15*).
- ¹¹ Những kẻ ghét con vô cớ
nhiều hơn tóc trên đầu (*Tv 68,5*).
- ¹² Quân thù địch bách hại con cách bất công
đã trở nên hùng mạnh;
con chẳng trộm cắp gì của ai,
thế mà con phải hoàn trả (*Tv 68,5*).
- ¹³ Bọn chứng nhân xảo trá đứng lên,
hạch hỏi con những điều con chẳng biết (*Tv 34,11*).
- ¹⁴ Chúng lấy oán đền ơn, (*Tv 34,12*),
Hạ nhục con, bởi vì con theo đuổi điều lành
(*Tv 37,21*).

⁵² Các tiếng này được Phanxicô thêm vào làm nổi bật những tâm tình của Chúa Giêsu dâng lên Chúa Cha.

¹⁵ Ngài là Cha cực thánh của con,
là Đức Vua, là Thiên Chúa con thờ (Tv 43,5).

¹⁶ Xin Ngài quan tâm cứu giúp,
Lạy Chúa là Thiên Chúa cứu độ con (Tv 37,23).

KINH GIỜ CHÍNH⁵³

Diệp ca: Lạy Thánh Nữ Đồng trinh Maria

KMN VI

¹ Hỡi mọi khách qua đường,
các bạn hãy để mắt nhìn xem,
có nỗi đau nào như nỗi đau của tôi (Ac 1,12)?

² Quanh tôi bầy chó đông đảo bủa vây,
Một bọn hung ác tấn công tôi (Tv 21,17).

³ Chúng đã đâm thủng tay và chân tôi,
đã đếm hết mọi xương cốt của tôi (Tv 21,17c-18).

⁴ Thực vậy, chúng quan sát và trừng trừng nhìn tôi,
Chúng chia nhau áo xống của tôi,
Còn áo choàng thì chúng bắt thăm (Tv 21,18b-19)⁵⁴.

⁵³ Giờ kinh này tưởng nhớ thời gian Chúa Giêsu chịu treo trên thập giá, sự nhạo báng của khách qua đường rồi cái chết và sự an táng của Người. Lời kinh diễn tả sự đau đớn tột độ của Con Thiên Chúa, nhưng sáu câu cuối cùng biểu lộ niềm hy vọng của Người, là được Chúa Cha đón nhận Người trong vinh quang của sự sống lại.

⁵⁴ Câu 3 và 4 ở đây tương ứng với câu 4 và 3 trong K. Esser, *Opuscula*.

- ⁵ Chúng há mồm đe dọa tôi,
như sư tử chụp mồi và gặm thét (*Tv 21,14*)⁵⁵.
- ⁶ Thân tôi tan chảy như nước,
Xương cốt rã rời (*Tv 21,15ab*).
- ⁷ Con tim như sáp mềm
Chảy ra trong lòng dạ (*Tv 21,15c*).
- ⁸ Sức lực tôi khô kiệt như đất nung,
lưỡi với hàm dính chặt với nhau (*Tv 21,16ab*).
- ⁹ Chúng cho tôi mật đắng làm thức ăn,
Dấm chua để giải khát (*Tv 68,22*).
- ¹⁰ Chúng *dẫn tôi đi* trong bụi tro côi chết (*Tv 21,16c*),
Tăng thêm đau đớn cho các vết thương (*Tv 68,27b*).
- ¹¹ Tôi đã ngủ và tôi đã chỗi dậy⁵⁶ (*Tv 3,6*),
*Cha cực thánh của tôi đã đón nhận*⁵⁷ tôi
trong vinh quang (x. *Tv 72,24c*).

⁵⁵ Theo truyền thống, *bầy chó* và *sư tử* ám chỉ Satan và ma quỷ thuộc hạ của nó. Cuộc chiến của Chúa Giêsu thực ra là chống lại với “Thủ lãnh của thế gian này”. Các tư tế, các người Biệt phái hay Philatô chỉ là phần hữu hình của những mãnh lực đen tối kia.

⁵⁶ Trong ngữ cảnh ở đây hai động từ “ngủ” (*dormivi*) và “chỗi dậy” (*resurrexi*) có nghĩa là “chết” và “sống lại”.

⁵⁷ *Suscepit*: động từ này diễn tả hành động của Chúa Cha *cho Đức Giêsu sống lại*. Từ đó Chúa Cha sẽ được gọi là “*susceptor*” (x. *KMN XI,8-9; XII,9-10*), nghĩa là Đấng đã tôn vinh Đức Giêsu, “siêu tôn” theo kiểu nói

- ¹² *Lạy Cha thánh thiện (Ga 17,11),
Ngài đã nắm lấy tay phải con,
và dẫn con đi theo thánh ý Ngài,
rồi nâng con lên trong vinh quang (Tv 72,24).*
- ¹³ *Con được gì trên trời cao,
ao ước gì dưới đất thấp
nếu chẳng phải là chính Ngài (Tv 72,25)?*
- ¹⁴ *Chúa phán: Hãy nhìn xem, hãy nhìn xem,
này Ta đây là Thiên Chúa,
Ta sẽ được nâng lên giữa chư dân,
Ta sẽ được nâng lên trên mặt đất (x. Tv 45,11).*
- ¹⁵ *Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa Ítraen (Lc 1,68)
đã cứu chuộc⁵⁸ sinh mạng các tôi tớ Người
bằng máu rất thánh của Người.
Người sẽ không bỏ rơi
tất cả những ai trông cậy vào Người (Tv 33,23).*
- ¹⁶ *Chúng tôi biết Người đang ngự đến,
Người sẽ đến xét xử công minh (x. Tv 95,13b).*

của thánh Phaolô (Pl 2,9). Ý tưởng “siêu tôn” sẽ được nhắc lại ở câu 12 (*assumpsisti*) và hai lần ở câu 14 (*exaltabor*, động từ được dùng trong Pl 2,9).

⁵⁸ Phanxicô đã đổi *redimet* (sẽ cứu chuộc) của Tv 33,23 thành *redemit* (đã cứu chuộc). Lý do là thánh nhân phân biệt *Redemptor*, Đấng Cứu chuộc (liên hệ đến công trình trên thập giá) với *Salvator*, Đấng Cứu độ: từ sau liên hệ đến công trình chung cuộc trong tương lai.

Vinh danh...

Tự muôn đời...

KINH CHIỀU⁵⁹

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN VII

- ¹ Hỡi mọi dân nước, hãy vỗ tay,
mừng Thiên Chúa hãy cất tiếng hò reo! (*Tv 46,2*)
- ² Vì Đức Chúa là Đấng tối cao, khả úy,
là Đại Vương thống trị khắp địa cầu (*Tv 46,3*).
- ³ Vì Chúa Cha cực thánh trên trời,
Vua chúng ta từ trước muôn thế kỷ,
đã sai Con yêu dấu Người đến từ trời cao,
và thực hiện ơn cứu độ giữa trần gian (*Tv 73,12*).
- ⁴ Hỡi các tầng trời, hãy vui lên;
Hỡi trái đất, hãy nhảy mừng.
Biển khơi với sóng nước tràn đầy, hãy rung động!
Ruộng đồng cùng muôn loài trong đó sẽ reo vui
(*Tv 95,11-12a*).

⁵⁹ Các câu được chọn trong Thánh vịnh này gợi lại cuộc khải hoàn của Đức Chúa phục sinh: theo truyền thống biển cổ này được tưởng nhớ trong giờ Kinh Chiều.

- ⁵ Hát lên mừng Chúa một bài ca mới,
hát lên mừng Người, hỡi toàn thể địa cầu (Tv 95,1).
- ⁶ Vì Đức Chúa thật vĩ đại và đáng ngợi khen,
Đáng kinh sợ hơn hết mọi chư thần (Tv 95,4).
- ⁷ Dâng lên Chúa, hỡi các dòng giống chư dân,
Dâng lên Chúa, vinh quang và danh dự,
Dâng lên Chúa vinh quang Danh Người (Tv 95,7-8a).
- ⁸ *Hãy dâng thân mình anh em,
Hãy vác Thánh giá của Người,
Và đi theo tới cùng những điều răn cực thánh Người ban*
(x. Lc 14,27; 1 Pr 2,21).
- ⁹ Hỡi toàn thể địa cầu,
hãy rung chuyển trước Thánh Nhan,
Hãy nói với chư dân:
Từ trên cây gỗ, Đức Chúa thống trị (Tv 95,9b-10).

*[Mỗi ngày, từ thứ Sáu Tuần Thánh cho đến lễ Chúa Lên Trời,
chỉ đọc tới đây. Ngày lễ Lên Trời thì thêm những câu sau:]*

- ¹⁰ *Người đã lên trời
và ngồi bên hữu Chúa Cha chí thánh trên trời.*
Lạy Thiên Chúa, xin hãy lên cao trên các tầng trời,
và xin chiếu tỏa vinh quang Ngài trên toàn cõi đất
(Tv 56,12).
- ¹¹ Chúng tôi biết Người đang đến,
và Người sẽ đến xét xử công minh (x. Tv 95,13b).

[Lưu ý:

Từ lễ Chúa Lên Trời cho đến Mùa Vọng, mỗi ngày đọc Thánh vịnh trên theo cách đó, tức là: "Hỡi mọi dân nước, hãy vỗ tay...", với mấy câu thêm vào như trên, và đọc kinh "Vinh danh Chúa Cha" sau câu cuối tức là câu 'Người sẽ đến xét xử công minh'".

Các Thánh vịnh trên đây được đọc từ thứ Sáu Tuần Thánh đến Chúa Nhật Phục Sinh. Hãy đọc như thế từ Bát nhật lễ Hiện Xuống cho đến Mùa Vọng; rồi từ Bát nhật lễ Hiện Linh cho đến Chúa Nhật Phục Sinh. Các ngày Chúa Nhật và lễ trọng, thì không đọc; còn mọi ngày khác đều đọc.]

PHẦN II

MÙA PHỤC SINH

(Thứ Bảy Tuần Thánh, nghĩa là cuối ngày ấy)

KINH TỐI

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN VIII⁶⁰

- ¹ Lạy Chúa Trời, xin tối giúp con,
muôn lạy Chúa, xin mau phù trợ.

⁶⁰ 69 mà Phanxicô dùng ở đây, là lời kinh của một kẻ bị địch thủ bao vây hãm hại, nhưng vẫn tin tưởng vào Thiên Chúa. Khi đặt Thánh vịnh này vào giờ Kinh Tối thứ Bảy Tuần Thánh, thánh nhân chắc chắn không có ý nhắc lại cơn hấp hối của Chúa Giêsu vào ngày thứ Năm, nhưng lời kinh của Chúa lúc ở trong mồ: người muốn chia sẻ tâm tình của Chúa lúc được an táng và chôn vùi trong lòng đất.

- ² Xin cho những kẻ tìm hại mạng sống con
Phải xấu hổ, thẹn thùng,
- ³ Những kẻ mong cho con mắc họa
Phải xéo lui bẽ mặt!
- ⁴ Những đứa nói với con: Đáng kiếp! Đáng kiếp!
Phải quay gót xấu hổ,
- ⁵ Ước chi mọi kẻ tìm kiếm Chúa
đều reo vui hơn hờ trong Ngài!
- ⁶ Và những ai cảm mến ơn Ngài cứu độ
luôn nói rằng: "Hãy tôn vinh Đức Chúa".
- ⁷ Nhưng con đây thiếu thốn và nghèo hèn,
Lạy Thiên Chúa, xin cứu giúp con.
- ⁸ Ngài là Đấng phù trợ, là Đấng giải thoát con,
Lạy Chúa, xin đừng trì hoãn (Tv 69,2-6).

KINH KHAI NHẬT CHÚA NHẬT PHỤC SINH

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ Đồng Trinh Maria.

KMN IX

- ¹ Hát lên mừng Chúa một bài ca mới,
vì Người đã làm nên những kỳ công (Tv 97,1ab).

- ² *Tay phải Người, cánh tay thánh thiện của Người đã tác thánh⁶¹ người Con yêu dấu (Tv 97,1cd).*
- ³ Chúa đã biểu dương ơn Người cứu độ, mạc khải đức công chính trước mặt chư dân (Tv 97,2).
- ⁴ *Ngày hôm nay⁶² Chúa đã gửi tình thương đến, và đêm nay vang lên bài ca chúc tụng Người (Tv 49,1).*
- ⁵ Đây là ngày Chúa đã làm ra,
Nào ta hãy vui mừng hoan hỉ (Tv 117,24).
- ⁶ Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến,
Đức Chúa là Thiên Chúa,
Người tỏa sáng cho ta (Tv 117,26a.27a).
- ⁷ Hỡi các tầng trời, hãy vui lên!
Hỡi trái đất, hãy nhảy mừng.
Biển khơi với khối nước tràn đầy, hãy chuyển động!

⁶¹ Dưới ánh sáng Tin Mừng của Gioan, thánh Phanxicô đã đổi câu Thánh vịnh xưa "*Salvavit sibi dextera ejus*" (Tay phải Người đã cứu độ) thành "*Sacrificavit dilectum Filium suum dextera ejus*" ("Tay phải Người đã tác thánh người Con yêu dấu của Người"). Vì Chúa Giêsu đã "thánh hiến mình" cho Chúa Cha (Ga 17,19), nghĩa là đã dâng mình cho Chúa Cha làm của lễ, nên Chúa Cha đã "*tác thánh Người*", nghĩa là đã tiếp nhận của lễ của Chúa Giêsu và đã dẫn đưa Người vào trong vinh quang.

⁶² Bản văn của Thánh vịnh 41,9 là "*In die...et nocte*" có nghĩa là "ban ngày... ban đêm" đã được Phanxicô sửa đổi là "*In illa die... et nocte*" và như vậy trong ngữ cảnh này có nghĩa rõ rệt là "ngày hôm nay... và đêm nay", tức là ngày và đêm Chúa sống lại (x. KMN XV,5). Câu kinh này cũng sẽ khớp với câu sau: "Đây là ngày Chúa đã làm ra".

Ruộng đồng cùng muôn loài trong đó sẽ reo vui
(Tv 95,11-12a).

- ⁸ Dâng lên Chúa, hỡi các dòng giống chư dân,
dâng lên Chúa vinh quang và danh dự,
dâng lên Chúa vinh quang Danh Người (Tv 95,7-8a).

*Đọc kinh trên cho tới đây, mỗi ngày từ Chúa Nhật Phục
Sinh cho đến Lễ Chúa Lên Trời, vào tất cả các giờ kinh, trừ
giờ Kinh Chiều, Kinh Tối và Kinh giờ Nhất. Vào đêm lễ
Chúa Lên Trời, đọc thêm các câu sau:*

- ⁹ Hỡi vương quốc trần gian,
Hãy hát khen Thiên Chúa,
Hãy hát Thánh vịnh kính dâng Người (Tv 67, 33a).
- ¹⁰ Hãy hát Thánh vịnh kính dâng Thiên Chúa
Vì Người đã lên trên trời của các tầng trời,
về hướng đông (Tv 67,33-34).
- ¹¹ Nay đây Người sẽ lên tiếng hùng mạnh;
Hãy tôn vinh Thiên Chúa trên Ítraen,
Ánh quang lồng lẩy và uy lực của Người
chiếu tỏa trên mây xanh (Tv 67,34-35).
- ¹² Kỳ diệu thay, Thiên Chúa giữa các thánh của Người.
Thiên Chúa Ítraen sẽ ban tặng cho dân Người
uy quyền và dũng lực.
Xin chúc tụng Thiên Chúa (Tv 67,36).

Vinh Danh...

Tự muôn đời

Lưu ý là từ lễ Chúa Lên Trời cho đến Bát nhật lễ Hiện Xuống, mỗi ngày vào giờ Kinh Khai nhật, giờ Ba, giờ Sáu và giờ Chín, đều đọc kinh này với những câu thêm vào như trên đây. Rồi đọc "Vinh danh Chúa Cha" sau câu "Xin chúc tụng Thiên Chúa", chứ không đọc chỗ nào khác.

Lưu ý thêm là cũng đọc như thế vào giờ Kinh Khai nhật các ngày Chúa Nhật và lễ trọng, từ Bát nhật lễ Hiện Xuống cho đến Mùa Vọng, và từ Bát nhật lễ Hiện Linh cho đến ngày thứ năm lễ Tiệc Ly của Chúa, vì hôm ấy, Chúa đã ăn lễ Vượt Qua với các môn đệ. Vào giờ Kinh Khai nhật hoặc Kinh Chiều, nếu muốn, có thể đọc KMN "Lạy Chúa, con xin tán dương Ngài" (Tv 29), như trong quyển Thánh vịnh, nhưng chỉ từ lễ Phục Sinh đến lễ Chúa Lên Trời mà thôi.

KINH GIỜ NHẤT

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN: Xin thương xót con cùng, lạy Thiên Chúa
(như trên: KMN III).

KINH GIỜ BA - GIỜ SÁU - GIỜ CHÍN

KMN: Hát lên mừng Chúa

(như trên: KMN IX).

KINH CHIỀU

KMN: Vỗ tay đi nào, muôn dân hỡi

(như trên: KMN VII).

PHẦN III

CÁC NGÀY CHÚA NHẬT VÀ CÁC NGÀY LỄ TRỌNG

Sau đây là những Thánh vịnh cũng do cha thánh Phanxicô sắp xếp, để dùng thay cho những Thánh vịnh ca ngợi Cuộc Khổ nạn của Chúa trên đây, vào các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ trọng, từ Bát nhật lễ Hiện Xuống cho đến Mùa Vọng, và từ Bát nhật lễ Hiện Linh cho đến thứ Năm lễ Tiệc Ly của Chúa. Xin hiểu rằng, ta đọc các Thánh vịnh này vào ngày ấy, vì đó là ngày lễ Vượt Qua của Chúa.

KINH TỐI

KMN: Lạy Chúa trời, xin tối giúp con,
(như trên, KMN VIII).

KINH KHAI NHẬT

KMN: Hát lên mừng Chúa,
(như trên, KMN IX).

KINH GIỜ NHẤT

KMN: Xin thương xót con cùng, lạy Chúa,
(như trên, KMN III).

KINH GIỜ BA

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN X

- ¹ Cả trái đất, hãy tung hô Thiên Chúa,
hãy đọc Thánh vịnh chúc tụng Thánh Danh,
hãy hát bài ca tôn vinh Người (*Tv 65,1-2*).
- ² Hãy thưa cùng Thiên Chúa:
Lạy Chúa, khứng khiếp thay công việc Ngài làm,
Trước uy lực vô biên của Ngài,
địch thù phải nịnh bợ (*Tv 65,3*).
- ³ Ước chi toàn trái đất tôn thờ Ngài
và dâng bài Thánh vịnh,
Hãy hát Thánh vịnh chúc tụng Danh Ngài (*Tv 65,4*).
- ⁴ Hỡi mọi người kính sợ Thiên Chúa,
Hãy đến mà nghe, tôi sẽ kể ra bao sự việc Chúa đã
làm cho tôi (*Tv 65,16*).
- ⁵ Miệng tôi đã kêu lên Chúa,
Và lưỡi tôi liền tán dương Người (*Tv 56,17*).
- ⁶ Từ thánh điện, Người đã nghe lời tôi,
Tiếng tôi kêu van đã thấu đến nhan Người (*Tv 17,7*).
- ⁷ Hỡi các dân, hãy chúc tụng Thiên Chúa chúng ta,
Hãy cất cao lời ngợi khen Người (*Tv 65,8*).
- ⁸ Mọi sắc tộc trần gian sẽ được Chúa chúc lành,
Muôn dân thiên hạ sẽ tán dương Người (*Tv 71,17*).
- ⁹ Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa Ítraen,
Chỉ có Ngài làm nên những kỳ công (*Tv 71,18*).

Muôn muôn đời xin chúc tụng Danh Thánh hiển vinh,
Toàn trái đất sẽ tràn đầy vinh quang Chúa!
Xin được như vậy. Xin được như vậy (Tv 71,19).

Vinh danh Chúa Cha... Tự muôn đời...

KINH GIỜ SÁU

Diệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN XI⁶³

- ¹ Xin Đức Chúa nhận lời ngài trong ngày quắn bách,
nguyện Danh Thiên Chúa nhà Giacóp
khắc chớ che ngài (Tv 19,2).
- ² Từ thánh điện, xin Chúa gửi ơn cứu trợ ngài,
từ Xion, nguyện Chúa đỡ nâng Ngài (Tv 19,3).
- ³ Xin Chúa nhớ đến lễ vật ngài dâng,
và vui lòng chấp nhận lễ toàn thiêu của ngài (Tv 19,4).
- ⁴ Xin Chúa ban cho như lòng ngài ước nguyện,
và thực hiện mọi dự tính của Ngài (Tv 19,5).

⁶³ Sáu câu đầu của Thánh vịnh này lấy từ Thánh vịnh 19: đó là lời kinh của Dân thánh cầu nguyện cho đức vua là người mới dâng của lễ lên Giêhô. Thánh Phanxicô sử dụng Thánh vịnh này theo nghĩa truyền thống, nghĩa là từ “Ngài” chỉ Đức Kitô với của lễ thập giá của Người.

- ⁵ Chúng tôi sẽ hoan hỉ vì ngài được cứu độ⁶⁴,
Nhờ danh Thiên Chúa chúng tôi sẽ được vẻ vang
(Tv 19,6).
- ⁶ Nguyên Thiên Chúa thực hiện mọi điều ngài khẩn xin;
Giờ đây tôi biết rằng *Chúa đã sai Đức Giêsu Kitô Con của Người đến* (x. Ga 3,17; 10,36)
và sẽ xét xử công minh các dân tộc (Tv 9,9).
- ⁷ Đức Chúa đã trở thành nơi nương náu
cho người nghèo khó,
sự trợ giúp đúng lúc cho họ trong buổi gian truân.
Những ai nhận biết Danh Ngài
hãy tin cậy vào Ngài (Tv 9,10-11).
- ⁸ Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa tôi thờ (Tv 143,1),
vì Người đã *đón nhận* tôi⁶⁵
và che chở tôi trong cơn nguy biến (Tv 58,17).
- ⁹ Lạy Chúa là Đấng trợ giúp con,
con sẽ hát mừng Ngài, vì Ngài đã đón nhận con,
Ngài là Thiên Chúa con thờ
là Đấng hằng xót thương con (Tv 58,18).

⁶⁴ Vua Ítraen ngày xưa mong ước chiến thắng quân thù; điều đó làm cho dân hoan hỉ. Đối với Đức Kitô đó là cuộc khải hoàn trên sự chết.

⁶⁵ Quia factus est *susceptor* meus (Xem thêm câu 9). Trong KMN VI,11 động từ “đón nhận” diễn tả việc Chúa Cha dẫn đưa Đức Giêsu vào trong vinh quang phục sinh.

Vinh danh Chúa Cha... Tự muôn đời.

KINH GIỜ CHÍN

Diệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN XII

- ¹ Lạy Chúa, con đã trông cậy vào Ngài,
Muôn đời sẽ không phải tủi nhục.
Bởi vì Ngài trung tín,
xin giải thoát và cứu vớt con (Tv 70,1-2).
- ² Xin ghé tai nghe con, và thương tình cứu độ (Tv 70,2).
- ³ Xin tỏ ra là Thiên Chúa chở che con,
là nơi nung nấu vũng vàng để cứu độ con (Tv 70,3).
- ⁴ Vì lạy Chúa, Ngài là Đấng con kiên nhẫn đợi chờ,
Là Đấng con trông cậy từ thuở thanh xuân (Tv 70,5).
- ⁵ Từ lúc mới sinh, con đã được Ngài ban sức,
vừa lọt lòng mẹ, con đã được Ngài che chở;
Con sẽ ca tụng Ngài không ngơi (Tv 70,6).
- ⁶ Miệng con sẽ chan chứa lời tán tụng
để ca ngợi vinh quang Ngài,
để suốt ngày tung hô Ngài vĩ đại (Tv 70,8).
- ⁷ Lạy Chúa, xin nhận lời con, vì Ngài nhân hậu từ bi;
Xin đưa mắt nhìn con theo lòng thương xót vô biên
của Ngài (Tv 68,17).

- ⁸ Xin đừng ngoảnh mặt khỏi tôi tớ Ngài đây;
Con đang gặp nguy khốn, xin hãy mau mau nhận lời
(Tv 68,18).
- ⁹ Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa tôi thờ (Tv 143,1),
vì Người đã *đón nhận tôi*⁶⁶
và cứu độ tôi trong cơn nguy biến (Tv 58,17).
- ¹⁰ Lạy Chúa là Đấng trợ giúp con,
con sẽ hát mừng Ngài,
vì Ngài đã đón nhận con,
Ngài là Thiên Chúa con thờ
là Đấng hằng xót thương con (Tv 58,18).

KINH CHIỀU

KMN: Vỗ tay đi nào, muôn dân hỡi.

(như trên: KMN VII).

PHẦN IV

MÙA VỌNG

⁶⁶ Quia *factus est susceptor meus*! Chủ từ (=Thiên Chúa) ở ngôi thứ ba: vịnh gia nói về Thiên Chúa cho các bạn hữu, nên dùng tiếng “tôi” để chỉ tức từ; nhưng ở câu sau vịnh gia lại đối thoại trực tiếp với Thiên Chúa (*tibi psallam*), nên dùng tiếng “con”.

Đây là những Thánh vịnh mà cha thánh Phanxicô đã sắp xếp, để đọc thay cho những Thánh vịnh ca ngợi cuộc khổ nạn của Chúa, từ Mùa Vọng cho đến áp lễ Giáng Sinh mà thôi.

KINH TỐI

Diệp ca: Lạy Thánh Nữ đồng trinh Maria.

KMN XIII⁶⁷

- 1 Lạy Chúa, cho đến bao giờ Ngài cứ quên con?
Cho đến cùng sao?
Cho đến bao giờ Ngài cứ ngoảnh mặt đi?
- 2 Đến bao giờ hồn con cứ phải lo toan,
và lòng con chịu đựng nỗi đau suốt ngày?
- 3 Đến bao giờ kẻ thù con cứ thắng mãi?
Lạy Chúa là Thiên Chúa của con,
Xin đoái nhìn và thương đáp lại.
- 4 Xin ban ánh sáng cho đôi mắt con,
để không bao giờ con ngủ mê trong cõi chết,
để không bao giờ địch thù con có thể nói:
“Ta đã thắng nó rồi”.

⁶⁷ Các câu của Thánh vịnh này được trích từ Thánh vịnh 12 là lời kinh của người công chính bị bắt bớ. Tuy nhiên vào thế kỷ 12&13 Mùa Vọng là thời gian người ta đặc biệt hướng về *Ngày Chúa sẽ đến* để tiêu diệt Satan và cứu chuộc những kẻ nghèo hèn. Theo như thói quen, Phanxicô đặt Thánh vịnh này trên môi miệng của Đức Giêsu: Đấng Cứu thế đặt tất cả tin tưởng vào Thiên Chúa, vì thế Người sẽ chiến thắng khải hoàn.

- ⁵ Những kẻ hành hạ con sẽ reo vui,
nếu thấy con ngã gục.
Nhưng phần con,
con đã tin cậy vào tình thương của Ngài.
- ⁶ Được Ngài cứu độ, lòng con sẽ vui mừng.
Con sẽ hát bài ca dâng kính Chúa,
vì muôn ơn lành Chúa đã ban cho con.
Con sẽ hát Thánh vịnh mừng Danh Chúa Tối Cao
(Tv 12,1-6).

KINH KHAI NHẬT

Điệp ca: Lạy Thánh Nữ Đồng Trinh Maria.

KMN XIV

- ¹ Lạy Chúa là *Cha cực thánh, là Vua trời đất*, con sẽ chúc tụng Ngài, vì Ngài đã an ủi con (x. Is 12,1).
- ² Ngài là Thiên Chúa cứu độ con,
con sẽ tin tưởng sống và không còn sợ hãi (Is 12,2ab).
- ³ Đức Chúa là sức mạnh tôi, là Đấng tôi ca ngợi,
Người là phúc cứu độ cho tôi (Is 12,2cd).
- ⁴ Lạy Chúa,
Ngài đã giương cao tay hữu đầy quyền lực của Ngài,
Tay hữu Ngài, lạy Chúa, đã nghiền nát địch quân,
Uy phong lẫm liệt của Ngài đã xô nhào đối thủ của con (Xh 15,6-7).

- ⁵ Những ai nghèo hèn, hãy xem đây mà vui lên,
Hãy tìm kiếm Thiên Chúa, các bạn sẽ được sống
(Tv 68,33).
- ⁶ Vì Chúa đã nghe lời những kẻ nghèo khó.
không khinh dễ thân hữu Người đang bị xiềng xích⁶⁸.
- ⁷ Ca tụng Chúa đi, hỡi trời, đất và biển cả,
cùng muôn loài sống động trong đó (Tv 68,35).
- ⁸ Vì Thiên Chúa sẽ giải cứu Xion,
sẽ tái thiết các thành thị Giuđa (Tv 68,36).
- ⁹ Người nghèo sẽ định cư nơi đó,
và nhận lấy làm gia nghiệp (Tv 68,36).
- ¹⁰ Dòng dõi các tôi tớ Chúa sẽ chiếm hữu vùng đất ấy,
Những người mến chuộng Thánh Danh
sẽ được an cư (Tv 68,37).

KINH GIỜ NHẤT

KMN: Xin thương xót con cùng, lạy Chúa.
(như trên, KMN III).

KINH GIỜ BA

KMN: Cả trái đất, hãy tung hô Đức Chúa,
(như trên, KMN X).

⁶⁸ Câu 6 này không có trong K. Esser, *Opuscula*.

KINH GIỜ SÁU

KMN: Xin Chúa đáp lời Ngài,
(như trên, KMN XI).

KINH GIỜ CHÍN

KMN: Con đã trông cậy vào Ngài, lạy Chúa,
(như trên, Tv XII).

KINH CHIỀU

KMN: Vỗ tay đi nào, muôn dân hỡi,
(như trên, KMN VII).

Lưu ý: Không đọc trọn cả kinh, nhưng chỉ đọc cho tới câu: “Hỡi toàn thể địa cầu, hãy rung chuyển trước Thánh Nhan” [câu 9], tức là đọc hết câu: “Hãy dâng Người thân mình anh em” [câu 8]. Sau câu đó thì đọc “Vinh danh Chúa Cha”. Phải đọc như vậy vào giờ Kinh Chiều mỗi ngày, từ Mùa Vọng cho đến áp lễ Giáng Sinh.

PHẦN V

**MÙA GIÁNG SINH CHO TỚI
BÁT NHẬT LỄ HIỂN LINH**

KINH CHIỀU LỄ GIÁNG SINH

KMN XV

- ¹ Hãy reo mừng Thiên Chúa
Đấng trợ giúp chúng ta (Tv 80,2).
Hãy cất tiếng hân hoan
tụng hô Thiên Chúa hằng sống và chân thật (Tv 46,2).
- ² Vì Đức Chúa tối cao và khả úy,
là Đại vương thống trị cả vũ hoàn (Tv 46,3).
- ³ Vì Chúa Cha cực thánh trên trời,
Vua chúng ta trước muôn thế kỷ,
từ trời cao đã sai Con yêu dấu đến
sinh bởi Đức Trinh nữ Maria thánh thiện (Tv 73,12).
- ⁴ Người đã gọi Thiên Chúa⁶⁹: “Ngài là Cha của con”;
và chính Thiên Chúa đã đặt Người làm Trưởng Tử
cao cả hơn vua chúa trần gian (Tv 88,27-28).
- ⁵ Ngày hôm nay⁷⁰, Chúa đã gửi tình thương xuống
và đêm nay vang lên bài ca chúc tụng Người
(Tv 41,9ab).

⁶⁹ *Ipsse invocavit ipsum*. Dịch sát: Người đã gọi Người. Tiếng “*ipsum*” chỉ Thiên Chúa, nên chúng tôi diễn rõ ra cho câu tiếng Việt dễ hiểu. Câu này khác với bản văn của Esser, *Opuscula*: “*Ipsse invocavit me... et ipse primogenitum ponam*”.

⁷⁰ Cũng như trong KMN IX,4, bản văn của Thánh vịnh 41,9 là “*In die...et nocte*” có nghĩa là “ban ngày... ban đêm” đã được Phanxicô sửa lại là “*In illa die... et nocte*”, và như vậy, trong ngữ cảnh mới này, có nghĩa rõ rệt là “ngày hôm nay... và đêm nay”, tức là ngày và đêm lễ Giáng Sinh.

- ⁶ Đây là ngày Chúa đã làm nên,
nào ta hãy vui mừng hoan hỷ (*Tv 117,24*).
- ⁷ Vì *Hài Nhi cực thánh và dấu yêu*
đã được ban tặng cho chúng ta,
đã sinh ra cho chúng ta ở ngoài đường
và được đặt nằm trong máng cỏ
vì Người không có chỗ trong lữ quán (x. *Is 9,6; Lc 2,7*).
- ⁸ Vinh danh Đức Chúa là Thiên Chúa trên cõi trời cao,
Bình an dưới thế cho loài người Chúa thương (*Lc 2,14*).
- ⁹ Hỡi các tầng trời, hãy vui lên!
Hỡi trái đất, hãy nhảy mừng;
Đại dương với khối nước tràn đầy, hãy chuyển động;
Ruộng đồng cùng muôn loài trong đó sẽ reo vui
(*Tv 95, 11-12a*).
- ¹⁰ Hãy hát *dâng* Người một bài ca mới,
hãy hát mừng Đức Chúa, hỡi toàn trái đất (*Tv 95,1*).
- ¹¹ Vì Đức Chúa thật vĩ đại và đáng ngợi khen,
Đáng kinh sợ hơn hết mọi chư thần (*Tv 95,4*).
- ¹² Dâng lên Chúa, hỡi các dòng giống chư dân,
Dâng lên Chúa vinh quang và danh dự,
Dâng lên Chúa vinh quang Danh Người (*Tv 95,7-8a*).
- ¹³ Hãy dâng thân mình anh em,
Hãy vác Thánh giá của Người,
Và đi theo tới cùng những điều răn cực thánh Người ban
(x. *Lc 14,27; 1 Pr 2,21*).

Vinh danh Chúa Cha...

Từ muôn đời...

Lưu ý:

KMN này được đọc từ lễ Giáng Sinh đến Bát nhật lễ Hiện Linh, vào tất cả các giờ kinh. Nếu ai muốn đọc bản thần tụng này của thánh Phanxicô, thì hãy đọc thế này: Trước tiên, đọc kinh Lạy Cha với kinh Suy tôn "Thánh, thánh, chí thánh". Sau kinh Suy tôn và lời nguyện, thì bắt đầu điệp ca "Lạy Thánh Nữ Đồng Trinh Maria" cùng với KMN được qui định cho mỗi giờ, ban ngày hoặc ban đêm. Phải đọc với hết lòng cung kính.

THỦ BÚT GỬI ANH LÊÔ

Tài liệu này do tự tay thánh Phanxicô viết ra, là di tích danh tiếng nhất hiện còn được lưu giữ tại tu viện Sacro Convento ở Assisi. Đó là một tấm da dê dài 13,5cm, rộng 10cm, được viết trên cả hai mặt. Mặt trong (mặt trước kia có thịt) là **Kính ngợi khen Thiên Chúa Tối Cao** do chính thánh nhân sáng tác, được viết trên 16 hàng (có lẽ lúc đầu là 17 hàng) bằng thứ mực nâu; mặt ngoài (mặt trước kia có lông được cạo đi) là **Lời chúc lành** mà thánh nhân viết thêm cho anh Lêô. Các góc cạnh không còn nguyên vẹn nữa. Hình như phía dưới tấm da thiếu đi một phần chừng 1cm, khi so sánh với phía trên, và như vậy bản văn Kính Ngợi Khen cũng thiếu đi phần cuối.

Hoàn cảnh bản văn được sáng tác thế nào thì đã được anh Tôma Cêlanô kể lại. Trong thời gian thánh Phanxicô ở tại ẩn viện trên núi La Verna, một người anh em (sau này được biết là anh Lêô) ao ước được thánh Phanxicô tự tay viết cho vài lời, để được giải thoát khỏi một chước cám dỗ trầm trọng “về mặt tâm linh”⁷¹. Truyện kể:

“Mặc dù mòn mỏi ước ao, nhưng anh ấy vẫn sợ không dám bày tỏ với vị cha chí thánh. Những điều phạm nhân không nói ra thì Thần Khí tỏ cho ngài biết. Một hôm thánh Phanxicô gọi anh đến và bảo: “Anh đi kiếm giấy mực cho tôi vì tôi muốn viết ra những lời

⁷¹ Rất có thể chước cám dỗ ấy liên hệ đến cuộc khủng hoảng xảy ra khi Dòng Anh Em Hèn Mọn đã trở nên đông đảo và không còn sống như thánh Phanxicô với những anh em tiên khởi.

Chúa dạy cùng những lời ca tụng Người mà tôi đã suy niệm trong lòng.” Những thứ ngài yêu cầu được mau chóng đem đến. Rồi ngài tự tay viết các lời Kinh ngợi khen Chúa và một số câu ngài ưa thích trong Kinh Thánh, kết thúc bằng một lời chúc lành cho người anh em ấy. Ngài bảo anh: “Anh cầm lấy mảnh giấy này, gìn giữ cẩn thận cho tới ngày lâm chung.” Con cảm động tức thì biến mất, lá thư được bảo tồn và sau này sẽ làm được nhiều điều kỳ diệu” (2 Cel 49).

Những gì đáng được biết thêm có liên hệ đến tiểu tác này, thì anh Lêô đã ghi thêm cho chúng ta bằng mực đỏ. Những ghi chú đó cũng được dịch và đăng lại ở phần cuối của chương này.

A. KINH NGỢI KHEN THIÊN CHÚA TỐI CAO⁷²

Trên thủ bút, nhiều chỗ trong lời kinh này không còn đọc được nữa, vì đã bị phai mờ theo thời gian. Bởi vậy các học giả đã phải dựa trên các bản sao khác để thiết lập bản văn nguyên thủy.

BẢN VĂN⁷³

⁷² Đầu đề bằng La ngữ: *Laudes Dei altissimi*, x. *SCRIPTA*, tr. 112. Chúng tôi đánh số theo hàng của bản văn La ngữ.

⁷³ Mặc dầu lời kinh này dâng lên Thiên Chúa Ba Ngôi, nhưng người ta cũng dễ dàng nhận ra được “lộ trình” chiêm ngưỡng của thánh Phanxicô: ngài chiêm ngắm trước hết những phẩm tính nơi Chúa Cha (thánh thiện, cao cả, toàn năng, vua trời đất, tình yêu, tốt lành), rồi những phẩm tính được thể hiện nơi Chúa Con (khiêm nhường, nhẫn nại, hiền hậu...), cuối cùng kết thúc: Thiên Chúa là Đấng Cứu Tinh nhân hậu. Thiên Chúa được chiêm ngắm không chỉ trong đời sống tự tại của Người,

- (1) Ngài thánh thiện, là Đức Chúa, Thiên Chúa duy nhất,
duy mình *Ngài làm nên những kỳ công* (Tv 76,15).
- (2) Ngài mạnh mẽ,
Ngài vĩ đại (x. Tv 85,10),
Ngài cao cả,
- (3) Ngài toàn năng, *lạy Cha thánh thiện* (Ga 17,11),
Ngài là *Vua thống trị trời đất* (x. Mt 11,25).
- (4) Ngài là Ba Ngôi và là Một Thiên Chúa⁷⁴,
là Đức Chúa, Thần trên mọi chư thần (x. Tv 135,2).
- (5) Ngài là sự thiện⁷⁵, tất cả sự thiện, sự thiện cao cả,
- (6) là Thiên Chúa hằng sống và chân thật (x. 1 Tx 1,9).
Ngài là tình yêu, là bác ái;
- (7) Ngài khôn ngoan. Ngài khiêm hạ.
Ngài *nhấn nại* (Tv 70,5).
- (8) Ngài đẹp. Ngài là chốn an toàn.
Ngài là chốn nghỉ ngơi,
- (9) Ngài là niềm vui, là niềm hân hoan,
Ngài là Đấng chúng con trông cậy,

mà chủ yếu như là Đấng hiến thân mình cho chúng ta (Tình yêu, Sự thiện, Vẻ đẹp, Niềm vui, Kho tàng sung mãn của chúng ta).

⁷⁴ *Trinus et Unus*: (dịch sát) Ngài là Ba và là Một.

⁷⁵ *Tu es bonum, omne bonum, summum bonum*. Chủ đề Thiên Chúa tốt lành được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong quyển Tác Phẩm: x. TTh II,62; TTD 10; Lksc 17,18; 23,9; KSt 11.

- ⁽¹⁰⁾ Ngài công chính và tiết độ.
Ngài là tất cả⁷⁶,
là kho báu làm chúng con mãn nguyện.
- ⁽¹¹⁾ Ngài đẹp. Ngài khoan dung,
- ⁽¹²⁾ Ngài là Đấng che chở (Tv 30,5),
gìn giữ và bảo vệ chúng con,
- ⁽¹³⁾ Ngài là sức mạnh. Ngài là nơi chúng con ẩn náu⁷⁷.
- ⁽¹⁴⁾ Ngài là Đấng chúng con trông cậy,
Ngài là Đấng chúng con tin tưởng,
Ngài là Đấng chúng con mến yêu.
- ⁽¹⁵⁾ Ngài là tất cả sự dịu ngọt của chúng con,
- ⁽¹⁶⁾ Ngài là sự sống đời đời của chúng con,
- ⁽¹⁷⁾ Ngài là Đức Chúa lớn lao và kỳ diệu,
là Thiên Chúa toàn năng,
là Đấng Cứu Tinh nhân hậu.

⁷⁶ Theo cha K. Esser (x. *Opuscula*, tr. 91) ta có "*omnia divitia nostra*" (tất cả kho tàng của chúng con). Theo cha C. Paolazzi, "*omnia*" tách ra khỏi "*divitia*": kiểu đọc này gọi lại câu nói của thánh Phaolô: "Ut sit Deus omnia in omnibus" (để Thiên Chúa là tất cả trong mọi loài", x. 1 Cr 15,28).

⁷⁷ *Refugium*: Bản của K. Esser, *Opuscula*: sự mát mẻ (*refrigerium*).

B. LỜI CHÚC LÀNH CHO ANH LÊÔ⁷⁸

Lời chúc lành này lấy lại nguyên văn công thức chúc lành mà Đức Chúa Giavê đã bảo ông Aharon, Thầy cả thượng phẩm trong thời Cựu Ước, phải dùng để chúc lành cho con cái Ítraen (x. Ds 6,24-26).

BẢN VĂN

- (1) Xin Chúa chúc lành và gìn giữ con.
Xin Người tỏ lộ dung nhan Người cho con
và thương xót con.
- (2) Xin Người ngoảnh mặt lại nhìn con
và ban cho con được bình an (Ds 6,24-26).
- (3) Xin Chúa chúc lành cho con, hỡi Lêô.

[Ở ngoài biên của bản văn "Lời chúc lành", chúng ta còn đọc những lời sau đây do anh Lêô viết thêm bằng mực đỏ]:

"Hai năm trước khi qua đời, thánh Phanxicô đã thực hiện một mùa tứ tuần trên núi La Verna, để mừng kính Đức Trinh nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, và Tổng lãnh Thiên thần Micaen, từ lễ Đức Mẹ lên trời cho tới lễ thánh Thiên thần Micaen trong tháng Chín; và Chúa đã đặt tay xuống trên người. Người đã được trông thấy và nói chuyện với một Thiên thần Seraphim và các dấu đinh của Đức Kitô đã được in vào thân thể người. Sau biến cố ấy, người đã sáng tác những lời ngợi khen này, được viết ra trên mặt kia của

⁷⁸ Đầu đề bằng La ngữ: *Benedictio fratri Leoni data*, x. *SCRIPTA*, tr. 116.

tờ giấy. Người đã tự tay viết ra để tạ ơn Thiên Chúa về hồng ân mà Thiên Chúa đã ban cho người".

Dưới "Lời chúc lành", anh Lêô còn thêm những lời sau đây bằng mực đỏ:

"Thánh Phanxicô đã tự tay viết lời chúc lành này cho tôi là Lêô.

"Cũng vậy, Người đã tự tay vẽ dấu ⁷⁹"T" này cùng với cái đầu"⁸⁰.

"XIN CHÚA CHÚC LÀNH CHO CON, HỒI LÊ T Ô"

(Ds 6,27b).

⁷⁹ Chữ T (hình thập giá của Chúa Giêsu) được ghi trên trán những người được cứu độ theo Ed 9,4; Phanxicô xem đó là dấu chỉ của đời hoán cải, nên thường vẽ trên các lá thư của ngài (x. 3 Cel II,3).

⁸⁰ Nhiều người nhận ra đó là cái đầu của một người đàn ông có râu và đội khăn, giống như cái đầu của vua Hồi giáo trên bức họa của Giotto. Nhiều sử gia nghĩ rằng cuộc chiến với những người Hồi giáo (lúc ấy còn tiếp tục tại phương Đông) và kỷ niệm về cuộc gặp gỡ với vua Hồi giáo Melek el Kamel (1219) vẫn hiện diện trong lời kinh của Phanxicô, một lời kinh đau đớn cho hòa bình. Và như vậy "tấm giấy" này lúc đầu được viết ra có lẽ không phải cho anh Lêô; nhưng dấu sao thì anh Lêô cũng đã được tiếp nhận nó, do chức cảm dỗ trầm trọng mà anh đã phải trải qua.

BÀI CA ANH MẶT TRỜI⁸¹

Bài ca anh Mặt Trời, cũng còn được gọi là Bài ca các thợ tạo là tác phẩm nổi tiếng nhất trong các tác phẩm của thánh Phanxicô. Theo chứng từ của những người bạn tiên khởi thì bài ca này được sáng tác trong những tháng đầu năm 1225, khi thánh nhân ở trong một túp lều gần đan viện San Damiano, đau đớn vì chứng đau mắt và các thứ bệnh khác, rồi còn bị quấy phá ngày đêm bởi lũ chuột. Trong hoàn cảnh đó, như để an ủi ngài, Thiên Chúa hứa ban cho ngài Nước Trời, nếu ngài kiên nhẫn chịu đựng. Sung sướng vì lời hứa đó, ngài đã sáng tác bài ca này (x. STAs 83).

Anh Tôma Cêlanô cũng đã nhiều lần nhắc tới bài ca này. Bản sao ở Assisi (As 338) xác nhận chứng tá của anh ấy khi viết: “Khởi đầu Bài ca các thợ tạo mà thánh Phanxicô đã sáng tác để ngợi khen và tôn vinh Thiên Chúa, khi người bị đau ở San Damiano”. Vì thế, mặc dầu bài ca này diễn tả một cách thâm thía cảm thức và tình yêu của thánh nhân đối với thiên nhiên, chúng ta cũng đừng quên rằng đây trước hết là một lời kinh, một lời kinh vừa có tính cách ngợi khen, vừa có tính cách cảm tạ...

Qua lời kinh này, người ta thấy huynh đệ đoàn của Phanxicô không chỉ là những bạn hữu chung quanh ngài, nhưng là một gia đình bao la trong đó mọi loài thợ tạo đều là anh chị em của nhau, vì tất cả đều phát xuất từ một Đấng Tạo Hóa, một Thiên Chúa là Cha nhân lành. Ngay cả cái chết về thể xác cũng trở thành một người

⁸¹ Đầu đề bằng tiếng Ý: *Cantico di frate Sole*, x. *SCRIPTA*, tr. 121.

chị hiền hòa, vì chị cũng hiện diện trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa: chị sẽ dẫn lối cho Phanxicô vào Nước Trời.

Về mặt văn chương, đây là di cao được sáng tác bằng tiếng Ý cổ xưa của vùng Umbria và đã được truyền đạt như thế trong các bản sao; nhưng trong nhiều bản, bài ca lại được dịch sang các thứ tiếng địa phương khác. Vì thế từ trước tới nay người ta khó tìm lại được bản văn nguyên thủy. Sau nhiều công trình nghiên cứu của các học giả, ngày nay người ta đã đạt tới một bản văn có thể được xem là rất gần với bản văn tiếng Ý thời xưa. Theo các học giả thì bài ca này gồm 33 câu có vần, có điệu. Vì thế chúng tôi theo cha C. Paolazzi đánh số theo hàng như trong bản tiếng Ý (chứ không theo câu như trong bản văn của cha K. Esser), mặc dầu làm như thế thì cách cắt câu làm cho âm điệu trong bản dịch tiếng Việt nhiều khi không trôi chảy.

Một chi tiết có thể gây khó khăn trong cách hiểu là từ **“per”** được dùng đến 10 lần trong bài ca này “Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi, vì (per)...”. Trong tiếng Ý thời xưa từ “per” có thể mang 3 nghĩa: **bởi**, hoặc là **vì**, hoặc là **nhờ**. Tôma Cêlanô (và Bônaventura) nhấn mạnh tới cách giải thích thứ nhất. Theo cách này thì Phanxicô mời gọi các thụ tạo ngợi khen Thiên Chúa (x. 2 Cel 165). Rõ ràng nhất là câu nói sau đây của Cêlanô: “Chính lúc đó – lúc cảm nhận được lời hứa cứu độ của Chúa – Ngài đã sáng tác Bài ca các thụ tạo để mời gọi tất cả cùng ca tụng Đấng Tạo Hóa theo cách của mình” (2 Cel 213). Nếu theo hướng này, thì ta phải dịch: “Ngợi khen Chúa **bởi** anh Mặt Trời... **bởi** chị Mặt Trăng...”. Còn Anh Lêô (và các bạn) thì đi theo cách giải thích thứ hai. Anh ghi lại câu nói của thánh Phanxicô: “Khi mặt trời mọc, mọi người phải ca ngợi Thiên

Chúa vì Người đã dựng nên ngôi sao ấy vì phần ích lợi của chúng ta: chính nhờ nó mà ban ngày con mắt chúng ta được soi sáng... Khi đêm về, mọi người phải ca ngợi Thiên Chúa vì thụ tạo kia là anh Lửa; nhờ anh, trong bóng tối, mắt chúng ta mới thấy rõ... Vì các thụ tạo này và vì muôn loài khác, chúng ta phải đặc biệt ca ngợi Đấng Tạo Hóa vinh hiển của chúng" (x. Gương tròn lành, 119.120). Theo hướng này, thì ta phải dịch: "Ngợi khen Chúa, vì [Chúa đã dựng nên] anh Mặt Trời... chị Mặt Trăng". Theo cha C. Paolazzi thì "per" có nghĩa là "**nhờ phương tiện**" ("per mezzo di": nghĩa thứ ba của từ "per"), chứ không mang nghĩa lý do.

Khi dịch thì phải chọn. Chúng tôi đã chọn cách dịch từ "per" là "**vì**", theo lời giải thích của chính thánh Phanxicô mà anh Lêô ghi lại, mặc dầu vẫn nghĩ rằng các cách giải thích kia không loại trừ nhau, nhưng bổ túc cho nhau.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Lạy Thiên Chúa Tối Cao, Toàn Năng và Tốt Lành,
Mọi lời ngợi khen, vinh quang, danh dự và chúc tụng
đều thuộc về Ngài, và xứng hợp cho riêng mình Ngài,
lạy Đấng Tối Cao, và không ai xứng đáng gọi Danh Ngài.

⁽⁵⁾ Ngợi khen Chúa⁸², lạy Chúa tôi,
với muôn loài thụ tạo,

⁸² *Laudato sie*: (dịch sát) Ước gì Chúa được ngợi khen (hiểu ngầm: bởi mọi người chúng con) **hiệp nhất với** muôn loài thụ tạo.

đặc biệt nhất ông anh⁸³ Mặt Trời,
Anh là ngày, nhờ anh, Ngài soi chiếu chúng tôi,
Anh đẹp và tỏa ánh rạng ngời,
Anh tượng trưng Ngài, lạy Đấng Tối Cao⁸⁴.

⁽¹⁰⁾ Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi, vì⁸⁵ chị Trăng và
muôn Sao Chúa dựng trên nền trời:
lung linh, cao quý và diễm lệ.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi, vì Anh Gió, Không Khí
và Mây Trời, cảnh thanh quang và bát tiết tứ thời,
nhờ anh⁸⁶, Chúa bảo tồn muôn vật.

⁽¹⁵⁾ Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi, vì chị Nước,
thật lợi ích và khiêm nhu, quý hóa và trinh trong.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi,
vì anh Lửa, nhờ anh, Chúa sáng soi đêm,
Anh đẹp và vui tươi, cường tráng và mạnh mẽ.

⁸³ Mặt Trời có tước hiệu là “Đức ông” (*messor, mi signore*), nhưng cũng là *anh*: cao cả và đồng thời gần gũi, như Thiên Chúa mà ông anh là dấu chỉ.

⁸⁴ Có lẽ câu Tv 84,12: “Thiên Chúa là vàng thái dương” đã gợi ý cho thánh Phanxicô sáng tác câu này.

⁸⁵ “*Per*”: xem lời dẫn nhập. Lưu ý là các yếu tố âm và dương (chị, anh) nối tiếp nhau một cách hài hòa.

⁸⁶ Gió, Không Khí, Mây và thời tiết được kể như *một* nhân vật.

(20) Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi, vì Chị chúng tôi,
là Mẹ Đất⁸⁷, Mẹ đỡ nâng, Mẹ dưỡng nuôi⁸⁸,
Mẹ sản sinh bao trái trắng,
hoa muôn sắc giữa ngàn cỏ dại.
Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi,
vì những người biết thứ tha nhân danh tình yêu Chúa,
và cam chịu bệnh tật, ưu phiền.

(25) Phúc cho ai chấp nhận trong an hoà,
vì, lạy Đấng Tối Cao, Ngài sẽ thưởng triều thiên⁸⁹.

Ngợi khen Chúa, lạy Chúa tôi,
vì chị Chết đang đợi chờ thân xác⁹⁰,
Phàm nhân không ai thoát khỏi.

⁸⁷ Đất là *chị*, vì cũng được Thiên Chúa dựng nên, và đồng thời là *mẹ*, vì Đất sinh sản các thứ hoa màu cho muôn loài sinh sống.

⁸⁸ “*Governa*”: (dịch sát) điều hành; động từ này, kể cả trong tiếng Ý ngày nay nhất là tại các vùng nông thôn, được dùng theo nghĩa là “săn sóc”, “cho các con vật ăn”, x. J. Dalarun & autres, *Francois d’Assise. Ecrit, Vies, Témoignages*, tome I, tr. 173, chú thích 2.

⁸⁹ Vị Thiên Chúa mà thánh Phanxicô ca ngợi không chỉ là *Đấng Tạo Hóa* (x. các câu trên), mà còn là *Đấng Cứu Độ*, Đấng sẽ ban vinh quang cho con người, vì Người sẽ thưởng công cho những kẻ biết tha thứ và biết kiên nhẫn chịu đựng gian khổ; nhất là Người đã biến đổi sự chết để rồi con người, qua sự chết, có thể đến với Người.

⁹⁰ Bài ca anh Mặt Trời diễn tả không những sự hòa giải giữa con người với các thụ tạo, mà còn giữa con người với con người, và sâu xa hơn nữa là giữa con người với chính bản thân mình: con người đón nhận

Bất hạnh người khi lâm chung,
Tội tình còn mang nặng!

⁽³⁰⁾Phúc thay ai trong giờ chị tới,
Thánh ý Ngài vẫn quyết tuân theo,
Chết thứ hai⁹¹ không làm hại được.

Hãy ngợi khen và chúc tụng Chúa tôi,
Hãy tạ ơn và phụng sự Người với trọn lòng khiêm hạ.

sự chết như “một người chị” hiền hòa để rồi nhờ chị, con người tiến đến với Đấng Tối Cao. Trong viễn ảnh này Mặt Trời và “Bóng tối tử thần” không còn xung khắc nhau nữa.

⁹¹ Xem: *Kh* 2,11; 20,6; 21,8. Theo sách Khải huyền, đó là cái chết cuối cùng và vĩnh viễn; được gọi là *cái chết thứ hai*, để đối lập với cái chết thể xác là cái chết đầu tiên.

BÀI CA GỬI CHO CÁC CHỊ EM THÁNH CLARA⁹²

Bản văn này không có trong ấn bản truy nguyên 1976 và 1978 của cha K. Esser, vì mới được phát hiện sau. Thời điểm của di cảo này là sau Bài ca anh Mặt Trời, nghĩa là cuối 1225 hoặc đầu 1226. Sưu tập Assisi kể: “Vào thời ấy, và cũng trong tu viện ấy (tức San Damiano), sau khi đã sáng tác ‘Bài ca ngợi khen Thiên Chúa về các thọ tạo’, thánh Phanxicô đã soạn ra một vài lời thánh thiện cùng với cung điệu, để an ủi các Quý Bà Nghèo tại đan viện San Damiano, vì ngài biết cơn bệnh của ngài đã làm các Bà ấy rất buồn” (x. StAs 85; GTI 90). Sưu tập Assisi cũng quảng giải ý nghĩa những lời khuyên bảo của thánh Phanxicô.

Những “lời thánh thiện với cung điệu” (sancta verba cum cantu) đã không gây chú ý của những người sao chép và in ấn, mãi cho đến năm 1976 chị Clara Augusta Lainati (nữ tu Dòng Thánh Clara tại Assisi) và cha Gioan Boccali đã phát hiện hai bản sao tại đan viện các nữ tu Clara ở Novaglie (gần Verona). Bản văn bắt đầu bằng các từ “Audite, poverelle” (“Hãy nghe đây, hỡi các cô bé nhỏ nghèo khó”). Tuy truyền thống bản sao ít ỏi, nhưng các học giả đã chứng minh một cách thuyết phục tính xác thực của bản văn, nên từ nay nó được xếp vào số các tác phẩm đích thực của thánh Phanxicô.

Tác phẩm này cũng được thánh Phanxicô sáng tác bằng tiếng địa phương Umbria của nước Ý, có vần có điệu nên được gọi là một

⁹² Đầu đề bằng tiếng Ý: *Audite, poverelle*, x. *SCRIPTA*, tr. 127.

bài ca, nhưng nội dung của nó là những lời khuyên bảo và nhấn nhủ. Với thứ ngôn ngữ thi thơ, bản văn này hòa nhịp một cách sâu xa với lối sống của đan viện San Damiano.

BẢN VĂN

- ¹ Hãy nghe đây, hỡi các cô nương nghèo khó
được Chúa kêu mời⁹³, quy tụ từ nhiều nơi:
Hãy luôn sống trong chân lý⁹⁴,
để chết đi trong vâng lời⁹⁵.

⁹³ Các chị em nghèo khó, không phải do hoàn cảnh xã hội, nhưng do ơn Chúa gọi và do mình đã chọn lựa.

⁹⁴ Phanxicô thường liên kết hai từ *chân lý* và *tinh thần* dựa theo câu nói của Chúa Giêsu trong Ga 4,23 (x. TTh II,19.20; Lksc 22,31). Từ đó ta hiểu “sống trong chân lý” là sống trong Đức Kitô, sống theo mặc khải của Người, để rồi “chết trong vâng lời” như Đức Kitô (x. TTh II,10; TTD 46).

⁹⁵ Chương trình sống được cô đọng trong hai câu thơ: đi theo Chúa Kitô là “con đường, là *sự thật* và là *sự sống*” (Ga 14,6), để rồi có thể chết như Người, “Đấng đã hiến mạng sống mình để khỏi lỗi đức tuân phục với Chúa Cha chí thánh” (TTD 46).

- 5 Dừng nhìn theo cuộc sống bên ngoài⁹⁶,
 Đời tinh thần⁹⁷ thì tốt đẹp hơn.
 Xin chị em vì tình yêu cao cả
 Thận trọng⁹⁸ dùng của bố thí Chúa ban.
 Hối những ai mang bệnh tật nặng nề,
 10 và những ai phải chăm sóc mệt mỏi,
 xin mọi người cam chịu trong bình an,
 Nổi nhọc nhằn được bán với giá đắt⁹⁹:
 Mỗi người sẽ lãnh triều thiên hoàng hậu,
 13 Trên trời cao cùng Trinh Mẫu Maria¹⁰⁰.

⁹⁶ *Vita de fore*: có thể hiểu là đời sống ngoài đan viện với những bận tâm và lo lắng, đồng thời cũng có thể hiểu là lối sống đạo đức bề ngoài như thánh Phanxicô đã cảnh cáo anh em: “Tinh thần thể tục... không tìm kiếm lòng đạo đức và thánh thiện nội tâm, nhưng lại ước muốn thứ đạo đức và thánh thiện bề ngoài” (*Lksc XVII,12*).

⁹⁷ *Quella (vita) dello spirito*: “đời tinh thần” ở đây có thể được hiểu là đời sống theo Thánh Khí, khác với đời sống thể gian bên ngoài đan viện.

⁹⁸ *Discretione*: Phanxicô đặc biệt xin các chị em phải “sáng suốt”, cung cấp cho thân xác lương thực đầy đủ từ những của bố thí Chúa ban, với tâm tình vui vẻ và tri ân (x. *StAs* 85).

⁹⁹ Kiểu nói này có nghĩa: Thiên Chúa sẽ trả công bội hậu. Mùa đông nọ, thấy Phanxicô rét run, có người chế nhạo: “Hãy bán cho tôi một xu mồ hôi”; thánh nhân trả lời: “Mồ hôi của tôi, tôi đã bán cho Chúa rồi, và với giá rất đắt” (x. *Bnb* 23). Các kiểu nói trong bài ca này phản ánh kinh nghiệm sống của Phanxicô.

¹⁰⁰ Ôn gọi của chị em phỏng theo và tiếp nối ơn gọi của Đức Trinh nữ Maria. Đức Maria được gọi là “Ái nữ và Nữ tì của Đức Vua rất cao cả”

PHẦN II

CÁC THƯ

(x. *KMN I, Điệp ca*); còn các chị em, “nhờ ơn Chúa soi sáng, chị em đã hiến thân mình để trở thành ái nữ và nữ tì của Đức Vua rất cao cả” (*MmCl* 1). Vì thế trên trời, các chị em cũng sẽ được đội triều thiên hoàng hậu như Đức Maria.

THƯ GỬI CÁC GIÁO SĨ¹⁰¹

Trong các thư của thánh Phanxicô mà người ta còn giữ lại được thì “Thư gửi cho các giáo sĩ” là lâu đời nhất. Bản văn của thư này được giữ lại dưới hai hình thái. Hình thái thứ nhất nằm trong quyển sách lễ của đan viện thánh Bê-nê-đictô ở Subiacô (trước năm 1238): sách này ngày nay được cất giữ tại thư viện Vallicenliana ở Rôma. Hình thái thứ hai nằm trong các bản sao khác.

Lá thư đã được viết sau Sắc chỉ “Sane cum olim” của Đức Giáo hoàng Hônôriô III (22/11/1219), vì có nhiều quy chiếu kín đáo tới sắc chỉ này. Bản văn thứ nhất được sao chép có lẽ trực tiếp từ thủ bút hoặc là bản văn nguyên thủy của thánh Phanxicô, vì ở phía dưới trang có hình vẽ chữ “T”, dấu hiệu mà thánh nhân thường dùng như chữ ký dưới các lá thư và thường vẽ lên tường các phòng ở (x. 3 Cel 3,4). Bản văn thứ hai được chép một thời gian sau đó, từ một di bản khác và được phổ biến với một vài sửa đổi. Những sửa đổi này nhằm nhắc lại một cách rõ ràng hơn “những giới răn của Chúa” và “những quy luật của Hội Thánh”, đồng thời nhấn mạnh tới trách nhiệm của người gửi và của người nhận (không chỉ là “các giáo sĩ... buộc phải tuân giữ”, mà là “tất cả chúng ta... phải tuân giữ”).

Thư gửi các giáo sĩ phản ánh lời nhắn nhủ tha thiết của Công đồng Latêranô IV (1215) về sự hiện diện chân thật của Con Thiên Chúa trong “Mình và Máu của Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô”,

¹⁰¹ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad clericos*, x. *SCRIPTA*, tr. 136.

đồng thời việc quan tâm gìn giữ cẩn thận bàn thờ, các chén thánh, khăn thánh và những nơi cất giữ Mình thánh. Năm 1219, trong sắc chỉ “Sane cum olim”, Đức Giáo hoàng Hônôriô III nhắc lại những nghị quyết của Công đồng Latêranô IV liên hệ đến Bí tích Thánh Thể. Người than phiền sự cầu thả và thiếu tôn kính của một số giáo sĩ đối với Bí tích Thánh Thể; rồi người yêu cầu các giáo sĩ phải cất giữ Mình thánh Chúa ở những nơi sạch sẽ và tôn nghiêm, phải tôn kính Mình thánh Chúa như thể nào khi ban phát cho kẻ khác, cũng như khi đưa Mình Chúa cho các bệnh nhân, phải thường xuyên dạy cho dân tỏ lòng tôn kính như thế nào đối với Bí tích trọng đại ấy.

Những lời nhấn nhủ của Công đồng cũng như của Đức Giáo hoàng diễn ra trong một bối cảnh rộng rãi hơn, đó là Giáo Hội đang phải đấu tranh với các nhóm lạc giáo. Những người Vaudois phản đối chức năng của các linh mục trong việc truyền phép Thánh Thể, còn những người Cathares (Trong Sạch) lại phủ nhận các bí tích, vì trong các bí tích có yếu tố vật chất.

Lá thư của thánh Phanxicô gửi cho các giáo sĩ phản ánh những lời nhấn nhủ của Công đồng Latêranô IV và của Đức Giáo hoàng Hônôriô III, đồng thời cũng biểu lộ lòng yêu mến nồng nàn của thánh nhân đối với bí tích Bàn thờ, vì nhờ bí tích ấy chúng ta gặp được Con Thiên Chúa “một cách cụ thể”. Bởi thế, ngài muốn bí tích ấy phải được yêu mến và tôn kính một cách đặc biệt. Thánh nhân cũng nói như thế về những lời của Chúa được ghi chép, “những lời đã tạo dựng nên chúng ta và cứu rỗi chúng ta, đưa chúng ta từ cõi chết đến cõi sống”. Đối với thánh nhân, Đức Chúa và là Đấng Cứu Chuộc chúng ta đang hiện diện một cách chân thật trong bí tích

Thánh Thể và trong những lời Kinh Thánh. Cách diễn tả các mẫu nhiệm đức tin này mang hương vị thần học của các thánh Giáo phụ hơn là của Kinh viện.

Thư này là thư duy nhất trong các thư của Phanxicô không có những yếu tố ngoại tại mang hình thức một lá thư.

BẢN VĂN I¹⁰²

⁽¹⁾ Chúng ta tất cả là giáo sĩ, hãy để ý mà xem: nhiều người xúc phạm nặng nề và tỏ ra vô ý thức đối với Mình và Máu cực thánh của Chúa Giêsu Kitô cũng như đối với các bản văn ghi chép các danh hiệu và các lời rất thánh thiêng: chính những lời ấy thánh hóa thân mình [Chúa Kitô]. ⁽²⁾ Chúng ta biết rằng không thể có thân mình Chúa, nếu trước tiên không có lời thánh hóa¹⁰³. ⁽³⁾ Thật vậy, chúng ta không có cũng không thấy được điều gì cụ thể¹⁰⁴ về chính Đấng Tối

¹⁰² Bản văn II cũng giống như bản gốc I, trừ các chi tiết quan trọng được in nghiêng và đậm ở các câu 4, 5 và 13 và sẽ được lưu ý trong mỗi trường hợp.

¹⁰³ Động từ “thánh hóa” (*sanctificare*) quy về lời kinh mà linh mục đọc trước khi truyền phép: “Vì thế, chúng con nài xin Chúa dùng ơn Thánh Thần Chúa *thánh hóa* những của lễ này, để trở nên cho chúng con Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con” (x. Kinh nguyện Thánh Thể II).

¹⁰⁴ *Corporaliter*: theo thể xác. Các nhà thần học trong thế kỷ 12 dùng từ này để ám chỉ “thân mình” của Đức Kitô hiện diện trong Bí tích Thánh Thể. Thánh Phanxicô áp dụng từ này không chỉ cho Bí tích Thánh Thể, mà còn cho “những danh hiệu và những Lời của Chúa”.

cao ở đời này, ngoài Minh và Máu, những danh hiệu và những lời của Ngài, nhờ đó chúng ta đã được dựng nên, được cứu thoát khỏi sự chết và dẫn đưa vào cõi sống (x. 1 Ga 3,14).

⁽⁴⁾ Vậy xin tất cả những ai có bốn phận ban phát các nhiệm tích cực thánh ấy, nhất là những vị hành động *bất chấp qui luật*¹⁰⁵, hãy nghĩ lại mà xem: các chén thánh, khăn thánh và khăn bàn thờ trên đó Minh và Máu *Người*¹⁰⁶ được hiến tế, thật là tội tàn. ⁽⁵⁾ Nhiều vị *đặt và bỏ mặc*¹⁰⁷ Minh Chúa ở những nơi bẩn thỉu, thiếu tôn kính lúc mang đi, bất xứng lúc chịu lấy và cầu thả khi ban phát cho kẻ khác. ⁽⁶⁾ Nhiều khi người ta còn giẫm đạp lên những bản văn ghi chép các danh hiệu và các lời của Chúa; ⁽⁷⁾ bởi vì *con người vốn sống theo tính tự nhiên thì không nhận ra những gì thuộc về Thiên Chúa* (x. 1 Cr 2,14).

⁽⁸⁾ Trước thảm trạng ấy chúng ta không xúc động với chút tâm tình *sùng hiếu*¹⁰⁸ hay sao, khi chính Chúa *nhân từ* phó mình trong tay chúng ta, và chúng ta cầm lấy Ngài và tiếp nhận Ngài mỗi ngày trên môi miệng? ⁽⁹⁾ Hay chúng ta

¹⁰⁵ *Illicite*. Bản văn II: *indiscrete*, một cách cầu thả, thiếu sự phân biệt.

¹⁰⁶ *Ejusdem*. Bản văn II: *Domini nostri*: của Chúa chúng ta.

¹⁰⁷ *Collocatur et relinquitur*. Bản văn II: không có "*collocatur et*".

¹⁰⁸ *Pietas*. Trong câu này Phanxicô nhấn mạnh tới lòng *nhân từ* của Chúa (*pious Dominus*). Vì thế con người cũng phải đáp trả bằng lòng *sùng hiếu* (*pietas*), tức là lòng hiếu thảo đượm tình yêu mến.

lại chẳng biết rằng chúng ta phải đến trong tay Người sao?
⁽¹⁰⁾ Vậy chúng ta hãy mau mắn và quyết tâm sửa chữa các tệ
 tục đó và những điều tương tự. ⁽¹¹⁾ Ở đâu người ta cất giữ
 hoặc bỏ mặc Thân Mình rất thánh của Chúa Giêsu Kitô
 chúng ta một cách bất quy tắc, chúng ta hãy đem đi, đặt vào
 chỗ quý báu có khóa cẩn thận¹⁰⁹. ⁽¹²⁾ Đối với các bản văn ghi
 chép những danh hiệu và những lời của Chúa, thì cũng thế:
 hãy chúng ta bắt gặp ở những chỗ dơ bẩn, chúng ta hãy khâu
 lại và cất vào nơi xứng hợp.

⁽¹³⁾ Tất cả những điều này, *hết mọi giáo sĩ buộc phải tuân
 giữ đến cùng* và trên hết mọi sự¹¹⁰. ⁽¹⁴⁾ Những ai không làm
 như vậy, xin hãy *biết*¹¹¹ rằng họ sẽ phải trả lễ trước mặt Đức
 Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, trong ngày phán xét (x. Mt 12,36).

⁽¹⁵⁾ Những ai sao chép bản văn này để mọi người tuân giữ
 hoàn hảo hơn, xin hãy biết rằng Thiên Chúa sẽ chúc lành cho.

¹⁰⁹ Câu này phản ánh điều khoản 20 của Công đồng Latêranô IV (1215) buộc phải cất giữ Mình thánh Chúa cũng như Dầu thánh vào những chỗ an toàn, có khóa cẩn thận, để khỏi bị kẻ vô đạo xâm phạm.

¹¹⁰ Câu 13 trong bản văn II như sau: “*Chúng ta biết, chúng ta phải tuân giữ các điều này trên hết mọi sự, theo các giới răn của Chúa và các qui luật của Hội Thánh, Mẹ chúng ta*”. Câu này không chỉ nhằm “hết các giáo sĩ” mà là “hết thầy chúng ta”, đang khác muốn nhắc lại cách rõ ràng hơn sắc chỉ: “*Sane cum olim*” (22-11-1219) của Đức Giáo hoàng Hônôriô III.

¹¹¹ *Fecerint, sciant* (làm... biết): động từ ở số nhiều. Bản văn II: *fecerit, sciat*: động từ ở số ít.

THƯ I GỬI CÁC ANH PHỤC VỤ¹¹²

THƯ I

Hai thư trong nhóm các sứ điệp bằng thư tín mà thánh Phanxicô gửi đi, sau khi trở về từ phương Đông (1220), đều được gửi cho “Toàn thể các anh Phục vụ của các Anh Em Hèn Mọn”. Thư I này đến với chúng ta nhờ một chứng tích duy nhất, đó là bản sao 225 được giữ tại thư viện của thành phố Volterra (Ý). Bản sao này được thực hiện vào giữa thế kỷ XIII. Học giả Paul Sabatier là người đầu tiên đã phát hiện và cho xuất bản năm 1902. Mặc dầu hiện thời chỉ có một chứng tích duy nhất đó, tuy nhiên ngôn ngữ và nhiều chỉ dẫn cho thấy đó là một di cảo đích thực của thánh Phanxicô: ví dụ kiểu nói tiền kinh viện “thánh hóa” (“sanctificare” hoặc “sacrificare”, thay vì từ “consecrare” mà các thần học gia Kinh viện dùng), để chỉ sự kiện biến thể trong bí tích Thánh Thể, rồi chín câu nói (trong bản văn La ngữ) bắt đầu bằng chữ “Và”, nhất là chính Phanxicô tự giới thiệu mình là tác giả của bức thư (câu 1).

Về nội dung thư này có tương quan một phần với “Thư gửi các giáo sĩ”, trong đó Phanxicô mời gọi các giáo sĩ hãy tôn kính “Mình và Máu cực thánh” cũng như “những bản văn ghi chép những danh hiệu và những lời của Chúa”, phần khác với “Thư gửi các nhà lãnh đạo nhân dân”, trong đó người khuyến khích các vị ấy trong ngày hãy đánh chuông “để mời gọi toàn thể dân chúng khắp nơi dâng lên Thiên Chúa toàn năng lời ngợi khen và tạ ơn”: đây là tập

¹¹² Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad custodes I*, x. *SCRIPTA*, tr. 146.

tục của những người Hồi giáo mà thánh nhân thấy được lúc ở phương Đông.

Thư này được gửi cho tất cả các Phụ trách Dòng Anh Em Hèn Mọn. Tiếng “custos” ở đây có nghĩa là người phục vụ, người gìn giữ anh em (x. Lsc 8,2; TTD 2), chứ chưa có nghĩa chính xác là “giám hạt” như sau này.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Cùng toàn thể các anh Phục vụ của các Anh Em Hèn Mọn, những người sẽ nhận bức thư này, anh Phanxicô, người tôi tớ bé nhỏ của anh em trong Thiên Chúa, xin kính chào các anh cùng với các dấu mới lạ của trời đất¹¹³, lớn lao và rất cao cả đối với Thiên Chúa, nhưng nhiều tu sĩ và nhiều người khác lại coi thường.

⁽²⁾ Tôi tha thiết đối với điều sau đây hơn là đối với chính bản thân tôi: đó là xin anh em, mỗi khi thấy là hợp lý và hữu ích, hãy khiêm tốn xin các giáo sĩ trên hết mọi sự, phải tôn kính Mình và Máu cực thánh của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, cùng các danh hiệu và các lời thánh thiêng của Người đã được viết ra để thánh hóa Mình Người. ⁽³⁾ Xin các ngài hãy coi trọng các chén thánh, khăn thánh, các đồ trang hoàng bàn thờ và tất cả những gì liên hệ đến việc tế lễ. ⁽⁴⁾ Nếu Mình cực thánh Chúa để ở nơi nào tồi tàn thì, theo lời Hội Thánh truyền dạy, xin các ngài hãy cất vào chỗ quý báu

¹¹³ Qua kiểu nói “các dấu mới lạ trên trời dưới đất”, thánh Phanxicô muốn ám chỉ Bí tích Thánh Thể (và Lời Chúa).

và khóa lại cẩn thận; khi mang Minh thánh đi đâu, phải hết lòng cung kính và khi ban phát cho kẻ khác, phải hết sức thận trọng.⁽⁵⁾ Còn những bản văn ghi chép các danh hiệu và các lời của Chúa, nếu nằm ở những nơi nhơ bẩn, thì xin các ngài thu lại và để vào nơi xứng hợp.

⁽⁶⁾ Mỗi khi giảng dạy, xin anh em hãy thúc giục dân chúng hoán cải và nhắc nhở họ rằng: không ai có thể được cứu rỗi nếu không tiếp rước Minh và Máu cực thánh của Chúa (x. *Ga* 6,54).⁽⁷⁾ Khi linh mục tế lễ trên bàn thờ hoặc mang Minh Chúa đi nơi nào, thì mọi người hãy quì gối dâng lời ngợi khen, vinh quang và danh dự lên Chúa là Thiên Chúa hằng sống và chân thật.⁽⁸⁾ Để mọi người nhớ ngợi khen Chúa, anh em hãy thông báo và giảng dạy cho mọi người biết: vào bất cứ giờ nào, khi nghe chuông, toàn thể dân chúng trên toàn cõi đất hãy dâng lên Thiên Chúa toàn năng lời ngợi khen và tạ ơn.

⁽⁹⁾ Tất cả các anh Phục vụ, khi nhận được thư này mà sao chép và giữ bên mình và nhờ người sao chép cho những anh em có nhiệm vụ rao giảng và gìn giữ anh em, lại biết truyền bá cho đến cùng những điều được viết trong bức thư, thì xin hãy biết rằng, các anh sẽ nhận được sự chúc lành của Thiên Chúa và của tôi.⁽¹⁰⁾ Xin các anh hãy làm như vậy vì đức vâng lời chân thật và thánh thiện. Amen.

THƯ GỬI CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN¹¹⁴

Cho tới bây giờ, bản văn bằng La ngữ của bức thư này chỉ được giữ lại nhờ một sử gia danh tiếng của Dòng Anh Em Hèn Mọn và cũng là Tổng Phục vụ của Dòng (từ 1579-1587) là Francesco Gonzaga: anh đã cho xuất bản bức thư năm 1587. Sau đó vào năm 1623 anh Luca Wadding nói là anh nhận được một bản sao bằng tiếng Tây Ban Nha do một người bạn từ Rôma gửi cho: điều này không có gì trái nghịch với chứng tá của Gonzaga. Bản văn bằng La ngữ của Gonzaga và bản văn bằng tiếng Tây Ban Nha của Wadding chỉ khác nhau ở hai chi tiết. Hiện thời người ta vẫn chưa tìm ra được một bản sao bằng La ngữ lâu đời hơn để xác nhận truyền thống mong manh này. Do đó, nhiều học giả cho rằng bức thư này đáng nghi ngờ. Nhưng dựa vào những chứng tá ngoại tại (x. Thư gửi các anh Phục vụ II,6) và nội tại, chúng ta có thể khẳng định bức thư này là của thánh Phanxicô.

Người ta cũng không thể bác bỏ tính xác thực của bức thư, viện lý rằng việc gửi những lời khuyên bảo như thế cho các vị lãnh đạo cấp cao thời ấy không thích hợp với hình ảnh con người Phanxicô khiêm nhường và đơn sơ. Theo quyển Truyện ký II của Cêlanô, chúng ta được biết là Phanxicô đã muốn tới gặp đích thân hoàng đế để xin cho ban hành một khoản luật nhằm bảo vệ các chim én và ưu

¹¹⁴ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad populorum rectores*, x. SCRIPTA, tr. 150.

đãi một cách đặc biệt chim chóc cùng bò, lừa trong đêm Chúa ra đời (2 Cel 200).

Thư này mời gọi các nhà lãnh đạo nhân dân hãy nghĩ tới số phận phải chết của tất cả mọi người và sự phán xét của Chúa sau đó, đừng vì “những bận tâm và công việc ở đời này mà lãng quên Chúa”, hãy tiếp rước Mình và Máu cực thánh của Chúa và hãy làm một dấu hiệu công khai để mời gọi dân chúng dâng lời ngợi khen và tạ ơn Chúa. Như ta thấy, thư này có liên hệ với một số thư khác (Thư gửi các Giáo sĩ I và II, Thư gửi các anh Phục vụ I và II, Thư gửi Toàn Dòng): mối liên hệ ấy chứng tỏ là các thư ấy được viết sau khi thánh Phanxicô ở phương Đông về (1220) - nơi mà ngài đã có thể biết được một số tập tục của các tín hữu Hồi giáo (x. c. 7) và sau Sắc chỉ “*Sane cum olim*” của Đức Giáo hoàng Hônôriô III liên hệ đến Bí tích Thánh Thể (1219).

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Cùng toàn thể các vị thị trưởng¹¹⁵ và nghị viên, các vị thẩm phán, các vị thống đốc trên khắp hoàn cầu, và tất cả

¹¹⁵ Các chức tước này phản ánh cơ cấu chính quyền tại nước Ý thời Trung cổ. Đơn vị hành chính lúc bấy giờ là thị trấn (thành phố).

Potestas: thị trưởng, được bầu chọn một năm, cai quản cư dân một thị trấn, về mặt hành chính cũng như quân sự.

Consul: nghị viên thường đóng vai trò cố vấn.

Judex: thẩm phán, nhân viên của chính quyền trong các tòa án, thường có quyền rất lớn.

những vị sẽ nhận được bức thư này, tôi là anh Phanxicô¹¹⁶, người tôi tớ trong Thiên Chúa của quý vị, bé nhỏ và đáng khinh dể, xin gửi lời kính chào và cầu chúc bình an cho tất cả quý vị.

⁽²⁾ Xin quý vị hãy nghĩ xem: ngày chết đã tới gần (*St 47,29*).

⁽³⁾ Bởi thế, tôi nài xin quý vị với lòng cung kính theo khả năng của tôi, đừng vì bận tâm lo lắng công việc đời này mà lãng quên Thiên Chúa và xa lìa các giới răn của Người, vì tất cả những ai lãng quên Người và *xa lìa các giới răn Người, sẽ bị chúc dữ và bị Người lãng quên* (x. *Tv 118,21; Ed 33,13*). ⁽⁴⁾ Khi ngày chết đến, mọi thứ họ nghĩ mình sở hữu đều sẽ bị tước mất (x. *Lc 8,18*). ⁽⁵⁾ Và họ càng khôn ngoan và càng đầy quyền lực ở đời này bao nhiêu, thì càng phải chịu những cực hình lớn lao hơn trong hỏa ngục bấy nhiêu (x. *Kn 6, 7*).

⁽⁶⁾ Vì vậy tôi tha thiết khuyến cáo quý vị là những tôn chủ của tôi, hãy dẹp bỏ mọi bận tâm lo lắng, *hãy thật lòng hoán cải*¹¹⁷ và tiếp rước Mình rất thánh và Máu rất thánh của Chúa

Rector: thống đốc, những vị lúc đầu điều hành các tàu, thuyền, về sau cai quản một vùng đất.

¹¹⁶ *Frater Franciscus*: Chẳng những đối với anh em trong huynh đệ đoàn, mà cả đối với những người ngoài (rồi cả với các loài thọ tạo), Phanxicô luôn luôn tự xem mình trước hết là người anh em (*frater*) của mọi người (và mọi loài) trong đại gia đình của Thiên Chúa, chứ không phải như tu sĩ của một Hội dòng.

¹¹⁷ *Hãy thật lòng hoán cải*: khác với cha K. Esser, cha C. Paolazzi đưa câu này vào trong bản văn chính thức; nó nằm trong bản văn bằng tiếng

Giêsu Kitô cách ngay lành, để tưởng nhớ tới Người một cách thánh thiện. ⁽⁷⁾ Giữa lòng dân chúng mà Thiên Chúa đã ủy thác cho quý vị, quý vị hãy dâng lên Người vinh dự lớn lao này là mỗi buổi chiều hãy nhờ một nhân viên rao lệnh hoặc một dấu hiệu nào khác thông báo cho toàn dân biết bốn phần ngợi khen và tạ ơn Chúa, là Thiên Chúa toàn năng¹¹⁸. ⁽⁸⁾ Nếu quý vị không làm như thế, thì xin hãy biết rằng: quý vị sẽ phải *trả lễ* trước mặt Đức Giêsu Kitô là Thiên Chúa của quý vị *trong ngày phán xét* (x. Mt 12,36).

⁽⁹⁾ Những vị nào cất giữ thư này bên mình và đưa ra thực hành, thì xin hãy biết là quý vị được Thiên Chúa ban phúc lành cho.

Tây Ban Nha của L. Wadding, chứ không có trong bản văn La ngữ của Gonzaga.

¹¹⁸ Lời khuyên này cho thấy ảnh hưởng của thể giới Hồi giáo mà Phanxicô đã có dịp tiếp xúc: từ các đền thờ Hồi giáo, mỗi ngày năm lần có dấu hiệu (*sâ-lat*) mời gọi các tín hữu thờ phượng Đấng Allah. Chỉ vào giữa thế kỷ XIII, trong thể giới Kitô giáo, trước hết tại Ý và trong các cộng đoàn Anh Em Hèn Mọn, mới có tập tục đánh chuông mỗi ngày ba lần để mời gọi các tín hữu đọc Kinh Truyền Tin.

THƯ II GỬI CÁC ANH PHỤC VỤ¹¹⁹

Trong số các thư mà thánh Phanxicô gửi đi sau khi ở phương Đông về, thì lá thư cuối cùng chắc hẳn là “Thư II gửi các anh Phục vụ”. Thư này nằm trong bộ sưu tập của anh Luca Wadding được xuất bản năm 1623: anh này nói là đã dịch sang tiếng La tinh từ một bản sao bằng tiếng Tây Ban Nha mà người ta đã gửi cho anh từ Saragoza (Tây Ban Nha), nơi mà nó được lưu trữ từ thời chân phước Gioan Parenti, giám tỉnh đầu tiên của Tỉnh dòng Tây Ban Nha và sau đó làm Tổng Phục vụ của Dòng (1227-1232).

Trong bức thư này, thánh Phanxicô xin các anh Phục vụ hãy gửi “Thư gửi cho các giáo sĩ” và “Thư gửi cho các nhà lãnh đạo nhân dân” tới những người có liên hệ và hãy giữ kỹ bức thư mà người đã gửi cho chính các anh ấy. Tầm quan trọng của lá thư này chỉ nằm ở chỗ liên kết ba bức thư kia với nhau.

Có điều lạ lùng là các anh em ở Tây Ban Nha đã gìn giữ cẩn thận một lá thư ít quan trọng, trong lúc đó những lá thư quan trọng khác như thư mà thánh Phanxicô gửi cho thánh Clara hay thư gửi cho Đức Hồng y Hugôlinô thì lại không được lưu trữ.

Chúng ta phải để ý là lá thư này được giữ lại trong hai bản dịch, nghĩa là nó đã được dịch từ tiếng La tinh sang tiếng Tây Ban Nha, rồi lại được anh Wadding dịch lại từ tiếng Tây Ban Nha sang tiếng La tinh. Hình thức bề ngoài không còn là nguyên thủy nữa,

¹¹⁹ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad custodes II*, x. *SCRIPTA*, tr. 154.

nhưng những điều được ghi chép trong thư giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong việc tìm hiểu lịch sử các di cảo khác.

Về bản văn La ngữ, cha C. Paolazzi cũng lấy lại bản dịch của L. Wadding như cha K. Esser, nhưng có sửa hai chi tiết: ở câu 6 giữ lại kiểu nói lặp¹²⁰ “*exempla et copias*” (“các bản đã chép và các bản sao”: cha K. Esser đã loại các từ “*et copias*”, vì cho là L. Wadding đã thêm vào), và ở câu 7 cũng giữ lại công thức kết thúc “*Valete in Domino*” (“Chúc mọi sự tốt lành trong Chúa”: cha K. Esser cũng đã loại đi, nhưng cha C. Paolazzi cho rằng đó cũng là kiểu nói quen thuộc của người Ý như ta gặp trong các thư của Clara, và của Phanxicô: x. Thư gửi Anh Antôn).

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Cùng toàn thể các anh Phục vụ của các Anh Em Hèn Mọn, những người sẽ nhận được bức thư này, tôi là anh Phanxicô, kẻ bé mọn nhất trong các tôi tớ của Thiên Chúa, xin kính chào các anh và cầu chúc các anh được sự bình an thánh thiện trong Chúa.

⁽²⁾ Xin các anh biết cho rằng, có những điều cao cả và trọng đại trước mặt Thiên Chúa, mà đôi khi loài người cho là thấp hèn và vô giá trị; ⁽³⁾ có những điều loài người cho là quý báu và đẹp đẽ, Thiên Chúa lại cho là ô uế và xấu xa.

¹²⁰ “Nói lặp”: kiểu nói bằng hai từ trong đó từ thứ hai thường chỉ lặp lại ý tưởng của từ thứ nhất, mục đích là để nhấn mạnh hoặc làm sáng tỏ thêm, vd. Các anh “*phục vụ và tôi tớ*”.

⁽⁴⁾ Trước mặt Thiên Chúa, tôi nài xin các anh, theo khả năng của tôi, hãy gửi lá thư nói về Minh và Máu cực thánh của Chúa chúng ta cho các giám mục và các giáo sĩ. ⁽⁵⁾ Xin các anh hãy nhớ tới những điều chúng tôi đã nhấn nhủ các anh liên quan đến các điều ấy.

⁽⁶⁾ Còn lá thư kia tôi gửi cho các anh để các anh chuyển tới các thị trưởng, các nghị viên và các nhà lãnh đạo [nhân dân]; trong thư ấy có nói tới việc phải công bố cho dân chúng và tại các công trường lời ngợi khen Thiên Chúa. Xin các anh cho chép ngay thư ấy ra thành nhiều tờ, nhiều bản, ⁽⁷⁾ và cẩn thận chuyển tới những người liên hệ.

Chúc các anh mọi sự tốt lành trong Chúa.

THỦ BÚT GỬI ANH LÊÔ¹²¹

Chính bàn tay của thánh Phanxicô đã viết ra lá thư này và thủ bút còn được giữ lại tới ngày nay. Thư được viết bằng mực đen trên một tấm da dê dài 13cm và rộng 6cm. Cho tới năm 1860, di tích quý báu này được cất giữ một cách kính cẩn tại nhà dòng các Anh em nhánh Tu viện ở Spoleto. Khi nhà dòng ấy bị hủy bỏ do một khoản luật dân sự, di cảo bị thất lạc một thời gian. Trong thập niên 90 của thế kỷ ấy, nó lại xuất hiện trong tủ sách của cha sở ở Spoleto. Vị này đang có ý định bán nó cho một người Mỹ, thì đức ông Faloci Pulignani, một trong những học giả lỗi lạc đương thời về thánh Phanxicô và Hội dòng của người, đã xin Đức Giáo hoàng Lêô XIII quan tâm tới bảo vật này. Đức Giáo hoàng đã cho mua lại bảo vật. Sau đó người lại tặng nó cho thành phố Spoleto, và theo ý người, nó phải được cất giữ trong kho báu của đền thờ ở Spoleto.

Đọc lá thư, ta thấy được nguyên nhân của nó. Phanxicô và Lêô cùng đi đường. Dọc đường hai người bàn luận về những vấn đề đang làm cho Lêô, và có lẽ một số anh em khác nữa, không an tâm. Lúc chia tay, Lêô vẫn không được bình an, nên lại tìm cách đến gặp Phanxicô. Vì thế thánh nhân viết thư này nhằm để trả lời rằng đối với người mọi sự đều rõ ràng và không cần bàn luận gì nữa: đó là Lêô và những anh em khác với anh cứ theo lương tâm mình mà sống, đừng đến làm phiền người nữa. Trong những hàng cuối cùng

¹²¹ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad fr. Leonem*, x. *SCRIPTA*, tr. 158.

người lại đổi giọng: nếu Lê cần đến gặp người vì một lý do nào khác, thì cứ đến.

Những khó khăn của anh Lê và một số anh em khác có liên hệ tới sự biến chuyển của huynh đệ đoàn và những căng thẳng xảy ra sau năm 1220. Di chúc của Phanxicô phản ánh hoàn cảnh ấy (x. DC 24-39). Trong di cảo “Nguyện ước cuối cùng gửi cho chị Clara”, Phanxicô cũng dùng những từ y như vậy và diễn tả cũng cùng một ý kiến như thế. Những anh em tiên khởi cũng như những chị em của Clara thời đầu rất hoang mang trước một biến chuyển xem ra đang làm họ xa rời dự phóng ban đầu, tức là đi theo Chúa Kitô với lối sống nghèo khó của Người. Phanxicô khuyến khích họ hãy cứ tiếp tục đi theo con đường của Chúa đó cho đến cùng, chứ đừng đổi hướng.

Lá thư này quý giá ở chỗ chính thánh Phanxicô đã tự tay viết ra mà không nhờ tới sự giúp đỡ của một thư ký nào. Vì thế người ta phải bắt đầu từ thư này, nếu muốn tìm hiểu kiến thức của thánh Phanxicô về La ngữ. Nó cho thấy rõ ràng là kiến thức ấy cũng hạn hẹp. Nhưng thứ La ngữ luộm thuộm ấy, với những chỗ viết sai hoặc những kiểu nói đặc biệt của tiếng Ý lại là một bằng chứng thuyết phục về tính xác thực của nó.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Anh Lêô,

Phanxicô, người anh em của anh, gửi lời chào và cầu chúc bình an cho anh.

⁽²⁾ Con ơi, cha nói với con như một người mẹ vậy. Tất cả những lời chúng ta đã nói với nhau dọc đường, cha tóm tắt lại trong lời khuyên này, và con không cần đến gặp cha để xin khuyên bảo nữa, vì cha vẫn khuyên con thế này: ⁽³⁾ bất cứ cách nào con thấy là tốt hơn để làm đẹp lòng Thiên Chúa và đi theo các dấu chân và sự nghèo khó của Người, thì *các con cứ làm*¹²² với phúc lành của Thiên Chúa và sự thuận ý của cha.

⁽⁴⁾ Còn nếu tâm hồn con thấy cản trở lại gặp cha để được một sự an ủi khác, và nếu con muốn, thì con cứ đến.

¹²² *Faciatis: các con cứ làm.* Một cách đột ngột, từ ngôi thứ hai số ít, động từ chuyển sang *ngôi thứ hai số nhiều*, sau đó lại trở về ngôi thứ hai số ít. Có lẽ ở đây, ngoài anh Lêô ra, thánh Phanxicô còn nhắm tới nhóm bạn hữu tiên khởi rất trung tín với ngài.

THƯ GỬI MỘT ANH PHỤC VỤ¹²³

Người ta thường cho rằng anh Phục vụ đây là anh Êlia. Nhưng khó mà chứng minh điều đó được, vì chỉ những bản sao muộn thời mới ghi: “Gửi anh Tổng Phục vụ”, còn tất cả những bản sao lâu đời đều ghi: “Gửi một anh Phục vụ”. Anh Phục vụ này không được nêu tên rõ ràng, nhưng các bản sao lại ghi: “Gửi anh Phục vụ T...”. Tuy nhiên người ta có thể nói thêm rằng những lời nhấn nhủ của thánh Phanxicô trong thư này được áp dụng, nếu không phải cho anh Tổng Phục vụ, thì cũng rất thích hợp cho hoàn cảnh một anh Giám tỉnh: câu 12 nói “khi có dịp anh hãy thông báo cho các anh Phụ trách nhà” là anh quyết định luôn luôn đối xử “với lòng thương xót” đối với những anh em đã phạm tội, rồi lời nhấn nhủ cuối cùng hãy giữ lá thư này cho tới Tu nghị dịp Lễ Ngũ Tuần tại đó “anh sẽ có mặt cùng với những anh em khác”; kiểu nói sau ám chỉ việc giám tỉnh phải đi họp Tu nghị.

Về thời điểm của lá thư, thì cha C. Paolazzi nêu ra những nhận định như sau: những lời nhấn nhủ của Phanxicô trong thư này về cách đối xử với những anh em đã phạm tội thì đã nằm rải rác trong Luật không sắc chỉ 1221 (x. Lksc 5,13.20) và rồi đã được cô đọng lại trong chương 7 của Bản luật chung kết 1223. Như vậy thư này phải được viết vào khoảng giữa năm 1221 và 1223

¹²³ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad quendam ministrum*, x. SCRIPTA, tr. 164.

Ngoài những yếu tố thiêng liêng rất quan trọng, bức thư này còn giúp chúng ta hiểu được những biến chuyển ban đầu của cơ cấu pháp lý. Ví dụ, đây là bản văn đầu tiên nói tới vai trò của anh Phụ trách nhà (guardianus: câu 12.14): điều này chưa được nói tới trong các Bản luật. Sau nữa nhờ bức thư này chúng ta cũng được biết rõ ràng hơn về quyền lập pháp của các Tu nghị: Bản luật chung kết hoàn toàn im lặng về những sinh hoạt của các cuộc hội họp này.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Kính gửi anh Phục vụ T.

Xin Chúa chúc lành cho anh (x. Ds 6,24a).

⁽²⁾ Về việc liên quan đến tâm hồn anh, tôi xin nói như tôi có thể: những phiền hà ngăn trở anh yêu mến Thiên Chúa và bất cứ ai gây chướng ngại, các anh em hay các người khác, cho dầu họ đánh đập anh đi nữa, thì anh hãy xem mọi điều đó như một ân huệ. ⁽³⁾ Anh hãy ưng chịu như vậy, chứ đừng muốn gì khác. ⁽⁴⁾ Anh hãy làm như vậy vì đức vâng lời chân thật đối với Thiên Chúa và đối với tôi; tôi biết chắc chắn đó là đức vâng lời chân thật. ⁽⁵⁾ Xin anh hãy yêu mến những người đối đãi với anh như thế. ⁽⁶⁾ Anh đừng mong muốn nơi họ điều gì khác ngoài điều Chúa sẽ ban cho anh. ⁽⁷⁾ Anh hãy yêu mến họ ngay trong hoàn cảnh đó và đừng muốn họ trở thành những Kitô hữu hoàn hảo hơn. ⁽⁸⁾ Anh hãy xem điều đó tốt hơn là ẩn viện.

⁽⁹⁾ Chính điều này làm tôi biết được anh có yêu mến Chúa và yêu mến tôi, người tôi tớ của Người và của anh hay

không, đó là không một anh em nào trên đời đã phạm mọi thứ tội có thể phạm được, mà sau khi đã gặp mặt anh để xin thương xót¹²⁴, lại ra đi mà không được anh thương xót.⁽¹⁰⁾ Nếu người ấy không xin thương xót, thì phần anh, anh hãy hỏi người ấy có muốn được thương xót không.⁽¹¹⁾ Và nếu sau này người ấy có phạm tội trước mặt anh ngàn lần đi nữa, thì anh cứ yêu mến người ấy hơn là yêu mến tôi, hầu lôi kéo người ấy về với Chúa. Xin anh hãy luôn luôn thương xót những người anh em như thế.⁽¹²⁾ Khi có thể, anh hãy thông báo cho các anh Phụ trách nhà¹²⁵ biết là về phần anh, anh quyết định hành động như thế.

⁽¹³⁾ Về tất cả các chương trong Luật dòng nói về tội trọng, thì vào kỳ Tu nghị dịp lễ Ngũ Tuần, nhờ ơn Chúa trợ giúp và ý kiến của anh em, chúng ta sẽ soạn lại thành một chương như sau chẳng hạn:

⁽¹⁴⁾ Nếu ai trong anh em vì kẻ thù xúi giục mà phạm tội trọng, thì vì đức vâng lời, phải đến gặp anh Phụ trách của

¹²⁴ *Misericordia*: từ này xuất hiện 20 lần trong quyển Tác Phẩm của thánh Phanxicô; riêng trong thư này là 7 lần: 5 lần dưới dạng danh từ, 1 lần là động từ ("*misereri*"), và 1 lần là trạng từ ("*misericorditer*"). Điều này cho thấy tầm quan trọng của chủ đề này đối với thánh nhân.

¹²⁵ *Guardianus*: người trông coi (bởi tiếng Ý: *guardiano*). Vào thời đầu từ này diễn tả tinh thần hay tư cách của người phục vụ hơn là một chức năng rõ ràng. Nhiệm vụ của anh phục vụ là "trông coi" hoặc che chở anh em mình khỏi những điều bất ứng (x. *Lksc* 4.5). Về sau, khi anh em đã định cư, từ này được dùng để chỉ anh phụ trách tại một địa điểm hay một nhà.

mình. ⁽¹⁵⁾ Tất cả các anh em khác, nếu biết người ấy đã phạm tội, thì đừng làm người ấy hổ thẹn, cũng đừng nói xấu người ấy, nhưng hãy tỏ hết lòng thương xót và giữ kín tội lỗi của người anh em mình, bởi vì *người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần* (x. Mt 9,12). ⁽¹⁶⁾ Đức vâng lời cũng buộc anh em phải gửi người ấy đi cùng với một anh em khác đến gặp anh Phục vụ¹²⁶. ⁽¹⁷⁾ Anh Phục vụ hãy giúp đỡ tội nhân với lòng thương xót như chính mình muốn được giúp đỡ trong trường hợp tương tự (x. Mt 7,12). ⁽¹⁸⁾ Ai phạm tội nhẹ, thì hãy xưng thú với một anh em linh mục. ⁽¹⁹⁾ Nếu ở đó không có linh mục, thì cứ xưng thú với một người anh em của mình, cho tới khi có linh mục giải tội cho theo đúng qui luật, như đã nói. ⁽²⁰⁾ Các anh ấy không có quyền ra việc đền tội nào khác ngoài lời này: *“Hãy đi và đừng phạm tội nữa”* (x. Ga 8,11).

⁽²¹⁾ Để bản văn này được áp dụng tốt hơn, anh hãy giữ lấy bên mình cho đến Tu nghị dịp lễ Ngũ Tuần. Tại Tu nghị ấy, anh sẽ có mặt cùng với các anh em khác. ⁽²²⁾ Nhờ ơn Chúa trợ giúp, các anh hãy bỏ tức các điểm này và tất cả những gì còn thiếu sót trong Luật dòng.

¹²⁶ *Custos: người canh giữ*; từ này lúc đầu cũng diễn tả tinh thần của anh phục vụ như từ “guardianus”; về sau được hiểu là anh Tổng Phục vụ (x. Lsc 8), hoặc Tỉnh Phục vụ (trường hợp ở đây), hoặc Hạt Phục vụ (khi một Tỉnh dòng lại được chia cắt ra)

THƯ GỬI ANH ANTÔN¹²⁷

*Bản văn của thư này nằm trong mười bản sao được thực hiện từ thế kỷ XIV đến XVI, nhưng lại không có bản sao nào thuộc thế kỷ XIII, vì thế một vài học giả nghi ngờ tính xác thực của nó. Tôma Cêlanô đảm bảo với chúng ta là thánh Phanxicô có gửi một lá thư cho anh Antôn và gọi anh là “giám mục của tôi”, nhưng không nói gì về nội dung lá thư (2 Cel 163). Thánh Bônaventura kể rằng thánh Phanxicô, khi được những anh em trí thức xin phép học hỏi Kinh Thánh, thì đã trả lời với những ý tưởng và kiểu nói như người ta thấy trong “Thư gửi anh Antôn”, nhưng Bônaventura không nhắc gì đến Antôn hay một thư nào của thánh Phanxicô (x. 1 Bon XI,1). Sau khi đã nghiên cứu truyền thống các bản sao, chứng từ của các truyện ký, hình thức và nội dung lá thư, cha K. Esser đã nhìn nhận tính xác thực của di cảo này. Cha C. Paolazzi cũng vậy, nhưng đề nghị giữ lại hai chi tiết có trong hầu hết các bản sao mà cha K. Esser đã loại đi: đó là từ “**sancte**” (thánh thiện) trước từ “**orationis**” (việc cầu nguyện) và lời chào “**Vale**” (chúc anh được mọi sự tốt lành) ở cuối thư.*

Câu 2 của lá thư có nhắc tới Bản luật chung kết (x. Lsc 5,2). Như vậy thư này phải được viết ít lâu sau khi Bản luật được Đức Thánh cha Hônôriô III phê chuẩn ngày 29/11/1223.

Chứng từ quan trọng của lá thư này nằm ở chỗ nó cho ta biết một cách rõ ràng với điều kiện nào, thánh Phanxicô chấp thuận cho

¹²⁷ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad fratrem Antonium*, x. SCRIPTA, tr. 170

anh em học thần học. Việc chấp thuận này cũng phù hợp với đường hướng tổng quát mà thánh Phanxicô đã trình bày ở một vài nơi khác: Luật không sắc chỉ năm 1221 chấp nhận cho các anh em giáo sĩ “có những sách cần thiết để chu toàn nhiệm vụ” (Lksc III,7); sau nữa lời khuyên trong Di chúc: “Còn đối với tất cả các nhà thần học và những người ban phát lời chỉ thánh của Chúa, chúng ta phải quý mến và tôn kính: chúng ta phải xem các ngài như là những người thông ban cho chúng ta Thánh Khí và sự sống” (DC 13) cho thấy thánh nhân có lòng yêu mến đặc biệt đối với Lời Chúa và tất cả những gì liên quan đến Lời Chúa.

BẢN VĂN

(1) Kính gửi anh Antôn, giám mục của tôi¹²⁸

Anh Phanxicô xin gửi lời chào.

(2) Tôi bằng lòng để anh giảng dạy thánh khoa Thần học cho anh em, miễn là trong công việc đó, anh¹²⁹ đừng dập tắt

¹²⁸ Thánh Phanxicô gọi anh Antôn là “*giám mục*”, để biểu lộ lòng kính trọng sâu xa của Người đối với một nhà thần học (x. DC 13). Một số tài liệu thời Trung cổ cũng gọi các tu sĩ đi truyền giáo là giám mục, theo nghĩa là những nhà giảng thuyết được giám mục ủy quyền đặc biệt cho sứ vụ ấy (x. Th. Desbonnets et D. Vorreux, *Saint Francois d’Assise*, Documents, Paris 1968, tr. 149, chú thích 1).

¹²⁹ *Non exstinguas*: Động từ ở số ít (“anh đừng dập tắt”), cho thấy thánh Phanxicô nhắm tới tất cả các học viên mà anh Antôn đại diện.

tinh thần cầu nguyện thánh thiện và sốt mến, như được ghi trong Luật dòng¹³⁰.

Chúc anh mọi sự tốt lành.

¹³⁰ x. *Lsc* 5,1-2.

THƯ I GỬI CÁC TÍN HỮU¹³¹

Về lá “Thư gửi cho các tín hữu”, truyền thống các bản sao để lại cho chúng ta hai bản văn có nội dung gần giống nhau, nhưng ngắn, dài khác nhau. Bản văn ngắn, hay là “Thư I gửi các tín hữu” đã được học giả Paul Sabatier phát hiện và cho xuất bản năm 1900. Thư này được trích từ bản sao 225 ở Volterra, nhưng ông đặt cho nó một đầu đề không chính xác “Những lời [dẫn tới] sự sống và phúc cứu độ” (*Verba vitae et salutis*): ông lấy đầu đề ấy từ những lời ghi chú sau tập Huấn ngôn, tập này lại nằm ở phần trước. Ông cho rằng bản văn này ra đời trước một bản văn khác dài hơn và có tầm mức quan trọng riêng của nó, tức là “Thư II gửi các tín hữu”. Trong thời Trung cổ, bản văn ngắn này đã được phổ biến rộng rãi hơn, vì bản văn dài đã phải chịu nhiều thứ ảnh hưởng.

Bản văn này mang hình thức thư tín và nhằm mục đích tông đồ, người ta thấy rõ điều đó trong nội dung và nhất là trong lời căn dặn ở phần cuối: “Nhân Danh Thiên Chúa là Tình Yêu (x. 1 Ga 4,16), chúng tôi nài xin tất cả những ai nhận được thư này (*littere iste*), vì lòng mến Chúa, hãy vui lòng đón nhận những lời thơn thỏ nói trên của Chúa Giêsu Kitô” (TTh II,19). Về nội dung, thư này cho chúng ta thấy quan niệm về đời sống tôn giáo nội tâm của thánh Phanxicô, điều mà chúng ta ít gặp trong các di cảo khác. Những lời lẽ của thánh nhân trong thư đưa chúng ta tới thâm cung của khoa

¹³¹ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola ad fideles*, x. *SCRIPTA*, tr. 172.

thần bí. Như vậy, di cảo này nêu lên một chương trình giúp phát huy đời sống hoán cải Phúc âm mà lúc bấy giờ ai cũng mộ mến.

Về những người nhận thư, thì trước đây cha K. Esser đã gợi ý khi đặt đầu đề cho lá thư thư là “Huấn dụ gửi cho các anh chị em sống đời hoán cải”. Nhưng giới hạn những người nhận thư vào lớp người này thì không hợp lý lắm, vì chương II của lá thư còn nhắm tới những kitô hữu chưa dẫn thân vào “đời sống hoán cải”.

Về thời điểm biên soạn lá thư, bản văn không nêu ra chỉ dẫn nào; nhưng xét theo nội dung phong phú và liên hệ gần gũi với “Thư II gửi các tín hữu”, thì Cha C. Paolazzi phỏng đoán là thư này được hình thành không lâu sau 1230, tức là sau bản văn dài và không nhất thiết là chính thánh Phanxicô đã trực tiếp biên soạn¹³².

BẢN VĂN

Chương I

Những người sống đời hoán cải

⁽¹⁾ Nhân danh Chúa! Tất cả những ai yêu mến Chúa “hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức lực” (x. Mc 12,30) và

¹³² Michael F. Cusato nêu giả thuyết là Thư II được biên soạn sau khi Phanxicô ở phương Đông về, và sau Tổng Tu nghị 1220, để mời gọi tất cả mọi người (kể cả những tín đồ Hồi giáo) hãy “hoán cải”, nghĩa là trở về với Thiên Chúa. Còn Thư I là bản tóm tắt của bản văn dài, được soạn vào cuối năm 1221, và chủ yếu nhắm tới, không phải là tất cả các dân tộc trên hoàn cầu nữa, nhưng là những người có liên hệ đến phong trào sống đời hoán cải của các Anh Em Hèn Mọn, x. Bài dẫn nhập trong: Francois d'Assise. *Ecrits, Vies, Témoignages*, Cerf, Paris, 2010, tome 1, tr. 335-442.

yêu mến tha nhân như chính mình (x. *Mt 22,39*), ⁽²⁾ lại chê ghét xác thịt ích kỷ, đầy nét xấu và tội lỗi của họ, ⁽³⁾ rồi tiếp rước Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô, ⁽⁴⁾ và sinh hoa kết quả xứng với lòng hối cải (x. *Lc 3,8*): ⁽⁵⁾ các anh chị em ấy thật hạnh phúc và đáng được chúc tụng biết bao khi họ thực hành những điều ấy và kiên trì thực hành như thế, ⁽⁶⁾ vì Thánh Khí Chúa sẽ ngự trên họ và biến họ thành ngôi nhà và chốn cư ngụ của Người (x. *Is 11,2; Ga 14,23*). ⁽⁷⁾ Họ là con cái của Cha trên trời, thực hiện những công việc của Người, là bạn trăm năm, là anh chị em và là mẹ của Chúa Giêsu Kitô (x. *Mt 5,45; 12,50*). ⁽⁸⁾ Chúng ta là bạn trăm năm của Người khi linh hồn trung tín của chúng ta kết hiệp với Chúa Giêsu Kitô nhờ Chúa Thánh Thần. ⁽⁹⁾ Chúng ta là anh chị em của Người, khi chúng ta thực hiện ý Chúa Cha trên trời (x. *Mt 12,50*). ⁽¹⁰⁾ Chúng ta là mẹ của Người, khi chúng ta cứu mang Người trong tâm hồn và thể xác (x. *1 Cr 6,20*) bằng cách yêu mến Người, và gìn giữ lương tâm trong trắng và chân thành; chúng ta sinh Người ra bằng hành động thánh thiện chiếu soi kẻ khác bằng gương sáng (x. *Mt 5,16*).

⁽¹¹⁾ Ôi thật là vinh hiển, thánh thiện và lớn lao, khi có một người Cha trên trời! ⁽¹²⁾ Ôi thật là thánh thiện, an ủi, đẹp đẽ và kỳ diệu khi có một vị lang quân như thế! ⁽¹³⁾ Ôi thật là thánh thiện và thân thương, vui thỏa, khiêm hạ, an bình, ngọt ngào, đáng mến và đáng ước ao trên hết mọi sự khi có một người Anh và một người Con như thế là Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, Đấng đã hiến mạng sống mình cho đoàn chiên của Người (x. *Ga 10,15*) và đã cầu nguyện cùng Chúa

Cha với những lời như sau: ⁽¹⁴⁾ *“Lạy Cha thánh thiện, xin gìn giữ trong Danh Cha những kẻ mà Cha đã ban cho con trong trần gian (x. Ga 17,11); họ thuộc về Cha và Cha đã ban họ cho Con; ⁽¹⁵⁾ những lời mà Cha đã ban cho con thì con đã ban cho họ và họ đã nhận lấy và tin thật rằng con đã từ Cha mà ra; họ đã biết rằng, Cha đã sai con (x. Ga 17,8). ⁽¹⁶⁾ Con cầu xin cho họ chứ không cho thế gian (x. Ga 17,9). ⁽¹⁷⁾ Xin Cha chúc lành và thánh hóa [họ] (Ga 17,17), và vì họ, con xin thánh hiến chính mình con (x. Ga 17,19). ⁽¹⁸⁾ Con cầu xin không chỉ cho họ, nhưng còn cho những ai nhờ lời họ mà sẽ tin vào con (Ga 17,20), để họ được thánh hóa trong sự hợp nhất (Ga 17,23), như chúng ta vậy (x. Ga 17,11). ⁽¹⁹⁾ Lạy Cha, con muốn rằng con ở đâu, thì họ cũng ở đó với con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của con (Ga 17,24) trong Nước Cha” (Mt 20,21). Amen.*

Chương II

Những người không sống đời hoán cải

⁽¹⁾ Còn tất cả những người, nam cũng như nữ, không sám hối, ⁽²⁾ và không tiếp nhận Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô, ⁽³⁾ nhưng lại thực hành các thói hư và tội lỗi, chiều theo dục vọng xấu xa và những ước muốn xấu xa của xác thịt, ⁽⁴⁾ không tuân giữ những điều đã hứa với Chúa, ⁽⁵⁾ đem thân phục vụ thế gian qua các ước muốn của xác thịt, các bận tâm về đời này và các lo lắng cho cuộc sống này, ⁽⁶⁾ họ bị ma quỷ lừa gạt¹³³, trở thành con cái của nó và thi hành công việc của nó (x. Ga

¹³³ *Decepti*: Theo bản văn của K. Esser: *detenti* (trói buộc).

8,41). ⁽⁷⁾ Họ là những kẻ mù quáng vì không nhìn thấy ánh sáng chân thật là Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta. ⁽⁸⁾ Họ không có sự khôn ngoan thiêng liêng, vì họ không có Con Thiên Chúa, Đấng thể hiện sự khôn ngoan chân thật của Chúa Cha. ⁽⁹⁾ Kinh Thánh nói về họ rằng: “*Tài ba khôn khéo của họ đã tan biến mất*” (Tv 106,27), và: “*Khốn cho kẻ lìa xa các giới răn Ngài*” (Tv 118,21). ⁽¹⁰⁾ Họ thấy và nhận biết, biết mà vẫn làm điều dữ; và như thế họ đánh mất linh hồn mình cách ý thức.

⁽¹¹⁾ Hãy xem, hỡi những người mù quáng đã bị những kẻ thù là xác thịt, thế gian và ma quỷ lừa gạt, đối với thân xác thì phạm tội là điều êm dịu, còn phụng sự Thiên Chúa thì thật cay đắng, ⁽¹²⁾ bởi vì mọi tật xấu và tội lỗi đều trào ra và *xuất phát từ lòng con người*, như Chúa đã nói trong sách Tin Mừng (x. Mc 7,21). ⁽¹³⁾ Anh chị em chẳng có của gì ở đời này và đời sau cả. ⁽¹⁴⁾ Anh chị em tưởng cứ giữ mãi được những của phù vân đời này, nhưng anh chị em bị lừa gạt rồi, vì ngày giờ anh chị em không nghĩ tới, không hay và không biết sẽ đến: thể xác đau yếu, cái chết tiến lại gần và thế là người ta kết liễu cuộc đời bằng một cái chết cay đắng¹³⁴.

⁽¹⁵⁾ Bất cứ ai, dù ở đâu, dù lúc nào và theo cách nào đi nữa, khi chết còn mắc tội trọng mà không hối cải và không đền bù, nếu có thể làm được điều đó mà không làm, thì ma quỷ giật linh hồn người ấy ra khỏi thể xác với bao lo âu và đau đớn đến nỗi không ai biết được cực hình ấy thế nào

¹³⁴ *Cái chết cay đắng* sẽ được khai triển trong trong TTh II,72-81.

ngoại trừ kẻ phải nếm chịu điều đó. ⁽¹⁶⁾ Mọi tài năng, quyền lực, *hiểu biết và khôn ngoan* (2 Sbn 1,12) mà họ tưởng mình sở hữu, sẽ bị tước đoạt (x. Lc 8,18; Mc 4,25). ⁽¹⁷⁾ Họ để tài sản lại cho thân nhân và bạn hữu. Những kẻ này đã lấy chia nhau rồi lại còn nói: “Đồ khốn kiếp! Nó đã có thể thu tích và cho ta nhiều hơn thế nữa”. ⁽¹⁸⁾ Rồi sâu bọ rúc rĩa thể xác. Thế là họ mất cả xác lẫn hồn trong cuộc sống ngắn ngủi này và sẽ phải đi vào hỏa ngục chịu cực hình vô tận (x. Lc 16,24).

⁽¹⁹⁾ Tất cả những ai nhận được thư này, chúng tôi nài xin trong tình yêu là Thiên Chúa (x. 1 Ga 4,16), hãy vui lòng đón nhận những lời thơm tho nói trên của Chúa Giêsu Kitô với lòng yêu mến Chúa. ⁽²⁰⁾ Ai không biết đọc, hãy năng nhờ kẻ khác đọc cho nghe; ⁽²¹⁾ hãy gìn giữ thư này bên mình và thực hiện cho đến cùng bằng hành động thánh thiện, vì đó là “*thần khí và sự sống*” (x. Ga 6,64). ⁽²²⁾ Ai không làm như thế, thì đến ngày phán xét, phải trả lễ *trước tòa Đức Giêsu Kitô*, Chúa chúng ta (x. Rm 14,10).

THƯ II GỬI CÁC TÍN HỮU

Thư II gửi các tín hữu là một trong những bản văn quan trọng nhất của thánh Phanxicô. Tuy nhiên để hiểu đúng nội dung của thư này, thì một vấn đề khó khăn cần được giải quyết trước là xác định thư này được gửi cho ai.

Trên những bản sao thời xưa bản văn được ghi chép mà không có các dấu chấm, phẩy. Vì thế chúng ta có câu đầu tiên của thư này như sau: *“Universis christianis religiosis clericis et laicis masculis et feminis omnibus qui habitant in universo mundo”*. Trong ấn bản truy nguyên năm 1978, cha K. Esser đã đặt dấu phẩy sau các từ *“universis christianis religiosis,”* và cho rằng thư này không nhắm gửi cho tất cả các tín hữu, mà cho các *“tín hữu tu sĩ”*, nghĩa là các tín hữu thời bấy giờ đang sống đạo một cách đặc biệt, nói cách khác đó là *“những anh chị em sống đời hoán cải”* có liên hệ đặc biệt với thánh Phanxicô. Nhưng nhiều học giả hiện thời không đồng tình với quan điểm này và cho rằng qua thư này thánh Phanxicô nhắm tới một cử tọa rộng rãi hơn thế nhiều. Theo cha C. Paolazzi, dấu phẩy phải được đặt sau từ *“christianis”*, chứ không phải sau từ *“religiosis”*, và câu văn có ý nghĩa như sau: *“Cùng toàn thể các Kitô hữu, tu sĩ, giáo sĩ và giáo dân, tất cả những người nam và những người nữ ở trên khắp hoàn cầu”*. Kiểu nói *“trên khắp hoàn cầu”* (*in universo mundo*) mà thánh Phanxicô dùng gợi lại câu nói của Chúa về việc Tin Mừng sẽ được loan báo trên khắp hoàn cầu (Mc 14,9; Rm 1,8), và như vậy càng làm nổi bật ý hướng của Phanxicô là nhắm tới tất cả mọi người. Các câu Kinh Thánh được trích dẫn trong thư cũng nêu lên ý hướng phổ quát ấy (ví dụ câu 61).

Ngoài tính phổ quát, lá thư này còn có một đặc điểm khác, đó là nội dung rất phong phú. Thánh Phanxicô nhắm gửi tới mọi người “những lời thom tho của Chúa”, những lời đưa lại phúc cứu độ cho mọi người. Trong phần thứ nhất của lá thư, trước hết người gọi lại những biến cố quan trọng biểu lộ công trình cứu chuộc của Chúa Giêsu, từ việc Người nhận lấy xác phạm hèn yếu trong lòng Đức Trinh nữ Maria, tới việc Người dâng mình làm của lễ trên bàn thờ thập giá, rồi việc Người lập Bí tích Thánh Thể (cc. 4-15); sau đó thánh nhân nêu ra một chương trình sống đời kitô hữu cụ thể xoay quanh việc yêu mến Thiên Chúa (cc. 19-23), yêu mến tha nhân (cc. 25-31.38-44.47), sống hiệp thông với Ba Ngôi với tâm tình ngưỡng mộ, cảm tạ và ngợi khen (cc. 48-62).

Phần thứ hai của lá thư (cc. 63-85) có tính cách cảnh cáo đối với những người chỉ nghĩ tới cuộc sống ở đời này, cố tình sống trong các thói hư và tật xấu. Một nét độc đáo trong phần này là Phanxicô nêu ra hình ảnh một người sắp chết tuyên bố muốn hoán cải, nhưng lại không muốn đền bù những gian lận đã phạm trước kia, và vì thế phải chịu một cái chết cay đắng.

Lá thư đã được viết lúc nào thì các học giả chưa đồng thuận với nhau và xê dịch thời điểm từ 1219 tới cuối đời của thánh Phanxicô. Cha C. Paolazzi xem câu nói của thánh nhân: “Vì tôi bệnh tật và hèn yếu, không đích thân đến thăm từng người được, nên tôi dùng lá thư này làm sứ điệp chuyển đến anh chị em những lời của Chúa Giêsu Kitô...” (c. 3) như một dấu chỉ khá rõ ràng cho phép chúng ta đặt thời điểm của lá thư vào những năm cuối đời của thánh nhân (1225-1226).

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Cùng toàn thể các kitô hữu, tu sĩ, giáo sĩ và giáo dân, tất cả những người nam và những người nữ ở trên khắp hoàn cầu, tôi là anh Phanxicô, người tôi tớ và thuộc hạ của anh chị em, xin gửi lời chào đầy lòng kính trọng và cầu chúc sự bình an đích thực bởi trời và tình thương chân thật trong Chúa.

⁽²⁾ Vì là tôi tớ của mọi người, tôi cảm thấy có bốn phận phục vụ mọi người và phân phát những lời thơn thỏ của Chúa tôi. ⁽³⁾ Do đó, trong tâm trí, tôi nghĩ rằng: vì tôi bệnh tật và hèn yếu, không đích thân đến thăm từng người được, nên tôi dùng lá thư này làm sứ điệp chuyển đến anh chị em những lời của Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời của Chúa Cha, đồng thời là những lời của Chúa Thánh Thần: những lời ấy là *"thần khí và là sự sống"* (x. Ga 6,63).

LỜI CỦA CHÚA CHA¹³⁵

⁽⁴⁾ Chúa Cha cao cả trên trời đã sai thánh thiên thần Gáprien đến báo tin: Ngôi Lời rất đáng kính trọng, rất thánh thiện và rất vinh hiển của Người sẽ ngự đến ¹³⁶ trong lòng

¹³⁵ Các đề mục trong bức thư là của bản sao 338 tại Assisi, trừ những tiểu mục trong vòng ngoặc là của bản Paolazzi.

¹³⁶ Nhiều bản sao thêm từ *"venturum"* (sẽ đến) ở đây cho câu văn dễ hiểu: *"loạn báo Người sẽ đến"*.

Đức Trinh nữ Maria thánh thiện và hiển vinh; và từ lòng Đức Trinh nữ, Ngôi Lời đã nhận lấy xác phàm nhân đích thực và yếu hèn của chúng ta. ⁽⁵⁾ *Vốn giàu sang phú quý* (x. 2 Cr 8,9) trên mọi mức độ, Người vẫn muốn chọn nếp sống nghèo khó ở trần gian này cùng với Đức Trinh nữ chí thánh, thân mẫu Người.

⁽⁶⁾ Rồi gần đến giờ chịu khổ nạn, Người đã cử hành lễ Vượt Qua với các môn đệ. Người cầm lấy bánh, tạ ơn, dâng lời chúc tụng, bẻ ra và nói: *“Anh em cầm lấy mà ăn, đây là Mình Thầy”* (Mt 26,26). ⁽⁷⁾ Và cầm lấy chén, Người nói: *“Đây là Máu Thầy, Máu giao ước mới, sẽ đổ ra cho anh em và muôn người được tha tội”* (Mt 26,27). ⁽⁸⁾ Sau đó, Người cầu nguyện cùng Chúa Cha với lời này: *“Lạy Cha, nếu được, xin cho chén này rời xa con”*. ⁽⁹⁾ *Và mồ hôi Người như những giọt máu nhỏ xuống đất* (x. Lc 22,44). ⁽¹⁰⁾ Tuy nhiên, Người đặt ý mình theo ý Chúa Cha và nói: *“Lạy Cha, xin cho ý Cha được thực hiện, không phải như Con muốn, nhưng như Cha muốn”* (x. Mt 26,39.42). ⁽¹¹⁾ Mà ý Chúa Cha là người Con được chúc phúc phúc và vinh quang mà Người đã ban cho ta, Đấng đã sinh ra cho ta, hãy lấy máu mình làm hy tế và lễ vật dâng trên bàn thờ thập giá. ⁽¹²⁾ Chúa Con đã hiến mình như thế không phải vì bản thân Người, Đấng đã tạo thành vạn vật, nhưng là vì tội lỗi chúng ta (x. Ga 1,3), ⁽¹³⁾ và như vậy Người đã để lại một gương mẫu cho chúng ta dõng bước theo Người (x. 1 Pr 2,21).

⁽¹⁴⁾ Chúa Cha muốn tất cả chúng ta được Chúa Con cứu độ và tiếp nhận Con của Người với tâm hồn tinh tuyền và thể xác thanh sạch. ⁽¹⁵⁾ Nhưng ít thay những kẻ muốn tiếp

nhận Người và được Người cứu độ, mặc dù ách Người êm ái và gánh Người nhẹ nhàng (x. Mt 11,30).

[Những người ưa chuộng bóng tối và những người yêu mến Thiên Chúa]

⁽¹⁶⁾ Những ai không muốn *nhém xem Chúa dịu ngọt* đường nào, lại *chuộng bóng tối hơn ánh sáng*, vì không muốn tuân giữ các giới răn Thiên Chúa, là những kẻ bị chúc dữ (x. Tv 33,9; Ga 3,19). ⁽¹⁷⁾ Có lời ngôn sứ nói về họ rằng: “Khốn thay kẻ xa lìa giới răn Ngài” (Tv 118, 21). ⁽¹⁸⁾ Trái lại, hạnh phúc thay và giàu phúc lành thay những người yêu mến Thiên Chúa và thực hành điều Chúa truyền dạy trong sách Tin Mừng: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng và hết trí khôn người, và yêu mến tha nhân như chính bản thân mình” (x. Mt 22,37.39).

[Yêu mến và thờ phượng Thiên Chúa]

⁽¹⁹⁾ Vậy chúng ta hãy yêu mến Thiên Chúa và thờ phượng Người với lòng thanh trí sạch, vì Người tìm kiếm điều ấy trên hết mọi sự. Người đã nói: “*Những người thờ phượng đích thực, sẽ thờ phượng Chúa Cha theo thần khí và sự thật*” (Ga 4,23). ⁽²⁰⁾ Bởi thế, *tất cả những ai thờ phượng Thiên Chúa, phải thờ phượng Người trong thần khí sự thật* (x. Ga 4,24). ⁽²¹⁾ Và ngày đêm, chúng ta hãy ngợi khen và cầu nguyện rằng: “*Lạy Cha chúng con ở trên trời*” (Tv 31,4; Mt 6,9), vì chúng ta phải cầu nguyện luôn, không được nản chí (x. Lc 18,1).

[Xưng tội với các linh mục]

⁽²²⁾ Chúng ta cũng phải xưng mọi tội lỗi chúng ta với linh mục và hãy tiếp rước từ tay ngài Minh và Máu Chúa Giêsu Kitô, ⁽²³⁾ vì ai không ăn Minh và uống Máu Người thì không thể vào Nước Thiên Chúa được (x. Ga 6,55.57; 3,5). ⁽²⁴⁾ Tuy nhiên, phải tiếp rước cho xứng đáng, vì ai tiếp nhận cách bất xứng là ăn và uống lấy án phạt cho mình, bởi vì họ không nhận thấy Thân Thể Chúa, nghĩa là không phân biệt Minh Chúa với các của ăn khác (x. 1 Cr 11,29).

⁽²⁵⁾ Ngoài ra, chúng ta cũng phải sinh những hoa quả xứng xứng với lòng sám hối (x. Lc 3,8). ⁽²⁶⁾ Chúng ta phải yêu mến tha nhân như chính mình (x. Mt 22,39). ⁽²⁷⁾ Ai không muốn yêu họ như chính mình, thì ít ra đừng gây tai họa nhưng hãy làm điều thiện cho họ.

[Những người đã lãnh nhận chức quyền phải xét xử kẻ khác thế nào]

⁽²⁸⁾ Ai được quyền xét xử kẻ khác thì hãy xét xử cho nhân từ, như chính mình cũng muốn được hưởng lòng nhân từ của Chúa. ⁽²⁹⁾ Thực vậy *Thiên Chúa không thương xót khi xét xử kẻ không biết thương xót* (x. Gc 2,13).

⁽³⁰⁾ Vậy chúng ta hãy có lòng bác ái và khiêm nhường; hãy bố thí, vì việc bố thí rửa sạch tâm hồn khỏi các vết nhơ tội lỗi (x. Tb 4,11; 12,9). ⁽³¹⁾ Thực vậy, người ta mất hết những gì phải bỏ lại ở trần gian này, nhưng lại được mang theo công đức của lòng bác ái, tức là những việc bố thí đã làm

trước kia: nhờ đó họ sẽ được Chúa ban thưởng và trả công xứng đáng.

GIỮ CHAY VÀ GIỮ MÌNH KHỎI CÁC NẾT XẤU

⁽³²⁾ Chúng ta còn phải giữ chay, tránh xa các nét xấu và tội lỗi (Hc 3,32), đừng ăn uống thừa mứa; và phải sống theo tinh thần công giáo.

⁽³³⁾ Chúng ta cũng phải năng đi viếng các nhà thờ, tôn kính và quý trọng các giáo sĩ, không phải vì bản thân các ngài bao nhiêu nếu các ngài là những người tội lỗi, nhưng là vì thánh chức và nhiệm vụ của các ngài đối với Mình và Máu rất thánh của Đức Kitô mà các ngài dâng hiến trên bàn thờ, nhận lấy và ban phát cho kẻ khác. ⁽³⁴⁾ Tất cả chúng ta phải biết chắc rằng không ai có thể được cứu độ nếu không phải là nhờ các lời thánh thiện và Máu của Chúa Giêsu Kitô mà các giáo sĩ đọc, rao giảng và ban phát. ⁽³⁵⁾ Và chỉ các ngài có phận sự ban phát thôi chứ không ai khác¹³⁷. ⁽³⁶⁾ Đặc biệt các tu sĩ là những người đã từ bỏ thế gian, có bổn phận thực hiện nhiều điều hơn và quan trọng hơn mà vẫn không bỏ qua những điều này (x. Lc 11,42).

¹³⁷ Sở dĩ thánh Phanxicô nhấn mạnh như thế, vì có nhiều người, nhất là những người trong nhóm của Valdo, cho rằng quyền cử hành các Bí tích và giảng dạy không dựa trên việc truyền chức, nhưng trên cách sống xứng đáng của con người.

⁽³⁷⁾ Chúng ta phải chê ghét thân xác đầy ¹³⁸ vết xấu và tội lỗi của chúng ta, vì Chúa nói trong sách Tin Mừng: mọi sự dữ, vết xấu và tội lỗi đều *phát xuất từ trong lòng* (x. Mt 15,18-19; Mc 7,23).

YÊU MẾN KẺ THÙ VÀ LÀM VIỆC THIỆN CHO HỌ

⁽³⁸⁾ Chúng ta phải yêu mến kẻ thù của chúng ta và làm ơn cho những kẻ ghen ghét chúng ta (x. Mt 5,44; Lc 6,27). ⁽³⁹⁾ Chúng ta phải tuân giữ các điều răn và các lời khuyên của Chúa Giêsu Kitô.

⁽⁴⁰⁾ Chúng ta cũng phải từ bỏ chính mình và đặt mình dưới ách của sự phục vụ và của thánh đức vâng lời, như mỗi người đã hứa với Chúa (x. Mt 16,24). ⁽⁴¹⁾ Nhưng không một ai, vì đức vâng lời, buộc phải tuân lệnh một người khác khi đó là điều sai luật hay tội phạm.

AI CÓ CHỨC QUYỀN PHẢI SỐNG HÈN MỌN

⁽⁴²⁾ Ai được ủy thác chức quyền ¹³⁹ và được xem là người *lớn nhất*, thì *phải nên như người nhỏ nhất* và làm tôi tớ các anh

¹³⁸ Các từ “*caro, corpus*” (thân xác) trong quyền “Tắc phẩm” mang ba nghĩa: 1. phần *thân xác* của con người khác với linh hồn (x. Hn 5,1; 14,2); 2. tất cả những gì thuộc về *xác thịt*, thể gian, tính cách thể tục, “cái tôi” kiêu hãnh (x. Hn 7,4; 14,3); 3. *xác thịt* là khuynh hướng xấu chống lại với Thiên Chúa (x. Lksc 22,5). Chúng ta phải tùy từng trường hợp để hiểu câu văn.

¹³⁹ (dịch sát) Ai được ủy thác sự tuân phục (*obedientia*).

em khác (x. Lc 22,26).⁽⁴³⁾ Người ấy hãy đối xử nhân hậu và có lòng thương xót đối với mỗi một anh em, như chính mình muốn được như vậy trong trường hợp tương tự.⁽⁴⁴⁾ Đừng nổi giận với một người anh em sai lỗi, nhưng hãy tỏ ra hết sức kiên nhẫn và khiêm tốn mà nhắc nhở và chịu đựng họ cách nhân từ.

ĐỪNG KHÔN NGOAN THEO KIỂU THẾ TỤC

⁽⁴⁵⁾ Chúng ta đừng tỏ ra *khôn ngoan* và khéo léo *theo xác thịt* (1 Cr 1,26), nhưng phải đơn sơ, khiêm nhường và trong sạch.⁽⁴⁶⁾ Chúng ta hãy chấp nhận chịu sỉ nhục và khinh dể, bởi vì, do tội lỗi, tất cả chúng ta là những kẻ khốn nạn, hư hỏng và thối tha, những con sâu bọ, như lời Chúa nói qua miệng vị ngôn sứ: “*Con là sâu bọ chứ đâu phải là người, bị loài người sỉ nhục và dân chúng dể dôi*” (Tv 22,7).⁽⁴⁷⁾ Chúng ta đừng bao giờ ước ao ăn trên ngai trước, nhưng hãy làm tôi tớ và *tùng phục mọi người vì Chúa* (x. 1 Pr 2,13).

[Các tôi tớ trung thành được Ba Ngôi đến cư ngụ]

⁽⁴⁸⁾ Những anh chị em nào thực hành như thế và kiên trì đến cùng, thì *Thánh Khí Chúa sẽ ngự xuống trên họ* và biến họ thành nơi Người *cư ngụ và ở lại* (x. Is 11,2)¹⁴⁰.⁽⁴⁹⁾ Họ sẽ là con cái của Cha trên trời và thực hiện công việc của Người (x. Mt

¹⁴⁰ *Habitaculum et mansionem*: Chủ đề này quy chiếu về Ga 14,23: “Ai yêu mến Thầy thì sẽ giữ lời Thầy... Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy”; và còn được nhắc tới trong Lksc 22, 27.

5,45).⁽⁵⁰⁾ Họ là bạn trăm năm, là anh chị em và là mẹ của Chúa Giêsu Kitô (x. Mt 12,50).

⁽⁵¹⁾ Chúng ta là bạn trăm năm của Người khi linh hồn trung tín kết hiệp với Chúa Giêsu Kitô nhờ Chúa Thánh Thần. ⁽⁵²⁾ Chúng ta là anh chị em của Người, khi chúng ta thực hiện ý Chúa Cha trên trời (x. Mt 12,50), ⁽⁵³⁾ là mẹ của Người, khi chúng ta cứu mang Người trong tâm hồn và thể xác (x. 1 Cr 6,20) bằng cách yêu mến Người và gìn giữ lương tâm trong trắng và chân thành (x. 1 Cr 6,20); chúng ta sinh ra Người bằng việc làm thánh thiện nhằm soi sáng kẻ khác bằng gương sống (x. Mt 5,16).

⁽⁵⁴⁾ Ôi thật là vẻ vang, thánh thiện và lớn lao khi có một người Cha trên trời! ⁽⁵⁵⁾ Ôi thật là thánh thiện, an ủi¹⁴¹, đẹp đẽ và kỳ diệu khi có một vị lang quân! ⁽⁵⁶⁾ Ôi thật là thánh thiện và thân thương, vui thỏa, khiêm hạ, an bình, ngọt ngào, đáng mến và đáng ước ao trên hết mọi sự khi có một người Anh và một người Con như thế, Đấng đã hiến mạng sống mình cho đoàn chiên của Người (x. Ga 10,15) và đã cầu nguyện cùng Chúa Cha cho chúng ta với những lời như sau: *“Lạy Cha thánh thiện, xin gìn giữ trong Danh Cha những kẻ Cha đã ban cho Con (x. Ga 10,15; 17,21).⁽⁵⁷⁾ Lạy Cha, tất cả những kẻ Cha đã ban cho Con trong thế gian đều thuộc về Cha, và Cha đã ban họ cho Con (Ga 17,6).⁽⁵⁸⁾ Con đã ban cho họ những lời mà Cha đã ban cho Con; họ đã tiếp nhận những lời ấy và biết thật rằng Con*

¹⁴¹ *Paraclitum!* Từ này thường được dùng để chỉ Chúa Thánh Thần là Đấng bảo trợ, an ủi (x. TTD 33; Lksc 23,5,6; KĐM 2; DC 40).

đã từ Cha mà đến, và họ đã tin là Cha đã sai phái Con (Ga 17,8); Con cầu xin cho họ chứ không cho thể gian (x. Ga 17,9). Xin cha chúc lành và thánh hóa họ (Ga 17,17).⁽⁵⁹⁾ Và vì họ, con xin thánh hiến chính mình con, để họ được thánh hóa và nên một như chúng ta (Ga 17,19.22).⁽⁶⁰⁾ Lạy Cha, Con muốn rằng Con ở đâu, thì họ cũng ở đó với Con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của Con trong Nước Cha” (Ga 17,24; Mt 20,21).

NGỌI KHEN THIÊN CHÚA

⁽⁶¹⁾ Vì Người đã chịu bao đau khổ vì chúng ta, đã mang lại và sẽ còn mang lại trong tương lai cho chúng ta bao điều tốt lành, nên *mọi thụ tạo trên trời dưới đất, nơi lòng biển và đáy vực sâu, hãy dâng lên Thiên Chúa lời ngợi khen, vinh quang, danh dự và chúc tụng* (x. Kh 5,13).⁽⁶²⁾ Chính Người là dũng lực và sức mạnh của chúng ta. *Chỉ mình Người là tốt lành* (Mc 10,18; Lc 18,19), chỉ mình Người là cao cả, chỉ mình Người là toàn năng, kỳ diệu, vẻ vang; chỉ mình Người là thánh thiện, đáng ngợi khen và được chúc tụng đến muôn thuở muôn đời. Amen.

[Những người mù không thấy ánh sáng chân thật]

⁽⁶³⁾ Những ai không sám hối và không tiếp nhận Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô,⁽⁶⁴⁾ nhưng lại thực hành các tật xấu và tội lỗi, chạy theo các dục vọng xấu xa và ham muốn xấu xa, không tuân giữ những điều đã hứa,⁽⁶⁵⁾ đem thân làm nô lệ thể gian vì đã chiều theo các ham muốn của xác thịt, bận tâm về thể gian và lo lắng cho cuộc sống này:⁽⁶⁶⁾ họ bị ma quỷ lừa

gạt, trở thành con cái ma quỷ và thi hành những công việc của nó (x. Ga 8,41); họ là những kẻ mù quáng, vì không nhìn thấy ánh sáng chân thật là Chúa Giêsu Kitô. ⁽⁶⁷⁾ Họ không có sự khôn ngoan thiêng liêng, vì trong lòng họ không có Con Thiên Chúa là sự khôn ngoan chân thật của Chúa Cha. Kinh Thánh nói về họ rằng: “*Tài ba khôn khéo của họ đã bị nuốt trôi*” (Tv 106,27). ⁽⁶⁸⁾ Họ thấy và nhận biết, biết mà vẫn làm điều dữ, và như thế, họ đánh mất linh hồn mình cách ý thức.

⁽⁶⁹⁾ Hãy xem, hỡi những kẻ mù quáng đã bị những kẻ thù của chúng ta là *xác thịt, thế gian* (1 Ga 2,16) và ma quỷ lừa gạt; đối với xác thịt, phạm tội là điều dịu ngọt, còn phụng sự Thiên Chúa thì thật là cay đắng, bởi vì mọi sự dữ, nét xấu và tội lỗi đều trào ra và *xuất phát từ lòng con người*, như Chúa nói trong sách Tin Mừng (x. Mc 7,21-23). ⁽⁷⁰⁾ Anh chị em chẳng có của gì ở đời này và đời sau cả. ⁽⁷¹⁾ Anh chị em tưởng cứ giữ mãi được các của phù vân đời này, nhưng anh chị em bị lừa gạt rồi, vì ngày giờ anh chị em không nghĩ tới, không hay và không biết sẽ đến.

[Cái chết của người không sám hối]

⁽⁷²⁾ Thể xác đau yếu, giờ chết đến gần, thân thích và bạn bè tới bảo: “Hãy định đoạt về của cải anh đi”. ⁽⁷³⁾ Rồi nào vợ, con, nào thân bằng quyến thuộc giả vờ khóc lóc. ⁽⁷⁴⁾ Và khi nhìn thấy họ khóc lóc, anh ta động lòng, nhưng đó là một sự động lòng bất chính. Anh nghĩ bụng rồi nói: “Đây, hồn và xác tôi, với mọi của cải của tôi, xin trao lại trong tay bà con”. ⁽⁷⁵⁾ Con người ấy thật là kẻ khốn kiếp, vì đã tin tưởng và giao

phó linh hồn, thân xác và của cải mình vào những bàn tay như thế. ⁽⁷⁶⁾ Bởi vậy, Chúa nói qua vị ngôn sứ rằng: “*Khốn thay kẻ đặt niềm tin tưởng nơi người phàm*” (Gr 17,5). ⁽⁷⁷⁾ Người ta liền cho mời một linh mục đến. Linh mục hỏi người hấp hối: “Con có muốn nhận ơn hoán cải về các tội lỗi của con không?”. ⁽⁷⁸⁾ Anh ta đáp: “Thưa có”. - “Con có muốn dùng tài sản của con theo khả năng mình, để đền bù tội lỗi con đã phạm và bồi thường các khoản con đã gian lận và lường gạt kẻ khác không?”. ⁽⁷⁹⁾ Anh ta đáp: “Thưa không”. Vị linh mục hỏi: “Tại sao không?” ⁽⁸⁰⁾ - Vì con đã giao phó mọi sự vào tay thần thích bạn hữu cả rồi”. ⁽⁸¹⁾ Kẻ khốn nạn đó bắt đầu cảm khẩu và kết thúc cuộc đời như vậy, bằng một cái chết cay đắng.

⁽⁸²⁾ Vậy, xin tất cả anh chị em hãy biết rằng: bất cứ ai, dù ở đâu, và theo cách nào đi nữa, khi chết còn mắc tội trọng mà không đền bù, - và có thể đền bù được mà không chịu làm, - thì ma quỷ giật lấy linh hồn người ấy ra khỏi xác với bao lo âu và đau đớn, đến nỗi không ai biết được cực hình ấy thế nào ngoại trừ kẻ ném chịu điều đó. ⁽⁸³⁾ Mọi tài năng, quyền lực và khôn ngoan mà người ấy tưởng mình sở hữu, *sẽ bị tước đoạt* (x. Lc 8,18; Mc 4,25). ⁽⁸⁴⁾ Người ấy để tài sản lại cho thân bằng quyến thuộc. Họ lấy chia nhau rồi còn nói: “Đồ khốn kiếp! Nó đã có thể thu tích cho ta nhiều hơn thế nữa”. ⁽⁸⁵⁾ Rồi thể xác bị sâu bọ rúc rĩa và như thế người ấy mất cả xác lẫn hồn trong cuộc sống ngắn ngủi này và sa vào hỏa ngục, chịu cực hình vô tận.

[Khuyến bảo, nhấn nhủ và chúc lành]

⁽⁸⁶⁾Tất cả những ai nhận được thư này, tôi là anh Phanxicô, tôi tớ hèn mọn của anh chị em, trong tình yêu là *Thiên Chúa* (x. 1 Ga 4,16), và với ước muốn hôn chân anh chị em, tôi khẩn nài anh chị em hãy đón nhận với lòng khiêm nhường và yêu mến những lời này và những lời khác nữa của Chúa Giêsu Kitô, rồi đưa ra thực hành và tuân giữ. ⁽⁸⁷⁾Ai không biết đọc, hãy năng nhờ kẻ khác đọc cho nghe; ⁽²¹⁾hãy gìn giữ thư này bên mình và thực hiện cho đến cùng bằng hành động thánh thiện, vì đó là “*thần khí và sự sống*” (x. Ga 6,64). Ai không làm như thế, thì đến ngày phán xét, phải trả lẽ *trước tòa Đức Kitô*¹⁴².

⁽⁸⁸⁾ Tất cả những anh chị em nào sẵn sàng tiếp nhận, tìm hiểu và sao chép lại cho kẻ khác, lại *bền chí tuân giữ đến cùng* (x. Mt 24,13), thì nguyện xin Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần ban phúc lành cho. Amen.

¹⁴² Câu 87 này không có trong bản sao 338 của thư viện thành phố Assisi và cha K. Esser cũng không giữ lại trong ấn bản của mình.

THƯ GỬI TOÀN DÒNG¹⁴³

Sau Bản luật có sắc chỉ và Di chúc, thì lá “Thư gửi Toàn Dòng” là tác phẩm được sao đi chép lại nhiều hơn cả (gần 60 bản sao). Vì thế có một số khác biệt giữa các bản sao, mặc dầu tính xác thực của lá thư thì đã không bao giờ bị đặt vấn đề.

Độ dài của bức thư này thay đổi theo các bản sao. Một vài bản kết thúc sau câu 33; một vài bản lại kết thúc sau câu 39; một số bản không ghi lại lời kinh cuối cùng (cc. 50-52): kinh này nằm ở một chỗ khác hoặc đứng một mình; một số bản sao khác nữa chỉ ghi một phần của bức thư, ví dụ bản sao N4 (nằm ở Napoli, số 4) chỉ có các câu 30-32, như thể các câu này là một phần của tập Huấn ngôn. Đa số bản sao ghi lại toàn bộ bức thư cùng với lời kinh ở cuối.

Nhiều bản sao gọi di cảo này là bức thư gửi cho một Tu nghị hoặc một Tổng Tu nghị. Tuy nhiên không ít bản sao khác lại khẳng định rằng bức thư này đã được gửi cho toàn Dòng hoặc cho tất cả mọi anh em. Ý kiến sau phù hợp hơn cả với trọng tâm của bức thư, với lời mở đầu cũng như với những câu kết thúc. Còn những đầu đề kia đặt ra một số khó khăn về mặt lịch sử của Dòng. Vì thế hiện thời cha C. Paolazzi vẫn giữ đầu đề như cha K. Esser đã chọn: “Thư gửi Toàn Dòng”.

Vì trong thư này, thánh Phanxicô nói nhiều về Bí tích Thánh Thể, nên cha K. Esser cho rằng thư này đã được viết sau sắc chỉ “Sane cum olim” của Đức Giáo hoàng Hônôriô III (22/11/1219) và

¹⁴³ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola toti ordini missa*, x. *SCRIPTA*, tr. 210.

trước Bản luật chung kết: nếu vậy thì thư được viết vào khoảng giữa năm 1220 và 1223. Cha Oktavian Scmucki đặt lá thư sau sắc chỉ “Quia populares tumultis” (3/12/1224): sắc chỉ này cho phép anh em được cử hành các giờ kinh phụng vụ và thánh lễ ngay tại những nơi anh em ở. Cha C. Paolazzi nêu ra một yếu tố mới: tại các câu 2, 38, 40 và 47, khi nhắc đến Tổng Phụng vụ, thì một số bản sao nêu tên Êlia nhưng một số khác thì lại không. Cha C. Paolazzi giải thích là sau khi anh Êlia bị bãi nhiệm năm 1239, thì tên anh bị xóa đi trong một số bản sao. Như vậy thư này được viết sau khi anh Phêrô Catani qua đời (10/3/1221). Đáng khác lá thư có quy chiếu về Bản luật và đó là Bản luật có sắc chỉ, điều đó có nghĩa là thư được viết sau khi Bản luật được phê chuẩn vào ngày 29/11/1223. Sau nữa Phanxicô cũng nói đến sức khỏe yếu kém (“caducus”) của người, nên theo cha C. Paolazzi, thời điểm lá thư là ít lâu sau khi thánh nhân chịu các dấu tích vào tháng 9/1224.

Các ý tưởng chính của lá thư diễn tiến như sau: dẫn nhập (cc. 1-4); phần thứ nhất: sứ mạng của anh em (cc. 5-13); phần thứ hai: Mình và Máu Chúa cùng với những lời của Người (cc. 14-37); phần thứ ba: trung tín với Luật dòng (cc. 38-49); lời kinh kết thúc (cc. 50-52).

Trước hết lá thư nhắc lại sứ mạng mà Con Thiên Chúa đã ban cho Phanxicô và cho anh em: “Người đã sai anh em đi khắp thế gian để anh em dùng lời nói và việc làm mà làm chứng cho lời Người và dẫn đưa mọi người nhận biết chỉ một mình Người là Đấng toàn năng” (c. 9). Đó là lý do hiện hữu của anh em, được tóm tắt trong một câu. Thiên Chúa toàn năng và đầy yêu thương đã hiến thân mình cho chúng ta (c. 11) và nay đang hiện diện trong Bí tích

Thánh Thể, vì thế anh em “hãy hết lòng kính trọng và tôn sùng Mình và Máu rất thánh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” (c. 12)

Sang phần thứ hai (cc. 14-37), lá thư đề cập tới việc cử hành Bí tích Mình và Máu Chúa trong các huynh đệ đoàn của Dòng. Đây là bốn phần liên hệ trực tiếp tới các anh em linh mục (cc. 14-33). Các câu 17-20 nhấn mạnh tới việc tiếp rước Mình và Máu Chúa. Các câu 20-22 liên kết Bí tích Thánh Thể với Mầu nhiệm Nhập thể, sự chết và sự sống lại của Chúa. Vì thế các anh em linh mục được mời gọi sống thánh thiện và cử hành Bí tích trọng đại này với ý hướng thanh sạch (cc. 23-24). Trong các câu 26-29 Phanxicô ca ngợi sự hiện diện rất khiêm hạ của Chúa trong Bí tích này.

Các câu 30-33 đề cập đến việc cử hành thánh lễ trong các cộng đoàn. Phanxicô xin anh em mỗi ngày chỉ dâng một thánh lễ theo nghi thức của Hội Thánh, mặc dầu trong cộng đoàn có nhiều linh mục (c. 30). Cha K. Esser lưu ý là không có quy tắc nào của Tòa thánh tương ứng với khuyến cáo của Phanxicô đây. Trái lại học giả này còn trích ra được một quy định trong một quyển sách lễ của Đức Giáo hoàng Hônôriô III: “Nếu có nhiều linh mục hiện diện ở một nơi, thì họ có thể hát lễ riêng rẽ (secrete) theo ý họ muốn”. Như vậy khuyến cáo của Phanxicô nêu trên phát xuất từ một ưu tư riêng. Từ thời Carôlô Đại Đế, số linh mục trong các đan viện bắt đầu tăng lên; từ thế kỷ XI hiện tượng này càng rõ rệt hơn với việc thiết đặt các lễ cầu hồn: các bổng lễ cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc tăng số các thánh lễ. Các sắc chỉ của Tòa thánh cho phép các Anh Em Hèn Mọn cử hành phụng vụ các giờ kinh và thánh lễ ngay trong cộng đoàn họ ở cũng giải thích phần nào hoàn cảnh mà thánh Phanxicô đề cập tới trong lá thư. Người

cầm việc tăng số các thánh lễ như vậy, do quan niệm sống Tin Mừng Chúa đã mặc khải cho người và cũng do kinh nghiệm và sự hiểu biết của người về Bí tích Thánh Thể. Các câu cuối cùng của phần thứ hai đề cập đến vấn đề tôn kính các bình thánh và các sách phụng vụ có liên hệ đến việc cử hành Bí tích Thánh Thể (cc. 34-37).

Phần thứ ba (cc. 40-49) xoay chung quanh ý tưởng là cử hành thần tụng như Luật dạy và việc tuân giữ Luật dòng. Phần này bắt đầu với việc Phanxicô xưng thú các tội lỗi của mình vì đã không tuân giữ Luật dòng, nghĩa là đã không đọc thần tụng như Luật dạy (c. 39). Sau đó người xin anh Tổng Phục vụ giúp anh em tuân giữ những điều Luật dòng một cách chu đáo và cử hành Thần tụng cũng như Thánh lễ một cách xứng đáng. Lời Chúa, Bí tích Thánh Thể, việc cử hành Thánh lễ và Thần tụng là những nơi mà chương trình cứu độ của Thiên Chúa trong Đức Kitô đang được thể hiện hôm nay và trong thế giới này cho loài người. Bởi thế thánh Phanxicô muốn mọi người phải tích cực hưởng ứng. Đó là ước nguyện sâu xa của Phanxicô được diễn tả trong thư này cũng như trong những lá thư “luân lưu” của thánh nhân. Vì thế trong các câu 47-48 Phanxicô xin anh em gìn giữ lá thư này và chuyển đạt cho những anh em sẽ tới sau, để mọi người đem ra thực hành những điều mà người đã nhấn nhủ.

Lá thư được kết thúc bằng một lời kinh (cc. 50-52).

Lời kinh ngắn ngủi này tóm tắt một cách tuyệt vời dự phóng của thánh Phanxicô và của các Anh Em Hèn Mọn, đó là đến với “Thiên Chúa Tối Cao”. Đó cũng là lộ trình tâm linh của mỗi người Anh Em Hèn Mọn: dưới tác động của Chúa Thánh Thần (soi sáng,

thanh luyện và nung nấu), con người bước theo vết chân của người Con yêu dấu để đến với Chúa Cha. Đó cũng chính là con đường hoán cải Phúc âm và là con đường chiêm nghiệm thần bí.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Nhân danh Ba Ngôi cao cả và sự Hợp nhất thánh thiện của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

⁽²⁾ Cùng toàn thể anh em đáng kính và rất thân mến: Anh [Êlia]¹⁴⁴, Tổng Phục vụ Dòng Anh Em Hèn Mọn và là tôn chủ của tôi¹⁴⁵ và các Tổng Phục vụ khác sẽ kế vị, tất cả các anh

¹⁴⁴ Lá thư không nói rõ tên ai ở đây cả. Tuy nhiên khi anh Phêrô Catani qua đời ngày 10/3/1221, thì anh Êlia là Tổng Phục vụ của Dòng hoặc chỉ giữ chức vụ Phụ tá của thánh Phanxicô (các truyện ký không rõ ràng về điểm này) từ 1221-1227 (sau này sẽ làm Tổng phục vụ từ 1232-1239), cho nên rất có thể chính anh Êlia là người nhận bức thư này. Giả thuyết này xem ra vững vàng, khi tại các câu 38, 40 và 47 tên của anh Tổng Phục vụ được viết tắt bằng chữ H (La ngữ: Helias); một số bản sao (mà cha C. Paolazzi chấp nhận) ghi rõ tên Helia tại câu 47.

¹⁴⁵ *Domino suo*: hai từ này đứng sau các từ “*religionis minorum fratrum*”, cho nên có dịch giả đưa từ “*suo*” về với “*religionis*” và dịch là “*tôn chủ của Dòng*” (“its lord”: x. bản dịch Anh ngữ trong “*Francis of Assisi. Volume I: The Saint*, New York, 1999, tr. 116). Chúng tôi nghĩ, theo đúng ngữ pháp La ngữ, từ “*suo*” (trong *suo domino*) phải đưa về với chủ ngữ của động từ chính, tức là “*frater Franciscus*” (x. H. Petitmangin, *Grammaire latine complète*, Paris 1960, règle 140); vì thế chúng tôi dịch là: “*tôn chủ của tôi*”. Ở câu 38 thánh Phanxicô nói lại ý tưởng đó: Anh Tổng Phục vụ là “*tôn chủ đáng kính của tôi*”. Bản dịch Pháp ngữ cũng hiểu theo cách này, nên đặt một ghi chú giải thích phía dưới trang: “Thực vậy, sau

Tĩnh Phục vụ và là những người gìn giữ anh em¹⁴⁶, các anh linh mục của Huynh đệ đoàn này, những người khiêm nhường trong Chúa Kitô, và cùng toàn thể anh em đơn sơ và tuân phục, những anh em đầu tiên cũng như những anh em cuối cùng,⁽³⁾ tôi là anh Phanxicô, con người hèn hạ và yếu đuối, tôi tở ti tiện của anh em, xin gửi lời chào trong Đấng đã cứu chuộc và rửa sạch chúng ta bằng Máu rất châu báu của Người (x. *Kh* 1,5).⁽⁴⁾ Khi nghe Danh Người, anh em hãy sấp mình xuống đất (2 *Er* 8,6) và thờ lạy với lòng sợ hãi và tôn kính: Danh Người là Chúa Giêsu Kitô, Con Đấng tối cao (x. *Lc* 1,32), Đấng được chúc tụng đến muôn đời (x. *Rm* 1,25). Amen.

⁽⁵⁾ Xin hãy nghe đây, hỡi các con cái của Chúa và là anh em của tôi, *xin lắng tai nghe những lời tôi nói* (x. *Cv* 2,14). ⁽⁶⁾ *Hãy ghé tai tâm hồn* và vâng nghe tiếng của Con Thiên Chúa (x. *Is* 55,3). ⁽⁷⁾ Hãy tuân giữ hết lòng các giới răn của Người và hoàn tất các lời khuyên của Người với hết trí khôn. ⁽⁸⁾ *Hãy tuyên*

khi đã từ chức Phục vụ rồi, Phanxicô lệ thuộc Tổng Phục vụ”, x. J. DALARUN, dir., *Francois d'Assise*, Edit.Franciscaines, Paris 2010, tome 1, tr. 366.

¹⁴⁶ *Omnibus ministris et custodibus*: Trong Bản luật chung kết (chương 8), từ *custos* vẫn chưa có nghĩa rõ rệt. Trong hai thư gửi các anh Phục vụ, *custos* có nghĩa tổng quát là bề trên. “*Minister et custos*” là một kiểu nói lặp Phanxicô thường dùng để nhấn mạnh tới chức vụ (tôi tở và là người gìn giữ anh em, x. *L* VIII, 2), kiểu như “*minister et servus*” (phục vụ và tôi tở). Lưu ý là trong Di chúc (c. 33) từ *custos* rất có thể có nghĩa là “phụ trách một chỗ ở”.

xung Người vì Người tốt lành, hãy tôn vinh Người trong mọi công việc anh em làm (x. Tv 135,1; Tb 13,6). ⁽⁹⁾ Người đã sai anh em đi khắp thế gian để anh em dùng lời nói và việc làm mà làm chứng cho tiếng nói Người và dẫn đưa mọi người nhận biết chỉ một mình Người là Đấng toàn năng (x. Tb 13,4). ⁽¹⁰⁾ Anh em hãy kiên trì trong kỷ luật (x. Dt 12,7) và thánh đức vâng lời. Những điều anh em đã thề hứa với Người thì hãy thi hành với lòng cương quyết vững vàng. ⁽¹¹⁾ Vì Đức Chúa là Thiên Chúa đã hiện mình cho anh em như con cái của Người (x. Dt 12,7).

[Hãy tôn kính Mình và Máu Chúa]

⁽¹²⁾ Bởi thế, thưa tất cả anh em, tôi xin hôn chân anh em và với tình yêu thương như tôi có thể có, tôi khẩn nài anh em hãy biểu lộ hết lòng kính trọng và hết lòng tôn sùng, như anh em có thể, đối với Mình và Máu rất thánh của Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô. ⁽¹³⁾ Trong Người, mọi loài trên trời và mọi loài dưới đất được bình định và được giao hòa cùng Thiên Chúa toàn năng (x. Cl 1,20).

[Việc cử hành thánh lễ]

⁽¹⁴⁾ Trong Chúa tôi xin tất cả anh em hiện là linh mục hoặc sẽ là linh mục hay muốn làm linh mục của Đấng Tối Cao, khi muốn dâng thánh lễ, hãy có tâm hồn thanh sạch và cử hành một cách thanh sạch: anh em hãy tiến dâng hi lễ chân thật là Mình và Máu cực thánh Chúa Giêsu Kitô một cách cung

kính với ý hướng¹⁴⁷ thánh thiện và trong trắng, chứ đừng làm vì một lý do trần tục nào: vì kính sợ hay yêu mến ai, như thể để làm đẹp lòng người ta (x. Ep 6,6; Cl 3,22).⁽¹⁵⁾ Nhờ ơn Chúa giúp, anh em hãy qui hướng mọi tâm tư tình cảm về Thiên Chúa, chỉ ước ao làm đẹp lòng một mình Người là Đức Chúa cao cả mà thôi, vì trong cuộc cử hành này, chỉ mình Người hành động theo như ý Người muốn.⁽¹⁶⁾ Vì chính Người đã nói: “*Anh em hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến Thầy*” (Lc 22,19; 1 Cr 11, 24), nếu ai làm khác, người ấy trở thành một Giuđa phản bội và có tội đối với Mình và Máu Chúa” (x. 1 Cr 11,27).

⁽¹⁷⁾ Hỡi các anh em linh mục của tôi, anh em hãy nhớ lại điều đã viết về luật Môsê: ai vi phạm luật ấy, dù là những việc liên hệ đến thể chất, đã phải chết theo phán quyết của Chúa mà không được xót thương (x. Dt 10,28).⁽¹⁸⁾ Phương chi kẻ giày đạp Con Thiên Chúa, xúc phạm đến máu giao ước đã thánh hóa mình và nhục mạ Thần Khí ân sủng, thì kẻ ấy đáng chịu hình phạt nặng nề và ghê gớm hơn biết mấy (x. Dt 10,29).⁽¹⁹⁾ Theo lời thánh Tông đồ dạy, người ta khinh rẻ, xúc phạm và giày đạp Con Chiên của Thiên Chúa khi họ không suy xét (1 Cr 11,29) và không phân biệt bánh thánh Đức Kitô với những thức ăn và những việc làm khác, hoặc tiếp rước bánh ấy trong tình trạng bất xứng, hay cho dầu họ xứng đáng đi

¹⁴⁷ Từ “*intentio*” gợi lên tập tục có từ thời Trung cổ: các tín hữu xin linh mục dâng lễ theo “ý nguyện” của mình và thường kèm theo một tặng phẩm vật chất. Điều này có thể làm cho linh mục nghĩ tới bổng lộc vật chất hơn là ý hướng thiêng liêng.

nữa, nhưng lại tiếp rước cách cầu thả và bất kính. Chúa đã nói qua vị ngôn sứ rằng: “*Vô phúc cho kẻ nào làm việc Chúa cách giả dối*” (x. Gr 48,10).⁽²⁰⁾ Những linh mục nào không muốn thực sự ghi tạc điều ấy vào lòng, thì Chúa kết án, khi Người nói: “*Ta sẽ nguyên rửa các lời chúc lành của các người*” (Mt 2,2).

⁽²¹⁾ Hỡi anh em, xin hãy nghe tôi: sở dĩ Đức Trinh nữ điểm phúc được tôn sùng như thế - điều này thật chính đáng - vì người đã cư mang Thiên Chúa trong lòng dạ rất thánh của mình; sở dĩ vị Tẩy Giả đã run sợ và không dám chạm đến đầu thánh thiện của Thiên Chúa; sở dĩ ngôi mộ nơi Người đã an nghỉ trong chốc lát lại được tôn kính,⁽²²⁾ vậy thì phải thánh thiện, công chính và xứng đáng dường nào kẻ cầm trong tay, tiếp rước vào miệng và vào lòng, rồi trao cho kẻ khác nhận lấy chính Đấng sẽ không còn chết nữa, nhưng muôn đời hằng sống và hằng được tôn vinh, Đấng mà *các Thiên thần ước ao chiêm ngưỡng* (x. 1 Pr 1,12).

⁽²³⁾ Hỡi anh em linh mục, xin hãy nghĩ đến chức vụ cao trọng của anh em và hãy sống thánh thiện, vì Người thánh thiện (x. 1 Cr 1,26; Lv 19,2).⁽²⁴⁾ Cũng như do chức vụ ấy, Thiên Chúa đã trọng đãi anh em hơn mọi người, thì anh em cũng hãy yêu mến, kính sợ và tôn vinh Người hơn hết mọi người.
⁽²⁵⁾ Thật là điều khốn nạn lớn lao và là một sự yếu đuối thảm

hại, khi Người hiện diện đó với anh em, mà anh em lại lo lắng đến những chuyện gì khác trên tất cả trần gian.

⁽²⁶⁾ Chớ gì mọi người hãy kính sợ, toàn thể giới hãy run rẩy và các tầng trời hãy reo vui khi Đức Kitô Con Thiên Chúa hằng sống (x. Mt 16,16) ngự trên bàn thờ trong tay linh mục!

⁽²⁷⁾ Ôi điều cao cả kỳ diệu và sự hạ cố lạ lùng! Ôi lòng khiêm hạ thăm sâu! Một điều trọng đại mà thật khiêm tốn! Chúa tể càn khôn, Thiên Chúa và là Con Thiên Chúa hạ mình xuống đến ẩn náu dưới hình bánh nhỏ mọn để cứu độ chúng ta. ⁽²⁸⁾

Hỡi anh em, hãy nhìn ngắm sự khiêm hạ của Thiên Chúa và trước mặt Người hãy tuôn đổ cõi lòng (Tv 61,9). Anh em hãy hạ mình xuống để Người nâng anh em lên (x. 1 Pr 5,6; Gc 4,10). ⁽²⁹⁾

Vậy anh em đừng giữ lại cho mình bất cứ điều gì, để Chúa là Đấng đã hiến trọn thân mình cho anh em, cũng sẽ nhận lấy toàn thân anh em.

[Chỉ cử hành một thánh lễ chung trong ngày]

⁽³⁰⁾ Vì vậy, trong Chúa tôi nhắc nhở và khuyến khích anh em: tại các nơi anh em ở, mỗi ngày, anh em hãy cử hành một thánh lễ mà thôi theo thể thức của Hội Thánh¹⁴⁸. ⁽³¹⁾ Nếu ở

¹⁴⁸ Trong sắc chỉ “*Quia populares tumultus*” (3/12/1224), Đức Thánh cha Hônôriô III ban phép cho anh em được cử hành thánh lễ trong các nhà thờ và nhà nguyện của Dòng. Vì thế lá thư này của thánh Phanxicô rất có thể được viết ít lâu sau sắc chỉ này, và có lẽ vào những ngày cuối đời, tức là khoảng 1225-1226 (x. *Francis of Assisi. Vol.I: The Saint*, tr. 116).

đó có nhiều linh mục, thì vì tình yêu bác ái¹⁴⁹, mỗi linh mục hãy vui lòng dự lễ do linh mục khác cử hành, ⁽³²⁾ bởi vì Chúa Giêsu Kitô sẽ ban đầy ơn phúc cho những ai xứng đáng với Người, có mặt cũng như vắng mặt. ⁽³³⁾ Mặc dầu xem ra Người ở nhiều nơi, nhưng Người không hề bị phân chia hay suy giảm: nhưng khắp nơi, Người vẫn là một Đấng duy nhất và Người hành động theo ý Người muốn, cùng với Thiên Chúa Cha và Thánh Thần Bảo trợ đến muôn thuở muôn đời. Amen.

[Gìn giữ các lời của Chúa]

⁽³⁴⁾ *Ai thuộc về Thiên Chúa thì nghe Lời Thiên Chúa* (x. Ga 8,47), nên chúng ta, những người đặc biệt có trách nhiệm phụng sự Thiên Chúa, chúng ta không những phải lắng nghe và thi hành những điều Thiên Chúa phán dạy mà còn phải cất giữ các bình thánh và các sách phụng vụ ghi chép những lời thánh thiện của Chúa, để thẩm nhập vào lòng sự cao cả của Đấng Tạo hóa và biểu lộ sự tùng phục của chúng ta đối với Người. ⁽³⁵⁾ Bởi thế, nhân danh Đức Kitô tôi nhắc nhở và khuyến khích tất cả anh em hãy hết sức tôn kính các lời của Chúa được viết ra, ở bất cứ nơi nào anh em gặp thấy; ⁽³⁶⁾ và tùy phạm vi trách nhiệm, nếu các lời ấy không được cất giữ chu đáo hoặc nằm rải rác đây đó cách bất xứng, anh

¹⁴⁹ *Per amorem caritatis*: Theo bản dịch Đức ngữ của hai cha Lothar Hardick và Engelbert Grau thì kiểu nói này có nghĩa: “vì tình yêu đối với Tình yêu [=Thiên Chúa]”, xem “*Die Schriften des heiligen Franziskus von Assisi*”, Werl/Wesfalen 1987, tr. 41.

em hãy thu nhặt lại và đem cất đi, hãy tỏ lòng tôn kính Chúa hiện diện trong các lời Người đã nói (x. 1 V 2,4).⁽³⁷⁾ Thật vậy, nhiều điều *được lời Thiên Chúa thánh hóa* (x. 1 Tm 4,5), và do quyền năng các lời của Đức Kitô, nhiệm tích bàn thờ được thực hiện.

[Lời thú tội của thánh Phanxicô]

⁽³⁸⁾ Sau nữa, tôi xin thú nhận mọi tội lỗi của tôi cùng Thiên Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, cùng Đức Maria diễm phúc trọn đời đồng trinh và tất cả các thánh trên trời và dưới đất, cùng Anh H[elia], vị Phục vụ của Dòng chúng ta và là tôn chủ đáng kính của tôi, cùng các linh mục trong Dòng và tất cả mọi anh em được chúc phúc khác.⁽³⁹⁾ Về nhiều điều tôi đã sai lỗi nặng nề, cách riêng tôi đã không giữ Luật dòng như đã khấn hứa với Chúa, không đọc các giờ kinh phụng vụ như Luật dạy, hoặc vì lười biếng, hoặc vì bệnh tật, hoặc vì tôi dốt nát và vô học.

[Luật dòng và cách đọc kinh]

⁽⁴⁰⁾ Bởi thế, theo khả năng của tôi, tôi tha thiết nài xin anh H[elia] là Tổng Phục vụ và là tôn chủ của tôi, hãy giúp tất cả anh em tuân giữ chu đáo Luật dòng.⁽⁴¹⁾ Tôi cũng xin anh em giáo sĩ hãy sốt sắng cử hành thần tụng trước mặt Thiên Chúa, đừng bận tâm tới cung giọng, nhưng tới sự hòa hợp của tâm hồn, sao cho lời kinh trên môi miệng hòa hợp với

tâm trí và tâm trí hòa hợp với Thiên Chúa¹⁵⁰, ⁽⁴²⁾ mục đích là làm đẹp lòng Thiên Chúa nhờ lòng thanh trí sạch, chứ không phải ru tai dân chúng với cung giọng tha thướt. ⁽⁴³⁾ Phần tôi, nhờ ơn Thiên Chúa, tôi xin hứa tuân giữ vững vàng mọi điều ấy. Tôi cũng sẽ truyền đạt lại cho những anh em cùng ở với tôi, để họ tuân giữ những điều liên hệ tới thần tụng và mọi điều khoản khác trong Luật dòng¹⁵¹. ⁽⁴⁴⁾ Ai không muốn tuân giữ các điều ấy, thì tôi không coi như là người công giáo và như anh em của tôi nữa. Tôi cũng không muốn nhìn mặt và nói chuyện với những người đó cho đến lúc họ hoán cải. ⁽⁴⁵⁾ Tôi cũng nói như thế với tất cả những ai đi lang thang, bất chấp kỷ luật qui định trong Luật dòng; ⁽⁴⁶⁾ bởi vì Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã hiến mạng sống mình để khỏi lỗi đức tuân phục với Chúa Cha chí thánh (x. Pl 2,8).

⁽⁴⁷⁾ Tôi là anh Phanxicô, con người vô dụng và thụ tạo bất xứng của Thiên Chúa, nhân danh Đức Giêsu Kitô, xin anh Elia¹⁵², là người phục vụ Toàn Dòng chúng ta, và tất cả các Tổng Phục vụ sẽ

¹⁵⁰ Luật dòng thánh Bênêdictô đã có lời mời gọi các tu sĩ cử hành thần tụng cách sốt sắng “*sao cho tâm trí hòa hợp với môi miệng*” (x. *Luật dòng Thánh Bênêdictô* 19,7). Nhìn bên ngoài hai câu văn có vẻ khác nhau, nhưng thật sự nội dung thì giống nhau: khi cầu nguyện cần có sự hòa hợp giữa lời kinh trên môi miệng và ý hướng của tâm hồn.

¹⁵¹ Các câu 38-40 và 43 quy chiếu về Luật dòng, điều này cho phép ấn định thời điểm của bức thư gửi Toàn Dòng là giữa năm 1224 và 1226.

¹⁵² Bản văn La ngữ ấn bản Paolazzi ghi rõ tên Elia ở chỗ này.

kế vị anh, tất cả các anh Tỉnh Phục vụ và Phụ trách nhà¹⁵³ của các anh em, hiện thời và sau này, hãy giữ bức thư này bên mình, đem ra thực hành và cất giữ chu đáo.⁽⁴⁸⁾ Tôi khẩn nài các anh ấy gìn giữ cẩn thận các điều được ghi chép trong thư này đồng thời giúp các anh em khác tuân giữ nhiệt thành hơn, thể theo tôn ý Thiên Chúa toàn năng, bây giờ và mãi mãi, bao lâu thế giới này còn tồn tại.⁽⁴⁹⁾ Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho anh em là những người thực hành các điều ấy và xin Người ở cùng anh em đến muôn đời. Amen.

[Lời nguyện]¹⁵⁴

⁽⁵⁰⁾ Lạy Thiên Chúa toàn năng, vĩnh cửu, công chính và từ bi, vì chính Chúa, xin ban cho chúng con là những kẻ khốn nạn, thực hiện được những điều chúng con biết là Chúa muốn, và luôn luôn muốn những điều đẹp lòng Chúa,

¹⁵³ “*Generalibus ministris... et ceteris custodibus et guardianis fratrum*”. Dịch sát: “các anh Tổng Phục vụ... và các tất cả các anh có nhiệm vụ gìn giữ và bảo vệ anh em”. Trong “Thư gửi các anh Phục vụ”, từ “*custodes*” chỉ các anh Giám tỉnh, còn trong “Thư gửi một anh Phục vụ”, từ “*guardianus*” chỉ Phụ trách nhà. Như vậy, ở đây Phanxicô nêu ra ba cấp bậc quyền bính của Hội dòng: Tổng Phục vụ, Tỉnh Phục vụ và Phụ trách nhà.

¹⁵⁴ Lời kinh ngắn ngủi này tóm tắt một cách tuyệt vời lộ trình tâm linh của thánh Phanxicô (thực ra cũng là lộ trình của mọi kitô hữu): dưới tác động của Chúa Thánh Thần (thanh luyện, soi sáng và nung nấu; thần học tu đức cổ điển, từ thời Evagre trong thế kỷ IV, gọi là “tam đạo”: thanh đạo, minh đạo và hiệp đạo), con người bước theo dấu chân của Đức Giêsu Kitô để đến với Chúa Cha. Đó là con đường hoán cải Phúc âm và cũng là con đường chiêm nghiệm thần bí.

⁽⁵¹⁾ để nhờ ngọn lửa Thánh Linh thanh luyện nội tâm, soi sáng và nung nấu bên trong hơn nữa¹⁵⁵, chúng con có thể *bước theo các dấu chân* (x. 1 Pr 2,21) của Con Yêu dấu Chúa, là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, ⁽⁵²⁾ và chỉ nhờ ơn Chúa trợ giúp, chúng con đến được với Chúa, lạy Đấng Tối cao; trong Ba Ngôi trọn hảo và trong mỗi Hợp nhất đơn thuần, Chúa là Thiên Chúa toàn năng, hằng sống, hằng trị, và hằng được tôn vinh đến muôn thuở muôn đời. Amen.

¹⁵⁵ Câu 51 này có hai từ *interius* ở thể so sánh (*interius mundati, interius illuminati... et accensi*), có nghĩa *bên trong hơn nữa*, chứ không chỉ là *bên trong* (*intra*). Kiểu nói độc đáo này làm chúng ta nghĩ tới một ý tưởng mà các thánh Giáo phụ thường nhắc đi nhắc lại và thánh Phanxicô bằng cách nào đó đã có thể tiếp thu được: Chúa Thánh Thần ở trong chúng ta và *bên trong hơn* chính chúng ta (*Le Saint Esprit nous est plus intime, plus intérieur que nous - mêmes*, x. Paul Evdokimov, *L'Orthodoxie*, Édit. Delachaux et Niestlé, Paris 1965, tr. 111).

OFFMNN

PHẦN III

CÁC BẢN LUẬT VÀ NHỮNG LỜI KHUYÊN BẢO

LUẬT KHÔNG SẮC CHỈ¹⁵⁶

Nhiều người gọi Bản luật này là Bản luật thứ nhất của Dòng Anh Em Hèn Mọn. Nhưng gọi như vậy không đúng. Vì Bản luật thứ nhất mà thánh Phanxicô nhắc tới khi người nói trong Di chúc: “Tôi đã xin viết ra một cách đơn sơ, bằng những lời ngắn gọn”, và đã đệ trình cho Đức Giáo hoàng Innôxenxiô III vào năm 1209, để được phê chuẩn, thì ngắn hơn dựa trên chứng từ của những anh em đương thời khác. Bản văn hiện thời của Bản luật này vượt xa các tiếng “một cách đơn sơ và bằng ít lời ngắn gọn” và nhiều khoản trong đó giả định một kinh nghiệm sống được thu lượm qua nhiều năm. Vậy Bản luật thứ nhất mà thánh Phanxicô đệ trình lên Đức Giáo hoàng Innôxenxiô III năm 1209 đã mất đi và cùng với nó là bài miêu tả đầu tiên về cuộc sống của các Anh Em Hèn Mọn.

Thực ra chúng ta có thể nghĩ rằng cùng với sự tăng trưởng của huynh đệ đoàn, Bản luật ấy cũng đã phát triển. Các qui tắc cứ dần dần được thêm vào với thời gian phản ánh các kinh nghiệm sống của anh em (x. Thư gửi một anh Phục vụ), lời dạy của Giáo Hội, đặc biệt là những nghị quyết của Công đồng Latêranô IV (1215), và những lời dạy của chính Phanxicô. Hình thái văn chương cuối cùng của Bản luật đã được hình thành tại Tu nghị ngày Lễ Ngũ Tuần năm 1221, nhưng nội dung nguyên thủy chính là Bản luật tiên khởi mà thánh Phanxicô đã đệ trình lên Đức Giáo hoàng Innôxenxiô III năm 1209 như người đã nhắc tới trong Di chúc sau

¹⁵⁶ Đầu đề bằng La ngữ: *Regula non bullata*, x. SCRIPTA, tr. 242.

này: “Sau khi Chúa đã ban cho tôi một số anh em, không ai chỉ bảo cho tôi phải làm gì, nhưng chính Đấng Tối Cao đã mặc khải cho tôi biết phải sống theo mẫu mực thánh Phúc âm. Và tôi đã xin viết ra luật sống ấy một cách đơn sơ và ngắn gọn, và Đức Thánh cha đã xác nhận cho tôi” (x. DC 14-15). Nội dung của Bản luật nguyên thủy ấy có lẽ gồm lời mở đầu với lời hứa tuân phục Đức Giáo hoàng, vài đoạn Tin Mừng mà Phanxicô và các bạn tiên khởi đã gặp thấy khi mở sách Tin Mừng ba lần tại nhà thờ thánh Nicôla ở Assisi và “ít điều khác nữa” cần thiết cho đời sống của một huynh đệ đoàn (x. 1 Cel 32). Như vậy Bản luật ngắn gọn ban đầu cứ dần dần được bổ túc với những điều khoản được biên soạn tại các Tu nghị hằng năm và từ lần này qua lần khác đã được Tòa Thánh chấp thuận.

Sự kiện được Tòa Thánh chấp thuận, và chấp thuận trong toàn bộ bản văn, được nêu rõ trong lời mở đầu của Bản luật 1221: “Đây là đời sống mà anh Phanxicô đã xin Đức Giáo hoàng chấp thuận và chuẩn y. Ngài đã chấp thuận và chuẩn y cho anh và cho các anh em hiện có và sẽ đến” (Lksc, Lời mở đầu, 2). Trong chương kết luận Phanxicô kết thúc lời khuyên bảo với những lời lẽ như sau: “Nhân danh Thiên Chúa toàn năng và Đức Giáo hoàng, cùng vì đức vâng phục, tôi là anh Phanxicô, chỉ thị và ra lệnh một cách kiên quyết là: không ai được bớt hay thêm điều gì vào bản văn này và anh em cũng đừng theo một Bản luật nào khác” (Lksc 24,4). Sở dĩ Phanxicô đã dám chỉ thị cho anh em một cách kiên quyết, “nhân danh Thiên Chúa... và Đức Giáo hoàng”, không được thay đổi bản văn, là vì bản văn ấy, trong toàn phần, đã được Đức Giáo hoàng phê chuẩn, mặc dầu không có “sắc chỉ” chính thức (vì thế có đầu đề: Luật không sắc chỉ).

Bản văn nguyên thủy của Luật này như đã được hình thành vào mùa hè 1221 thì không còn nữa, nhưng nội dung của nó được bảo tồn, hoặc toàn bộ hoặc từng phần, trong 22 bản sao. Sau các ấn bản truy nguyên của David Flood (1967) và K. Esser (1973 và 1976), C. Paolazzi đã duyệt lại ấn bản của K. Esser, thiết lập gia phả các bản sao và công hiến cho ta một bản văn mới được giới học giả đánh giá rất chính xác.

BẢN VĂN

[LỜI MỞ ĐẦU]¹⁵⁷

⁽¹⁾ Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần! Amen.

⁽²⁾ Đây là đời sống¹⁵⁸ mà anh Phanxicô đã xin Đức Giáo hoàng chấp thuận và chuẩn y. Ngài đã chấp thuận và chuẩn y cho anh và cho các anh em hiện có và sẽ đến.

¹⁵⁷ Các chương và các đầu đề được thêm vào sau. Bản sao lâu đời tại thư viện Worcester (Anh quốc) không có chương mục và đầu đề gì cả.

¹⁵⁸ Có bản sao ghi: “đời sống *theo Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô*”.

(³) Anh Phanxicô và bất cứ ai sẽ đứng đầu Hội dòng¹⁵⁹ này phải tuyên hứa vâng phục và kính trọng¹⁶⁰ Đức Giáo hoàng Innôxenxiô¹⁶¹ và các Đấng kế vị Người. (⁴) Còn tất cả các anh em khác phải vâng phục anh Phanxicô và những người kế vị anh.

¹⁵⁹ *Religio*: từ này vào thời Trung cổ được hiểu cách rộng rãi là “hội đoàn” (hội đạo đức, hội từ thiện...), đặc biệt là hội đoàn những người sống đời tu trì. Từ này ít có tính cách pháp lý hơn là *Ordo*: từ sau này mang nhiều nghĩa (trật tự hàng ngũ, trật tự diễn tiến trong nghi lễ, cách sống); nghĩa thông dụng là toàn thể những đan viện sống theo một quy luật (x. Th. Desbonnets, *De l'intuition à l'institution*, Edit. franciscaines, Paris 1983, tr. 76). Dần dần hai từ *Religio* và *Ordo* đồng nghĩa với nhau, nhưng thánh Phanxicô vẫn thích dùng từ *religio* và nhất là *fraternitas* (huynh đệ đoàn) hơn là *ordo*.

¹⁶⁰ Để tránh cho mình và cho các anh em khác nguy cơ lạc giáo, thánh Phanxicô đã muốn Tòa Thánh chính thức chấp thuận lối sống này. Đây là lần đầu tiên trong Giáo Hội một Hội dòng hoàn toàn tự đặt mình dưới quyền định đoạt của Đức Giáo hoàng và tuyên thệ tuân phục Ngài. Điều này sẽ được nhắc lại trong *Lsc* 1,2.

¹⁶¹ Đức Innôxenxiô III (1160-1216) làm Giáo hoàng từ 1198 tới 1216. Ngài đã triệu tập Công đồng Latêranô IV năm 1215 để bác bỏ các nhóm lạc giáo Vaudois, Albigeois và lạc thuyết của Joachim de Fiore, xác định đạo lý Công giáo về các Bí tích và đề ra một số biện pháp kỷ luật (ví dụ buộc phải xưng tội và chịu lễ mỗi năm ít là một lần).

Chương I

ANH EM PHẢI SỐNG VÂNG PHỤC, KHIẾT TỊNH VÀ KHÔNG CÓ CỦA RIÊNG

⁽¹⁾ Luật và đời sống các anh em này là: sống vâng phục, khiết tịnh và không có của riêng¹⁶², và đi theo giáo huấn và những dấu chân của Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta¹⁶³. Chính Chúa đã nói: ⁽²⁾ “*Nếu anh em muốn nên hoàn thiện thì hãy về (Mt 19,21) bán tất cả mọi thứ anh có (x. Lc 18,22), mà bỏ thí cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời, sau đó hãy đến theo tôi*” (Mt 19,21). ⁽³⁾ Và: “*Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo*” (Mt 16,24). ⁽⁴⁾ Người còn nói: “*Ai muốn*

¹⁶² Luật dòng Thiên Chúa Ba Ngôi được Đức Giáo hoàng Innôxênxiô III phê chuẩn ngày 17/12/1198 cũng đã nhắc tới ba lời khuyên Phúc âm, x. PL 214,445; 217,1137.

Không có của riêng: được hiểu không chỉ theo nghĩa vật chất, mà còn theo nghĩa tinh thần (x. Hn 11,3; 14,4).

¹⁶³ Từ thế kỷ III-XIII giới tu hành thường nêu ra lý tưởng là “noi gương các Tông đồ” hoặc sống theo “quy luật của các thánh Tông đồ” (x. M. H. Vicaire, *L’Imitation des Apôtres. Moines, Chanoines, Mendiants*, Paris 1963). Thánh Phanxicô có kiểu nói độc đáo: đó là “*đi theo*” (15 lần trong quyển Tác Phẩm) *những dấu chân Chúa Kitô, đạo lý Chúa Kitô, sự nghèo khó Chúa Kitô*. Ba trên bốn câu trích dẫn Phúc âm trong đoạn này được liên kết với nhau bằng từ “đi theo”. Đối tượng mà Phanxicô trực tiếp chiêm ngắm và “đi theo” là Chúa Giêsu và lối sống của Người, chứ không phải các Tông đồ.

đến theo tôi mà không từ bỏ cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, và cả mạng sống mình nữa, thì không thể làm môn đệ tôi được” (Lc 14,26). ⁽⁵⁾ Và: “Phàm ai bỏ cha hoặc mẹ, anh em hoặc chị em, vợ hoặc con cái, nhà cửa hoặc ruộng đất vì tôi, thì sẽ nhận được gấp bội và còn được hưởng sự sống vĩnh cửu” (x. Mt 19,29; Mc 10,29; Lc 18,29).

Chương II

CÁCH TIẾP NHẬN ANH EM VÀ VẤN ĐỀ TU PHỤC¹⁶⁴

⁽¹⁾ Ai được Chúa linh hứng, muốn đón nhận đời sống này và đến với anh em thì anh em phải ân cần tiếp đón họ. ⁽²⁾ Nếu họ quyết tâm đón nhận đời sống chúng ta, anh em hãy hết sức ý tứ đừng xen vào công chuyện trần thế của họ, nhưng hãy giới thiệu họ với anh Phục vụ của mình càng sớm càng tốt. ⁽³⁾ Còn anh Phục vụ, hãy ân cần tiếp đón, khuyến khích họ và trình bày cặn kẽ cho họ biết nội dung đời sống chúng ta.

¹⁶⁴ Chương này phản ánh nhiều giai đoạn biên soạn: câu 1 và 14, với tính cách đơn sơ, chắc chắn nằm trong dự phóng ban đầu; câu 2-4 nhắc tới vai trò của anh Phục vụ, phải được soạn sau khi huynh đệ đoàn được chia ra thành các Tỉnh dòng sau năm 1217; các câu 8 và 11-13 phản ánh sắc chỉ “*Cum secundum consilium*” (22/11/1220) của Đức Giáo hoàng Hônôriô III quy định phải có một năm tập tu trước khi được nhận dứt khoát vào huynh đệ đoàn.

⁽⁴⁾ Sau đó, nếu đương sự muốn và có thể thực hiện được theo Thánh Khí¹⁶⁵ và không có gì cản trở, thì hãy tìm cách bán tài sản của mình và lo phân phát tất cả cho người nghèo. ⁽⁵⁾ Phần anh em cũng như anh Phục vụ, đừng xen vào công chuyện của họ bất cứ bằng cách nào, ⁽⁶⁾ cũng đừng nhận tiền bạc gì cả, hoặc trực tiếp hoặc qua trung gian kẻ khác. ⁽⁷⁾ Tuy nhiên, trong trường hợp túng thiếu, thì vì khẩn thiết anh em có thể nhận những thứ cần thiết cho thể xác như những người nghèo khác, ngoại trừ tiền bạc.

⁽⁸⁾ Khi họ trở lại, anh Phục vụ hãy cho họ y phục tập tu, trong thời gian một năm, tức là hai chiếc áo dài không có lúp, một dây thắt lưng, vài chiếc quần ngắn, và một áo choàng ¹⁶⁶ dài tới thắt lưng. ⁽⁹⁾ Khi thời gian một năm đã qua và việc thử luyện đã hoàn tất, đương sự được nhận vào đời sống vâng phục. ⁽¹⁰⁾ Từ đó, người ấy không được phép gia nhập một dòng khác hoặc “đi lang thang ngoài đức vâng phục nữa”, theo lệnh truyền của Đức Thánh cha¹⁶⁷ và theo lời dạy của Tin Mừng; vì “*ai đã tra tay cầm cày mà còn nhìn lại đằng sau, thì*

¹⁶⁵ *Spiritualiter*: một cách thiêng liêng. Cha C. Paolazzi dịch là: *secondo lo Spirito* (viết hoa), theo Thánh Khí.

¹⁶⁶ Caperon: một loại áo choàng ngắn không có ống tay, che thân mình từ vai xuống thắt lưng. Nói chung, y phục của anh em thời đầu giống như y phục của các nông dân.

¹⁶⁷ Bản luật muốn nhắc tới sắc chỉ của Đức Giáo hoàng Hônôriô III “*Cum secundum consilium*”, ban ngày 22/9/1220, theo đó phải có một thời gian tập tu bắt buộc, và cấm gia nhập một Dòng khác vì một lý do phù phiếm.

không xứng đáng với Nước Thiên Chúa” (Lc 9,62). ⁽¹¹⁾ Trong trường hợp ai đến với chúng ta mà gặp trở ngại, không thể bỏ thí của cải được, nhưng vẫn có ý muốn thiêng liêng¹⁶⁸, thì họ hãy từ bỏ của cải mình, và thế là đủ.

⁽¹²⁾ Anh em không được nhận ai vào Dòng trái với thể thức và qui chế của Hội Thánh.

⁽¹³⁾ Các anh em khác đã khấn hứa vâng phục sẽ được một chiếc áo dài với lúp, và, nếu cần, một chiếc khác không lúp, một sợi dây thắt lưng và vài chiếc quần ngắn. ⁽¹⁴⁾ Tất cả anh em hãy mặc quần áo thô hèn và có thể lót thêm bằng vải xô hay các mảnh vải khác, và Thiên Chúa sẽ chúc lành cho; vì Chúa nói trong sách Tin Mừng: *“Những kẻ áo quần lông lầy, đời sống xa hoa”* (Lc 7,25) và *“kẻ mặc gấm vóc lụa là thì ở trong cung điện nhà vua”* (Mt 11,8). ⁽¹⁵⁾ Dù thiên hạ cho anh em là giả hình, anh em cũng đừng thôi làm việc thiện, và đừng tìm kiếm y phục quý giá ở đời này, để được mặc y phục Nước Trời.

Chương III

THẦN TỤNG VÀ CHAY TỊNH

⁽¹⁾ Chúa nói: *“Giống quỉ ấy chỉ trừ được bằng chay tịnh và lời cầu nguyện thôi”* (x. Mc 9,28). ⁽²⁾ và còn nói: *“Khi ăn chay, chớ làm bộ rầu rĩ như bọn đạo đức giả”* (Mt 6,16). ⁽³⁾ Vì thế, tất cả anh

¹⁶⁸ *Spirituallem voluntatem*: Cha C. Paolazzi dịch là Ý muốn theo Thánh Khí (*volonta secondo lo Spirito*).

em, giáo sĩ cũng như giáo dân, hãy đọc thần tụng¹⁶⁹, những lời ngợi khen và kinh nguyện theo bốn phận mình.

(4) Anh em giáo sĩ hãy cử hành phụng vụ và cầu nguyện cho kẻ sống và kẻ chết theo tập tục của hàng giáo sĩ. (5) Mỗi ngày, anh em hãy đọc Thánh vịnh “*Lạy Thiên Chúa, xin lấy lòng nhân hậu xót thương con*” (=Tv 50) và kinh Lạy Cha để đền bù những thiếu sót và bất cẩn của mình; (6) và đọc Thánh vịnh “*Từ vực thẳm*” (=Tv129) cùng kinh Lạy Cha để cầu nguyện cho các anh em đã qua đời. (7) Anh em được phép có những sách cần thiết mà thôi để chu toàn nhiệm vụ.

(8) Anh em giáo dân nào biết đọc sách Thánh vịnh cũng được phép có một quyển, (9) còn những anh em khác không biết chữ, thì không được phép có sách. (10) Các anh em giáo dân hãy đọc kinh Tin Kính, hai mươi bốn kinh Lạy Cha và kinh Sáng Danh vào giờ Kinh Khai Nhật (*Matutinum*); giờ Kinh Sáng (*Laudes*) năm kinh; giờ thứ Nhất anh em đọc kinh Tin Kính, bảy kinh Lạy Cha và kinh Sáng Danh; vào giờ thứ Ba, thứ Sáu và thứ Chín, mỗi giờ bảy kinh; giờ Kinh Chiều mười hai kinh; giờ Kinh Tối, anh em đọc kinh Tin Kính, bảy kinh Lạy Cha và kinh Sáng Danh; để cầu nguyện cho những kẻ đã qua đời”, anh em đọc bảy kinh Lạy Cha với kinh: “Xin cho các linh hồn được nghỉ ngơi đời đời” (*Requiem aeternam*);

¹⁶⁹ *Officium*: Từ này ngày nay chỉ các Giờ Kinh Phụng vụ. Vào thời Trung cổ nó có nghĩa rộng và bao gồm các việc thờ phượng Thiên Chúa, đặc biệt là Thánh Lễ. Vì thế ở câu sau chúng tôi dịch “*officium*” là “phụng vụ”.

để đền bù những thiếu sót và bất cẩn, anh em hãy đọc mỗi ngày ba kinh Lạy Cha.

⁽¹¹⁾ Tất cả anh em cũng hãy giữ chay từ lễ Các Thánh đến lễ Giáng Sinh, và từ lễ Hiện Linh, nghĩa là từ khi Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta bắt đầu giữ chay, cho đến lễ Phục Sinh.

⁽¹²⁾ Trong các mùa khác, thể theo quy luật đời sống này, anh em chỉ phải giữ chay vào ngày thứ sáu. ⁽¹³⁾ Và theo Tin Mừng, anh em được phép dùng những thức ăn người ta dọn cho (x. Lc 10,8).

Chương IV

TUONG QUAN GIỮA CÁC ANH PHỤC VỤ VÀ CÁC ANH EM KHÁC¹⁷⁰

⁽¹⁾ Nhân danh Chúa!¹⁷¹

⁽²⁾ Tất cả những anh em được đặt làm người phục vụ¹⁷² và tôi tớ các anh em khác, hãy cắt đặt anh em mình trong các

¹⁷⁰ Chương 4-6 phản ánh cách thức huynh đệ đoàn được phân chia và tổ chức sau năm 1217: Tỉnh dòng, các anh phục vụ, tu nghị, các quyết định, cách sửa phạt.

¹⁷¹ Một công thức cổ truyền thường được đặt ở đầu một bản văn có tính pháp lý. Điều này gợi ý là những chương tiếp theo được thêm vào sau cho *dự phóng đời sống* ban đầu.

¹⁷² *Minister*: một từ rất độc đáo của thánh Phanxicô để chỉ người bề trên. Thánh nhân còn dùng thêm từ "*servus*" (người tôi tớ) đi kèm để

tỉnh và các địa điểm¹⁷³, hãy năng thăm viếng và dùng lời lẽ thiêng liêng mà nhắc nhở và khích lệ họ.

(3) Tất cả các anh em khác được Thiên Chúa chúc phúc, hãy nhanh chóng vâng phục các anh ấy trong những gì liên quan đến phần rỗi linh hồn và không trái ngược với đời sống chúng ta.

(4) Anh em hãy đối xử với nhau như Chúa dạy: *“Tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì chính anh em hãy làm cho người ta”* (Mt 7,12). (5) Và: *“Điều gì anh em không muốn người ta làm cho mình thì cũng đừng làm cho người ta”* (Tb 4,16).

(6) Các anh phục vụ và tôi tớ hãy nhớ lại Lời Chúa nói: *“Thầy đến không phải để được kẻ hầu người hạ, nhưng là để hầu hạ”* (Mt 20,28). Và bởi vì các anh đã được giao phó trách nhiệm chăm sóc linh hồn anh em mình, nên đến ngày phán xét, nếu có ai phải hư mất vì tội lỗi và gương xấu của các anh, thì các anh *phải trả lễ* (x. Mt 12,36) trước mặt Chúa Giêsu Kitô.

nhấn mạnh tới chức năng phục vụ, chứ không phải là danh dự. Xem thêm ch. 7,3.

¹⁷³ “*Locus*” ở đây không có nghĩa là nhà dòng hay tu viện, nhưng đơn giản là một “*nơi*” anh em tạm cư trong một thời gian.

Chương V

SỬ DẠY CÁC ANH EM PHẠM LỖI

⁽¹⁾ Bởi vậy các anh hãy gìn giữ linh hồn mình và linh hồn các anh em mình; vì “*thật là khủng khiếp khi phải rơi vào tay Thiên Chúa hằng sống*” (Dt 10,31).⁽²⁾ Nếu có anh phục vụ nào truyền cho một anh em điều gì trái với đời sống chúng ta hay trái với lương tâm người ấy, thì người anh em ấy không buộc phải vâng lời, vì không phải là vâng lời, khi người ta vi phạm lề luật hay phạm tội.

⁽³⁾ Tuy nhiên, tất cả các anh em dưới quyền các anh phục vụ và tội tớ hãy khôn ngoan và thận trọng khi xem xét việc làm của các anh phục vụ và tội tớ.⁽⁴⁾ Nếu anh em nhận thấy có ai trong các anh ấy sống theo xác thịt chứ không theo Thánh Khí¹⁷⁴ cho phù hợp với đời sống chúng ta, và nếu sau ba lần nhắc nhở họ vẫn không cải thiện, thì anh em hãy trình báo với anh phục vụ và tội tớ của toàn thể huynh đệ đoàn vào dịp Tu nghị lễ Ngũ tuần, đừng để một sự phản đối nào ngăn cản.

⁽⁵⁾ Khi ai trong anh em, bất kỳ ở đâu, muốn sống theo thể xác chứ không theo Thánh Khí, thì các anh em cùng sống với người ấy hãy nhắc nhở, chỉ bảo và sửa dạy cách khiêm

¹⁷⁴ Trong chương này Phanxicô nhắc nhiều lần tới cặp từ đối kháng *caro/spiritus* (xác thịt, tinh thần), ta phải hiểu trong viễn cảnh của thánh Phaolô, nhất là theo thư Galata. Cha C. Paolazzi dịch *spiritus* trong chương này là Thánh Khí (*lo Spirito*, viết hoa).

nhường và tận tình. ⁽⁶⁾ Nếu sau ba lần nhắc nhở, người ấy vẫn không sửa mình, thì anh em hãy dẫn họ tới anh phục vụ và tội tở hoặc báo cáo với ngài càng sớm càng tốt. Anh này, với tư cách là người phục vụ và tội tở, hãy đối xử với người ấy theo cách thức anh thấy là hợp ý Chúa hơn cả.

⁽⁷⁾ Hết thấy anh em, các anh phục vụ và tội tở cũng như các anh em khác, hãy coi chừng đừng để mình dao động hay tức giận về tội lỗi hoặc gương xấu của người khác, vì ma quỷ thường dùng sự sai phạm của một người mà làm hư hỏng nhiều người khác. ⁽⁸⁾ Nhưng theo Thần Khí Chúa, anh em hãy giúp đỡ kẻ đã phạm tội theo cách thức tốt nhất, vì *“người khỏe mạnh không cần thầy thuốc nhưng người đau ốm mới cần”* (x. Mt 9,12; Mc 2,17).

⁽⁹⁾ Cũng vậy, trong việc này, không anh em nào được cho mình là người có quyền hay là người thống trị trên kẻ khác, nhất là giữa anh em với nhau. ⁽¹⁰⁾ Vì Chúa đã nói trong Tin Mừng: *“Thủ lãnh các dân thì lấy quyền mà thống trị dân; những người làm lớn thì dùng uy mà cai quản dân”* (Mt 20,25); còn giữa anh em *“thì không được như vậy”* (x. Mt 20,26a). ⁽¹¹⁾ Và *“Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ”* (x. Mt 20,26b) và đầy tớ anh em. ⁽¹²⁾ Và *“Ai lớn nhất trong anh em, thì phải nên như người nhỏ nhất”* ¹⁷⁵ (x. 22,26).

⁽¹³⁾ Đừng có anh em nào làm hại hay nói xấu người khác.

⁽¹⁴⁾ Trái lại, nhờ *“đức mến do bởi Thánh Khí”*, anh em hãy sẵn

¹⁷⁵ Junior: Một số bản sao ghi: người *“hèn mọn nhất”* (minor).

sàng phục vụ và vâng phục “*lẫn nhau*” (x. Gl 5,13). ⁽¹⁵⁾ Đó chính là đức vâng phục chân thật và thánh thiện của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.

⁽¹⁶⁾ Những anh em nào “*xa lìa giới răn Chúa*” và đi lang thang ngoài đức vâng phục, như lời một ngôn sứ đã nói (Tv 118,21), thì hãy biết rằng họ bị nguyên rủa khi sống ngoài đức vâng phục, bao lâu còn lưu lại trong tội ấy một cách ý thức. ⁽¹⁷⁾ Còn những anh em kiên trì trong các giới răn Chúa như đã thề hứa tuân giữ bằng cách tuân theo Tin Mừng và qui luật sống của họ, thì hãy biết rằng các anh em ấy đang sống trong đức vâng phục chân thực và được Chúa chúc lành.

Chương VI

VIỆC CHẠY TỚI VỚI CÁC ANH PHỤC VỤ VÀ KHÔNG ANH EM NÀO ĐƯỢC GỌI LÀ BỀ TRÊN

⁽¹⁾ Các anh em, bất cứ ở đâu, nếu không thể tuân giữ luật sống của chúng ta, thì hãy chạy đến với anh phục vụ của mình càng sớm càng tốt để tỏ bày với anh ấy. ⁽²⁾ Anh phục vụ hãy nhiệt tình giúp đỡ, như chính mình muốn được giúp đỡ trong trường hợp tương tự (x. Mt 7,12).

⁽³⁾ Không ai được mang danh là bề trên¹⁷⁶, nhưng tất cả hãy cùng mang danh là Anh Em Hèn Mọn¹⁷⁷. Và anh em hãy “*rửa chân cho nhau*” (x. Ga 13,14).

Chương VII

CÁCH THỨC PHỤC VỤ VÀ LÀM VIỆC

⁽¹⁾ Tất cả anh em bất kỳ ở đâu, khi đến phục vụ và làm việc trong nhà người ta, thì đừng giữ chức thủ quỹ, hay thủ kho¹⁷⁸, hay quản trị trong nhà mình phục vụ, cũng đừng nhận một chức vụ nào có thể gây vấp phạm cho người khác hay “*làm thiệt hại cho linh hồn mình*” (x. Mc 8,36); ⁽²⁾ nhưng anh em hãy sống hèn mọn, phục tùng mọi người trong nhà ấy.

⁽³⁾ Anh em nào có khả năng làm việc thì hãy làm việc và hành nghề mình biết, miễn là nghề ấy không gây thiệt hại cho phần rỗi linh hồn mình và được xem là lương thiện. ⁽⁴⁾ Vì vị ngôn sứ nói: “*Công khó tay bạn làm, bạn được an hưởng*;

¹⁷⁶ *Prior*: Trong truyền thống đan tu “*prior*” là phụ tá hay là người được ủy quyền trong một đan viện không có viện phụ. Vào thế kỷ 13, *prior* là bề trên của một tu viện nhỏ. Dòng Anh em Thuyết giáo, dòng thánh Âu tinh và một vài dòng khác dùng từ *prior* theo nghĩa này.

¹⁷⁷ Về danh xưng “Anh Em Hèn Mọn”, xem thêm 1 Cel 38.

¹⁷⁸ *Camerarius* (do từ “*camera*”, phòng), “quản phòng” thường là người giữ tiền bạc, tức là thủ quỹ. *Cellarius* (do từ “*cella*”, nhà để hàng hóa, vật liệu): “quản gia” là người trông coi tài sản; từ này thường được dùng để chỉ “quản lý” trong một đan viện.

bạn quả là lắm phúc nhiều may” (Tv 127,2). ⁽⁵⁾ Còn thánh Tông đồ nói: “Ai không chịu làm thì cũng đừng ăn” (x. 2 Tx 3,10); ⁽⁶⁾ và “mỗi người ở lại trong nghề nghiệp và chức vụ của mình như khi được gọi” (x. 1 Cr 7,24).

⁽⁷⁾ Đổi lại công việc mình làm, anh em có thể nhận mọi thứ cần thiết, ngoại trừ tiền bạc. ⁽⁸⁾ Khi cần thiết, anh em hãy đi hành khất như những anh em khác. ⁽⁹⁾ Anh em được phép có những đồ đạc và dụng cụ cần thiết cho nghề nghiệp mình.

⁽¹⁰⁾ Tất cả anh em hãy chấp nhận khó nhọc để làm việc thiện vì có lời chép: “Hãy luôn luôn làm một việc lương thiện để ma quỷ thấy bạn luôn mắc việc”¹⁷⁹. ⁽¹¹⁾ Cũng có lời khác: “Ăn không ngồi rồi làm hại cho linh hồn”¹⁸⁰. ⁽¹²⁾ Vì thế, các tôi tớ Thiên Chúa phải luôn luôn chăm lo cầu nguyện hoặc làm một việc lương thiện.

⁽¹³⁾ Dù sống ở đâu, trong ẩn viện hay nơi nào khác, anh em hãy coi chừng đừng chiếm hữu chỗ mình ở, cũng đừng tranh giành với người khác. ⁽¹⁴⁾ Bất cứ ai đến với anh em, bạn hay thù, kẻ cắp hay kẻ cướp, anh em hãy tiếp đón tử tế.

⁽¹⁵⁾ Dù ở đâu và gặp nhau nơi nào, anh em hãy tiếp đón nhau theo tinh thần Chúa, trong tình thân ái và kính trọng lẫn nhau “không lắm bầm kêu ca” (1 Pr 4,9). ⁽¹⁶⁾ Anh em hãy cẩn thận đừng giữ vẻ bề ngoài buồn rầu và ủ dột như những kẻ

¹⁷⁹ Thánh Giêrôm, *Epistola* 125,11.

¹⁸⁰ Thánh Bênêđictô, *Regula* XLVIII,1.

đạo đức giả, nhưng hãy tỏ ra “*vui mừng trong Chúa*” (x. Pl 4,4), tươi cười và hòa nhã cho hợp lẽ.

Chương VIII

ANH EM KHÔNG ĐƯỢC NHẬN TIỀN BẠC

⁽¹⁾ Chúa phán dạy trong Tin Mừng: “*Anh em phải coi chừng, phải giữ mình khỏi mọi hình thức độc ác và mọi thứ tham lam*” (x. Lc 12,15); ⁽²⁾ và: “*Anh em phải đề phòng về những bận rộn của thế gian này và những lo lắng của cuộc đời này*” (x. Lc 21,34).

⁽³⁾ Do đó, dù ở đâu hay đi đâu, anh em không được mang theo bạc¹⁸¹ hoặc tiền¹⁸², bất cứ bằng cách nào, cũng không được nhận hay nhờ người khác nhận thay, để mua sắm quần áo hay sách vở, hoặc vì đó là thù lao công việc, tóm lại, không được với lý do nào, trừ trường hợp cần thiết rõ ràng của anh em đau ốm. Chúng ta đừng xem bạc và tiền hữu ích hơn sỏi đá. ⁽⁴⁾ Ma quỷ muốn làm mù mắt những ai ham muốn hoặc coi trọng tiền bạc hơn sỏi đá. ⁽⁵⁾ Vì thế, chúng ta là những

¹⁸¹ *Pecunia*: vào thời thánh Phanxicô từ này chỉ đồng tiền bằng bạc, chứ không phải tờ giấy bạc như bây giờ.

¹⁸² *Denarius*: Đồng tiền có từ thời thượng cổ La Mã. Tiền được đúc bằng vàng, hoặc bạc, hoặc đồng, vì thế giá trị khác nhau. Vào thế kỷ XIII, tại Ý người ta phân biệt hai loại tiền: “*denaro grosso*” (tiền có giá trị mạnh) và “*denaro piccolo*” (tiền có giá trị yếu).

người đã từ bỏ mọi sự (x. Mt 19,27), thì đừng vì chút của nhỏ mọn mà đánh mất Nước Trời.

⁽⁶⁾ Nếu gặp thấy tiền ở đâu, chúng ta đừng bận tâm tới nó hơn cát bụi dưới chân, vì “*đó là phù vân trên mọi phù vân và tất cả là phù vân*” (Gv 1,2). ⁽⁷⁾ Nếu có anh em nào - ước gì đừng có như vậy - thu góp hay sở hữu bạc hay tiền, chỉ trừ trường hợp cần thiết cho người đau ốm như đã nói ở trên, thì mọi anh em hãy coi người ấy như một anh em giả, một đứa ăn cắp và trộm cướp, một *kẻ giữ túi tiền* (x. Ga 12,6), nếu người ấy không thật lòng hối cải.

⁽⁸⁾ Anh em nhất thiết không được nhận hay nhờ kẻ khác nhận, xin hoặc nhờ kẻ khác xin bạc làm của bố thí, tiền cho nhà nào hay nơi chốn nào. Anh em cũng không được đi theo người quyên bạc hoặc tiền cho những nơi chốn ấy. ⁽⁹⁾ Nhưng anh em có thể làm những công việc không nghịch với đời sống chúng ta để phục vụ những nơi ấy với phúc lành của Chúa¹⁸³. ⁽¹⁰⁾ Tuy nhiên, vì nhu cầu rõ ràng của những người phung cùi, anh em có thể đi xin của bố thí cho họ. ⁽¹¹⁾ Nhưng anh em nhất thiết hãy tránh tiền bạc. ⁽¹²⁾ Cũng vậy, tất cả anh em đừng chạy ngược chạy xuôi để tìm kiếm chút lợi lộc đáng khinh.

¹⁸³ Những “nhà” và “nơi chốn” được nhắc tới trong câu 8 và 9 là những trại cho người phong cùi. Vào thời đầu anh em thường phục vụ trong các cơ sở ấy.

Chương IX

ĐI XIN CỦA BỐ THÍ

⁽¹⁾ Tất cả anh em hãy cố gắng đi theo Chúa Giêsu Kitô khiêm nhường và nghèo khó; hãy nhớ rằng chúng ta không được có gì khác ở trần gian ngoại trừ những điều như thánh Tông đồ đã nói: *“Có cơm ăn áo mặc, ta hãy lấy thế làm đủ”* (x. 1 Tm 6,8).

⁽²⁾ Anh em phải vui mừng khi sống với những người hèn hạ và bị khinh rẻ, nghèo khó và đau ốm, tàn tật và phong cùi, cũng như những kẻ ăn xin dọc đường.

⁽³⁾ Khi cần thiết anh em hãy đi xin của bố thí. ⁽⁴⁾ Anh em đừng lấy làm xấu hổ, nhưng hãy nhớ rằng Đức Giêsu Kitô, *Con Thiên Chúa hằng sống* (Ga 11,27) và toàn năng, *“đã tro mặt như đá cứng”* (Is 50,7) và đã chẳng hổ ngươi. ⁽⁵⁾ Chính Người đã là một người nghèo, một khách trọ và đã sống nhờ của bố thí, Người cùng với Đức Trinh nữ và các môn đệ của Người. ⁽⁶⁾ Khi người ta sỉ nhục anh em và không muốn bố thí, anh em hãy tạ ơn Thiên Chúa, vì do những nỗi nhục nhã ấy, anh em sẽ nhận được vinh dự lớn lao trước tòa Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. ⁽⁷⁾ Anh em hãy biết rằng không phải những người chịu nhục nhã đáng bị xấu hổ, nhưng là những kẻ gây nhục nhã. ⁽⁸⁾ Còn của bố thí là phần gia nghiệp và quyền lợi dành cho những người nghèo, vì Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã thủ đắc cho chúng ta. ⁽⁹⁾ Những anh em nào chịu khó nhọc đi xin của bố thí, sẽ được phần thưởng

lớn lao và làm cho những người bổ thí cũng được hưởng lợi và lãnh phần thưởng nữa; bởi vì mọi sự người ta để lại trần gian sẽ bị hư nát, còn về việc bác ái và của bổ thí họ đã làm thì họ sẽ được Chúa ban thưởng.

⁽¹⁰⁾ Mỗi người hãy tin tưởng bày tỏ cho người khác nhu cầu của mình để họ tìm kiếm và cung cấp cho điều mình cần.

⁽¹¹⁾ Mỗi người hãy yêu thương và nuôi dưỡng anh em mình như người mẹ¹⁸⁴ yêu thương và nuôi dưỡng đứa con của mình (x. 1 Tx 2,7); trong những sự việc ấy Thiên Chúa sẽ ban ơn giúp cho anh em. ⁽¹²⁾ Và *“người ăn đừng có khinh người không ăn, còn kẻ không ăn cũng đừng xét đoán người ăn”* (Rm 14,3)¹⁸⁵.

⁽¹³⁾ Khi cần thiết, tất cả anh em, bất kỳ ở đâu, đều được phép dùng mọi thức ăn mà người khác có thể ăn. Chính Chúa nói về vua Đavít: ông này *“đã ăn bánh dâng tiến”* (x. Mt 12,4), *“thứ bánh mà không ai được phép ăn, ngoại trừ tư tế”* (Mc 2,26).

⁽¹⁴⁾ Anh em hãy nhớ lời Chúa nói: *“Anh em hãy đề phòng, chớ để lòng mình ra nặng nề vì chè chén say sưa, lo lắng sự đời, kẻo Ngày ấy như một chiếc lưới bất thần chụp xuống đầu anh em;”* ⁽¹⁵⁾ vì ngày ấy sẽ ập xuống trên mọi dân cư khắp mặt đất” (x. Lc 21,34-35).

¹⁸⁴ Thánh Phanxicô muốn tình huynh đệ phải đậm đà và hữu hiệu như tình mẹ con: xem thêm Lsc 6,8; LÁv; ThLêô 2. Phanxicô chọn anh Êlia làm “mẹ”: 1 Cel 98.

¹⁸⁵ Trong bản sao của Angelo Clareno và một bản sao khác nữa không có phần đầu của câu trích dẫn Kinh Thánh (x. Ấn bản của K. Esser).

⁽¹⁶⁾ Cũng vậy, khi có nhu cầu hiển nhiên, tất cả anh em cứ sử dụng những gì cần thiết theo ơn Chúa ban, vì *“khi túng thiếu thì không phải giữ luật pháp”* (Thánh Bênađô).

Chương X

CÁC ANH EM ĐAU ỐM

⁽¹⁾ Nếu một anh em ngã bệnh, bất kỳ ở đâu¹⁸⁶, thì những anh em khác đừng rời người ấy khi chưa chỉ định một người hay nhiều hơn nữa, nếu cần, để săn sóc bệnh nhân, như *“chính mình muốn được săn sóc”* (x. Mt 7,1a). ⁽²⁾ Nhưng trong trường hợp khẩn trương, anh em có thể giao bệnh nhân lại cho một người khác săn sóc.

⁽³⁾ Tôi xin người anh em đau ốm hãy tạ ơn Thiên Chúa Tạo hóa về tất cả mọi sự. Chúa muốn cho mình thế nào, thì hãy ước ao như vậy, khỏe mạnh hay ốm đau, vì tất cả những ai được Thiên Chúa *tiền định cho hưởng sự sống đời đời* (x. Cv 13,48), thì *Người sửa dạy bằng đòn vọt và bệnh tật cũng như bằng tinh thần sám hối*. Chính Chúa đã nói: *“Những kẻ Ta yêu mến thì Ta sửa dạy và răn bảo”* (Kh 3,19). ⁽⁴⁾ Còn nếu người ấy bực bội hay giận dữ với Thiên Chúa hoặc với anh em khác, hay gay gắt đòi hỏi thuốc men vì ao ước quá đáng cứu lấy cái *thân xác* nay mai sẽ phải chết này, vốn là thù nghịch của linh hồn, thì điều đó do sự dữ mà ra, và kẻ ấy là *con người*

¹⁸⁶ Ngữ cảnh cho thấy lúc này anh em còn có cuộc sống lưu động.

sống theo tính xác thật (1 Cr 3,3) và tỏ ra không phải là một người anh em, vì đã yêu chuộng xác thật hơn linh hồn.

Chương XI

ANH EM ĐỪNG THỎA MẠ HAY NÓI XẤU NHAU, NHUNG HÃY YÊU THƯƠNG NHAU

⁽¹⁾ Tất cả anh em hãy ý tứ đừng vu khống ai, cũng đừng cãi cò (x. 2 Tm 2,14), ⁽²⁾ nhưng hãy ra sức giữ thinh lặng mỗi lần Chúa ban ơn. ⁽³⁾ Anh em đừng tranh luận với nhau hay với người khác, nhưng hãy cố gắng trả lời khiêm tốn: *“Tôi là đầy tớ vô dụng”* (x. Lc 17,10). ⁽⁴⁾ Anh em đừng nổi giận, *“vì ai giận anh em mình thì cũng đáng bị đưa ra tòa rồi; ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng hội đồng; còn ai chửi anh em mình là đồ khùng, thì đáng bị lửa hỏa ngục thiêu đốt”* (Mt 5,22).

⁽⁵⁾ Anh em hãy yêu thương nhau như Chúa nói: *“Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”* (Ga 15,12). ⁽⁶⁾ Anh em hãy bày tỏ tình thương đối với nhau bằng việc làm (x. Gc 2,18), như thánh Tông đồ đã nói: *“Chúng ta đừng yêu thương nơi đầu môi chót lưỡi, nhưng phải yêu thương cách chân thật và bằng việc làm”* (1 Ga 3,18).

⁽⁷⁾ *“Anh em đừng thóa mạ ai”* (x. Tt 3,2); ⁽⁸⁾ đừng cảm râm, đừng nói xấu người khác, vì có lời chép rằng: *“Thiên Chúa ghét những kẻ nói hành nói xấu”* (x. Rm 1,29). ⁽⁹⁾ Anh em hãy ăn ở khiêm tốn, *“tỏ lòng nhân từ với tất cả mọi người”*

(x. Tt 3,2). ⁽¹⁰⁾ Đừng xét đoán, đừng kết án. ⁽¹¹⁾ Và theo lời Chúa dạy, anh em đừng xét nét những sai phạm nhỏ nhặt của người khác (x. Mt 7,3; Lc 6,41); ⁽¹²⁾ nhưng trái lại, hãy ghi nhớ tội lỗi mình “mà đón đau trong lòng” (Is 38, 15). ⁽¹³⁾ Anh em hãy cố gắng “đi qua cửa hẹp mà vào” (Lc 13,24), vì Chúa nói: “Cửa hẹp và đường hẹp thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm thấy” (Mt 7,14).

Chương XII

TRÁNH LỐI NHÌN BẤT CHÍNH VÀ GIAO DU VỚI NỮ GIỚI

⁽¹⁾ Tất cả anh em, dù ở đâu hay đi đâu¹⁸⁷, hãy tránh lối nhìn bất chính và đi lại với nữ giới. ⁽²⁾ Không ai được chuyện trò một mình với họ¹⁸⁸. ⁽³⁾ Các linh mục hãy nói năng đứng đắn với họ khi ban phép giải tội hay lời khuyên thiêng liêng.

⁽⁴⁾ Tuyệt đối không một anh em nào được nhận một phụ nữ vào đời sống sống tuân phục¹⁸⁹, nhưng, sau khi đã nhận

¹⁸⁷ Kiểu nói “ở đâu hay đi đâu” phản ánh thời kỳ chuyển tiếp giữa lối sống lưu động của huynh đệ đoàn thời đầu và lối sống ổn định “trong các nơi chốn” sau đó.

¹⁸⁸ Có bản sao ghi: “Không ai được chuyện trò hay đi đường một mình với họ, hoặc ăn uống đồng bàn, cùng một mâm với họ” (x. Ấn bản của cha K. Esser).

¹⁸⁹ Công thức pháp lý ngụ ý nhận vào đời sống tu trì (x. Lksc 2,9; Lsc 2,11).

lời khuyên bảo thiêng liêng, người nữ ấy hãy sống đời đền tội ở nơi nào tùy ý.

⁽⁵⁾ Tất cả chúng ta hãy cẩn thận gìn giữ mọi chi thể cho thanh sạch, vì Chúa nói: *“Ai nhìn người phụ nữ mà thêm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi ” (Mt 5,28)*¹⁹⁰.

Chương XIII

TRÁNH TỘI TÀ DÂM

⁽¹⁾ Nếu có ai trong anh em, do ma quỷ xúi dục mà phạm tội tà dâm, thì phải cởi áo dòng¹⁹¹ ra: người ấy phải chịu mất áo dòng do tội đáng xấu hổ của mình, và phải hoàn toàn bị trục xuất khỏi Dòng chúng ta. ⁽²⁾ Sau đó, người ấy phải ăn năn sám hối các tội lỗi của mình (x. 1 Cr 5,4-5).

¹⁹⁰ Một vài bản sao khác còn thêm câu sau (tức câu 6 trong ấn bản của K.Esser): “Còn thánh Tông đồ nói: “Anh em lại chẳng biết rằng thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Thần sao?” (x. 1 Cr 6,19), vì thế, “ai phá hủy đền thờ Thiên Chúa, thì Thiên Chúa sẽ tiêu diệt kẻ ấy” (1 Cr 3,17).

¹⁹¹ *Habitus* : áo dòng, tu phục. Từ này cho thấy chương này được biên soạn sau sắc chỉ “*Cum secundum consilium*” (1220), trong đó có kiểu nói “*habitus vestrae vitae*” (“áo cuộc đời của các con”).

Chương XIV

CUNG CÁCH ANH EM KHI ĐI RA GIỮA ĐỜI

⁽¹⁾ Khi anh em ra giữa đời, thì *“đừng mang gì”* (x. Lc 9,3) đi đường, *đừng mang theo túi tiền* (x. Lc 10,4), *bao bị, lương thực, tiền bạc* (x. Lc 9,3), *gậy* (x. Mt 10,10).

⁽²⁾ Khi vào *bất cứ nhà nào, trước hết hãy chào: “Chúc nhà này được bình an”* (x. Lc 10,5). ⁽³⁾ Rồi *cứ ở lại nhà ấy và ăn uống những của người ta dọn cho* (x. Lc 10,7).

⁽⁴⁾ *Đừng chống cự người ác* (x. Mt 5,39), *nhưng nếu ai vả anh em má bên này, thì hãy giơ cho nó cả má bên kia nữa* (x. Mt 5,39 và Lc 6,29). ⁽⁵⁾ *“Và ai đoạt áo ngoài của anh em, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong”* (x. Lc 6,29). ⁽⁶⁾ *“Ai xin thì hãy cho; ai lấy cái gì của anh em thì đừng đòi lại”* (x. Lc 6,30).

Chương XV

ANH EM KHÔNG ĐƯỢC ĐI NGỰA

⁽¹⁾ Tôi ra lệnh cho tất cả anh em, giáo sĩ cũng như giáo dân, khi đi ra giữa đời hay ở những nơi nào, không được *chấn dất súc vật bên mình, hay nơi nhà người ta, hay bằng bất cứ cách nào khác.*

⁽²⁾ Anh em không được phép đi ngựa, nếu không bị bắt buộc do bệnh tật hay một nhu cầu cấp bách.

Chương XVI

**NHỮNG ANH EM ĐẾN VỚI NGƯỜI HỒI GIÁO
VÀ CÁC DÂN NGOẠI KHÁC**

⁽¹⁾ Chúa nói: “*Này, Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói.*” ⁽²⁾ *Vậy anh em phải khôn ngoan như rắn và đơn sơ như bồ câu*” (Mt 10,16). ⁽³⁾ Vì thế, nếu anh em nào được Chúa linh hứng, muốn đến với những người Hồi giáo ¹⁹² và những dân ngoại khác, thì hãy ra đi với phép của anh phục vụ và tôi tớ của mình. ⁽⁴⁾ Phần anh phục vụ, nếu thấy họ có khả năng để được sai đi, thì hãy cho phép chứ đừng cản trở, vì anh sẽ phải trả lễ cho Chúa (x. Lc 16,2), nếu trong việc này hay trong những việc khác anh hành động thiếu suy xét.

⁽⁵⁾ Còn các anh em ra đi, thì có thể sống giữa họ theo Thánh Khí¹⁹³ bằng hai cách: ⁽⁶⁾ Một là: đừng tranh cãi hay

¹⁹² *Saraceni* (Arập “*charqiyin*” = người phương Đông): từ mà người Châu Âu (Pháp: *Sarrasin*) dùng để gọi người Hồi giáo.

¹⁹³ *Spiritualiter*: một cách thiêng liêng. *Spiritus-spiritualis-spiritualiter* là một cụm từ rất quan trọng trong linh đạo của thánh Phanxicô. Trong một vài trường hợp, *spiritus* chỉ phần tâm linh của con người, khác với thân xác (x. *Lksc* 23,3; *Hn* 5,1). Còn trong hầu hết các trường hợp khác, *spiritus* chỉ Thánh Khí, hay rõ ràng hơn Thánh Khí của Chúa. Thánh Khí ban cho chúng ta “*con mắt thiêng liêng*” để chúng ta nhìn thấy Chúa Cha và Chúa Con trong Bí tích Thánh Thể (*Hn* 1); Thánh Khí liên kết chúng ta với Chúa Kitô và biến chúng ta thành anh, chị em và là mẹ của Người (x. *TTh*, bản II, 48-53); Thánh Khí tạo nên “*bác ái thiêng liêng*” và biến các tín hữu thành “*anh em thiêng liêng*”, “*bạn hữu thiêng liêng*” (x. *Lksc* 5,14; *L*

chống báng, nhưng hãy *“tuân phục mọi người vì Thiên Chúa”* (1 Pr 2,13) và tuyên xưng mình là Kitô hữu. ⁽⁷⁾ Hai là: khi thấy đẹp lòng Chúa, anh em hãy loan báo Lời Chúa, để họ tin vào Thiên Chúa toàn năng, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng tạo thành muôn loài; cùng tin vào Chúa Con là Đấng cứu chuộc và cứu độ, để họ được thanh tẩy và trở thành Kitô hữu, vì *“nếu ai không sinh lại bởi nước và Thánh Khí, sẽ không thể vào Nước Thiên Chúa được”* (x. Ga 3,5).

⁽⁸⁾ Anh em có thể nói cho họ và cho mọi người các điều trên và các điều khác đẹp lòng Chúa, vì Chúa nói trong Tin Mừng: *“Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời”* (Mt 10,32). ⁽⁹⁾ Và *“Ai xấu hổ vì tôi và những lời của tôi, thì Con Người cũng sẽ xấu hổ vì kẻ ấy, khi Người ngự đến trong ánh vinh quang của mình, của Chúa Cha và các thánh thiên thần”* (x. Lc 9,26).

⁽¹⁰⁾ Tất cả anh em, dù ở đâu, hãy nhớ rằng anh em đã tự hiến và phó dâng thân mình cho Chúa Giêsu Kitô. ⁽¹¹⁾ Vì lòng mến Chúa, anh em phải đối mặt với các địch thù, hữu hình cũng như vô hình, vì Chúa nói: *“Ai liều mất mạng sống mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy cho cuộc sống vĩnh cửu”* (x. Lc 9,24; Mt 25,46). ⁽¹²⁾ *“Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,*

4,2; 6,8). Một cách tổng quát anh em phải tuân giữ Luật dòng *“một cách thiêng liêng”* (*spiritualiter*: 8 lần trong quyển *Tác Phẩm!*), nghĩa là theo sự thúc đẩy của Thánh Khí. Đối với thánh Phanxicô Chúa Thánh Thần mới là Tổng Phục vụ của Hội dòng (2 Cel 193).

vì Nước Trời là của họ” (Mt 5,10). ⁽¹³⁾ “Nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em” (Ga 15,20). ⁽¹⁴⁾ Khi người ta “bách hại anh em trong thành này, thì hãy trốn sang thành khác” (Mt 10,23). ⁽¹⁵⁾ “Anh em thật có phúc (Mt 5,11), khi thiên hạ ghét bỏ (Lc 6,22), nhục mạ (Mt 5,11), ngược đãi anh em, khai trừ, nguyên rửa và xóa bỏ tên tuổi anh em như đồ phế thải (Lc 6,22) và khi bị người ta nhục mạ và vu khống đủ điều xấu xa vì Thầy” (Mt 5,11). ⁽¹⁶⁾ “Ngày đó, anh em hãy vui mừng hân hoan (Lc 6,23), vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao” (x. Mt 5,12). ⁽¹⁷⁾ “Thầy nói thật cho anh em là bạn hữu của Thầy: đừng kinh khiếp chúng (x. Lc 12,4), ⁽¹⁸⁾ và đừng sợ hãi những kẻ chỉ giết được thân xác (Mt 10,28) nhưng rồi không làm gì được nữa” (Lc 12,4). ⁽¹⁹⁾ Hãy biết thế, và đừng nao núng (Mt 24,6). ⁽²⁰⁾ “Có kiên nhẫn chịu đựng, anh em mới giữ được mạng sống mình” (Lc 21,19). ⁽²¹⁾ “Và kẻ nào bền chí đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu độ” (Mt 10,22; 24,13).

Chương XVII

CÁC ANH EM ĐI GIẢNG

⁽¹⁾ Không anh em nào được giảng trái với thể thức và qui chế của Hội Thánh, và khi chưa được anh phục vụ của mình cho phép. ⁽²⁾ Phần anh phục vụ, hãy ý tứ đừng ban phép ấy cho ai một cách bất cần. ⁽³⁾ Tuy nhiên, mọi anh em phải giảng bằng việc làm. ⁽⁴⁾ Đừng một anh phục vụ hay một anh đi giảng nào chiếm hữu chức vụ phục vụ anh em hay trách nhiệm giảng dạy như là của riêng, nhưng bất cứ lúc nào

được yêu cầu, thì hãy từ bỏ chức vụ mình không chút phản kháng.

⁽⁵⁾ Vì vậy, trong tình yêu là Thiên Chúa (x. 1 Ga 4,16), tôi van nài tất cả anh em của tôi, các anh em đang giảng, cầu nguyện và lao động, giáo sĩ cũng như giáo dân, hãy cố gắng hạ mình xuống trong mọi sự, ⁽⁶⁾ đừng hãnh diện, đắc chí hay tự tôn trong lòng về những lời lành và việc thiện, hay về bất cứ điều tốt đẹp nào mà nhiều khi Thiên Chúa nói, làm, hay thực hiện nơi anh em và nhờ anh em. Chính Chúa đã nói: *“Anh em chớ vui mừng vì quỷ thần phải khuất phục anh em”* (Lc 10,20). ⁽⁷⁾ Chúng ta hãy biết chắc rằng chúng ta chẳng có gì khác ngoài nét xấu và tội lỗi. ⁽⁸⁾ Chúng ta phải vui mừng *“khi gặp thử thách trăm chiều”* (x. Gc 1,2), và khi phải chịu mọi thứ sầu khổ, truân chuyên trong tâm hồn hay ngoài thân xác ở đời này vì cuộc sống muôn đời.

⁽⁹⁾ Vì vậy, hỡi anh em, tất cả chúng ta hãy giữ mình khỏi mọi hình thức kiêu ngạo và hư danh, ⁽¹⁰⁾ khỏi sự khôn ngoan thể tục và sự *“khéo léo của xác thịt”* (Rm 8,6), ⁽¹¹⁾ vì thần khí xác thịt ham muốn và quan tâm nhiều đến lời lẽ, nhưng ít đến việc làm; ⁽¹²⁾ không tìm kiếm lòng đạo đức và sự thánh thiện bên trong của tâm hồn, nhưng lại ước muốn thứ đạo đức và thánh thiện lộ ra bên ngoài cho người ta thấy. ⁽¹³⁾ Họ là những người đã được Chúa nói đến: *“Thầy bảo thật anh em, chúng đã được phần thưởng rồi”* (Mt 6,2). ⁽¹⁴⁾ Còn Thánh Khí Chúa muốn cho xác thịt chịu khắc khổ, và khinh dể, xấu xa, bị ruồng bỏ và xỉ nhục; ⁽¹⁵⁾ tìm kiếm sự khiêm nhường và nhẫn nại, sự đơn sơ tinh tuyền và sự bình an chân thật của

tâm hồn; ⁽¹⁶⁾ và luôn luôn khao khát trên hết mọi sự được Chúa ban cho mình lòng kính sợ, sự khôn ngoan và tình yêu¹⁹⁴ của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

⁽¹⁷⁾ Chúng ta hãy dâng trả mọi sự tốt lành về cho Chúa là Thiên Chúa tối cao và chí tôn, và hãy biết rằng mọi sự tốt lành là của Người và hãy tạ ơn Người về mọi sự, vì mọi sự tốt lành đều phát xuất từ nơi Người. ⁽¹⁸⁾ Xin Người là Đấng tối cao và chí tôn, là Thiên Chúa duy nhất và chân thật, nắm quyền sở hữu mọi danh dự và tôn kính, mọi lời ca ngợi và cung chúc, mọi lời tạ ơn và vinh quang: chúng ta hãy dâng trả và xin Người nhận lấy, vì mọi sự tốt lành đều thuộc về Người và chỉ một mình Người là tốt lành (x. Lc 18,19). ⁽¹⁹⁾ Và khi chúng ta thấy hoặc nghe ai nói, hoặc làm điều gian ác, hoặc báng bổ Thiên Chúa, thì về phần chúng ta, chúng ta hãy nói lời tốt lành, làm việc thiện và ngợi khen Thiên Chúa (x.Rm 12,21) là *“Đấng được chúc tụng đến muôn thuở muôn đời”* (Rm 1,25).

¹⁹⁴ Dịch sát: *“khao khát lòng kính sợ thần linh, sự khôn ngoan thần linh và tình yêu thần linh”*.

Chương XVIII

**CÁCH THỨC CÁC ANH PHỤC VỤ
HỘI HỢP VỚI NHAU¹⁹⁵**

(1) Hằng năm, vào dịp lễ Tổng lãnh Thiên thần Micaen, mỗi anh phục vụ có thể cùng với anh em mình họp nhau lại, ở đâu tùy ý, để bàn về những việc liên hệ đến Thiên Chúa.

(2) Tất cả các anh phục vụ ở bên kia biển hay bên kia núi¹⁹⁶, cứ ba năm một lần, còn các anh phục vụ khác, mỗi năm một lần, hãy đến họp Tu nghị vào dịp lễ Ngũ tuần, tại

¹⁹⁵ Người ta có thể xem các chương 18-19-20 phản ánh những bận tâm của Công đồng (CĐ) Latêranô IV (1215): 1. Điều khoản XII của CĐ yêu cầu các viện phụ và bề trên các Hội dòng phải tổ chức các cuộc tu nghị ba năm một lần để các tu sĩ giúp đỡ nhau canh tân đời sống; đó cũng là mục đích của chương 18 này; 2. Điều khoản III của CĐ cảnh báo nguy cơ trầm trọng của các bề rói; một trong những đặc điểm của họ là chống đối các linh mục và chức năng của các ngài. Chương 19 của Bản luật này cũng nhắm cảnh báo anh em như vậy; 3. Điều khoản XXI buộc các tín hữu phải xưng tội với các linh mục của mình mỗi năm ít là một lần và chịu lễ trong mùa Phục sinh; chương 20 của Bản luật này cũng dạy anh em phải xưng tội với các linh mục của Dòng và sau đó hãy rước Mình và Máu thánh Chúa (x. D. Flood, *La Genèse de la Règle*, trong quyển sách tập thể: D. Flood - Van Dijk - T. Matura, *La Naissance d'un charisme*, Paris 1973, tr. 69-70.)

¹⁹⁶ Bên ka dãy núi Anpơ (Alpes).

Nhà Thờ Đức Bà ở Poxiuncula, trừ khi anh phục vụ và là tô
tớ của toàn thể Huynh đệ đoàn¹⁹⁷ quyết định thể khác.

Chương XIX

ANH EM HÃY SỐNG MỘT CÁCH CÔNG GIÁO

⁽¹⁾ Tất cả anh em phải là những người công giáo, sống và
ăn nói như người công giáo. ⁽²⁾ Nếu ai đi lệch xa đức tin và
đời sống công giáo, trong lời nói hay việc làm, mà không
chịu sửa mình, thì phải bị trục xuất hẳn khỏi Huynh đệ đoàn
chúng ta.

⁽³⁾ Chúng ta hãy xem tất cả các giáo sĩ và tu sĩ như những
tôn chủ của chúng ta trong những gì liên hệ tới phần rối linh
hồn và không làm chúng ta đi sai lệch đường hướng của
Dòng chúng ta¹⁹⁸. Vì Chúa, chúng ta hãy tôn kính thánh
chức, công việc và thừa tác vụ của các ngài.

¹⁹⁷ Vị này về sau được gọi là “Tổng phục vụ”.

¹⁹⁸ Dịch sát: *đi sai lệch với Dòng*.

VIỆC XUNG TỘI VÀ RUỐC MÌNH VÀ MÁU CHÚA GIÊSU KITÔ

⁽¹⁾ Các anh em được Chúa chúc phúc của tôi, giáo sĩ cũng như giáo dân, hãy xưng thú tội lỗi mình với các linh mục Dòng chúng ta. ⁽²⁾ Nếu không thể được, anh em hãy xưng tội với các linh mục khác, khôn ngoan và công giáo. Anh em hãy biết chắc rằng, khi đã nhận lãnh việc đền tội và lời tha tội do bất cứ linh mục công giáo nào ban, thì không chút nghi ngờ anh em được tha hết mọi tội lỗi, miễn là khiêm nhường và trung thành chu toàn việc đền tội mà linh mục đã ấn định.

⁽³⁾ Nếu lúc ấy không thể gặp được linh mục, thì hãy xưng thú với một người anh em¹⁹⁹, như thánh Tông đồ Giacôbê nói: “Anh em hãy thú tội với nhau” (Gc 5,16). ⁽⁴⁾ Tuy nhiên, không phải vì thế mà anh em được miễn đến với các linh

¹⁹⁹ Vào thời Trung cổ, đặc biệt là thế kỷ 12 và 13, có một tập tục đạo đức khá phổ biến, đó là những ai, khi cần kíp mà không gặp được linh mục, thì xưng tội với một giáo dân nào đó (x. Dict. Theol. Cath, art. *Absolution*, col. 182-191). Thánh Phanxicô khuyến khích kiểu xưng tội này, nhưng không buộc (x. thêm *TPv* 19-20), và vẫn nhấn mạnh rằng chỉ linh mục mới có quyền tha tội và ra việc đền tội. Về sau chân phước Duns Scot xem kiểu xưng tội này chỉ là một việc đạo đức và khuyên nên bỏ, vì dễ gây hiểu lầm là một bí tích (x. E. Bihel, *Deux citations bibliques de Saint Francois*, trong báo “*France Franciscaine*”, XII, 1929, tr. 529-539)

mục, bởi vì chỉ có các linh mục mới có quyền cầm buộc và tháo cởi mà thôi.

⁽⁵⁾ Sau khi đã thống hối và xưng tội, anh em hãy hết lòng khiêm nhường và cung kính tiếp rước Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô. Anh em hãy nhớ lại lời Chúa nói: *“Ai ăn thịt và uống máu Tôi thì được sống muôn đời”* (x. Ga 6,55), ⁽⁶⁾ và *“Anh em hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến Thầy”* (Lc 22,19).

Chương XXI

LỜI NGỢI KHEN VÀ KHÍCH LỆ MÀ MỌI ANH EM CÓ THỂ DÙNG

⁽¹⁾ Tất cả anh em, khi nào tùy ý, có thể dùng những lời này hoặc những lời tương tự để khuyến khích dân chúng và ngợi khen Thiên Chúa, và Thiên Chúa sẽ chúc lành cho.

⁽²⁾ Hãy úy kính và tôn vinh,
hãy ngợi khen và cung chúc,
hãy tạ ơn (1 Tx 5,18) và thờ lạy Đức Chúa
là Thiên Chúa toàn năng trong Ba Ngôi
và trong Mối Hợp nhất,
Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần,
Đấng Tạo Hóa của muôn loài.

⁽³⁾ Hãy hoán cải (x. Mt 3,2), hãy sinh hoa trái cho xứng
với lòng hoán cải (x. Lc 3,8), vì anh em hãy biết không
bao lâu nữa chúng ta sẽ phải chết.

- (4) *“Anh em hãy cho,
thì sẽ được Thiên Chúa cho lại” (Lc 6,38).*
- (5) *“Anh em hãy tha thứ,
thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha” (Lc 6,37).*
- (6) *“Nếu anh em không tha thứ cho người ta,
Chúa cũng sẽ không tha tội cho anh em”
(x. Mt 6,14; Mc 11,25).
Anh em hãy xưng thú mọi tội lỗi của mình (x. Gc 5,16).*
- (7) Phúc thay cho những ai từ giả đời này khi đang sống
đời hoán cải, vì họ sẽ được ở trong Nước Trời.
- (8) Khốn thay cho những kẻ lia trần mà không chịu hoán
cải, vì họ sẽ là *“con cái ma quỷ”* (1 Ga 5,10): họ đã thi
hành những công việc của nó (x. Ga 8,41),
nên họ sẽ đi vào lửa đời đời (Mt 18,8; 25,41).
- (9) Hãy ý tứ và lánh xa mọi tội ác,
và kiên trì sống tốt lành cho đến cùng.

Chương XXII

LỜI KHUYÊN BẢO ANH EM

(1) Hỡi tất cả anh em, chúng ta hãy chú ý tới lời Chúa nói:
“Hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em” (Lc 6,27); (2) vì Đức
Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng mà chúng ta phải đi theo
các dấu chân (x. 1 Pr 2,21), đã gọi kẻ phản bội mình là *bạn
hữu* (x. Mt 26,50) và đã tự ý trao thân cho kẻ đóng đinh mình.

⁽³⁾ Vậy bạn hữu của chúng ta là những người bắt chúng ta phải chịu cách bất công ưu phiền và lo âu, xấu hổ và lảng nhục, đau đớn và cực hình, tử vì đạo và chết. ⁽⁴⁾ Chúng ta phải yêu mến họ hết lòng, vì do những gì họ gây ra cho chúng ta, mà chúng ta được sống đời đời.

⁽⁵⁾ Chúng ta hãy chê ghét thân xác chúng ta cùng với các nét xấu và tội lỗi của nó. Bằng lối sống theo xác thịt, nó²⁰⁰ muốn ngăn cản chúng ta yêu mến Chúa Giêsu Kitô, sự sống vĩnh cửu, và lôi kéo mọi người xuống địa ngục với nó. ⁽⁶⁾ Vì tội lỗi, chúng ta đã ra thói tha, khốn nạn, đối nghịch với điều lành, nhưng lại mau mắn và cố tình chạy theo điều dữ. Chính Chúa đã nói trong Tin Mừng: ⁽⁷⁾ *“Từ lòng con người phát xuất những suy tính xấu xa: ngoại tình, dâm bôn, giết người, trộm cắp, tham lam, độc ác, xảo trá, phóng dăng, con mắt nham hiểm, chứng gian, phỉ báng, kiêu căng, ngông cuồng (x. Mc 7,21-22; Mt 15,19).”* ⁽⁸⁾ *Tất cả những điều xấu xa đó đều từ bên trong, từ trong lòng con người, mà xuất ra (x. Mc 7,23) và “Chính chúng làm cho con người ra ô uế” (Mt 15,20).*

⁽⁹⁾ Nhưng bây giờ, sau khi đã từ bỏ thế gian, chúng ta chỉ có một việc phải làm là quan tâm đi theo ý muốn của Chúa và làm đẹp lòng Người. ⁽¹⁰⁾ Chúng ta phải hết sức cẩn thận để đừng trở nên thứ đất bên vệ đường, hoặc thứ đất có sỏi đá, hoặc đầy gai góc, như Chúa nói trong Tin Mừng: ⁽¹¹⁾ *“Hạt giống là lời Thiên Chúa” (Lc 8,11).* ⁽¹²⁾ *Hạt rơi xuống vệ đường và*

²⁰⁰ Vài bản sao, phần lớn muộn thời, ghi: “ma quỷ”. Nhưng chính là thân xác muốn sống theo xác thịt.

bị người ta giẫm lên là những người nghe lời của Vương quốc nhưng không hiểu (x. Lc 8,5.12; Mt 13,19); ⁽¹³⁾ lập tức ma quỷ đến cướp lấy lời đã được gieo trong lòng họ và gạt ra khỏi lòng họ, để họ khỏi tin mà được cứu độ (x. Mc 4,15; Lc 8,12; Mt 13,19). ⁽¹⁴⁾ Hạt rơi trên đất sỏi là những người nghe lời, liền vui vẻ đón nhận (x. Mt 13,20; Mc 4,16; Lc 8,13). ⁽¹⁵⁾ Nhưng khi gặp gian nan và bị bắt bớ vì lời, thì liền vấp ngã; những người ấy không đâm rễ trong lòng, họ là những kẻ nông nổi, vì họ tin theo thời, nên gặp cơn thử thách họ liền thoái lui (x. Mt 13,21; Mc 4,17; Lc 8,13). ⁽¹⁶⁾ Hạt rơi vào bụi gai là những kẻ nghe lời Thiên Chúa, nhưng mối bận tâm và những phiền nhiễu đời này, ảo ảnh phú quý và lòng ham muốn mọi sự khác nhập vào lòng và lấn át lời, nên lời không sinh hoa trái được (x. Lc 8,14; Mc 4,18-19; Mt 13,22). ⁽¹⁷⁾ Còn hạt rơi vào đất tốt là những kẻ lấy tâm thành thiện ý mà nghe lời, hiểu được, nắm giữ và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả (x. Lc 8,15; Mt 13,23).

⁽¹⁸⁾ Bởi vậy, phần chúng ta, hỡi anh em, như lời Chúa nói, chúng ta hãy để “kẻ chết chôn kẻ chết” (Mt 8,22). ⁽¹⁹⁾ Chúng ta hãy giữ mình cẩn thận kéo mắc phải mưu mô và thủ đoạn tinh vi của Satan. Nó muốn con người dừng hướng trí và lòng mình về cùng Thiên Chúa. ⁽²⁰⁾ Nó rảo quanh, muốn dùng hình thức một phần thưởng hay một sự giúp đỡ để chiếm lấy lòng người ta và bóp nghẹt trong trí nhớ họ lời và các giới răn của Chúa. Nó muốn làm mù quáng lòng người bằng những công chuyện và những lo toan về đời này, để vào ở đây, như chính Chúa đã nói: ⁽²¹⁾ “Khi thần ô uế xuất khỏi một người, thì nó đi rảo qua những nơi khô cháy, tìm chốn nghỉ ngơi (Mt 12,43), mà vì tìm không ra, nó nói: ⁽²²⁾ Ta sẽ trở về nhà

ta, nơi ta đã bỏ ra đi (Lc 11,24). ⁽²³⁾ Về đến nơi nó thấy nhà để trống, lại được quét tước, trang hoàng hân hoan (Mt 12,44). ⁽²⁴⁾ Nó liền đi kéo thêm bảy thần khác dữ hơn nó, và chúng vào ở đó. Nên tình trạng sau cùng của người ấy còn tệ hơn trước” (x. Lc 11,26).

⁽²⁵⁾ Vậy, hỡi tất cả anh em, chúng ta hãy hết sức giữ mình, đừng vì vẻ hào nhoáng của một phần thưởng, một công việc, hay một sự trợ giúp nào đó mà đánh mất lòng trí hay để chúng rời xa Chúa. ⁽²⁶⁾ Nhưng trong tình yêu thánh thiện là Thiên Chúa (x. 1 Ga 4,16), tôi xin tất cả anh em, các anh phục vụ cũng như mọi anh em khác, hãy loại bỏ mọi ngăn trở và gạt qua một bên mọi lo toan và bận rộn, và theo cách tốt nhất mà anh em có thể hãy phụng sự, yêu mến, thờ phượng và tôn vinh Thiên Chúa với lòng thanh trí sạch, đó là điều Chúa tìm kiếm (Ga 4,23) hơn cả. ⁽²⁷⁾ Chúng ta hãy luôn lấy lòng mình làm nơi Chúa cư ngụ²⁰¹ và ở lại: Người là Thiên Chúa toàn năng, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Người đã phán: “Các con phải tỉnh thức và cầu nguyện luôn, hầu đủ sức thoát khỏi mọi sự dữ sắp xảy đến và đứng vững trước mặt Con Người” (Lc 21,36). ⁽²⁸⁾ Khi anh em đứng để cầu nguyện, anh em hãy nói: “Lạy Cha chúng con ở trên trời” (Lc 21,36; Mc 11,25; Lc 11,2; Mt 6,9). ⁽²⁹⁾ Chúng ta hãy thờ phượng Người với tấm lòng

²⁰¹ *Habitaculum*: Vì Chúa Thánh Thần “cư ngụ” (*habitat*) trong các tín hữu (Hn 1,12), nên cõi lòng họ có thể trở thành nơi cư ngụ của Thiên Chúa. *Mansionem*: chỗ ở lại. Kiểu nói này gọi lại câu nói của Chúa Giêsu: “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy” (Ga 14,23). Kiểu nói “*habitaculum et mansionem*” đã được nói tới trong thư gửi các Tín hữu (TTh II,48).

trong sạch, “phải cầu nguyện luôn không được nản chí” (Lc 18,1);

⁽³⁰⁾ Vì Chúa Cha tìm kiếm những ai thờ phượng Người như thế.

⁽³¹⁾ Thiên Chúa là thần khí và kẻ thờ phượng Người, phải thờ phượng theo thần khí và sự thật (x. Ga 4,23-24).

⁽³²⁾ Chúng ta hãy chạy đến với Người như đến với “vị Mục tử, Đấng chăm sóc linh hồn chúng ta” (1 Pr 2,25). Chính Người nói: “Tôi là mục tử nhân lành, tôi nuôi dưỡng các chiên tôi, và hi sinh mạng sống mình cho đoàn chiên” (x. Ga 10,14a.15b).

⁽³³⁾ Tất cả anh em đều là anh em với nhau; ⁽³⁴⁾ nên anh em đừng gọi ai là Cha của anh em trên trần gian này, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời. ⁽³⁵⁾ Anh em cũng đừng để ai gọi mình là thầy, vì anh em chỉ có một Thầy, Đấng ngự trên trời, là Đức Kitô (x. Mt 23,8-10). ⁽³⁶⁾ “Nếu anh em ở lại trong Thầy và lời Thầy ở lại trong anh em, thì muốn gì, anh em cứ xin, anh em sẽ được như ý” (Ga 15,7). ⁽³⁷⁾ “Ở đâu có hai hoặc ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ” (Mt 18,20). ⁽³⁸⁾ “Đây, Thầy ở cùng anh em cho đến tận thế” (Mt 28,20). ⁽³⁹⁾ “Những lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống” (Ga 6,64). ⁽⁴⁰⁾ “Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14,6).

⁽⁴¹⁾ Vậy chúng ta hãy giữ lấy những lời, đời sống, đạo lý và thánh Phúc âm của Đấng đã đoái thương nguyện xin Cha của Người cho chúng ta và tỏ bày Danh Chúa Cha cho chúng ta, khi nói rằng: ⁽⁴²⁾ “Lạy Cha, những kẻ cha đã ban cho Con (Ga 17,6). Con đã cho họ biết Danh Cha²⁰²; vì những lời mà

²⁰² Hai bản sao muộn thời thêm ở đây: *Lạy Cha, xin tôn vinh Danh Cha và hãy tôn vinh Con Cha để Con Cha tôn vinh Cha*” (Ga 12,28a; 17,1b).

Cha đã ban cho Con, thì Con đã ban cho họ, và họ đã nhận lấy, và họ biết thật rằng Con đã từ Cha mà đến, và họ đã tin là Cha đã sai Con. ⁽⁴³⁾ *Con cầu nguyện cho họ; Con không cầu nguyện cho thế gian,* ⁽⁴⁴⁾ *nhưng cho những kẻ Cha đã ban cho Con, bởi vì họ thuộc về Cha, và tất cả những gì của Con đều là của Cha, (Ga 17,8-10).* ⁽⁴⁵⁾ *Lạy Cha chí thánh, xin gìn giữ trong Danh Cha những người mà Cha đã ban cho Con, để họ nên một như chúng ta (Ga 17,11b).* ⁽⁴⁶⁾ *Con nói những điều này trong thế gian, để họ được niềm vui đầy tràn nơi chính họ.* ⁽⁴⁷⁾ *Con đã truyền lại cho họ Lời của Cha, và thế gian đã ghét họ vì họ không thuộc về thế gian, cũng như Con đây không thuộc về thế gian.* ⁽⁴⁸⁾ *Con không xin Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi sự dữ (Ga 17,13b-15).* ⁽⁴⁹⁾ *Xin Cha tôn vinh* ²⁰³ *họ trong chân lý.* ⁽⁵⁰⁾ *Lời Cha là chân lý.* ⁽⁵¹⁾ *Như Cha đã sai Con đến thế gian, thì Con cũng sai họ đến thế gian.* ⁽⁵²⁾ *Vì họ, Con xin thánh hiến mình Con, để họ cũng được thánh hiến trong chân lý".* ⁽⁵³⁾ *Con không chỉ cầu nguyện cho họ nhưng còn cho những ai nhờ lời họ mà tin vào Con (x. Ga 17,17-20), để họ được liên kết nên một, và để thế gian nhận biết là Cha đã sai Con và đã yêu thương họ, như đã yêu thương con (Ga 17,23).* ⁽⁵⁴⁾ *Con sẽ làm cho họ biết Danh Cha, để tình Cha đã yêu thương Con ở trong họ, và Con cũng ở trong họ (x. Ga 17,26).* ⁽⁵⁵⁾ *Lạy Cha, Con muốn rằng Con ở đâu thì những người Cha đã ban cho Con cũng ở đó với Con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của Cha (x. Ga 17,24)* ²⁰⁴ *trong nước Cha (Mt 20,21).*

²⁰³ Bản văn của Ga 17,17 là: "Xin thánh hiến họ".

²⁰⁴ Bản văn của Ga 17,24 là: "vinh quang của Con".

LỜI CẦU NGUYỆN VÀ TẠ ƠN

⁽¹⁾ Lạy Thiên Chúa toàn năng, chí thánh, chí tôn và cao cả, là *Chúa Cha thánh thiện* (Ga 17,11) và công chính, là *Chúa tể*, và là *Vua trời đất* (x. Mt 11,25), chúng con tạ ơn Cha vì chính Cha mà thôi, vì do bởi thánh ý Cha và nhờ Thánh Tử duy nhất cùng với Thánh Thần, Cha đã dựng nên muôn loài thiêng liêng và vật chất, và đã dựng nên chúng con *theo hình ảnh và giống như Cha*, rồi đặt chúng con *trong vườn địa đàng* (x. St 1,26; 2,15).

⁽²⁾ Nhưng chúng con đã sa ngã vì đã phạm tội.

⁽³⁾ Chúng con tạ ơn Cha vì, cũng như Cha đã dựng nên chúng con nhờ Con Cha, thì cũng vì *yêu thương chúng con* (x. Ga 17,26) bằng một tình yêu chân thật và thánh thiện, Cha đã cho Người ra đời: Người là Thiên Chúa thật và là người thật, sinh bởi Thánh nữ Maria hiển vinh trọn đời đồng trinh; Cha đã muốn giải cứu chúng con khỏi ách nô lệ nhờ việc Người đổ máu mình ra và chết trên thập giá.

⁽⁴⁾ Chúng con tạ ơn Cha, vì chính Thánh Tử sẽ ngự đến trong vinh quang đầy uy nghi để xua đuổi vào lửa muôn đời những kẻ khốn nạn xưa kia đã không hoán cải và không tin nhận Cha, và cũng để nói với tất cả những ai đã nhận biết, tôn thờ và phụng sự Cha trong đời hoán cải: *“Hỡi những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến nhận lãnh Vương quốc đã dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa”* (x. Mt 25,34).

⁽⁵⁾ Vì tất cả chúng con đều khốn nạn và tội lỗi, không đáng kêu cầu Danh Cha, nên chúng con tha thiết nài xin Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, là “*Con yêu dấu của Cha, Đáng làm vui lòng Cha hết mực*” (x. Mt 17,5), để Người cùng với Chúa Thánh Thần, Đấng Bảo trợ, tạ ơn Cha về tất cả mọi sự, hợp theo ý của Cha và của Người, vì Người hằng làm toại lòng Cha trong mọi sự, và nhờ Người Cha đã làm bao việc cho chúng con. Alleluia.

⁽⁶⁾ Chúng con khiêm tốn nài xin Mẹ Maria hiển vinh, diễm phúc và trọn đời đồng trinh, các thánh Micaen, Gáprien, Raphaelen cùng toàn thể các cơ binh thiên thần, - seraphim, kêrubicim, ngai thần, quản thần, lãnh thần, quyền thần (Cl 1,16), dũng thần, thiên thần, tổng lãnh thiên thần,²⁰⁵ - thánh Gioan Tẩy giả²⁰⁶, thánh Gioan tác giả sách Tin Mừng,

²⁰⁵ Vào thời Trung cổ, dưới ảnh hưởng của thần học gia Pseudo-Denis (thế kỷ V), người ta quan niệm các cơ binh thần khí (*chorus spirituum*) gồm 9 phẩm được xếp thành 3 cấp: cấp thứ nhất (seraphim, kêrubicim, ngai thần) gìn giữ ngai tòa của Thiên Chúa); cấp thứ hai (quản thần, dũng thần, quyền thần) điều hành các việc trên trời; cấp thứ ba (lãnh thần, tổng lãnh thiên thần và thiên thần) đóng vai trò sứ giả, liên lạc giữa trời và đất. Danh sách mà thánh Phanxicô nêu trên không theo sát hoàn toàn danh sách của Pseudo-Denis, nhưng lại trùng hợp với danh sách của thánh Grêgôriô Cả (Giáo Hoàng: 590-604, x. *Homiliae in Evangelia*, 34, tr. 305). Lưu ý: việc tráo chỗ giữa tổng lãnh thiên thần và thiên thần trong bản văn của Phanxicô là một sự cố bất thường có thể do người sao chép gây ra.

²⁰⁶ Thánh Gioan Tẩy giả được nhắc tới ngay sau các thiên thần, vì Chúa đã nói: “Trong số phàm nhân, chưa từng có ai cao trọng hơn ông”

thánh Phêrô, thánh Phaolô, các thánh tổ phụ, ngôn sứ, anh hài, tông đồ, các thánh tác giả sách Tin Mừng, các thánh môn đệ, các thánh tử vì đạo, hiền tu và trinh nữ, thánh Êlia và thánh Hênốc, cùng toàn thể chư thánh, từ xưa tới nay và sau này nữa: xin các ngài, vì tình yêu của Cha, dâng lên Cha lời cảm tạ về hết mọi sự, hợp theo ý Cha là Thiên Chúa tối cao và chân thật, hằng sống muôn đời, cùng với Thánh Tử chí ái là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, và cùng với Chúa Thánh Thần, Đấng Bảo trợ, “*đến muôn thuở muôn đời*” (Kh 9,13). Amen, Alleluia. (Kh 19,4).

⁽⁷⁾ Xin tất cả những ai trong Hội Thánh công giáo và tông truyền²⁰⁷ muốn phụng sự Thiên Chúa và tất cả các phẩm trật trong Hội Thánh, - các linh mục, các phó tế, các phụ phó tế, các thầy phục vụ bàn thờ, các thầy trừ quỷ, các thầy đọc sách, các thầy giữ cửa, - và tất cả các giáo sĩ, tất cả các nam và nữ

(Mt 11,11). Điều lạ lùng là thánh Gioan Tông đồ lại được nhắc ngay sau đó, trước cả hai thánh Phêrô và Phaolô: đó là một trong những dấu chứng cho thấy ảnh hưởng rất lớn của “người môn đệ Chúa yêu” (và quyển Tin Mừng IV) trên tâm tình của thánh Phanxicô!

²⁰⁷ Trong đoạn văn sau đây Phanxicô muốn kể ra hết các thành phần của xã hội trần thế. Ta có thể ghi nhận các bận tâm chính của thánh nhân: 1. muốn nhớ tới hết mọi người (từ “*tất cả*” được dùng rất nhiều lần); 2. lòng kính trọng đối với hàng giáo sĩ (được nhắc tới đầu tiên và chi tiết); 3. sự chú ý tới các trẻ em và ưu tiên dành cho những người yếu hèn trên những những người mạnh mẽ (người nghèo khổ được nhắc tới trước các vua quan, các tột tở trước các ông chủ, kẻ thấp hèn trước các bậc cao trọng!); 4. bận tâm truyền giáo cho mọi dân tộc trên trần gian (x. Jacques Le Goff, *Saint Francois d'Assise*, Paris, 1999, tr. 124-126).

tu sĩ, tất cả các em bé và những người bé mọn²⁰⁸, những người nghèo khó và những người túng cực, các vua chúa và quan quyền, các công nhân và nông dân, các tôi tớ và các ông chủ, tất cả các trinh nữ, các người độc thân và các phụ nữ có gia đình, các giáo dân nam và nữ, toàn thể các thiếu nhi, thiếu niên, thanh niên và phụ lão, những người khỏe mạnh và những người đau ốm, tất cả những kẻ thấp hèn và những bậc cao trọng, *mọi dân, mọi nước, mọi chi tộc và ngôn ngữ* (x. *Kh 7,9*), mọi quốc gia và mọi người hiện đang sống và sẽ sống khắp nơi trên mặt đất: tất cả chúng tôi là những Anh Em Hèn Mọn, “*những đầy tớ vô dụng*” (*Lc 17,10*), khiêm tốn khẩn xin và van nài tất cả quý vị hãy kiên vững trong đức tin chân thật và trong đời hoán cải, vì nếu không thì chẳng một ai có thể được cứu độ.

⁽⁸⁾ Hết thảy chúng ta hãy yêu mến *Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết nghị lực, hết sức mạnh, hết trí hiểu* (x. *Mc 12,30.33*), *hết mọi sức lực* (*Lc 10,27*), với tất cả cố gắng, tất cả tình cảm, tất cả tâm can, tất cả lòng muốn và ý chí. Chính Người đã ban và đang ban cho tất cả chúng ta toàn thân xác, toàn linh hồn và toàn sự sống. Chính Người *đã dựng nên, đã cứu chuộc*, và *sẽ cứu độ* chúng ta, do lòng thương xót của Người mà thôi (x. *Tb 13,5*). Còn chúng ta là những kẻ bần

²⁰⁸ *Parvuli*: đây có lẽ là những người thuộc cấp bậc thấp hèn, chứ không phải các em nhỏ nữa: các em nhỏ và những người trẻ tuổi được nhắc tới qua các từ *pueri, infantes, adolescentes, juvenes*... Còn *parvuli* được tiếp nối với các từ *nghèo khó, túng cực*.

cùng và khốn nạn, thối tha và hư hỏng, vô ơn và xấu xa, thế mà Người đã và vẫn còn ban cho chúng ta mọi điều tốt lành.

⁽⁹⁾ Vậy chúng ta đừng ước ao, đừng ham muốn, cũng đừng vui thích hay tha thiết điều gì ngoài *Đấng Tạo hóa, Cứu chuộc và Cứu độ*²⁰⁹ chúng ta: chỉ mình Người là Thiên Chúa thật, là sự thiện viên mãn, tất cả sự thiện, sự thiện vẹn toàn, sự thiện chân thật và cao cả; *chỉ mình Người là tốt lành* (x. Lc 18,19), khoan nhân, khả ái, ngọt ngào và dịu hiền; chỉ mình Người là thánh thiện, công chính, chân thật, và ngay thẳng; chỉ mình Người là nhân từ, vô tội, trong trắng; do Người, nhờ Người và trong Người (x. Rm 11,36), mà mọi ơn tha thứ, mọi ân huệ, mọi vinh quang được ban xuống cho tất cả những người sám hối, tất cả những người công chính, tất cả các thánh đang cùng nhau vui sướng trên trời.

⁽¹⁰⁾ Vậy, chúng ta đừng để điều gì ngăn cản, tách biệt và chia lìa chúng ta với Chúa. ⁽¹¹⁾ Khắp mọi nơi, mọi lúc và mọi thời, hằng ngày chẳng lúc nào ngơi, tất cả chúng ta hãy thực sự và khiêm tốn tin kính, ghi nhớ trong lòng, yêu mến, tôn kính, thờ phượng, phụng sự, ca ngợi, chúc tụng, tôn vinh,

²⁰⁹ *Creator, Redemptor et Salvator* : Ba tước hiệu này của Thiên Chúa tương ứng với ba động từ *creavit, redemit* và *salvabit* trong câu 8. Lưu ý là động từ *redemit* ở thì quá khứ (6 lần như thế trong quyển Tác Phẩm), còn *salvabit* ở thì tương lai! Điều này gợi ý: *Redemptor* (Đấng Cứu chuộc) diễn tả tác động của Thiên Chúa vào giờ phút Chúa Kitô chết trên thập giá; tác động này đã xảy ra rồi! Còn *Salvator* (Đấng Cứu độ) diễn tả tác động của Thiên Chúa trong tương lai, khi Người đưa chúng ta vào cõi sống đời đời.

tán dương, dâng lời ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa vĩnh cửu, tối cao, tối thượng, Ba ngôi Hợp Nhất²¹⁰: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Tạo hóa của muôn loài và Cứu tinh của tất cả những ai tin kính, trông cậy và yêu mến Người; Người là Đấng vô thủy vô chung, thường hằng bất biến, người ta không thể thấy được, không thể nói ra được, không thể diễn tả được, *không thể hiểu được, không thể dò thấu được*. (x. Rm 11,33); Người là Đấng được chúc tụng, đáng được ca ngợi, tôn vinh, siêu tôn (x. Tb 3,52); Người cao trọng, chí tôn, ngọt ngào, khả ái, chan chứa hoan lạc, và luôn luôn đáng khát khao trên hết mọi sự cho đến muôn đời. Amen.

Chương XXIV

KẾT LUẬN

⁽¹⁾ Nhân danh Chúa!

Tôi xin tất cả anh em hãy học hỏi nội dung và ý nghĩa của những điều được viết ra trong luật sống này vì phần rỗi linh hồn chúng ta, và năng tưởng nhớ tới chúng. ⁽²⁾ Tôi nguyện xin Thiên Chúa là Đấng toàn năng, Ba Ngôi và là Một Chúa, chúc lành cho tất cả những ai giảng dạy, học hỏi, giữ gìn, ghi nhớ và áp dụng những điều này, mỗi khi họ nhắc lại và thực thi những điều được chép ở đây vì phần rỗi

²¹⁰ *Trinitati et Unitati* (dịch sát): (cảm tạ) Ba Ngôi và sự Hợp nhất.

linh hồn chúng ta. ⁽³⁾ Tôi hôn chân anh em và xin anh em hãy tha thiết yêu mến, tuân giữ và bảo toàn luật sống này.

⁽⁴⁾ Nhân danh Thiên Chúa toàn năng và Đức Giáo hoàng, cùng vì đức vâng phục, tôi là anh Phanxicô, ra lệnh một cách kiên quyết và buộc nhứt là không ai được bớt hay thêm điều gì vào bản văn này (x. *Đnl* 4,2; 13,32) và anh em cũng đừng theo một Bản luật nào khác.

⁽⁵⁾ Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con,
Cùng vinh danh Thánh Thần Thiên Chúa,
Từ muôn đời và chính hiện nay,
Luôn mãi đến thiên thu vạn đại. Amen.

NHỮNG ĐOẠN VĂN NGẮN CỦA MỘT BẢN LUẬT KHÔNG SẮC CHỈ KHÁC²¹¹

Hiện thời người ta đã phát hiện được ba nguồn tài liệu chứa đựng những đoạn văn ngắn của một Bản luật mà cha K. Esser đã cho xuất bản lần đầu tiên trong ấn bản truy nguyên năm 1976. Những đoạn văn này khác với bản văn của Bản luật không sắc chỉ 1221. Đây là một soạn thảo khác của Bản luật không sắc chỉ.

Ba tài liệu ấy là bản sao Q27 được lưu giữ tại ngôi thánh đường Worcester (Anh quốc); những câu trích dẫn của anh Hugô thành Đinia trong quyển sách “Giải thích Luật dòng” của anh; và những câu trích dẫn trong quyển II “Hạnh thánh Phanxicô” của Anh Tôma Cêlanô.

Bản sao Worcester (Wo) được thực hiện khoảng đầu thế kỷ XIV trong đó có bản Di chúc của thánh Phanxicô và nhiều trích dẫn của Bản luật không sắc chỉ. Thứ tự tư tưởng khác với thứ tự các chương trong Luật không sắc chỉ 1221. Câu văn La ngữ cũng khác ở nhiều chỗ (khó nhận ra trong bản dịch Việt ngữ), và nhất là các câu Kinh Thánh chỉ được trích dẫn cách vắn tắt và thường được thay thế bằng những từ “VÂN VÂN” hoặc “VÂN VÂN CHO ĐẾN CHỖ NÀY...”.

²¹¹ Đầu đề bằng La ngữ: *Fragmenta alterius regulae non bullatae*, x. *SCRIPTA*, tr. 290.

Anh Hugô thành Đinia viết tài liệu “Giải thích Luật dòng” có lẽ vào năm 1252-1253, để đáp ứng thỉnh cầu của cấp trên. Tài liệu này hàm chứa những trích dẫn từ 14 chương của Bản luật không sắc chỉ.

Còn Anh Tôma Cêlanô sáng tác quyển II “Hạnh Thánh Phanxicô” vào năm 1246-1247 và đã nêu ra những câu trích dẫn từ 4 chương của một Bản luật có trước Bản luật 1223 nhưng cũng không tương ứng hoàn toàn với Bản luật không sắc chỉ 1221. Như vậy về thời điểm, thì những đoạn văn này được hình thành vào khoảng thời gian giữa Bản luật không sắc chỉ 1221 và Bản luật có sắc chỉ 29/11/1223.

Những đoạn văn ngắn nói trên tiêu biểu cho những hình thái trung gian qua đó người ta hiểu được Bản Luật dòng đã được hình thành dần dần như thế nào, đồng thời cũng cho thấy là ngay cả khi Bản luật chung kết được phê chuẩn năm 1223, thì nhiều đoạn văn của những lần soạn thảo trước vẫn được bảo tồn trong ký ức cũng như trong tác phẩm của các Anh Em Hèn Mọn.

Ví dụ sau đây cho thấy sự biến chuyển trong quá trình biên soạn. Khi nói về những anh em đau ốm Luật không sắc chỉ viết (Lksc 10,4):

“Còn nếu người ấy bức bối hay giận đối với Thiên Chúa hoặc với anh em khác, hay gay gắt đòi hỏi thuốc men vì ao ước quá đáng cứu lấy cái thân xác nay mai sẽ phải chết này, vốn là thù nghịch của linh hồn, thì điều đó do sự dữ mà ra, và kẻ ấy là con người sống theo tính xác thịt và tỏ ra không phải là một người anh em, vì đã yêu chuộng xác thịt hơn linh hồn”.

Câu Luật dòng này là một lời phê phán gay gắt về thái độ của “người anh em sống theo tính xác thịt” và “tỏ ra không phải là một người anh em” nữa, thì bản văn Worcester và hai bản văn kia (tuy có khác nhau trong vài chi tiết về câu văn) lại nêu ra một lời khuyên tổng quát thích hợp của chính thánh Phanxicô cho tất cả mọi anh em:

“Vì thế tôi xin tất cả những anh em đau ốm đừng giận dữ hay tức bực oán trách Thiên Chúa hoặc các anh em khác, cũng đừng tìm kiếm thuốc men một cách quá đáng vì muốn cứu lấy cái thân xác nay mai rồi sẽ phải chết này, vốn là thù nghịch của linh hồn” (x. Wo 72).

Câu Luật dòng sau đây cũng đã được sửa chữa:

“Anh em hãy cẩn thận đừng giữ vẻ bề ngoài buồn rầu và ủ dột như những kẻ đạo đức giả, nhưng hãy tỏ ra vui mừng trong Chúa (x. Pl 4,4), tươi cười và hòa nhã cho hợp lễ” (se gaudentes in Domino et hilares: Lksc 7,16).

*Cả ba đoạn văn ngắn đều nói: hãy tỏ ra “vui mừng trong Chúa” (x. Pl 4,4), tươi cười và **hoan hỉ**” (se gaudentes in Domino et hilares et jucundos).*

I. NHỮNG ĐOẠN VĂN NGẮN TRONG BẢN SAO WORCESTER (ĐvnWo)²¹²

⁽¹⁾ [Hỡi tất cả anh em, chúng ta hãy chú ý tới lời Chúa nói: “*Hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em*” (Mt 5,44 và song song); vì Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng mà chúng ta phải dỗi bước đi theo những dấu chân (x. 1 Pr 2,21), đã gọi kẻ phản bội mình là bạn hữu (x. Mt 26,50) và đã tự ý trao thân cho kẻ đóng đinh mình. ⁽²⁾ Vậy bạn hữu của chúng ta là những người bắt chúng ta phải chịu cách bất công ưu phiền và lo âu]²¹³, xấu hổ và lảng nhục, đau đớn và cực hình, tử đạo và chết. Chúng ta phải yêu mến họ hết lòng, vì do những gì họ gây ra cho chúng ta, mà chúng ta được sống đời đời.

⁽³⁾ Chúng ta hãy **sửa phạt** thân xác chúng ta bằng cách **đóng đinh nó** cùng với các nét xấu, **dục vọng**²¹⁴ và tội lỗi. Bằng lối sống theo xác thịt, nó muốn ngăn cản chúng ta yêu mến Chúa Giêsu Kitô, sự sống vĩnh cửu, và **giao mình** xuống địa ngục **cùng với linh hồn**. ⁽⁴⁾ Vì tội lỗi, chúng ta đã ra thói tha, khốn nạn, ghét điều lành, mau mắn và cố tình chạy theo

²¹² Cách đánh số câu từ 1 đến 87 là của cha K. Esser và được dùng trong bản dịch Pháp ngữ của J. Dalarun; chúng tôi cũng theo cách trình bày này.

²¹³ Đoạn này và những đoạn được để trong vòng ngoặc như thế này là những đoạn rất khó đọc trong bản sao, vì đã bị hư hoại nặng, nên cha K. Esser đã phải tạo lại bản văn dựa theo một số chữ còn đọc được.

²¹⁴ Những từ in đậm trong câu 3 và những chỗ khác là những từ mới hoặc câu văn mới so với Bản luật không sắc chỉ.

điều dữ. ⁽⁵⁾ Chính Chúa nói trong Tin Mừng: “Từ lòng con người phát xuất những suy tính xấu xa” (Mc 7,21) *vân vân*²¹⁵.

⁽⁶⁾ Nhưng bây giờ, sau khi đã từ bỏ thể gian, chúng ta chỉ có một việc phải làm là hăng hái tuân theo thánh ý Chúa và làm đẹp lòng Người. ⁽⁷⁾ Chúng ta phải hết sức cẩn thận để đừng trở nên thứ đất bên vệ đường, hoặc có sỏi đá, hoặc đầy gai góc như Chúa nói trong Tin Mừng: “*Hạt giống là lời Thiên Chúa*” (Lc 8,11). *Hạt rơi xuống vệ đường và bị người ta giẫm lên* ⁽⁸⁾, *vân vân... cho tới đây* “và nhả nãi sinh hoa kết quả (x. Lc 8,15; Mt 13,23)²¹⁶.

⁽⁹⁾ Bởi vậy, phần chúng ta, hỡi tất cả anh em, như Lời Chúa nói, chúng ta hãy để “*kẻ chết chôn kẻ chết*” (Mt 8,22). ⁽¹⁰⁾ Chúng ta hãy giữ mình cẩn thận cho khỏi rơi vào mưu mô và thủ đoạn tinh vi của Satan. Nó muốn con người đừng hướng lòng trí về Thiên Chúa ⁽¹¹⁾ nên nó cứ rảo quanh, ước ao chiếm lấy lòng người ta bằng vẻ hào nhoáng của một phần thưởng hay giúp đỡ. Nó muốn người ta quên lãng Lời Chúa và các giới răn của Người. Nó muốn **cư ngụ** trong lòng con người và **làm mù quáng** bằng những công chuyện và những lo lắng đời này. Chính Chúa đã nói: ⁽¹²⁾ “*Khi tà thần xuất khỏi người nào*” (Mt 12,43) *vân vân, cho tới đây*; ⁽¹³⁾ “*tình trạng sau cùng của người ấy còn tệ hơn trước nữa*” (x. Mt 12,45)²¹⁷.

²¹⁵ ĐvnWo 1-5 = Lksc 22,1-7.

²¹⁶ ĐvnWo 6-8 = Lksc 22,9-17.

²¹⁷ ĐvnWo 9-13 = Lksc 22,18-24

⁽¹⁴⁾ Vậy, hỡi tất cả anh em, chúng ta phải hết sức giữ mình, đừng vì vẻ hào nhoáng của một phần thưởng, một công việc, hay một sự trợ giúp nào đó mà ta đánh mất lòng trí hay để chúng rời xa Chúa. ⁽¹⁵⁾ Nhưng trong tình yêu thánh thiện là Thiên Chúa (x. 1 Ga 4,16), tôi xin tất cả anh em, các anh phục vụ cũng như mọi anh em khác, hãy loại bỏ mọi ngăn trở và gạt qua một bên mọi lo toan và bận rộn, và theo cách tốt nhất mà anh em có thể hãy phụng sự, yêu mến, tôn vinh và thờ phượng Thiên Chúa với lòng thanh trí sạch, đó là điều Chúa *tìm kiếm* (Ga 4,23) hơn cả. ⁽¹⁶⁾ Chúng ta phải luôn lấy lòng mình làm đền thờ và “*nơi Chúa ở lại*” (x. Ga 14,23): Người là Thiên Chúa toàn năng, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Người đã phán: “*Các con phải tỉnh thức và cầu nguyện luôn, hầu đủ sức thoát khỏi mọi sự dữ sắp xảy đến và đứng vững trước mặt Con Người*” (Lc 21,36). “*Khi anh em đứng để cầu nguyện, anh em hãy nói: “Lạy Cha chúng con ”*” (Lc 21,36; Mc 11,25; Lc 11,2; Mt 6,9). ⁽¹⁷⁾ Chúng ta hãy thờ phượng Người với tấm lòng trong sạch, “*phải cầu nguyện luôn không được nản chí*” (Lc 18,1); Vì Chúa Cha *tìm kiếm những ai thờ phượng Người như thế*. ⁽¹⁸⁾ Thiên Chúa là Thần khí và những kẻ thờ phượng Người, *phải thờ phượng theo thần khí và sự thật* (x. Ga 4,23-24). ⁽¹⁹⁾ Chúng ta hãy chạy đến với Người như đến với “*vị Mục tử, Đấng chăm sóc linh hồn chúng ta*” (1 Pr 2,25). Chính Người nói: “*Tôi là mục tử nhân lành*” (Ga 10,11), v.v. (cho tới đây): “*Tôi hi sinh mạng sống cho đàn chiên*” (Ga 10,15). ⁽²⁰⁾ “*Tất cả anh em đều là anh em với nhau; nên anh em đừng gọi ai dưới đất này là Cha, v.v.*” ⁽²¹⁾ “*Anh em cũng đừng để ai gọi mình là thầy v.v.*” (x. Mt 23,8-10).

⁽²²⁾ “Nếu anh em ở lại trong Thầy và lời Thầy ở lại trong anh em, thì anh em muốn điều gì, anh em cứ xin, và anh em sẽ được như ý” (Ga 15,7). ⁽²³⁾ “Ở đâu có hai hoặc ba người họp lại nhân danh Thầy... v.v.” (Mt 18,20). ⁽²⁴⁾ “Đây, Thầy ở cùng anh em cho đến tận thế” (Mt 28,20) v.v. ⁽²⁵⁾ “Những lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống” (Ga 6,64). ⁽²⁶⁾ “Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14,6)²¹⁸.

⁽²⁷⁾ Vậy chúng ta hãy giữ lấy những lời, đời sống, đạo lý và thánh Phúc âm của **Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta**, Đấng đã đoái thương nguyện xin Cha của Người cho chúng ta và tỏ bày Danh Chúa Cha cho chúng ta, khi nói rằng: “*Lạy Cha, Con đã cho họ biết Danh Cha (Ga 17,6), vâng vâng cho tới đây: (28) Lạy Cha, Con muốn rằng Con ở đâu thì những người Cha đã ban cho Con cũng ở đó với Con, để họ được chiêm ngưỡng vinh quang của Con*” (Ga 17,24) “*trong nước Cha* (Mt 20,21).

⁽²⁹⁾ **Vinh Danh Chúa Cha và Chúa Con cùng vinh Danh Thánh Thần Thiên Chúa, từ muôn đời và chính hiện nay luôn mãi đến thiên thu vạn đại. Amen**²¹⁹.

⁽³⁰⁾ Anh em hãy tỏ ra ân cần đối với những người nghèo cũng như đối với nhau, vì thánh Tông đồ đã nói: “Chúng ta đừng yêu thương nơi đầu môi chót lưỡi” (Gc 2,18), và *vâng vâng*²²⁰.

²¹⁸ Đvn 14-26 = Lksc 22,25-40.

²¹⁹ ĐvnWo 29 là một câu được thêm vào so với Lksc 22.

²²⁰ ĐvnWo 30 = Lksc 11,6.

⁽³¹⁾ Tất cả anh em, dù ở đâu, hãy cẩn thận tránh lối nhìn bất chính và đi lại với nữ giới và không ai được chuyện trò một mình với họ. ⁽³²⁾ *Và sau đây:* Tất cả chúng ta hãy cẩn thận gìn giữ mọi chi thể cho thanh sạch, vì Chúa nói: “Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn... (Mt 5,28) v.v.²²¹. Sau đây nữa:

⁽³³⁾ Khi anh em đi ra giữa đời, thì “*đừng mang gì đi đường, đừng mang theo túi tiền* (x. Lc 10,4), *bao bị, lương thực, tiền bạc* (x. Lc 9,3), *gậy hay giày dép*” (x. Mt 10,10)²²². Sau đây nữa:

⁽³⁴⁾ *Đừng chống cự người ác* (x. Mt 5,39), nhưng ai vả anh em má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa (x. Mt 5,39). ⁽³⁵⁾ “*Và ai đoạt áo ngoài của anh em, thì cũng đừng cản họ lấy áo trong*” (x. Lc 6,29). “*Ai lấy cái gì của anh em thì đừng đòi lại*” (x. Lc 6,30)²²³.

⁽³⁶⁾ Các anh em được **Anh Phục vụ của mình cho phép đến với dân ngoại**, thì có thể sống theo Thánh Khí bằng hai cách. ⁽³⁷⁾ Một là: đừng tranh cãi hay chống báng, nhưng hãy tuân phục “*mọi người vì Thiên Chúa*” (1 Pr 2,13) và tuyên xưng mình là Kitô hữu. ⁽³⁸⁾ Hai là: khi thấy đẹp lòng Chúa, anh em hãy loan báo Lời Chúa, để họ tin vào Thiên Chúa là Chúa Cha toàn năng, Chúa Con và Chúa Thánh Thần²²⁴. Sau đây nữa:

²²¹ ĐvnWo 31-32 = Lksc 12,1-5a.

²²² ĐvnWo 33 = Lksc 14,1.

²²³ ĐvnWo 34-35 = Lksc 14,4-6

²²⁴ ĐvnWo 36-38 = Lksc 16, 5-7a.

(39) Tất cả anh em, dù ở đâu, hãy nhớ rằng anh em đã tự hiến mình và phó dâng thân mình cho Chúa Giêsu Kitô. (40) Vì lòng mến Chúa, anh em **phải chấp nhận chịu bắt bớ và chịu chết do các địch thù**, hữu hình cũng như vô hình gây ra²²⁵ ... *Sau đây nữa*:

(41) Tất cả anh em hãy rao giảng bằng **lời sống** của mình.

(42) Đừng một anh phục vụ hay một anh giảng thuyết nào chiếm làm sở hữu riêng công việc phục vụ anh em hay trách nhiệm giảng dạy, nhưng bất cứ lúc nào được yêu cầu, anh em hãy từ bỏ chức vụ mình. (43) Vì vậy, nhân danh Thiên Chúa là tình yêu (x. 1 Ga 4,16), tôi van nài tất cả anh em, các anh em giảng thuyết, cầu nguyện và lao động, giáo sĩ cũng như giáo dân, hãy cố gắng hạ mình xuống trong mọi sự, (44) đừng hãnh diện, vui mừng hay tự tôn trong lòng về những lời lành và việc thiện, hay về bất cứ điều tốt lành nào mà nhiều khi Thiên Chúa nói, làm, hay thực hiện nơi anh em và nhờ anh em. Chính Chúa đã nói: *“Anh em chớ vui mừng vì ma quỷ khuất phục anh em”* (Lc 10,20), *vân vân*²²⁶.

(45) Chúng ta hãy biết chắc rằng chúng ta chẳng có gì khác ngoài nét xấu và tội lỗi. (46) Chúng ta phải vui mừng *“khi gặp thử thách trăm chiều”* (x. Gc 1,2), và khi phải chịu mọi thứ sầu khổ, truân chuyên trong tâm hồn hay ngoài thân xác ở đời này vì cuộc sống muôn đời. (47) Vì vậy, hỡi anh em, tất cả

²²⁵ ĐvnWo 39-40 = Lksc 16,10-11a.

²²⁶ ĐvnWo 41-44 = Lksc 17, 3-6.

chúng ta hãy giữ mình khỏi mọi thứ kiêu ngạo và hư danh, khỏi sự khôn ngoan thể tục và sự khéo léo theo xác thịt ⁽⁴⁸⁾ và tinh thần thể tục ham muốn và quan tâm nhiều đến lời lẽ, nhưng ít đến việc làm; ⁽⁴⁹⁾ không tìm kiếm lòng đạo đức và sự thánh thiện bên trong, nhưng lại ước muốn thứ đạo đức và thánh thiện lộ ra bên ngoài cho người ta thấy. ⁽⁵⁰⁾ Họ là những người đã được Chúa nói đến: “*Thầy bảo thật anh em chúng đã được phần thưởng rồi*” (Mt 6,2). ⁽⁵¹⁾ Còn Thánh Khí Chúa muốn cho xác thịt chịu khắc khổ và khinh dể, xấu xa, bị ruồng bỏ và xỉ nhục; ⁽⁵²⁾ tìm kiếm sự khiêm nhường và nhẫn nại, sự đơn sơ tinh tuyền, và sự bình an chân thật của tâm hồn; ⁽⁵³⁾ và luôn luôn khao khát trên hết mọi sự được Chúa ban cho mình lòng kính sợ, sự khôn ngoan và tình yêu của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. ⁽⁵⁴⁾ Chúng ta hãy dâng trả mọi sự tốt lành về cho Chúa là Thiên Chúa tối cao và chí tôn và hãy biết rằng mọi sự tốt lành là của Người ²²⁷. ⁽⁵⁵⁾ Xin Người hãy nhận lấy mọi danh dự và tôn kính, mọi lời ca ngợi và cung chúc, mọi lời tạ ơn và vinh quang: vì mọi sự tốt lành đều thuộc về Người và chỉ một mình Người là tốt lành (x. Lc 18,19) ²²⁸. ⁽⁵⁶⁾ **Khi chúng ta nghe ai nói lời gian ác, hoặc báng bổ Thiên Chúa, thì về phần chúng ta hãy làm việc thiện, nói lời tốt lành, và ngợi khen**

²²⁷ ĐvnWo 45-54 = Lksc 17, 9-17a.

²²⁸ ĐvnWo 55 = Lksc 17,18b.

Chúa (x. Rm 12,21) là Đấng được chúc tụng đến muôn thuở muôn đời (Rm 1,25)²²⁹.

(57) Chúng ta hãy xem tất cả các giáo sĩ và tu sĩ như là tôn chủ của chúng ta trong những gì liên hệ đến phần rỗi linh hồn và không đi lệch với dòng của *tôi*²³⁰; chúng ta hãy tôn kính thánh chúc và thừa tác vụ của các ngài vì Chúa²³¹. *Sau đây nữa:* (58) Tất cả anh em, tùy theo ơn Chúa linh hứng, có thể dùng những lời này hoặc những lời tương tự để khuyên bảo mọi người hoặc ngợi khen Thiên Chúa, và Thiên Chúa sẽ chúc lành cho và anh phụ trách sẽ cho phép.

(59) Hãy kính sợ và tôn vinh,
hãy ngợi khen và chúc tụng,
hãy tạ ơn (1 Tx 5,18) và thờ lạy Chúa
là Thiên Chúa toàn năng chúng ta
trong Ba Ngôi và trong sự Hợp nhất,
Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần,
Đấng Tạo Hóa muôn loài.

(60) *Hãy hoán cải* (x. Mt 3,2),
hãy *sinh hoa trái xứng với lòng hoán cải* (x. Lc 3,8),
vì xin hãy biết rằng chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ chết.

²²⁹ ĐvñWo 56 = Lksc 17,19.

²³⁰ *Mea religione*: Cách dùng tiếng “tôi” ở đây hơi lạ lùng, trái với kiểu nói “chúng ta” trong Lksc 19,3.

²³¹ ĐvñWo 57 = Lksc 19,3.

226 Những đoạn văn ngắn của một Bản Lksc khác

- (61) “Anh em hãy cho
thì sẽ được Thiên Chúa cho lại” (Lc 6,38).
- (62) “Anh em hãy tha thứ
thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha” (Lc 6,37).
- (63) “Nếu anh em không tha thứ cho người ta,
thì Chúa cũng sẽ không tha tội cho anh em”
(x. Mt 6,14; Mc 11,25).
Anh em hãy xưng thú mọi tội lỗi của mình (x. Gc 5,16).
- (64) Phúc thay những người đã chết khi đang sống đời
hoán cải, vì họ sẽ được ở trong Nước Trời.
- (65) Khốn thay những kẻ chết mà không ăn năn thống hối:
họ sẽ là “con cái ma quỷ” (1 Ga 5,10), vì đã làm công việc
của nó (x. Ga 8,41), và họ sẽ đi vào lửa đời đời.
- (66) Hãy coi chừng và lánh xa mọi sự dữ.
Hãy kiên trì sống tốt lành cho đến cùng²³².
- (67) Dù sống ở đâu, trong ẩn viện hay tại nơi nào khác,
anh em hãy coi chừng đừng chiếm sở hữu chỗ mình ở **hay
bất cứ vật gì**, cũng đừng tranh giành với người khác. (68) Bất
cứ ai đến với anh em, bạn hay thù, anh em **nhất thiết đừng
cãi cộ với họ**. (69) Dù sống ở đâu hay gặp nhau nơi nào, anh
em hãy đối xử với nhau theo tinh thần Chúa, trong tình thân
ái và kính trọng lẫn nhau “không lắm bầm kêu ca” (1 Pr 4,9). (70)
Anh em hãy cẩn thận đừng giữ vẻ bề ngoài buồn rầu và ủ

²³² ĐvnWo 58-66 = Lksc 21,1-9.

dột như những kẻ đạo đức giả, nhưng hãy tỏ ra “*vui mừng trong Chúa*” (x. *Pl* 4,4), tươi cười, **hoan hỉ** và hòa nhã cho hợp lẽ²³³.

(71) Tôi xin anh em nào đau ốm hãy tạ ơn Chúa Tào hóa về tất cả mọi sự. Chúa muốn cho mình thế nào, khỏe mạnh hay ốm đau, thì hãy ước ao như vậy, vì tất cả những ai được Thiên Chúa *tiền định cho hưởng sự sống đời đời* (x. *Cv* 13,48), thì *Người sửa dạy bằng đòn vọt và bệnh tật cũng như bằng tinh thần sám hối*. Chính Chúa đã nói: “*Những kẻ Ta yêu mến*” (*Kh* 3,19), và v.v... (72) **Vì thế tôi xin tất cả những anh em đau ốm** đừng giận dỗi hay tức bực oán trách Thiên Chúa hoặc các anh em khác, cũng đừng tìm kiếm thuốc men một cách quá đáng vì muốn cứu lấy cái thân xác nay mai rồi sẽ phải chết này, vốn là thù nghịch của linh hồn²³⁴.

(73) Tất cả anh em hãy cố gắng bước theo Chúa Giêsu Kitô khiêm nhường và nghèo khó; hãy nhớ rằng chúng ta không được có gì khác ở trần gian ngoại trừ những điều như thánh Tông đồ nói: “*Có [cơm ăn]*²³⁵ *áo mặc, ta hãy lấy thế làm đủ*” (x. *1 Tm* 6,8). (74) Anh em phải vui mừng khi sống với những người hèn hạ và bị khinh dể, nghèo hèn và đau ốm, tàn tật và phong cùi, cũng như những kẻ ăn xin dọc đường. (75) Khi cần thiết anh em hãy đi xin của bố thí. (76) Anh em đừng lấy làm xấu hổ, vì Đức Giêsu Kitô, *Con Thiên Chúa hằng sống* (*Ga* 11,27)

²³³ *ĐvnWo* 67-70 = *Lksc* 7,13-16.

²³⁴ *ĐvnWo* 71-72 = *Lksc* 10,3-4a

²³⁵ Từ này không có trong bản sao!

và toàn năng, “*đã tro mặt như đá cứng*” (Is 50,7) và đã chẳng hổ người.⁽⁷⁷⁾ Chính Người đã là một người nghèo, một khách trọ và đã sống nhờ của bố thí, cùng Đức Trinh nữ là **Me Maria thánh thiện của Người** và các môn đệ của Người.⁽⁷⁸⁾ Khi người ta sỉ nhục anh em và không muốn bố thí, anh em hãy tạ ơn Thiên Chúa, vì do những nỗi nhục nhã ấy, anh em sẽ nhận được vinh dự lớn lao trước tòa Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.⁽⁷⁹⁾ Anh em hãy biết rằng không phải những người chịu nhục nhã, nhưng là những kẻ gây nhục nhã sẽ bị xấu hổ.⁽⁸⁰⁾ Còn của bố thí là phần gia nghiệp và quyền lợi dành cho những người nghèo, vì Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã thủ đắc cho ta.⁽⁸¹⁾ Những anh em nào chịu khó nhọc đi xin của bố thí, sẽ được phần thưởng lớn lao và làm cho những người bố thí cũng được hưởng lợi và lãnh phần thưởng nữa; bởi vì mọi sự người ta để lại trần gian sẽ bị hư nát, còn về việc bác ái và của bố thí họ đã làm thì họ sẽ được **sự sống đời đời**²³⁶.

II. NHỮNG ĐOẠN VĂN NGẮN ĐƯỢC ĐƯA VÀO TRONG TÀI LIỆU “GIẢI THÍCH LUẬT DÒNG ANH EM HÈN MỌN” CỦA ANH HUGÔ THÀNH ĐINIA

Những câu trích dẫn của anh Hugô thành Đinia trong tài liệu “Giải thích Luật dòng” của anh là một chứng từ quan trọng hơn nữa về sự hiện hữu của một Bản luật không sắc chỉ khác. Vì thế để

²³⁶ ĐvnWo 73-81 = Lksc 9,1-9.

hiểu bản văn của Bản luật không sắc chỉ đó một cách rõ ràng hơn, thì chúng ta phải quan tâm một cách đặc biệt tới những những câu trích dẫn ấy. Bản văn ở Worcester chỉ trình bày những chủ đề thiêng liêng, còn bản văn này có tính cách pháp lý hơn.

Các câu trích dẫn của anh Hugô được trình bày theo thứ tự các chương như ta thấy trong bản văn hiện thời của Bản luật không sắc chỉ 1221. Cuối mỗi câu, chúng tôi nêu ra quy chiếu về Bản luật không sắc chỉ và để trong vòng ngoặc.

1. Vì thế thánh nhân nói như thế này trong Bản luật chưa có sắc chỉ ²³⁷: Phần anh em cũng như anh phục vụ, đừng xen vào công chuyện của họ bất cứ bằng cách nào [x. Lksc 2,5].

2. Trước khi Bản luật được phê chuẩn với sắc chỉ, thánh nhân nói thêm: Dù thiên hạ cho anh em là giả hình, anh em cũng đừng thôi làm việc thiện [x. Lksc 2,15].

3. Vì thế trước sắc chỉ Bản luật có câu: Trong các Mùa khác, thể theo đời sống này, anh em chỉ phải giữ chay vào ngày thứ Sáu [x. Lksc 3,12].

4. như thánh nhân đã nói trước kia trong Bản luật: Các anh phục vụ hãy nhớ, ngài nói, vì đã lãnh nhận trách nhiệm chăm sóc linh hồn anh em mình, nên đến ngày phán xét,

²³⁷ Những từ in nghiêng trong “Đoạn văn ngắn” này là những lời giới thiệu hay những câu tóm tắt (vd. toàn câu 17) của anh Hugô; còn những từ in nghiêng để trong vòng kép là những câu trích từ Kinh Thánh.

nếu có ai phải hư mất vì tội lỗi và gương xấu của mình, các anh phải trả lễ trước mặt Chúa Giêsu Kitô [x. Lksc 4,6].

5. *Thánh nhân nói như thế này trong Bản luật nguyên thủy:* Hết thầy anh em, các anh phục vụ cũng như các anh em khác, hãy coi chừng đừng để mình bị giao động hay tức giận về tội lỗi hoặc gương xấu của người khác, vì ma quỷ thường dùng tội lỗi của một người mà làm hư hỏng nhiều người khác. Nhưng theo tinh thần Chúa, anh em hãy giúp đỡ hết sức mình kẻ đã phạm tội, vì “*người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, nhưng người đau ốm mới cần*” (x. Mt 9,12; Mc 2,17) [x. Lksc 5,7-8].

6. ... *theo lời này của Chúa thánh Phanxicô thường nói với anh em:* “*Thủ lãnh các dân thì lấy quyền mà thống trị dân; những người làm lớn thì dùng uy mà cai quản dân*” (Mt 20,25); còn giữa anh em “*thì không được như vậy*” (x. Mt 20,26a) [x. Lksc 5,10].

7. *Thánh nhân thường khuyên bảo họ trong Bản luật trước khi có sắc chỉ:* Nhờ “*đức mến do bởi Thánh Khí*”, anh em hãy sẵn sàng phục vụ và vâng phục lẫn nhau (x. Gl 5,13). Người nói, đó chính là sự vâng phục chân thật và chắc chắn của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta [x. Lksc 5,14b-15].

8. *Vì thế Người đã nói trước kia như thế này trong Bản luật:* Bất cứ ở đâu, nếu anh em nào không thể tuân giữ một cách thiêng liêng luật sống của chúng ta, thì hãy tỏ bày với anh phục vụ của mình. Anh phục vụ hãy nhiệt tình giúp đỡ, như chính mình muốn được giúp đỡ như vậy (x. Mt 7,12) [x. Lksc 6,1-2].

9. ... hoặc như đã nói theo Bản luật thứ nhất: Bất cứ ở đâu, nếu anh em nào [x. Lksc 6,1-2].

10. Bản luật trước kia có câu như thế này: Tất cả mọi anh em, bất kỳ ở đâu, khi đến ở trong nhà người ta, thì đừng giữ chức thủ quỹ, hay thủ kho, hay quản trị trong nhà mình phục vụ; cũng đừng nhận một chức vụ nào có thể gây vấp phạm cho người khác hay làm thiệt hại cho linh hồn mình (x. Mc 8,36); nhưng anh em hãy sống hèn mọn, phục tùng mọi người trong nhà [x. Lksc 7,1-2].

11. Vì thế trước kia trong Bản luật có nói: Những anh em có khả năng làm việc thì hãy làm việc và hành nghề mình biết, miễn là nghề ấy không gây thiệt hại cho phần rỗi linh hồn mình [x. Lksc 7,3].

12. Và sau đó ít hàng: Mỗi người cứ giữ lấy nghề nghiệp và chức vụ của mình như khi được gọi (x. 1 Cr 7,24), **theo sự sắp đặt của anh phục vụ** [x. Lksc 7,6].

13. Vì thế, trước sắc chỉ, trong Bản luật có câu: Các tôi tớ Thiên Chúa phải luôn luôn chăm lo cầu nguyện hoặc làm một việc lương thiện [x. Lksc 7,12].

14. Vì thế, trước sắc chỉ, trong Bản luật có những lời này: Anh em hãy ý tứ đừng chiếm hữu một chỗ nào **hay một vật gì**, cũng đừng tranh giành với người khác. Bất cứ ai đến với anh em, bạn hay thù, kẻ cắp hay kẻ cướp, **anh em nhất thiết đừng cãi cò với họ**. [x. Lksc 7,13].

15. Trước kia thánh nhân đã nói như thế này trong Bản luật... Và thế này nữa: Dù sống ở đâu và gặp nhau nơi nào, anh em hãy đối xử với nhau theo tinh thần Chúa, trong tinh thần ái và kính trọng lẫn nhau “không lăm bắm kêu ca” (1 Pr 4,9). Anh em hãy cẩn thận đừng giữ vẻ bề ngoài buồn rầu và ủ dột như những kẻ đạo đức giả, nhưng hãy tỏ ra “vui mừng trong Chúa” (x. Pl 4,4), tươi cười, **hoan hỉ** và hòa nhã cho hợp lẽ [x. Lksc 7,15-16].

16. Về tiền bạc bắt gặp được, thánh nhân thường nói: Nếu gặp thấy tiền bạc, chúng ta cũng đừng bận tâm vì nó cũng như cát bụi dưới chân [x. Lksc 8,6].

17. Thánh nhân khẳng định là vì nhu cầu khẩn thiết, anh em có thể đi xin của bố thí cho cho các bệnh nhân phong cùi, nhưng nhất thiết hãy tránh tiền bạc. Và mặc dầu Người rất thích các nơi thánh mà anh em được phép dừng chân hoặc cư trú, nhưng Người vẫn không chấp nhận cho họ tìm kiếm tiền bạc vì một nơi như thế, hoặc nhờ người khác hoặc đi với những người quỳen tiền [x. Lksc 8,10-11.8].

18. Câu văn của Bản luật thứ nhất nói: Khi cần thiết anh em hãy đi xin của bố thí [x. Lksc 9,3].

19. Điều đó chính Người nói một cách rõ ràng hơn trong Bản luật nguyên thủy: Khi cần thiết anh em hãy đi xin của bố thí. Anh em đừng lấy làm xấu hổ, nhưng hãy nhớ rằng Đức Giêsu “Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Ga 11,27) và toàn năng, “đã trơ mặt như đá cứng” (Is 50,7) và đã chẳng hổ ngươi. Chính Người đã là một người nghèo, một khách trọ và đã

sống nhờ của bố thí, Người²³⁸ và các môn đệ của Người. Khi người ta sỉ nhục anh em và không muốn bố thí, anh em hãy tạ ơn Thiên Chúa, vì do những nỗi nhục nhã ấy, anh em sẽ nhận được vinh dự lớn lao trước tòa Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Anh em hãy biết rằng không phải những người chịu nhục nhã đáng bị xấu hổ, nhưng là những kẻ gây nhục nhã. Còn của bố thí là phần gia nghiệp và quyền lợi dành cho những người nghèo, vì Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã thủ đắc cho ta. Những anh em nào chịu khó nhọc đi xin của bố thí, sẽ được phần thưởng lớn lao và làm cho những người bố thí cũng được hưởng lợi và nhận phần thưởng nữa; bởi vì mọi sự người ta để lại trần gian sẽ bị hư nát, còn về việc bác ái và của bố thí họ đã làm thì họ sẽ được Thiên Chúa ban thưởng [x. Lksc 9,3-9].

20. *Trước kia thánh nhân đã nói như thế này trong Bản luật:* Mỗi người hãy tin tưởng bày tỏ cho anh em khác nhu cầu của mình để họ tìm kiếm và cung cấp cho điều mình cần. [x. Lksc 9,10].

21.... *Thánh nhân thường khuyên bảo như thế này trong Bản luật trước khi có sắc chỉ:* Tôi xin người anh em đau ốm hãy tạ ơn Chúa Tạo hóa về tất cả mọi sự. Chúa muốn cho mình thế nào, khỏe mạnh hay ốm đau, thì hãy muốn như vậy. [x. Lksc 10,3].

²³⁸ Lksc 9,3 có thêm: *cùng với Đức Trinh nữ.*

22. *Và sau đó ít hàng: Tôi xin tất cả mọi anh em của tôi, khi đau ốm, thì đừng giận dữ hay bực bội chống lại Thiên Chúa hoặc các anh em khác, đừng gay gắt đòi hỏi thuốc men, cũng đừng ao ước quá đáng cứu lấy cái thân xác nay mai rồi phải chết này vốn là thù địch của linh hồn* [x. Lksc 10,4].

23. *Họ xem việc nói một lời sỉ nhục với một anh em khác là “đồ ngốc” hay là “đồ khùng” là có tội, vì trước kia Bản luật đã ghi lại những lời này của Phúc âm (Mt 5,22)* [x. Lksc 11,4].

24. *Tin Mừng dạy là đừng cãi cọ, đừng đòi lại, đừng chống cự người ác; Bản luật trước khi có sắc chỉ đã trình bày tất cả những điều đó cách rõ ràng; nhưng bây giờ thì gói ghém lại tất cả bằng những lời lẽ cô đọng và tổng quát* [x. Lksc 11,1; 14,4-7].

25. *Trong Bản luật thứ nhất thánh nhân đã nói tới hai cách hiện diện giữa những người chưa có đức tin: Anh em có thể sống giữa họ theo Thánh Khí bằng hai cách. Một là: đừng tranh cãi hay chống báng, nhưng hãy “tuân phục mọi người vì Thiên Chúa” (1 Pr 2,13) và tuyên xưng mình là Kitô hữu. Hai là: khi thấy đẹp lòng Chúa, anh em hãy loan báo Lời Chúa, để họ tin vào Thiên Chúa Cha toàn năng, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng tạo thành muôn loài, Đấng cứu chuộc và cứu độ mọi tín hữu, và để họ được thanh tẩy và trở thành Kitô hữu, vì họ không thể được cứu độ, nếu không chịu phép Thánh tẩy và đích thực là những Kitô hữu thiêng liêng, bởi vì “nếu ai không sinh lại bởi nước và Thánh Khí, sẽ không thể vào Nước Thiên Chúa được” (x. Ga 3,5)* [x. Lksc 16,5-7].

26. *Và sau đó Người nói thêm:* Anh em hãy nhớ rằng mình đã tự hiến và phó dâng thân mình cho Chúa Giêsu Kitô. Vì lòng yêu mến Người, anh em phải chịu bắt bớ và chịu chết, vì Chúa nói: “Ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ cứu được nó (x. Lc 9,24). “Thầy nói cho anh em là bạn hữu của Thầy được biết: Anh em đừng sợ những kẻ giết thân xác” (Lc 12,4). “Khi người ta bách hại anh em trong thành này, thì hãy trốn sang thành khác” (Mt 10,23) [x. Lksc 16,10-11.17.14].

27. ... *như thánh nhân trước kia đã khuyến khích trong Bản luật:* Mọi anh em phải rao giảng bằng việc làm [x. Lksc 17,3].

28. *Thánh nhân muốn tuân phục những người của Giáo Hội với một tâm tình lạ lùng:* Chúng ta hãy xem tất cả các giáo sĩ và tu sĩ như những tôn chủ của chúng ta trong những gì không đi ngược với đời sống của Dòng chúng ta. Vì Chúa, chúng ta hãy tôn kính thánh chức, công việc và thừa tác vụ của các ngài [x. Lksc 19,3].

29. ... *thỉnh thoảng để khuyến khích anh ấy (?)*²³⁹ *và để làm sáng tỏ nhờ nguồn gốc của một mạch ý rộng rãi hơn, tôi nhắc lại là [thánh nhân] đã cầu xin Chúa chúc lành cho tất cả những anh em*

²³⁹ ... *cujus interdum pro aedificatione:* câu văn La ngữ bị đứt quãng, nên không rõ từ “*cujus*” chỉ về ai. Có lẽ tác giả (ở ngôi thứ nhất của động từ “*nhắc lại*”) viết tài liệu này để khuyến khích đồng thời giải thích Bản luật cho một người anh em nào đó cũng đang học hỏi hoặc giảng dạy Bản luật dòng.

giảng dạy, học hỏi, suy niệm nội dung và tinh thần của những điều được viết ra trong luật này [x. Lksc 24,1-3].

III. NHỮNG ĐOẠN VĂN NGẮN ĐƯỢC LƯU GIỮ TRONG TÁC PHẨM CỦA ANH TÔMA CELANO “HẠNH THÁNH PHANXICÔ” QUYỂN THỨ HAI.

Trong tác phẩm “Hạnh thánh Phanxicô”, quyển thứ hai, Tôma Cêlanô nhiều lần nhắc tới Bản luật dòng các Anh Em Hèn Mọn (x. 2 Cel 143.128.66.175) hoặc bằng lời lẽ rõ ràng hoặc một cách mặc nhiên. Các câu trích dẫn ấy không có trong Bản luật chung kết hoặc khác với bản văn hiện thời của Bản luật không sắc chỉ. Vì thế chúng được nêu ra ở đây.

1. Lạy Chúa, họ [các anh phục vụ] phải trả lễ trước mặt Chúa trong ngày phán xét, nếu có anh em nào phải hư mất vì sự lơ là hoặc vì gương sống, thậm chí vì một sự sửa dạy nghiêm khắc của họ [x. 2 Cel 143=Lksc 4,6].

2. ... trong một Tu nghị Người bảo phải ghi lại những lời này như một lời khuyên tổng quát: Anh em hãy coi chừng, bề ngoài đừng tỏ ra ủ dột và buồn rầu như những kẻ đạo đức giả, nhưng hãy tỏ ra vui mừng trong Chúa, tươi cười, hòa nhã cho xứng hợp [x. 2 Cel 128 = Lksc 7,16].

3. [Anh ấy] nhắc cho người anh em táo bạo kia câu nói của Luật dòng dạy rõ ràng là đồng tiền bắt gập, ta phải dẫm lên như bụi đất [x. 2 Cel 66 = Lksc 7,16].

4. Vì thế trong Bản luật kia người cho viết ra những lời này: **Tôi xin tất cả mọi anh em đau ốm của tôi, trong lúc bệnh hoạn, thì đừng giận dữ hay bực bội** chống lại Thiên Chúa hoặc các anh em khác, đừng nôn nóng **đòi hỏi thuốc men** cũng đừng **ao ước** quá đáng cứu lấy cái thân xác nay mai phải chết này vốn là thù địch của linh hồn. Anh em hãy tạ ơn Thiên Chúa về tất cả mọi sự. Chúa **muốn cho mình thế nào**, thì hãy ước ao như vậy. Vì tất cả những ai được Thiên Chúa tiền định cho hưởng sự sống đời đời (x. Cv 13,48), thì Người sửa dạy bằng đòn vọt và bệnh tật. Chính Người đã nói: “Những kẻ Ta yêu mến thì Ta sửa dạy và răn bảo” (Kh 3,19) [x. 2 Cel 175 = Lksc 10,3-4].

BẢN LUẬT CÓ SẮC CHỈ²⁴⁰

Với sắc chỉ “*Solet annuere*” (“Có thói quen chấp nhận”), Đức Giáo hoàng Hônôriô III đã “xác nhận” Bản luật chung kết của thánh Phanxicô. Người cũng đã cho ghi lại toàn bản văn của Luật dòng trong sắc chỉ ấy. Nguyên bản của sắc chỉ nay được lưu trữ tại *Sacro Convento* (Tu viện thánh) ở Assisi như một di tích quý giá. Một bản sao xác thực của sắc chỉ được lưu trữ tại Văn khố của Tòa Thánh.

Qua sắc chỉ “*Solet annuere*”, Đức Thánh cha Hônôriô III đã “xác nhận” (“*confirmamus*”) và “phê chuẩn” (“*communimus*”, củng cố) một Bản luật đã được Đức Giáo hoàng Innôxentiô III “chấp thuận” (*approbatam*). Như vậy sắc chỉ “*Solet annuere*” cho thấy rõ ràng việc làm này của Đức Giáo hoàng Hônôriô không vi phạm điều 13 của Công đồng Latêranô IV (1215) theo đó Công đồng cấm không được viết Luật dòng mới. Đàng khác qua kiểu nói “xác nhận” Đức Giáo hoàng Hônôriô xem ra muốn nêu ra một chân lý mà ngày nay một số người nghi ngờ: đó là sự tương đồng trong bản chất không những giữa Bản luật này với Bản luật 1221, mà còn với Bản luật tiên khởi và những bổ sung tiếp theo được thực hiện trong thời gian Đức Giáo hoàng Innôxentiô III tại vị.

Mặc dầu Bản Luật dòng 1223 được viết ra với sự giúp đỡ của một số cộng sự viên, tuy nhiên, xét về cơ cấu, lời lẽ và ý tưởng, thánh Phanxicô vẫn là tác giả chính của Bản luật.

²⁴⁰ Đầu đề bằng La ngữ: *Regula bullata*, x. *SCRIPTA*, tr. 322

Theo truyền thống lâu đời của Dòng, khi đọc công khai Bản luật – điều mà ngày nay vẫn còn làm – người ta đọc cả lời mở đầu và lời kết của sắc chỉ. Vì thế, chúng tôi đặt những lời ấy trong ngoặc để phân biệt với lời lẽ của Bản luật.

BẢN VĂN

[Hônôriô²⁴¹, giám mục, tôi tớ các tôi tớ của Thiên Chúa, gửi lời chào và phép lành Tòa Thánh đến các con yêu dấu, là anh Phanxicô²⁴² và các anh em khác thuộc Dòng²⁴³ Anh Em Hèn Mọn.

Tòa Thánh thường có thói quen chấp nhận những nguyện vọng lành thánh và ân cần đáp ứng những ước muốn chính đáng của những người thỉnh cầu. Vì vậy, hỡi các con yêu dấu trong Chúa, chiều theo lời xin lành thánh của các con, Ta lấy quyền tông đồ xác nhận Luật dòng các con, đã được Đức Giáo hoàng Innôxentiô, vị tiền nhiệm đầy

²⁴¹ Hônôriô III, làm Giáo hoàng từ 1216 đến 1227.

²⁴² Xin xem chú thích về “*Frater Franciscus*” nơi TLđ 1.

²⁴³ *Ordo*: từ “Dòng” ở đây nằm trong ngôn ngữ của Đức Giáo hoàng; ta gặp từ này một lần thứ hai trong Thư gửi Toàn Dòng (TTD 38). Còn Phanxicô chỉ thích dùng từ “*Fraternitas*” (Huynh đệ đoàn): từ này được dùng 11 lần trong toàn bộ tài liệu nguồn về thánh Phanxicô, thì 10 lần đã nằm trong quyển Tác Phẩm của thánh nhân, 1 lần trong 1 Cêlanô (x. Th. Desbonnets, *De l'intuition à l'institution*, Edit.Franciscaines, Paris 1983, tr. 70).

danh thơm của Ta, chấp thuận và được ghi lại đây, và với sự bảo đảm của sắc chỉ này Ta phê chuẩn Luật ấy. Luật ấy như sau]:²⁴⁴

Chương I

NHÂN DANH CHÚA! KHỞI ĐẦU ĐỜI SỐNG ANH EM HÈN MỌN

(¹) Luật và đời sống Anh Em Hèn Mọn là tuân giữ thánh Phúc âm Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, bằng cách sống vâng phục, không có của riêng và khiết tịnh.

(²) Anh Phanxicô tuyên hứa vâng phục và kính trọng Đức Giáo hoàng Hônôriô cùng các Đấng kế vị ngài nhậm chức theo Giáo Luật, cũng như vâng phục và kính trọng Hội

²⁴⁴ Bản văn hiện thời gồm 12 chương, mỗi chương có đầu đề riêng. Lúc đầu không có như vậy. Việc phân chia thành chương được thực hiện sau; mục đích là để bản văn còn được đọc trong phụng vụ. Con số 12 mang ý nghĩa tượng trưng: Luật dòng này phù hợp với “quy luật của các tông đồ” (*apostolica regula*); 12 chương tượng trưng cho 12 nền móng Tông đồ và 12 cửa của thành Giêrusalem mới qua đó anh em đi vào đời sống Phúc âm và đi vào Thành thánh trên trời. Tuy nhiên cách phân chia thành chương như vậy nhiều khi cắt đứt mạch ý ban đầu; rõ ràng nhất là các chương 2, 6, 10, 11 và 12: đầu đề các chương ấy chỉ nói lên một phần nội dung của chương thôi! Vì thế người ta có thể đọc bản văn mà không cần chú ý tới các chương mục đó (x. K. Esser, *Die endgueltige Regel der minderen Brueder im Lichte der neuesten Forschung*, Werl/Wesfalen 1965, tr. 8-9).

Thánh Rôma. ⁽³⁾ Còn các anh em khác buộc phải vâng phục anh Phanxicô và những người kế vị anh.

Chương II

NHỮNG NGƯỜI MUỐN ĐÓN NHẬN ĐỜI SỐNG NÀY VÀ CÁCH THỨC TIẾP NHẬN HỌ

⁽¹⁾ Những ai muốn đón nhận đời sống này và đến với anh em, thì anh em phải gửi họ đến với anh Tỉnh Phục vụ. Chỉ những anh này thôi, chứ không phải ai khác, được phép nhận những anh em mới. ⁽²⁾ Các anh Tỉnh Phục vụ hãy xem xét họ kỹ càng về đức tin công giáo và các bí tích của Hội Thánh. ⁽³⁾ Nếu họ tin, lại muốn trung thành tuyên xưng và kiên vững tuân giữ mọi điều ấy cho đến cùng, ⁽⁴⁾ và nếu họ không có vợ, hoặc nếu có, thì người vợ đã vào dòng hay đã ưng thuận dự định của chồng, với phép của Đức Giám mục giáo phận, sau khi chính bà đã khẩn giữ tiết dục, lại đã đến một tuổi không thể gây ra chuyện gì khả nghi nữa, ⁽⁵⁾ thì các anh Tỉnh Phục vụ hãy nói với họ lời thánh Phúc âm này: hãy đi bán tất cả tài sản mình và lo phân phát cho người nghèo (x. Mt 19,21). ⁽⁶⁾ Nếu họ không thể làm được như vậy, nhưng thật lòng muốn thì cũng đủ. ⁽⁷⁾ Phần anh em cũng như các anh phục vụ, hãy ý tứ đừng bận tâm đến những của cải trần thế của họ, để họ được thông dong thu xếp của cải mình theo ơn Chúa soi sáng. ⁽⁸⁾ Tuy nhiên nếu họ hỏi ý kiến, các anh phục vụ có thể gửi họ đến những người kính sợ Thiên

Chúa, để nhờ những người ấy góp ý, họ sẽ phân phát của cải mình cho người nghèo.

⁽⁹⁾ Sau đó, hãy cho họ bộ đồ tập tu, tức là hai chiếc áo dài không có lúp, một sợi dây thắt lưng, vài chiếc quần ngắn, và một áo choàng dài tới thắt lưng; ⁽¹⁰⁾ trừ ra đôi khi các anh phục vụ xét định thể khác theo ý Thiên Chúa. ⁽¹¹⁾ Hết năm thử luyện, họ sẽ được nhận vào đời sống vâng phục, tuyên hứa luôn luôn tuân giữ đời sống và Bản luật này. ⁽¹²⁾ Từ nay, theo lệnh Đức Thánh cha ²⁴⁵, tuyệt đối họ sẽ không được phép ra khỏi Dòng, ⁽¹³⁾ vì theo lời thánh Phúc âm: “Ai đã tra tay cầm cày mà còn ngoái lại đằng sau thì không thích hợp với Nước Thiên Chúa” (Lc 9,62).

⁽¹⁴⁾ Những ai đã tuyên hứa vâng phục sẽ được một chiếc áo dài có lúp và một chiếc khác không có lúp, nếu họ muốn. ⁽¹⁵⁾ Những ai vì nhu cầu cần thiết, thì có thể đi giày. ⁽¹⁶⁾ Tất cả anh em hãy mặc quần áo thô hèn và có thể lót thêm bằng vải xô hay các mảnh vải khác, và Thiên Chúa sẽ chúc lành cho. ⁽¹⁷⁾ Tôi nhắc nhở và khuyến khích anh em đừng khinh dễ và phê phán những người trang phục xa hoa, sắc sỡ ²⁴⁶ và ăn

²⁴⁵ Hônôriô III, sắc chỉ *Cum secundum consilium*, ban hành ngày 22/11/1220; điều 3 nói: “một khi đã tuyên khấn, không tu sĩ nào cả dám bỏ Dòng của các con”.

²⁴⁶ Trước kia, khi Dòng còn được ít người biết, anh em còn bị chế nhạo, Luật dòng (x. *Lksc* 2,15) khuyên anh em đừng hổ thẹn vì chiếc áo nghèo khó của mình, nhưng nay chiếc áo ấy đã được nhiều người biết

uống cao lương mỹ vị, nhưng tốt hơn, mỗi người hãy tự phê phán và khinh dể chính mình.

Chương III

THẦN VỤ, CHAY TỊNH VÀ CUNG CÁCH ANH EM PHẢI CÓ KHI ĐI RA GIỮA ĐỜI

⁽¹⁾ Các anh em giáo sĩ²⁴⁷ phải cử hành thần vụ theo nghi thức của Hội Thánh Rôma²⁴⁸, trừ tập Thánh vịnh²⁴⁹; ⁽²⁾ do đó, anh em có thể có sách nhật tụng. ⁽³⁾ Còn các anh em giáo dân hãy đọc hai mươi bốn kinh Lạy Cha vào giờ Kinh Khai nhật (*Matutinum*); giờ Kinh Sáng (*Laudes*) năm kinh; giờ thứ Nhất,

và kính trọng, thì lại phải cảnh báo anh em đừng khinh dể những người không mặc chiếc áo ấy!

²⁴⁷ Giáo sĩ và giáo dân trong chương này có nghĩa là những người có học vấn (biết đọc và biết viết), và những người không có học vấn (không biết đọc và không biết viết).

²⁴⁸ Điều này có nghĩa là các anh em giáo sĩ dùng quyển Sách Nhật tụng như Đức Thánh cha. Đây là điều rất mới mẻ; vì vào thời ấy mỗi giáo phận và mỗi Hội dòng có cách cử hành thần tụng riêng. Dần dần với các cuộc truyền giáo của anh em Phan sinh, sự kiện này sẽ giúp thống nhất phụng vụ trong toàn Giáo Hội.

²⁴⁹ Về các Thánh vịnh, các anh em giáo sĩ Phan sinh không dùng bản dịch La ngữ của giáo triều La Mã (*Psalterium romanum*), nhưng một bản dịch khác rất được phổ biến trong các nước Công giáo lúc bấy giờ, nhất là tại Pháp (vì thế có tên là "*Psalterium gallicanum*"): đó là bản dịch phổ thông của thánh Giêrôm (dựa trên bản Hy Lạp mà Origen chuyển đạt).

giờ thứ Ba, giờ thứ Sáu và giờ thứ Chín mỗi giờ bảy kinh; giờ Kinh Chiều mười hai kinh; giờ Kinh Tối bảy kinh. ⁽⁴⁾ Và anh em hãy cầu nguyện cho những người đã qua đời.

⁽⁵⁾ Anh em phải giữ chay từ lễ Các Thánh đến lễ Giáng Sinh. ⁽⁶⁾ Và mùa Chay thánh bắt đầu từ lễ Hiện Linh đến bốn mươi ngày kế tiếp, mà Chúa đã thánh hiến bằng chay tịnh thánh thiện của Người (x. Mt 4,2), anh em nào muốn giữ thì xin Chúa chúc lành cho, anh em nào không muốn thì không buộc. ⁽⁷⁾ Nhưng mùa Chay trước lễ Phục Sinh thì anh em phải giữ. ⁽⁸⁾ Trong những mùa khác, anh em chỉ phải giữ chay ngày thứ Sáu. ⁽⁹⁾ Nhưng khi có sự cần thiết rõ ràng, anh em không buộc phải giữ chay phần xác.

⁽¹⁰⁾ Tôi khuyên bảo, nhắc nhở và khuyến khích các anh em của tôi trong Chúa Giêsu Kitô: khi đi ra giữa đời, thì đừng cãi cọ và tranh luận với lời qua tiếng lại (x. 2 Tm 2,14), cũng đừng xét đoán kẻ khác; ⁽¹¹⁾ nhưng hãy tỏ ra dịu dàng, hiền hòa và từ tốn, khả ái và khiêm nhường, nói năng tử tế với hết mọi người sao cho thích hợp. ⁽¹²⁾ Anh em không được đi ngựa, trừ trường hợp rõ ràng cần thiết hoặc bệnh tật. ⁽¹³⁾ Khi vào nhà nào, trước tiên anh em hãy chào: *"Chúc nhà này được bình an"* (x. Lc 10,5). ⁽¹⁴⁾ Và theo thánh Phúc âm, anh em được phép dùng những thức ăn người ta dọn cho (x. Lc 10,8).

ANH EM KHÔNG ĐƯỢC NHẬN TIỀN BẠC

⁽¹⁾ Tôi mạnh mẽ truyền lệnh cho toàn thể anh em là không được nhận tiền hoặc bạc bằng bất cứ cách nào, do chính mình nhận, hoặc nhờ người trung gian. ⁽²⁾Tuy nhiên, để cung cấp những thứ cần thiết cho anh em đau ốm và để may mặc cho anh em khác, thì chỉ các anh Phục vụ và là những người gìn giữ anh em mới được nhờ cậy các bạn hữu thiêng liêng để ân cần lo liệu, tùy nơi chốn, thời tiết và miền giá lạnh, như các anh ấy nhận thấy là phù hợp với nhu cầu; ⁽³⁾ miễn là luôn giữ điều đã nói, là không được nhận tiền hoặc bạc²⁵⁰.

²⁵⁰ Khi cộng đoàn anh em càng ngày càng trở nên đông đảo thì phải tiêu liệu nhiều điều chứ không thể sống qua ngày như khi mỗi nhóm anh em chỉ là hai, ba người; đằng khác một “người bạn thiêng liêng” không thể lo cho một số đông đảo anh em được, vì thể khoản luật cấm không sử dụng tiền bạc càng ngày càng trở nên khó khăn. Ngay năm 1226, khi thánh Phanxicô còn sống, phái đoàn anh em đi truyền giáo ở Maroc đã được phép sử dụng tiền bạc (x. *Bullarium Franciscanum* I,26).

Chương V

CÁCH THỨC LÀM VIỆC

⁽¹⁾ Những anh em được Chúa ban ơn làm việc, thì hãy làm việc một cách trung tín và nhiệt thành²⁵¹. ⁽²⁾ Như thế, một khi tránh được sự ở nhưng có hại cho linh hồn, họ không dập tắt thần khí cầu nguyện và sốt mến, là đối tượng mà mọi thực tại trần gian khác phải tùy thuộc.

⁽³⁾ Về thù lao công việc, anh em được nhận những gì cần thiết cho đời sống vật chất của mình và của anh em, ngoại trừ tiền và bạc. ⁽⁴⁾ Anh em hãy nhận cách khiêm nhường, như

²⁵¹ *Fideliter et devote*: “*Fideliter*” ngụ ý trung tín với ơn Chúa, Đấng đã kêu gọi anh em vào một nhiệm vụ cụ thể. “*Devote*” trong “Tác phẩm” thường đi kèm với lời cầu nguyện (“sốt sắng cử hành thần tụng”: x. TTD 41; “sốt sắng cầu nguyện cùng Cha cho họ”, tức là cho địch thù: x. KLC 8). Trong thần học cổ điển “*devotio*” được định nghĩa là “ý chí hiến thân mình một cách nhanh chóng vào những gì liên hệ đến việc phụng sự Thiên Chúa” (St. Thomas, *Somme Theologique*, Q. 82, a. 1; x. thêm J. A. Komonchak, edit, *The New Dictionary of Theology*, Minnesota 1987, art. Devotion). Như vậy “*devotio*” không chỉ liên hệ đến việc cầu nguyện, mà là toàn cuộc đời hiến dâng cho Chúa. Câu Luật dòng này muốn dạy anh em phải làm việc trong sự trung tín với ơn Chúa ban và lòng nhiệt thành thực hiện Thánh ý Người.

những tội tở của Thiên Chúa và những người bước theo đức
nghèo rất thánh²⁵².

Chương VI

ANH EM KHÔNG ĐƯỢC CHIẾM HỮU GÌ HẾT; VIỆC ĐI XIN CỦA BỐ THÍ VÀ CÁC ANH EM ĐAU YẾU

⁽¹⁾ Anh em không được chiếm hữu gì hết, nhà cửa, nơi
chỗ hoặc bất cứ của gì. ⁽²⁾ *Như những kẻ lữ hành và khách lạ ở*
đời này (x. 1 Pr 2,11), phụng sự Chúa trong nghèo khó và
khiêm nhường, anh em hãy đi xin của bố thí với lòng tin
tưởng, ⁽³⁾ không được hổ thẹn, vì Chúa đã làm người nghèo
khó ở thế gian này vì chúng ta (x. 2 Cr 8,9). ⁽⁴⁾ Đó chính là bậc
cao nhất của đức nghèo rất cao cả: đức ấy đã đặt anh em,
những anh em rất thân mến của tôi, làm những người thừa
tự và vua Nước Trời, nghèo khó về của cải nhưng cao sang
về nhân đức (x. Gc 2,5). ⁽⁵⁾ Chớ gì đó là *phần gia nghiệp* của
anh em dẫn tới *miền đất dành cho kẻ sống* (x. Tv 141,6). ⁽⁶⁾ Anh
em rất thân mến, anh em hãy hết lòng gắn bó với phần phúc

²⁵² Đức nghèo khó Phan sinh phải được thể hiện ra bên ngoài chủ
yếu bằng *lao động*. Đi hành khất chỉ là luật trừ. Thánh Phanxicô đã nói:
“Khi người ta không trả công, chúng ta hãy chạy đến bàn ăn của Chúa”,
nghĩa là đi hành khất (DC 22). Vì thế chương 5 này nói về “Cách thức
làm việc”; còn việc đi xin của bố thí được đề cập ở chương 6.

ấy và, vì danh Chúa Giêsu Kitô, đừng muốn có của cải gì khác nữa dưới bầu trời.

⁽⁷⁾ Dù ở nơi nào hay gặp nhau ở đâu, anh em hãy tỏ ra là anh em một nhà. ⁽⁸⁾ Người này hãy tin tưởng cho người kia biết nhu cầu của mình, vì nếu một người mẹ nuôi dưỡng và yêu thương đứa con huyết nhục của mình (x. 1 Tx 2,7), thì mỗi người lại phải yêu thương và dưỡng nuôi anh em thiêng liêng mình ân cần hơn là dường nào? ⁽⁹⁾ Nếu ai trong anh em ngã bệnh, các anh em khác phải phục vụ người ấy như mình muốn được phục vụ (x. Mt 7,12)

Chương VII

CÁCH RA VIỆC ĐỀN TỘI CHO NHỮNG ANH EM PHẠM TỘI

⁽¹⁾ Nếu có những anh em, vì Kẻ Thù xúi giục, mà phạm một tội trọng, trong những tội đã qui định giữa anh em là phải chạy đến các anh Tỉnh Phục vụ mà thôi, thì những anh em nói trên phải chạy đến các anh ấy sớm chừng nào hay chừng nấy, không chút trì hoãn.

⁽²⁾ Phần các anh Phục vụ, nếu là linh mục²⁵³, thì hãy ra việc đền tội cho họ với lòng nhân từ; nếu không phải là linh mục thì nhờ các anh em linh mục của Hội dòng ra việc đền

²⁵³ Như vậy chức linh mục không phải là điều kiện để trở thành Tỉnh Phục vụ hay Tổng Phục vụ.

tội cho, như các anh Phục vụ thấy là thích hợp hơn cả, theo ý Thiên Chúa. ⁽³⁾ Các anh Phục vụ phải coi chừng, đừng nóng giận và để mình dao động về tội lỗi kẻ khác, bởi vì sự nóng giận và dao động làm mất lòng yêu mến nơi mình và nơi những người khác²⁵⁴.

Chương VIII

VIỆC BẦU CỬ ANH TỔNG PHỤC VỤ CỦA HUYNH ĐỆ ĐOÀN NÀY VÀ TU NGHỊ DỊP LỄ NGŨ TUẦN

⁽¹⁾ Toàn thể anh em buộc phải luôn luôn có một trong những anh em của Hội dòng làm Tổng Phục vụ và tôi tớ của toàn thể Huynh đệ đoàn, và buộc nhất phải vâng phục anh ấy.

⁽²⁾ Khi anh Tổng Phục vụ qua đời²⁵⁵, các anh Tỉnh Phục vụ và là những người gìn giữ anh em²⁵⁶ phải bầu người kế

²⁵⁴ Chương này có liên hệ mật thiết với chương trước: người anh em có tội cũng là một người anh em đau ốm. Đối với thánh Phanxicô tội lỗi của kẻ khác phải khơi dậy nơi chúng ta một tâm tình mà thôi: đó là tình huynh đệ đích thực: ai tức tối với người anh em có tội, thì chưa có đức nghèo khó nội tâm đích thực (x. *Hn* 11,3).

²⁵⁵ Vào thời này chức vụ của Tổng phục vụ kéo dài suốt đời.

²⁵⁶ “*Ministri et custodi*” ở đây là một kiểu nói lặp (dùng 2 từ cùng một nghĩa) của thánh Phanxicô giống như “*minister et servus*” (người phục vụ và tôi tớ). Vì thế từ “*custos*” trong câu văn này của Bản luật có nghĩa là người gìn giữ anh em (x. *Lksc* 5,1), chưa có nghĩa là “giám hạt”; mãi về sau

nhệm tại Tu nghị dịp lễ Ngũ tuần. Các Tỉnh Phục vụ phải luôn luôn tham dự Tu nghị ấy ở nơi nào tùy Tổng Phục vụ ấn định. ⁽³⁾ Tu nghị này phải được tổ chức ba năm một lần, hay sớm muộn hơn, tùy Tổng Phục vụ sắp đặt.

⁽⁴⁾ Nếu khi nào toàn thể các anh Tỉnh Phục vụ và là những người gìn giữ anh em nhận thấy anh Tổng Phục vụ không đủ khả năng làm tròn bổn phận và mưu ích chung cho anh em, thì các anh ấy là những người có quyền bầu cử, vì danh Chúa, buộc phải bầu người khác làm Tổng Phục vụ.

⁽⁵⁾ Sau cuộc Tu nghị lễ Ngũ tuần, nếu các anh Tỉnh Phục vụ và là người coi sóc anh em muốn và thấy là thích hợp, thì cũng năm ấy, có thể triệu tập anh em trong Tỉnh dòng mình²⁵⁷ về họp Tu nghị một lần.

(rõ ràng là từ 1230) nó mới có nghĩa này, khi Tỉnh dòng trở nên đông đảo và có thể có thêm một *Hạt dòng*, nghĩa là một phần của Tỉnh dòng. Ở cuối câu 4 trong chương này, “*custos*” có nghĩa là Tổng phục vụ. Về các chức vụ: xem thêm ghi chú nơi *Thư gửi một Anh Phục vụ*, Xem: K. Esser, *Origini e valori autentici dell’ Ordine dei Frati Minori*, Milano 1972, tr. 87-88.

²⁵⁷ “*In suis custodiis*”: kiểu nói này ở đây đồng nghĩa với “*in suis provinciis*”, nghĩa là “trong Tỉnh dòng của mình”, x. K. Esser, *Sđđ.*, tr. 101, ghi chú 118.

Chương IX

CÁC ANH EM GIẢNG THUYẾT

⁽¹⁾ Anh em không được giảng trong giáo phận của một giám mục, khi ngài ngăn cấm²⁵⁸. ⁽²⁾ Không ai trong anh em được cả gan giảng cho dân chúng, khi chưa được anh Tổng Phục vụ của Huynh đệ đoàn xem xét, chấp thuận và giao cho nhiệm vụ giảng dạy. ⁽³⁾ Tôi cũng nhắc nhở và khuyến khích các anh em giảng thuyết hãy dùng lời lẽ cân nhắc và thanh nhã (x. *Tv* 11,7; 17,31), để giúp ích và xây dựng cho dân chúng; ⁽⁴⁾ lấy *lời vắn tắt*²⁵⁹ mà nói cho họ về các tội xấu

²⁵⁸ Đức Giáo hoàng Innoxiê III đã cho phép Phanxicô và anh em “đi rao giảng sự thống hối cho mọi người” (1 *Cel* 33). Vào thời ấy đó là một ân huệ đặc biệt của Đức Thánh cha. Nhiều vị giám mục không đồng ý (2 *Cel* 147). Vì thế thánh nhân không muốn anh em dùng quyền Đức Thánh cha ban, nếu các giám mục không đồng ý. Về sau thánh nhân còn đi xa hơn: ngay cả khi một cha xứ từ chối, thì ngài cũng không giảng (DC 7). Đối với Phanxicô ý của các ngài là ý của Chúa! Một vài anh em đã không theo chỉ thị đó, nên thánh nhân đã nhắc nhở họ một cách cặn kẽ (x. 2 *Cel* 146).

²⁵⁹ *Brevitate sermonis* (“lời vắn tắt”): cũng có thể được hiểu là *lời lẽ khiêm tốn*, dựa theo ý nghĩa của “Lời vắn tắt” (*Verbum abbreviatum*) trong phần sau của câu văn: xem hai chú thích sau.

và các nhân đức, hình phạt và vinh quang, vì Thiên Chúa²⁶⁰ đã phán ra Lời vẫn tắt²⁶¹ trên trần gian (x. Rm 9,28).

²⁶⁰ Trong câu nói của thánh Phaolô (mà thánh Phanxicô trích ở đây), từ *Dominus* chỉ Thiên Chúa, tức Chúa Cha. Trong bài giảng của mình, thánh Bênadô giải thích rõ là Thiên Chúa Cha (sẽ trích dịch ở chú thích sau). “Thiên Chúa đã phán Lời vẫn tắt trên trần gian” có nghĩa là Chúa Cha đã ban cho trần gian Con Một của Người là Ngôi Lời, Đấng đã nhập thể và sống ở trần gian một cuộc đời nghèo khó và khiêm hạ.

²⁶¹ *Verbum abbreviatum* (dịch sát: lời vẫn tắt) ở đây có nghĩa là Ngôi Lời nhập thể bé mọn. Thực ra thánh Giêrôm đã dùng kiểu nói Latinh này để dịch một từ Do Thái (*haratz*) trong Is 10,22-23 có nghĩa là “phán quyết” (lời mà Thiên Chúa đã “cắt”). Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Rôma (9,28) trích câu nói của Isaia theo nghĩa đó: “*Quia verbum brevium faciet Dominus super terram*” (vì Thiên Chúa sẽ thực hiện lời đã phán quyết trên trần gian). Xét về hình thức thì thánh Phanxicô đã trích nguyên văn câu nói của thánh Phaolô, chỉ khác ở một điểm là từ “*faciet*” ở thì tương lai (sẽ làm) đã được đổi sang thì quá khứ “*fecit*” (đã làm): việc thay đổi này có ý nghĩa, vì kiểu nói “*verbum abbreviatum*” nay không còn mang ý nghĩa như trong Isaia nữa. Để hiểu kiểu nói “*verbum abbreviatum*” ở đây, ta cần chú ý tới bối cảnh văn hóa của thời đại: trong suốt thời Trung cổ kiểu nói trên đã được các giáo phụ và văn sĩ của Giáo Hội giải thích theo nhiều nghĩa: 1. Tin Mừng của Chúa Giêsu là bản tóm tắt của Luật cũ, đặc biệt điều răn bác ái là bản tóm tắt của mọi giới răn; 2. Kinh Lạy Cha, bản tóm tắt của mọi lời kinh (hai ý trên: Origen, Tertulianô, Euxêbiô, Âutinh, Xiprianô...); 3. Ngôi Lời nhập thể nhỏ bé, khiêm hạ (Anaclet, Giêrôm, Bênadô); 4. Ngôi Lời có cuộc sống vẫn vợi ở trần gian (Haymon d’Aberstad, Bonaventura; x. E. Bihel, *Deux citations bibliques de Saint Francois*, trong báo “France Franciscaine XII, 1929, tr. 529-539). Vì thánh Phanxicô thường hiểu Kinh Thánh qua lời giảng dạy của các giáo sĩ, nên ta có thể nghĩ là ngài đã hiểu “*Verbum abbreviatum*” không phải theo nghĩa đen

VIỆC KHUYÊN BẢO VÀ SỬA DẠY ANH EM

⁽¹⁾ Các anh Phục vụ và tôi tớ của các anh em khác, hãy thăm viếng và nhắc nhở anh em mình, sửa dạy họ với lòng khiêm nhường và bác ái, đừng truyền điều gì ngược với linh hồn họ²⁶² và Luật dòng chúng ta. ⁽²⁾ Các anh em dưới quyền hãy nhớ rằng vì Thiên Chúa, mình đã từ bỏ ý riêng. ⁽³⁾ Vì thế,

(lời lẽ ngắn ngủi), nhưng theo nghĩa mà thánh Bênadô và các nhà giảng thuyết khác đã giải thích và phổ biến trong thế kỷ XII, tức là *Ngôi Lời nhập thể bé mọn*. Trong một bài giảng dịp lễ Giáng Sinh, Thánh Bênadô nói: “Chẳng lạ lùng gì nếu chúng tôi giảng vắn tắt, vì Thiên Chúa Cha đã nói Lời vắn tắt (*Verbum abbreviatum*). Các bạn có muốn biết Lời mà Người đã phán dài thế nào và vắn thế nào không? Lời ấy nói: “Ta lấp đầy trời và đất”, tuy nhiên bây giờ thì “Lời đã trở thành xác phàm” và được đặt trong một máng cỏ nhỏ bé” (được trích trong quyển sách của Michael W. Blastic & Jay M. Hammond & J. A. Wayne, editors, *Studies in Franciscan Sources*, vol. 2: The Writings of Francis of Assisi: Rules, Testament and Admonitions, Ashland. Ohio, USA, 2011, tr. 189). Như vậy đối với Phanxicô mẫu gương cho những anh em đi giảng là *Ngôi Lời nhập thể bé mọn* mà Chúa Cha đã ban cho trần gian; do đó các từ “*brevitate sermonis*” trong phần đầu của câu văn không chỉ có nghĩa đen là lời lẽ ngắn ngủi, nhưng sâu xa hơn, đó là “lời lẽ khiêm tốn”.

²⁶² Thánh Phanxicô rất quan tâm tới “sự linh hứng của Chúa” trong lương tâm mỗi người anh em (x. *Lksc* 5,6; *Lsc* 2,7; 7,2.v.v.) Vì thế Luật dòng nêu ra rất nhiều luật trừ: đó là một nét độc đáo trong Luật dòng của thánh Phanxicô. Điều quan trọng đối với thánh nhân là bề trên và bề dưới phải tuân theo Thánh ý Chúa: đó mới chính là sự vâng lời đích thực (x. K. Esser, *Thèmes spirituels*, Paris 1958, tr. 114-118).

tôi buộc nhật anh em phải vâng lời các anh Phục vụ trong tất cả những điều đã hứa với Chúa sẽ tuân giữ và những điều không nghịch với linh hồn mình cũng như với Luật dòng chúng ta.

⁽⁴⁾ Bất cứ ở đâu, nếu anh em nào biết và nhận thấy mình không thể tuân giữ Luật dòng một cách thiêng liêng²⁶³, thì có bốn phận và có thể chạy tới các anh Phục vụ của mình. ⁽⁵⁾ Phần các anh Phục vụ, hãy tiếp đón họ cách nhân hậu và dịu dàng, phải tỏ ra thân mật sao cho họ có thể nói năng và cư xử với các anh như chủ đối với tôi tớ. ⁽⁶⁾ Quả thật phải như thế, vì các anh Phục vụ là những người tôi tớ của toàn thể anh em.

⁽⁷⁾ Tôi nhắc nhở và khuyến khích anh em nhân danh Chúa Giêsu Kitô, hãy tránh mọi hình thức kiêu ngạo, hư danh, ganh tị, *tham lam* (x. Lc 12,15), bận tâm và lo lắng về đời này (x. Mt 13,22), gièm pha và lắm bầm. Ai không biết chữ thì đừng chăm lo học hành²⁶⁴; ⁽⁸⁾ nhưng hãy chăm lo điều này là, trên hết mọi sự, phải ao ước được Thần Khí Chúa ở

²⁶³ *Spiritualiter*: “một cách thiêng liêng” ở đây có nghĩa theo đúng lương tâm mình, x. Th. Desbonnets, *De l'intuition à l'ititution*, EF, Paris 1983, tr. 98.

²⁶⁴ Vào thời những anh em tiên khởi học hành là con đường duy nhất để nhanh chóng được thăng tiến trong xã hội. Nhiều người lo lắng học hành, kể cả học thần học “để được xem là khôn ngoan hơn người khác và để có thể kiểm được nhiều của cải...” (Hn 7,2). Thánh Phanxicô đổi lập việc học hành theo tinh thần thể tục đó với việc học hành nhằm mục đích tôn vinh Thiên Chúa (x. Hn 7,4).

lại ²⁶⁵ và tác động cách thánh thiện nơi mình, ⁽⁹⁾ cầu nguyện cùng Người luôn luôn với tâm hồn trong sạch, sống khiêm nhường, nhẫn nhục khi bị bách hại và đau ốm, ⁽¹⁰⁾ yêu mến những kẻ bách hại, khiển trách và buộc tội chúng ta, vì Chúa đã nói: “*Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi và vu khống anh em*” (x. Mt 5,44). ⁽¹¹⁾ “*Phúc thay ai chịu đựng sự*

²⁶⁵ *Habere spiritum Domini et sanctam ejus operationem. Spiritus Domini* có hai nghĩa: 1. *Tinh thần, khí lực* của Chúa (kiểu như tinh thần Phúc âm, tinh thần cầu nguyện và sốt mến v.v.). “Nhóm tu sĩ Phan sinh” trong quyển *Bút Tích Thánh Phanxicô* (1975) đã hiểu *spiritum Domini* theo nghĩa này “Anh em phải ao ước có được tinh thần của Chúa và tác động thánh của *nó* (chúng tôi đã sửa từ “Người” thành từ “nó” cho hợp với từ “*ejus*”: tác động của tinh thần ấy). Nhiều bản dịch Pháp văn cũng theo hướng này khi dịch *spiritum Domini* là “*l’esprit (viết nhỏ) du Seigneur*”; bản dịch của nhóm học giả Hoa Kỳ: *The Spirit of the Lord and Its holy activity*; 2. *Ngôi vị Chúa Thánh Thần: Spiritus* (viết hoa trong trường hợp này) có thể được hiểu không phải như khí lực thần linh, nhưng như Thánh Khí, một ngôi vị trong Ba Ngôi. Chúng tôi chọn theo nghĩa thứ hai này, vì nhận thấy điều mà thánh Phanxicô ao ước trên hết mọi sự là được Chúa “đến và ở lại” với mình và với anh em (Lksc 22,27-40). Vì thế kiểu dịch sát mặt chữ: phải ao ước “*có được Thần Khí Chúa và tác động thánh của Người*” sẽ không thích hợp, vì có thể gây hiểu sai lạc là con người có thể chiếm hữu và sở hữu Chúa Thánh Thần như một thứ của cải. Từ “*ở lại*” mà chúng tôi dùng ngụ ý một sự hiện diện bền vững của Chúa Thánh Thần trong lòng người tín hữu (*habitaculum et mansionem*, TTh II,48; Hn 1,12); thánh Phanxicô mời gọi anh em hãy lấy lòng mình làm “*nơi cư ngụ*” và “*nơi Chúa ở lại*” (x. Lksc 22, 27; Ga 14,23). “*Được Thần Khí Chúa ở lại*” là một ân huệ cao trọng mà Chúa Cha ban cho những ai cầu xin Người (Lc 11,13).

bách hại vì sự công chính, vì Nước Trời là của họ” (Mt 5,10). “Ai bền chí đến cùng, sẽ được cứu độ” (Mt 10,22).

Chương XI

ANH EM KHÔNG ĐƯỢC VÀO CÁC NỮ ĐAN VIỆN

⁽¹⁾ Tôi mạnh mẽ truyền lệnh cho toàn thể anh em không được giao thiệp hay chuyện trò cách khả nghi với phụ nữ, ⁽²⁾ và vào các nữ đan viện²⁶⁶, ngoại trừ những người được Tòa Thánh ban phép đặc biệt. ⁽³⁾ Anh em cũng không được đỡ đầu cho ai, nam cũng như nữ, kéo nhân dịp ấy sinh ra có vấp phạm giữa anh em hay liên hệ đến anh em.

²⁶⁶ Dòng Citeaux và Prémontré đã có những khoản luật theo hướng này. Lý do là vào thời Trung cổ nhiều đan viện nữ hoặc cộng đoàn các nữ tu muốn được liên kết với các đan viện nam để được hưởng sự giúp đỡ về vật chất cũng như tinh thần. Chính thánh Phanxicô cũng đã hứa là ngài và anh em ngài “sẽ ân cần săn sóc và đặc biệt lo lắng” cho các chị em của thánh Clara (x. *LCl* 2). Nhưng khi có nhiều cộng đoàn nữ xin được liên kết với Dòng Anh Em Hèn Mọn, thì thánh Phanxicô phản đối kịch liệt sự phát triển tập tục này. Chương XI nằm trong bối cảnh đó. Tuy nhiên ngài đành chấp nhận ý muốn của Giáo Hội là đã đặt nhiều đan viện nữ dưới quyền săn sóc của các Anh Em Hèn Mọn. Vì thế ngài phải thêm câu: “trừ những người được Tòa Thánh ban phép đặc biệt” (x. thêm 2 *Cel* 205).

NHỮNG ANH EM ĐẾN VỚI NGƯỜI HỒI GIÁO VÀ CÁC DÂN NGOẠI KHÁC

(1) Tất cả những ai trong anh em được Chúa linh hứng, muốn đến với những người Hồi giáo²⁶⁷ và những dân ngoại khác, hãy xin phép anh Tỉnh Phục vụ của mình. (2) Phần các anh Phục vụ chỉ cho phép những ai các anh thấy là có đủ khả năng²⁶⁸.

(3) Để thực hiện những điều này²⁶⁹, nhân danh đức vâng lời, tôi buộc các anh Phục vụ phải xin Đức Giáo hoàng một vị Hồng y của Hội Thánh Rôma làm người cai quản, bảo trợ và sửa dạy Huynh đệ đoàn này²⁷⁰, (4) để luôn luôn phục tùng

²⁶⁷ Tiếng Latinh “*Saraceni*” phiên âm từ tiếng Ả-rập “*charqiyin*” = “những người phương Đông”: đó là tiếng người châu Âu thời Trung cổ dùng để chỉ những người Hồi giáo.

²⁶⁸ Luật dòng thánh Phanxicô là Luật dòng đầu tiên trong lịch sử Giáo Hội bàn đến việc gửi anh em đi truyền giáo nơi các dân ngoại. Khoản luật này chủ yếu nêu lên trách nhiệm của các anh Phục vụ. Trong Lksc (chương XVI) Phanxicô đã gửi gắm cho anh em những lời khuyên liên hệ đến phương pháp truyền giáo.

²⁶⁹ *Ad haec*: “những điều này” chỉ toàn Bản luật.

²⁷⁰ Đức Hồng y bảo trợ là dấu chỉ cho tính công giáo của Hội dòng (x. 2 Cel 24-25). Như vậy quyền hành tối thượng trên Hội dòng nằm trong tay vị đại diện Đức Giáo hoàng, chứ không phải một anh em nào trong Dòng. Những người có trách nhiệm đối với anh em là những người “phục vụ và tôi tớ”.

và quì gối dưới chân Hội Thánh, *bền đỗ trong đức tin* công giáo (x. Cl 1,23), chúng ta tuân giữ sự nghèo khó, khiêm nhường và thánh Phúc âm của Chúa Giêsu Kitô như chúng ta đã quyết tâm thề hứa²⁷¹.

[Vậy, không một ai được phép vi phạm hay cả gan chống lại văn thư xác nhận này của Ta. Nếu ai dám làm như thế, thì hãy biết rằng mình sẽ chuốc lấy cơn thịnh nộ của Thiên Chúa toàn năng và của các thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô.

Ban hành tại Latêranô ngày 29 tháng 11, năm thứ tám sứ vụ Giáo hoàng của Ta²⁷²].

²⁷¹ Phần kết của Bản luật nhắc lại hai nguyên tắc cơ bản của đời sống phan sinh: đó là bước theo Chúa Kitô nghèo khó và khiêm nhường như Phúc âm dạy; và hoàn toàn tuân phục Hội Thánh Công giáo La Mã.

²⁷² Hônôriô III được bầu chọn làm Giáo hoàng ngày 18/7/1216. Như vậy sắc chỉ *Solet annuere* được ban hành ngày 29/11/1223.

LUẬT SỐNG TRONG CÁC ẨN VIỆN²⁷³

Bản văn ngắn ngủi này có tính cách hướng dẫn và thường được gọi là: “Đời sống tu hành trong cô tịch”. Đây là một chứng từ rạn vỡ về đời sống Anh Em Hèn Mọn thời nguyên thủy.

Trong bản văn này thánh Phanxicô để lại một lối sống hay là một qui luật đặc biệt bổ túc cho Bản luật của toàn Dòng, dành cho những anh em muốn sống cuộc đời hoàn toàn chiêm niệm, xa mọi huyên náo của trần thế. Bởi thế, bản văn này có thể được gọi một cách hợp lý là “Luật sống trong các ẩn viện”. Một đầu đề như thế sẽ làm nổi bật hơn sắc thái độc đáo của bản văn.

Đa số các bộ sưu tập đều đặt di cảo này trong phần các Huấn ngôn, thậm chí vào chỗ cuối. Và bởi vì nó được xem như một thành phần của tập Huấn ngôn nên các bản sao có ghi chép di cảo này rất nhiều. Chỉ có bốn bản tách nó ra khỏi phần các Huấn ngôn: điều này cho thấy là khi Hội dòng biến chuyển theo chiều hướng đan tu, thì di cảo này không còn được quan tâm cho lắm. Một vài bản sao không có câu cuối cùng (tức là câu 10). Tuy nhiên bài trình thuật của anh Tôma Cêlanô (x. 2 Cel 178) cũng đủ để chứng minh tính xác thực của câu ấy.

Về thời gian sáng tác thì việc nhắc tới “anh phục vụ” cho phép ta đặt bản văn sau năm 1217 là thời điểm chức vụ ấy được đặt ra

²⁷³ Đầu đề bằng La ngữ: *Regula pro eremitoriis*, x. *SCRIPTA*, tr. 344.

giữa anh em, và trước Bản luật không sắc chỉ (1221) trong đó các anh em sống “trong ẩn viện” được nhắc tới một cách rõ ràng (Lksc 7,13).

BẢN VĂN

(¹) Những anh em nào muốn sống²⁷⁴ đời tu hành trong các ẩn viện, thì hãy ở với nhau thành nhóm ba hay bốn người là nhiều nhất: trong số đó hai người làm mẹ và có hai hay ít nhất một người làm con. (²) Hai người mẹ hãy theo cuộc sống của chị Mácta; hai người con theo cuộc sống chị Maria (x. Lc 10,38-42) và ở trong nội cấm²⁷⁵, mỗi người có phòng riêng để cầu nguyện và ngủ nghỉ.

(³) Họ hãy luôn luôn đọc Kinh Tối hằng ngày ngay sau khi mặt trời lặn; hãy cố gắng giữ thinh lặng và đọc các giờ kinh; hãy thức dậy để đọc Kinh Khai nhật²⁷⁶, và “trước hết hãy lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người” (Mt 6,33). (⁴) Vào giờ thích hợp, họ đọc kinh giờ Nhất. Sau kinh giờ Ba, họ hết phải giữ thinh lặng, có thể nói chuyện và đi

²⁷⁴ Khó mà xác định nghĩa của tiếng “stare” (lưu lại) ở đây: nó chỉ một sự “ở lại” lâu dài hoặc là tạm thời. Vì thế việc “sống trong ẩn viện” trong bản văn này có thể được giải thích như một ơn gọi sống vĩnh viễn trong đó, hoặc như một thời gian tĩnh tâm có giới hạn.

²⁷⁵ *Clastrum* (nội cấm) ở đây không phải là phần nhà xây riêng biệt như trong các đan viện, nhưng chỉ là một khoảnh đất xa đường đi lại, có hàng rào vây quanh để tạo nên một khoảng không gian yên tĩnh.

²⁷⁶ Kinh *Matutinum*: giờ kinh đầu tiên trong ngày, đọc trước lúc mặt trời mọc.

gặp mẹ. ⁽⁵⁾ Khi nào muốn, họ được phép xin mẹ của bố thí như những người nghèo hèn mọn, vì lòng mến Chúa. ⁽⁶⁾ Sau đó, họ hãy đọc kinh giờ Sáu và giờ Chín, và đọc Kinh Chiều vào giờ thích hợp. ⁽⁷⁾ Trong nội cấm là nơi họ ở, họ không được cho ai vào và cũng không được ăn uống tại đó.

⁽⁸⁾ Phần những anh làm mẹ, hãy cố gắng sống xa cách mọi người, và vì lòng tuân phục đối với anh Phục vụ, hãy gìn giữ các con của mình tránh xa mọi người, để đừng ai có thể nói chuyện với các người con.

⁽⁹⁾ Các người con thì không được nói năng với ai, ngoại trừ với các người mẹ, với anh Phục vụ và là người coi sóc mình, khi anh ấy, với phép lành của Thiên Chúa, muốn tới thăm viếng.

⁽¹⁰⁾ Những anh làm con thỉnh thoảng theo phiên đảm nhận nhiệm vụ làm mẹ một thời gian, như đã xếp đặt với nhau trước. Anh em phải cố gắng tuân giữ cẩn thận và nhiệt thành tất cả các điều nói trên.

CÁC HUẤN NGÔN²⁷⁷

Các anh em thời đầu đã quan tâm truyền đạt lại không những là các bản văn chính thức mà thánh Phanxicô đã “nhờ viết ra”, như Bản luật có sắc chỉ và bản Di chúc, mà còn nhiều câu nói (“detti”) của người nữa. Họ đã trích dẫn và đưa chúng vào trong các truyện ký của họ, hoặc đã thu thập và làm thành những tập riêng gồm những lời khuyên răn hoặc các suy tư của thánh nhân: đó là nguồn gốc ra đời của bộ sưu tập các Huấn ngôn.

Các Huấn ngôn là những viên ngọc quý báu chỉ dẫn cho anh em con đường khôn ngoan thiêng liêng. Để tìm hiểu đạo lý và đời sống Anh Em Hèn Mọn, thì đó là một kho tàng vô giá. Chúng đích thực là tinh hoa của tinh thần nghèo khó và bởi thế, đó là tinh hoa của Dòng Anh Em Hèn Mọn.

Trong các bản sao được lưu truyền, chúng ta gặp thấy rất nhiều đầu đề cho sưu tập này. Sau đây là vài ví dụ:

* Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen. Đây là những lời thánh thiện mà người cha đáng kính của chúng ta, thánh Phanxicô, đã nói để khuyên bảo toàn thể anh em.

* Khởi đầu lời khuyên bảo mà thánh Phanxicô đã nói với anh em để đạt tới đỉnh cao của sự trọn lành đích thực.

* Đây là những lời thánh Phanxicô nói với anh em theo lệnh của Chúa.

²⁷⁷ Đầu đề bằng La ngữ: *Admonitiones*, x. *SCRIPTA*, tr. 346.

Qua các đầu đề ấy người ta nhận thấy những người sao chép đều khẳng định chính Thánh Phanxicô là tác giả của các Huấn ngôn; các bản văn đều dùng các từ “dicta” và “verba” (“những câu nói” và “những diễn từ”), điều này ngụ ý bản văn chỉ nhằm chuyển đạt những lời lẽ của thánh Phanxicô. Như vậy hình thức ban đầu của các Huấn ngôn là những lời khuyên bảo, nhắc nhở và răn dạy (đó là ý nghĩa của từ Latinh “monere”) của thánh nhân, được phát biểu trong những tu nghị hoặc những cuộc hội họp khác của anh em. Sau đó các thư ký ghi chép lại và mặc cho chúng một hình thái văn chương gọn gàng và trôi chảy hơn. Các anh em tiên khởi khẳng định là thánh Phanxicô đã ban cho anh em “những Huấn ngôn, những lời răn dạy và những mệnh lệnh, như người thấy là thích hợp, sau khi đã thỉnh ý Chúa”²⁷⁸. Kiểu nói “thỉnh ý Chúa” ám chỉ rằng thánh Phanxicô đã lắng nghe Lời Chúa trong cầu nguyện trước khi dạy bảo anh em: các Huấn ngôn I-IX bắt đầu bằng một câu hay một sự kiện rút ra từ Kinh Thánh; các Huấn ngôn XIII-XXVIII là những suy tư về các mối phúc. Chính là dưới ánh sáng Lời Chúa mà thánh nhân vạch ra cho anh em thấy những cách suy nghĩ và hành động của kẻ sống theo tính “xác thịt” thì khác với cách suy nghĩ và hành động của người tôi tớ Chúa được Thánh Khí hướng dẫn.

Theo các sử gia thì các Huấn ngôn ra đời từ những năm đầu tiên của huynh đệ đoàn cho tới cuối đời thánh Phanxicô. Một vài học giả nhận thấy đa số các Huấn ngôn phản ánh một bản lãnh

²⁷⁸ KDPêr 37,3. Bản dịch Pháp ngữ “Du commencement de l’Ordre”, trong J. Dalarun, edit, Francois d’Assise, Paris 2010, I, tr. 1019.

thiên lương rất chín chắn, nên lại cho rằng các tác phẩm này ra đời sau khi thánh Phanxicô đã thực hiện cuộc hành trình truyền giáo bên Ai Cập (1219-1220), hoặc rõ hơn nữa là trong quãng thời gian từ Bản luật có sắc chỉ (1223) tới cuối đời thánh nhân (1226). Trong lúc Bản luật trình bày đời sống hoán cải của anh em với lời lẽ nhiều khi rất cô đọng, các Huấn ngôn trình bày một cách cụ thể và sống động hơn. Vì thế theo cha K. Esser thì chúng ta phải dựa trên các Huấn ngôn để hiểu và khai triển các câu nói trong Luật dòng.

1. MÌNH CHÚA²⁷⁹

⁽¹⁾ Chúa Giêsu nói với các môn đệ: “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống; không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Thầy. ⁽²⁾ Nếu anh em biết Thầy, anh em cũng biết Cha Thầy. Ngay từ bây giờ anh em biết Người và đã thấy Người. ⁽³⁾ Ông Philípphê nói với Người: “Thưa Thầy, xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là chúng con mãn nguyện”. ⁽⁴⁾ Đức Giêsu trả lời: “Thầy ở với anh em bấy lâu, thế mà anh em chưa biết Thầy ư? Anh Philípphê, ai thấy Thầy là thấy Cha Thầy” (Ga 14,6-9).

⁽⁵⁾ Chúa Cha ngự trong ánh sáng siêu phàm (x. 1 Tm 6,16), và Thiên Chúa là thần khí (Ga 4,24), và không ai đã thấy Thiên Chúa bao giờ (Ga 1,18). ⁽⁶⁾ Vì thế người ta chỉ có thể thấy được Người

²⁷⁹ Đầu đề các Huấn ngôn đã có trong bản sao 338 Assisi: cha K. Esser và cha C. Paolazzi lấy lại nguyên như vậy.

nhờ Thánh Khí²⁸⁰, vì Thánh Khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì (Ga 6,63).⁽⁷⁾ Phần Chúa Con, vì Người ngang hàng với Chúa Cha, nên không ai có thể nhìn thấy Người theo một cách khác với cách nhìn Chúa Cha và khác với cách nhìn Chúa Thánh Thần²⁸¹.

⁽⁸⁾Do đó, tất cả những ai chỉ nhìn Chúa Giêsu theo con mắt loài người²⁸², chứ không theo Thánh Khí mà nhìn và tin nhận thần tính của Người: Người là Con thật của Thiên Chúa²⁸³, đều bị luận phạt. ⁽⁹⁾Cũng vậy, tất cả những ai nhìn Bí tích do Lời Chúa thánh hóa trên bàn thờ, bởi tay linh mục, dưới hình bánh và hình rượu, mà không theo Thánh Khí mà nhìn và tin đó đích thực là Mình và Máu cực thánh của Đức

²⁸⁰ *In spiritu*: cũng có thể hiểu nhờ thần khí của con người. Ở đây chúng tôi hiểu là Thần Khí của Chúa, được gọi là Thánh Khí.

²⁸¹ Ý nghĩa: người ta phải nhờ Thánh Khí mới nhìn thấy Chúa Cha, thì cũng phải nhờ Thánh Khí mới nhìn thấy Chúa Con.

²⁸² Dịch sát: “*Nhìn Chúa Giêsu theo nhân tính*”: cái nhìn theo thể lý mà không có đức tin thì chỉ thấy Đức Giêsu là một con người thôi.

²⁸³ Kiểu nói rất cô đọng: “*nhìn và tin theo Thánh Khí và thần tính*” (được nhắc lại ở câu 9) ngụ ý Thánh Khí soi dẫn đức tin và giúp con người nhận ra thần tính của Đức Giêsu (và của Bí tích Thánh Thể); cái nhìn này làm cho con người nhận biết Đức Giêsu là Con Thiên Chúa (và sự hiện diện của Người trong Bí tích Thánh Thể). Thánh Phanxicô đối lập “nhìn theo nhân tính” (câu 8) và “nhìn và tin theo Thánh Khí và thần tính”: đó là hai cách người ta nhìn về Đức Giêsu Kitô ngày xưa và về Bí tích Thánh Thể ngày nay.

Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đều bị luận phạt. ⁽¹⁰⁾ Chính Đấng Tối cao đã chứng thực khi nói rằng: “*Đây là Minh Ta và Máu giao ước mới của Ta, [sẽ đổ ra vì muôn người]*” (x. Mc 14,22.24).

⁽¹¹⁾ Và: “*Ai ăn Thịt Ta và uống Máu Ta, sẽ được sống muôn đời*” (x. Ga 6,54). ⁽¹²⁾ Bởi thế, chính Thánh Khí của Chúa đang cư ngụ trong các tín hữu tiếp rước Minh và Máu cực thánh Chúa. ⁽¹³⁾ Còn tất cả những ai không dự phần với ²⁸⁴ cùng một Thánh Khí ấy mà dám rước Chúa, là ăn và uống lấy án phạt cho mình (x. 1 Cr 11,29).

⁽¹⁴⁾ Vậy hỏi con cái loài người, cho đến bao giờ lòng vẫn còn chai đá? (Tv 4,3). ⁽¹⁵⁾ Tại sao không nhận biết sự thật và tin vào Con Thiên Chúa? (x. Ga 9,35). ⁽¹⁶⁾ Nay đây hằng ngày Người hạ mình xuống (x. Pl 2,8) như xưa Người rời ngai báu (x. Kn 18,15) mà đến trong lòng Đức Trinh nữ. ⁽¹⁷⁾ Hằng ngày chính Người đến với chúng ta dưới một hình thức khiêm hạ. ⁽¹⁸⁾ Hằng ngày Người rời cung lòng Chúa Cha (x. Ga 1,18) để ngự xuống trên bàn thờ, trong tay linh mục. ⁽¹⁹⁾ Và cũng như xưa Người tỏ mình ra cho các thánh Tông đồ trong một thân xác đích thực thể nào, thì ngày nay Người cũng tỏ mình ra cho chúng ta trong Bánh thánh theo một cách thức như thế. ⁽²⁰⁾ Cũng như xưa, *con mắt xác thịt* của các Tông đồ chỉ trông thấy thân xác của Người, nhưng các ngài tin rằng Người là Thiên Chúa, vì các ngài chiêm ngắm Người với *con mắt thiêng liêng*, ⁽²¹⁾ ngày nay cũng vậy, khi *con mắt xác thịt* của chúng ta

²⁸⁴ *Habent de Spiritu*: dự phần, thông hiệp với Thần Khí Chúa. Kiểu nói này còn xuất hiện trong Hn 12.

trông thấy bánh và rượu, chúng ta hãy nhìn và tin vững vàng đó là Minh và Máu cực thánh, hằng sống và chân thật của Người²⁸⁵.⁽²²⁾ Đó là phương cách Chúa dùng để ở mãi với các tín hữu của Người như chính Người đã nói: *“Này đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”* (x. Mt 28,20).

2. TAI HỌA GIỮ Ý RIÊNG

⁽¹⁾ Chúa đã nói với Adam: *“Người cứ ăn mọi cây cối trong vườn, nhưng cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn”* (x. St 2,16-17). ⁽²⁾ Adam đã có thể ăn mọi trái cây trong vườn địa đàng, bởi vì, bao lâu không đi ngược với lệnh truyền thì ông không phạm tội.

⁽³⁾ Người ăn trái cây cho biết điều thiện là người giữ lấy ý riêng mình và đề cao mình lên về các điều thiện hảo Chúa nói và làm nơi mình; ⁽⁴⁾ và như vậy, do đã nghe ma quỷ xúi giục và vi phạm lệnh Chúa, trái đó trở thành cho họ trái biết điều ác. ⁽⁵⁾ Bởi vậy, họ phải gánh chịu án phạt.

²⁸⁵ Trong hai câu trên thánh Phanxicô đối lập *con mắt xác thịt* (intuitu carnis, oculis corporeis), tức là con mắt thể lý tự nhiên với *con mắt thiêng liêng* (oculis spiritualibus), nghĩa là con mắt được Chúa Thánh Thần soi dẫn.

3. ĐỨC VÂNG PHỤC TRỌN HẢO

⁽¹⁾ Chúa nói trong Tin Mừng: “Ai không từ bỏ hết những gì mình có thì không thể làm môn đệ tôi được” (x. Lc 14,33). ⁽²⁾ Và: “Ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất” (x. Lc 9,24).

⁽³⁾ Người từ bỏ hết những gì mình có và chịu mất linh hồn và thân xác mình là người phó thác toàn thân trong tay bề trên ²⁸⁶ để sống tuân phục. ⁽⁴⁾ Người ấy làm hay nói bất cứ điều gì mà biết là không trái ý bề trên, miễn là điều tốt, thì vẫn sống trong đức tuân phục đích thực.

⁽⁵⁾ Nếu bề dưới thấy có những điều tốt và ích lợi cho mình hơn những điều bề trên truyền dạy, thì hãy sẵn sàng hiến dâng cho Chúa những điều ấy và hăng hái thực hiện ý bề trên. ⁽⁶⁾ Đó là đức vâng phục vì đức mến (x. 1 Pr 1,22), làm đẹp lòng Thiên Chúa và đẹp lòng tha nhân nữa.

⁽⁷⁾ Nhưng nếu bề trên truyền dạy bề dưới điều gì ngược với linh hồn mình, thì người ấy tuy được phép không vâng lời, nhưng cũng đừng lìa bỏ bề trên. ⁽⁸⁾ Nếu vì thế mà bị

²⁸⁶ “*Praelatus*” : Từ này rất thông dụng trong thời Trung cổ để chỉ người đứng đầu một cộng đoàn tu sĩ. Cặp đôi “*praelatus- subditus*” (bề trên-bề dưới) diễn tả một cách rõ ràng tương quan tuân phục trong đời sống tu hành cổ truyền. Thánh Phanxicô ít dùng kiểu nói này. Điều lạ lùng là khi phải dùng cặp đôi từ ngữ này, thì ngài thường thêm từ “anh”: “anh bề trên – anh bề dưới” (*frater praelatus- frater subditus*; x. 1 Cel 45), để ngụ ý bề trên và bề dưới trước hết là anh em với nhau; chức vụ không được thay đổi tương quan cơ bản ấy.

những người khác bách hại, người ấy hãy vì Thiên Chúa mà yêu thương họ hơn nữa. ⁽⁹⁾ Thật vậy, ai thù chịu bách hại hơn là lia bỏ anh em mình, người ấy đích thực sống trong đức tuân phục trọn hảo vì đã hy sinh *mạng sống mình* cho anh em. (x. Ga 15,13). ⁽¹⁰⁾ Nhiều tu sĩ lấy cố mình thấy được những điều tốt hơn các điều bề trên truyền dạy, nên *ngoảnh mặt lại đằng sau* (x. Lc 9,62) và quay về với *cái họ đã rời ra* là ý riêng mình (x. Cn 26,11; 2 Pr 2,22). ⁽¹¹⁾ Họ là những kẻ sát nhân, vì gương xấu họ làm hư mất nhiều linh hồn.

4. ĐỪNG AI CHIẾM HỮU CHỨC VỤ BỀ TRÊN

⁽¹⁾ Chúa nói: “Tôi đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ” (x. Mt 20,28).

⁽²⁾ Những người được đặt ở vị trí cao hơn kẻ khác hãy lấy làm vinh dự về chức vụ bề trên này cũng như khi được cử ra làm công tác rửa chân cho anh em. ⁽³⁾ Còn lúc bị cất chức quyền mà buồn bực hơn lúc được miễn công tác rửa chân,

thì càng buồn bực, họ càng giống với kẻ giữ túi tiền gây nguy hại cho linh hồn²⁸⁷ (x. Ga 12,6).

5. ĐỪNG AI KIÊU CĂNG, NHƯNG HÃY TÌM VINH DỰ NƠI THẬP GIÁ CHÚA

⁽¹⁾ Hỡi con người, hãy nhìn xem Thiên Chúa đã đặt người lên địa vị cao quý dường nào: Người đã tạo dựng và nắn đúc nên người theo *hình ảnh* Con yêu dấu của Người về phần xác, và *theo sự tương đồng* với Con của Người về phần hồn (x. St 1,26)²⁸⁸.

⁽²⁾ Vậy mà mọi thụ tạo dưới vòm trời, theo phương cách của chúng, đều phụng sự, nhận biết và phục tùng Đấng Tạo hóa hơn người. ⁽³⁾ Lại nữa, cũng không phải ma quỷ đã đóng đinh Người, nhưng chính người và ma quỷ đã đóng đinh

²⁸⁷ Một chủ đề thường gặp trong văn chương giới tu hành là so sánh người giữ ý riêng với Giuđa giữ túi tiền. Tôma Cêlanô cũng dùng hình ảnh này: 2 Cel 80.82.140.185.

²⁸⁸ *Ad imaginem dilecti Filii secundum corpus et similitudinem secundum spiritum*. Một nét rất độc đáo trong tư tưởng của thánh Phanxicô, đó là Đức Kitô không chỉ là Trung gian theo nghĩa bình thường mà còn là Nguyên mẫu, về phần xác cũng như về phần hồn, theo đó Chúa Cha dựng nên con người. Về phần xác: tức là về đời sống tự nhiên; về phần hồn: tức là về đời sống làm con của Chúa Cha. Thánh Bonaventura sẽ giải thích rõ ràng: “hình ảnh” (*imago*) nằm trên bình diện tự nhiên; còn “tương đồng” (*similitudo*) nằm trên bình diện siêu nhiên (x. Bonaventura, *Lộ trình tâm linh lên cùng Thiên Chúa*, ch. IV).

Người, và còn đóng đinh Người khi tìm lạc thú trong nét xấu và tội lỗi.

⁽⁴⁾ Thế người còn có thể hãnh diện vì lẽ gì? ⁽⁵⁾ Dù người tinh tế và khôn ngoan đến nỗi biết hết *mọi khoa học* (x. 1 Cr 13,2), giải thích được *mọi thứ tiếng* (x. 1 Cr 12,28) và thấu triết mọi sự trên trời, thì về ngấn ấy thứ người cũng không thể hãnh diện; ⁽⁶⁾ bởi vì một tên quỉ thôi cũng đã hiểu biết mọi sự trên trời và nay còn thông thạo các việc dưới đất hơn tất cả mọi người, mặc dầu đã có người được Chúa ban cho một sự hiểu biết đặc biệt về đức khôn ngoan cao cả²⁸⁹. ⁽⁷⁾ Cũng thế, dù người xinh đẹp và giàu sang hơn ai hết, dù người làm được những điều lạ lùng như xua đuổi ma quỉ, thì mọi thứ ấy đều trái với thân phận người; chẳng có gì thuộc về người cả, nên người không thể hãnh diện về điều gì trong những điều đó.

⁽⁸⁾ Nhưng chúng ta có thể lấy làm vinh dự vì chúng ta *yếu đuối* (x. 2 Cr 12,5) và hằng ngày được vác thánh giá của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta (x. Lc 9,21).

²⁸⁹ Bản văn gợi ý tới vua Salomon: x. *Kn* 7,7; 1 V 3,12. Thánh Phanxicô còn nhắc tới tên của vị vua khôn ngoan này trong Di chúc, c. 7.

6. ĐI THEO CHÚA

⁽¹⁾ Hỡi tất cả anh em, chúng ta hãy nhìn ngắm vị Mục tử nhân lành đã chịu đựng khổ hình thập giá để cứu lấy đoàn chiên của mình (Ga 10,11).

⁽²⁾ Đoàn chiên Chúa đã đi theo Người (Ga 10,4) trong gian khổ và bách hại, tủi nhục và đói khát (Rm 8,35), bệnh tật và thử thách cùng bao nỗi đắng cay khác; nhờ đó, họ được Chúa ban thưởng sự sống muôn đời.

⁽³⁾ Bởi thế, thật xấu hổ cho chúng ta là các tội tớ của Thiên Chúa, vì các thánh đã hành động, còn chúng ta, chúng ta lại muốn kể lại và rao giảng sự nghiệp của các ngài để được danh dự và vinh quang.

7. HÀNH THIỆN PHẢI ĐI THEO KIẾN THỨC

⁽¹⁾ Thánh Tông đồ nói: “Chữ viết thì giết chết, còn Thánh Khí mới ban sự sống” (x. 2 Cr 3,6).

⁽²⁾ Những người bị chữ viết giết chết là những ai chỉ muốn biết từ chương để được coi là khôn ngoan hơn người khác và có thể thu tích nhiều của cải mà phân phát cho họ hàng và bạn hữu.

⁽³⁾ Những tu sĩ bị chữ viết giết chết thì không muốn đi theo tinh thần của Kinh Thánh²⁹⁰, mà chỉ muốn biết từ chương để giảng giải cho người khác. ⁽⁴⁾ Còn những tu sĩ được tinh thần của Kinh Thánh nuôi sống là những người không gán cho bản thân mình mọi chữ nghĩa họ biết hay muốn biết, nhưng dùng lời nói và gương sáng mà dâng trả cho Thiên Chúa Tối Cao, Đáng sở hữu mọi điều thiện hảo²⁹¹.

8. TRÁNH TỘI GANH TỊ

⁽¹⁾ Thánh Tông đồ nói: “Không ai có thể nói rằng: Đức Giêsu là Chúa” nếu không ở trong Chúa Thánh Thần (x. 1 Cr 12,3). ⁽²⁾ Và: “Chẳng có một ai làm điều thiện, dẫu một người cũng không” (x. Rm 3,12).

⁽³⁾ Bởi vậy, bất cứ ai ganh tị anh em mình về một điều tốt lành Chúa nói và làm nơi họ thì mắc tội phạm thượng, vì người ấy ganh tị chính Đáng Tối cao là Đáng nói và làm mọi điều tốt lành (x. Mt 20,15).

²⁹⁰ *Divinae litterae*: (dịch sát) chữ thánh, chữ của Chúa, tức là Kinh Thánh, đối lập với “chữ viết”.

²⁹¹ Thánh Bernard de Clairvaux, *In Cantica*, XXVI,3; PL 183,968 D.

9. YÊU THƯƠNG KẺ THÙ

⁽¹⁾ Chúa nói: “*Hãy yêu kẻ thù, [hãy làm ơn cho những kẻ ghét bỏ anh em và cầu nguyện cho những kẻ bắt bớ và vu khống anh em]*” (x. Lc 5,27-28; Mt 5,44).²⁹²

⁽²⁾ Ai thật lòng yêu thương kẻ thù của mình thì không đau buồn về điều bất công họ gây ra cho mình, ⁽³⁾ nhưng vì yêu mến Thiên Chúa, người ấy đau buồn về tội lỗi họ đã phạm, ⁽⁴⁾ và hãy dùng việc làm mà chứng tỏ mình yêu thương họ.

10. CHẾ NGỰ THÂN XÁC

⁽¹⁾ Lắm kẻ khi phạm tội hay phải chịu một điều bất công thường đổ lỗi cho kẻ thù hay cho tha nhân. ⁽²⁾ Nhưng làm như vậy là không đúng. Mỗi người có một kẻ thù dưới quyền mình, đó là xác thịt²⁹³; nó xui khiến người ta phạm tội.

⁽³⁾ Bởi vậy, *phúc thay người tôi tớ* nào (x. Mt 24,46) luôn chế ngự kẻ thù thuộc quyền mình và biết khôn ngoan đề phòng.

⁽⁴⁾ Bao lâu người tôi tớ ấy làm như thế, thì không một kẻ thù nào khác, hữu hình hay vô hình, có thể làm hại mình được.

²⁹² Một số bản sao không có những từ trong vòng ngoặc.

²⁹³ “Xác thịt” (*corpus*) ở đây chỉ cái tôi ích kỷ, sống theo khuynh hướng tự nhiên.

11. ĐỪNG AI ĐỂ TỘI LỖI KẺ KHÁC LÀM MÌNH HƯ HỎNG

⁽¹⁾ Đối với người tội tở của Thiên Chúa thì không có gì được làm mình phật lòng, ngoại trừ tội lỗi. ⁽²⁾ Và cho dù có ai phạm tội cách nào đi nữa, nếu người tội tở Thiên Chúa rồi lòng rồi trí và nổi giận, không phải vì đức mến, thì người ấy tích trữ thêm tội lỗi cho mình (x. Rm 2,5).

⁽³⁾ Người tội tở nào của Thiên Chúa không nổi giận và không nao núng về bất cứ điều gì²⁹⁴ đích thực là người sống *không có của riêng*²⁹⁵. ⁽⁴⁾ Người ấy hạnh phúc vì không giữ lại cho mình điều gì, nhưng “của Xêda, trả về Xêda; của Thiên Chúa trả về Thiên Chúa” (x. Mt 22,21).

12. LÀM SAO NHẬN BIẾT THẦN KHÍ CHÚA?

⁽¹⁾ Người ta có thể dựa vào dấu này để nhận biết người tội tở của Thiên Chúa được thông phần vào²⁹⁶ Thần Khí

²⁹⁴ *Aliquo* (neutre hoặc masculin): cũng có thể hiểu về bất cứ người nào. Có vài bản sao viết rõ “*pro aliqua re*”: về bất cứ điều gì.

²⁹⁵ *Sine proprio*: kiểu nói này nằm trong công thức về ba lời khấn (Lsc 1,1; Lksc 1,1). Có thể nói đó là thuật ngữ để chỉ lời khấn nghèo khó. Điều này cho thấy thánh Phanxicô hiểu “nghèo khó” không chỉ theo nghĩa vật chất, mà còn theo nghĩa tinh thần.

²⁹⁶ *Habet de Spiritu Domini*: x. Hn 1,13.

Chúa: ⁽²⁾ khi Chúa dùng người ấy làm một việc lành mà “xác thật” người ấy không tự tôn mình lên, vì “xác thật” lúc nào cũng chống lại mọi điều lành; ⁽³⁾ trái lại, người ấy càng tự xem mình xấu xa và hèn mọn hơn mọi người khác.

13. ĐỨC KIÊN NHẪN

⁽¹⁾ Người tôi tớ của Thiên Chúa không thể biết mình kiên nhẫn và khiêm nhường đến mức nào, bao lâu còn được mọi sự như ý. ⁽²⁾ Nhưng đến lúc những kẻ đáng phải làm vừa lòng mình, đều làm ngược lại, bấy giờ người ấy tỏ ra kiên nhẫn và khiêm nhường được chừng nào, thì đó là mức độ người ấy có, chứ không hơn.

14. TINH THẦN NGHÈO KHÓ

⁽¹⁾ “*Phúc thay ai có tinh thần nghèo khó, vì Nước Trời là của họ*” (x. Mt 5,3).

⁽²⁾ Có lắm người chuyên lo đọc kinh cầu nguyện và bắt thân xác kiêng cử đủ điều, chịu khổ chế đủ cách, ⁽³⁾ nhưng chỉ một lời có vẻ xúc phạm đến họ, hay một vật gì của họ bị lấy mất, thì họ liền nổi giận và mất hết bình tĩnh. ⁽⁴⁾ Những người như thế không có tinh thần nghèo khó; bởi vì ai thật sự có tinh thần nghèo khó, thì ghét bỏ chính mình và yêu mến kẻ vấp mặt mình (x. Mt 5,39).

15. HÒA BÌNH

⁽¹⁾ *“Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa”* (x. Mt 5,9).

⁽²⁾ Những ai phải chịu mọi gian khổ trên đời này, mà vẫn giữ tâm hồn và thân xác bình an vì lòng yêu mến Chúa Giêsu Kitô, họ mới thật là những người xây dựng hòa bình.

16. TÂM HỒN TRONG SẠCH

⁽¹⁾ *“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa”* (x. Mt 5,8).

⁽²⁾ Người thật sự có tâm hồn trong sạch là người khinh chê các thực tại trần thế, tìm kiếm các thực tại thiên quốc và, với lòng thanh trí sạch họ không ngừng thờ phượng và nhìn ngắm Chúa là Thiên Chúa hằng sống và chân thật.

17. NGƯỜI TÔI TỐ KHIÊM NHƯỜNG CỦA THIÊN CHÚA

⁽¹⁾ *Phúc thay người tôi tớ* (x. Mt 24,46) khi được Chúa dùng để nói và làm điều tốt lành mà không tự tôn mình lên hơn khi Chúa nói và làm điều tốt lành qua người khác.

⁽²⁾ Người ta phạm tội khi muốn nhận từ tha nhân hơn, chứ không muốn dâng phần mình cho Thiên Chúa²⁹⁷.

18. CHỊU ĐỰNG NGƯỜI BÊN CẠNH²⁹⁸

⁽¹⁾ Phúc thay kẻ chịu đựng tình trạng yếu hèn²⁹⁹ của người bên cạnh, cũng như mình muốn được họ chịu đựng mình trong trường hợp tương tự (x. Mt 7,12; Gl 6,2).

⁽²⁾ Phúc thay người tội lỗi biết dâng trả mọi điều thiện hảo về cho Thiên Chúa, vì ai giữ lại điều gì cho mình, là *cất giấu* trong mình *tiền bạc của chủ mình* (x. Mt 25,18) là Thiên Chúa, và *điều họ tưởng mình có, sẽ bị lấy đi* (x. Lc 8,18).

²⁹⁷ Trong cụ thể, người ta sai phạm khi muốn nhận những lời khen ngợi từ tha nhân hơn là chính mình phải dâng lời khen ngợi lên Thiên Chúa là Đấng ban phát mọi điều tốt lành cho tất cả mọi người.

²⁹⁸ Theo một truyền thống quen thuộc, phổ biến trước kia, thì Huấn ngôn 18 này được chia thành hai Huấn ngôn: Hn 18 và Hn 19. Cha K. Esser đã quyết định theo một truyền thống khác, vững vàng hơn (nay cha C. Paolazzi cũng thế), tức là nối kết hai Huấn ngôn ấy thành một, và chia Huấn ngôn 24 thành hai Huấn ngôn: Hn 24 và Hn 25.

²⁹⁹ Từ Latinh "*fragilitas*" không những chỉ sự yếu hèn về thể xác, mà còn những bất toàn về tâm linh (thiếu vững vàng, thiếu quân bình, dễ bị tổn thương...).

19. NGƯỜI TÔI TỐ KHIÊM NHƯỜNG CỦA THIÊN CHÚA

⁽¹⁾ Phúc thay người tôi tớ khi được những người khác tán dương và đề cao mà vẫn không coi mình tốt hơn khi bị khinh chê là ti tiện, ngây ngô và đáng khinh bỉ, ⁽²⁾ vì trước mặt Thiên Chúa, con người đáng giá thế nào thì thực chất là thế ấy, chứ không hơn.

⁽³⁾ Vô phúc cho người tu sĩ khi được kẻ khác đưa lên địa vị cao mà không tự ý muốn hạ mình xuống.

⁽⁴⁾ *Phúc thay người tôi tớ* (x. Mt 24,46) được đặt ở địa vị cao ngoài ý mình muốn, mà vẫn luôn ước ao đặt mình dưới chân kẻ khác³⁰⁰.

20. NGƯỜI TU SĨ VUI VẺ TRONG CHÚA VÀ NGƯỜI TU SĨ PHÙ PHIÊM

⁽¹⁾ Phúc thay người tu sĩ chỉ tìm niềm vui và hoan lạc trong những lời và những công việc rất thánh thiện của Chúa³⁰¹, ⁽²⁾ và nhờ đó họ vui mừng và hân hoan dẫn đưa người ta đến với tình yêu Thiên Chúa.

³⁰⁰ Thánh Bernard de Clairvaux, *Tractatus de gradibus humilitatis*, XV,43.

³⁰¹ *In sanctissimis eloquiis et operibus Domini*. Bình thường để nói về Lời Chúa trong Kinh Thánh hoặc trong Phụng vụ, thánh Phanxicô dùng

⁽³⁾ Vô phúc cho người tu sĩ ham thích những lời lẽ phù phiếm và nhảm nhí để làm cho thiên hạ cười cợt.

21. NGƯỜI TU SĨ PHÙ PHIỂM VÀ BA HOA

⁽¹⁾ Phúc thay người tôi tớ khi nói năng, không phô trương mọi điều mình có để được thưởng công và cũng không nhanh mồm nhạy miệng (x. Cn 29,20), nhưng biết khôn ngoan suy tính điều phải nói và điều phải thưa.

⁽²⁾ Vô phúc cho người tu sĩ không gìn giữ trong lòng (x. Lc 2,19.51) những điều tốt lành Chúa tỏ cho mình biết, cũng chẳng dùng hành động mà biểu lộ cho kẻ khác, song chỉ thích dùng lời lẽ để khoe khoang hầu được khen thưởng. ⁽³⁾ Người ấy đã nhận được phần thưởng rồi (x. Mt 6,2.16), còn người nghe thì thu lượm được ít kết quả.

kiểu nói *verba Domini*. Từ “*eloquiis*” trong câu này gợi ý đây là **những cuộc đàm thoại đạo đức** về Chúa. Người tu sĩ dùng những lời đạo đức và những việc tốt lành Chúa cho mình nói và làm (x. Hn 17,1) để đưa người khác đến với tình yêu Thiên Chúa. Mới đây một số học giả, khi giải thích Hn 20,1-2, cũng đã hiểu theo nghĩa này, x. M. W. Blastic, J. M. Hammond, J. W. Hellmann, *The Writings of Francis of Assisi*, vol 2, New York 2011, p. 299, note 123: “**Human words and deeds are the instruments of God’s love**” (những lời nói và hành động của con người là những khí cụ Thiên Chúa dùng để diễn tả tình yêu của Người).

22. VIỆC SỬ DẠY

⁽¹⁾ Phúc thay người tội tở biết nhẫn nhục chịu đựng kẻ khác sửa dạy, buộc tội và khiển trách mình cũng như khi chính mình tự làm những việc đó.

⁽²⁾ Phúc thay người tội tở khi bị khiển trách mà sẵn sàng chấp nhận, kính cẩn quy phục, khiêm tốn xưng thú và sẵn sàng đền tội.

⁽³⁾ Phúc thay người tội tở không vội chữa mình, nhưng khiêm nhường chịu đựng sự xấu hổ và lời khiển trách về một tội mình đã không phạm.

23. ĐỨC KHIÊM NHƯỜNG

⁽¹⁾ Phúc thay người tội tở vẫn một mực khiêm nhường khi ở giữa những người dưới quyền mình cũng như lúc ở với cấp trên.

⁽²⁾ Phúc thay người tội tở luôn giữ thân mình dưới cây roi sửa phạt.

⁽³⁾ *Người tội tở trung tín và khôn ngoan* (x. Mt 24,45) là người không trì hoãn hoán cải mọi điều sai lỗi mình đã phạm, bên trong thì dục lòng thống hối, bên ngoài thì xưng thú lỗi lầm và làm việc đền bù.

24. TÌNH THƯƠNG ĐÍCH THẬT (I)

Phúc thay người tội tử yêu thương người anh em khi họ đau yếu, không làm được gì cho mình, cũng như khi họ khỏe mạnh và có thể đền đáp cho mình.

25. TÌNH THƯƠNG ĐÍCH THẬT (II)

Phúc thay người tội tử yêu thương và kính trọng anh em mình khi ở xa họ cũng như lúc ở với họ, và không nói sau lưng họ điều gì về họ³⁰² mà vì bác ái mình không thể nói trước mặt họ.

26. CÁC TỘI TỬ THIÊN CHÚA PHẢI KÍNH TRỌNG CÁC GIÁO SĨ

⁽¹⁾ Phúc thay người tội tử đặt niềm tin vào các giáo sĩ sống đúng theo thể thức Hội Thánh Rôma.

⁽²⁾ Vô phúc cho những ai khinh dể các ngài. Cho dù các ngài là những người tội lỗi, thì cũng không một ai được xét đoán các ngài, vì chỉ một mình Chúa có quyền xét đoán các ngài mà thôi. ⁽³⁾ Các ngài có phận sự phục vụ Mình và Máu cực thánh của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà chính các ngài rước lấy và chỉ các ngài được phân phát cho kẻ khác; ⁽⁴⁾

³⁰² *De eo* (về họ): không có trong bản văn của cha K. Esser.

phận sự ấy càng cao trọng bao nhiêu, thì tội xúc phạm đến các ngài càng nặng nề bấy nhiêu; tội ấy nặng hơn tội xúc phạm đến bất cứ người nào ở đời này.

27. NHÂN ĐỨC XUA ĐUỐI TẬT XẤU

- (1) Ở đâu có bác ái và khôn ngoan, ở đấy không có sợ hãi và vô tri.
- (2) Ở đâu có nhẫn nại và khiêm nhường, ở đấy không có nóng giận và rối loạn.
- (3) Ở đâu có nghèo khó và vui tươi, ở đấy không có tham lam và keo kiệt.
- (4) Ở đâu có an tĩnh³⁰³ và suy niệm, ở đấy không có lo lắng và dao động³⁰⁴.
- (5) Ở đâu có lòng kính sợ Chúa để *canh giữ nhà mình* (x. Lc 11,21), ở đấy kẻ thù không thể tìm chỗ đột nhập.

³⁰³ *Quies*: từ này có thể được giải thích theo nhiều nghĩa. Truyền thống Kitô thời ấy dùng từ “*quies claustrii*” để chỉ sự an tĩnh của nội tâm; “*quies mentis*” để chỉ sự thanh lặng, sự an tĩnh của tâm hồn; “*quies contemplationis*” để chỉ sự “an tĩnh của chiêm ngưỡng”, tức là sự nghỉ ngơi trong Chúa. Ở đây “*quies*” đi liền với suy niệm, nên có thể được hiểu theo nghĩa tu đức, tức là sự bình an nội tâm và nghỉ ngơi trong Chúa.

³⁰⁴ *Vagatio*: việc đi lang thang (về hành động) hoặc tâm trí bất định (về tư tưởng).

- (6) Ở đâu có từ tâm và thận trọng, ở đấy không có quá khích và đánh đá.

28. GIỮ KÍN ĐIỀU LÀNH KẼO MẮT

(1) Phúc thay người tôi tớ biết *cất giữ trong kho báu ở trên trời* (x. Mt 6,20) những của tốt lành Chúa tỏ cho mình, chứ không muốn phô trương cho thiên hạ để được khen thưởng, (2) vì chính Đấng Tối cao sẽ bày tỏ công trình của Người cho ai Người muốn. (3) Phúc thay người tôi tớ giữ kỹ *trong lòng* những bí mật của Chúa (x. Lc 2,19.51).

CÁC VĂN BẢN GỬI CHO “CÁC QUÝ BÀ NGHÈO KHÓ”³⁰⁵

Trong phần đầu bản Di chúc trời lại cho chị em, thánh Clara đã nhắc lại ơn gọi của mình và nhấn mạnh rằng thánh Phanxicô đã khuyến khích chị và các chị em tiên khởi hãy yêu mến và tuân giữ thánh đức nghèo khó, không chỉ bằng lời nói và gương sáng mà thôi, mà còn bằng “nhiều văn thư” nữa, để sau khi người qua đời rồi các chị em đừng rời xa lối sống mà các chị em đã khởi sự. Rất tiếc là trong số những bản văn gửi cho Clara và các chị em tại San Damiano, thì ngoài lời khuyên bảo “Audite, poverelle” (“Hãy nghe đây, các cô nương nghèo khó”) mới được phát hiện cách đây vài chục năm, thì chỉ có hai bản đến được tới tay chúng ta: đó là bản “Mẫu mực sống” (*Forma vivendi*) và “Nguyện ước cuối cùng” (*Ultima voluntas*). Hai bản văn này được Clara nhắc tới trong Di chúc và được chép lại trong chương VI Bản luật chung kết của chị. Bản luật này đã được Đức Giáo hoàng Innôxenxiô IV phê chuẩn ngày 9 tháng 8 năm 1253 bằng một sắc chỉ mà bản gốc hiện còn nằm tại đan viện thánh Clara tại Assisi, vì thế tính xác thực của hai bản văn nói trên được bảo đảm vững vàng.

Bản “Mẫu mực sống” phải được đặt vào thời đầu của Dòng Các Quý Bà Nghèo khó, tức là vào khoảng năm 1212-1213. Thực ra đây không phải là một Bản luật, mà chỉ là một tài liệu hướng

³⁰⁵ Đầu đề bằng tiếng Latinh: *Scripta ad “Pauperes dominas”*, x. *SCRIPTA*, tr. 378.

dẫn đời sống thiêng liêng. Còn bản “*Nguyện ước cuối cùng*”, theo chứng từ rõ ràng của chị Clara trong lời giới thiệu của chị, được thánh Phanxicô viết ra “ít lâu trước khi Người qua đời”, nghĩa là vào mùa thu năm 1226.

MẪU MỤC SỐNG GỬI CHO CLARA VÀ CÁC CHỊ EM³⁰⁶

[Clara đã viết: “Sau khi Chúa Cha rất cao cả trên trời đã đoái thương soi sáng linh hồn tôi bằng ân huệ của Người và chỉ cho tôi thực hành hoán cải theo gương và lời dạy của cha thánh Phanxicô chúng ta, thì ít lâu sau cuộc trở lại của Người, cùng với các chị em của tôi, tôi đã tự nguyện tuyên hứa tuân phục cùng người.

Cha thánh thấy chúng tôi không sợ cảnh nghèo khó, lao động, khó nhọc, sự chê bai và khinh dể của thế gian, trái lại chúng tôi xem đó là những niềm vui thích lớn lao, nên với lòng thương mến, Người đã viết ra cho chúng tôi một mẫu mục sống như sau:”]

“Nhờ ơn Chúa soi sáng, chị em đã hiến thân mình làm *ái nữ* và *nữ tì* của Đức Vua rất cao cả là Chúa Cha trên trời và đã kết hôn với Chúa Thánh Thần, khi chọn sống theo

³⁰⁶ Đầu đề bằng tiếng Latinh là “*Forma vivendi*”, x. SCRIPTA, tr. 378.

Các kiểu nói “*ái nữ* và *nữ tì* của Đức Vua rất cao cả” và “*hiền thê* của Chúa Thánh Thần” là những tước hiệu của Đức Maria (x. Điệp ca trong Bộ KMN). Thánh Phanxicô muốn nhắc cho Clara và các chị em là đời sống theo Tin Mừng làm cho họ được tham dự vào ơn gọi của chính Đức Trinh nữ Maria.

sự hoàn thiện của Tin Mừng, ⁽²⁾ nên tôi muốn và xin hứa là chính tôi và anh em tôi sẽ săn sóc ân cần và lo lắng đặc biệt cho chị em cũng như cho chính anh em tôi vậy.

[*Bao lâu còn sống, ngài đã chu toàn lời hứa và muốn anh em ngài cũng luôn chu toàn*] (x. Clara, Luật 6,1-5)].

NGUYỆN ƯỚC CUỐI CÙNG GỬI CHO CLARA VÀ CHỊ EM³⁰⁷

[*Clara đã viết: “Và để chúng tôi, cũng như những chị em đến sau chúng tôi, không bao giờ rời xa đức nghèo rất thánh mà chúng tôi đã ôm ấp, thì ít lâu trước khi qua đời, Người lại viết ra một lần nữa cho chúng tôi nguyện ước cuối cùng của Người với những lời lẽ như sau:*]

⁽¹⁾ Tôi là anh Phanxicô bé mọn, tôi muốn đi theo lối sống và đức nghèo khó của Chúa Giêsu Kitô là Đức Chúa rất cao cả của chúng ta, và của Thánh Mẫu rất thánh của Người, và tôi muốn bền vững trong lối sống ấy cho đến cùng. ⁽²⁾ Tôi xin chị em là các bà chủ của tôi và khuyên chị em hãy luôn luôn giữ lấy lối sống rất thánh thiện và đức nghèo khó ấy. ⁽³⁾ Chị em hãy cẩn thận canh chừng, đừng

³⁰⁷ Đầu đề bằng La ngữ: *Ultima voluntas scripta ad Claram et sorores*, x. SCRIPTA, tr. 382.

để ai dạy bảo³⁰⁸ hay khuyến khích chị em xa rời lối sống ấy vĩnh viễn bằng bất cứ cách nào”.

(x. Clara, *Luật* 6,6-9).

³⁰⁸ *Doctrina*. Dịch sát: do đạo lý của ai đó. Từ này ngầm nhắm tới ai đó trong các chức sắc của Giáo Hội hơn là những người trong các gia đình của chị em.

DI CHÚC³⁰⁹

Trái với tất cả những ngờ vực trong thời gian gần đây, chúng ta có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng bản văn này, xét về nội dung và ngôn từ, là Di chúc đích thực và toàn vẹn của thánh Phanxicô. Các câu trích dẫn lấy từ di cảo này trong thể kỷ đầu tiên của Dòng và các bản sao rất phong phú đã chứng tỏ điều đó.

Trong Di chúc này, viết vào những ngày cuối đời, thánh Phanxicô đã kể lại cuộc hoán cải và những ý nguyện của người: vì thế, đây là một lời tự thuật vô cùng quý báu.

Lời lẽ của di cảo có bị sửa đổi một đôi chỗ, nhưng vẫn giữ được một cách trung thực kiểu nói đơn sơ và nhiều khi vụng về của thánh nhân. Di chúc diễn tả cách minh bạch lý tưởng và tâm hồn cao cả của thánh Phanxicô, quả cảm cho đến cùng. Vì thế, anh em phải xem đó như là một di sản vô giá.

Dựa trên câu 37, anh em càng ngày càng có thói quen đọc công khai bản Di chúc. Bởi thế, trong rất nhiều trường hợp, vì đã thuộc lòng bản văn nghe được, anh em ghi chép lại không phải chỉ theo một bản viết, mà còn theo trí nhớ. Do đó, rất khó mà xếp loại một số bản sao. Lại có trường hợp một số bản sao của nhóm này, về sau lại được sửa theo bản văn của nhóm khác (...).

Các đầu đề biểu lộ ý kiến của người sao chép bản văn này, một bản văn đã được bàn cãi sôi nổi trong lịch sử Dòng. Ví dụ:

³⁰⁹ Đầu đề bằng La ngữ: *Testamentum*, x. *SCRIPTA*, tr. 384.

- "Sau đây là Di chúc mà Cha Thánh đã lập ra vào cuối đời của người, trong đó chứa đựng những Huấn ngôn thánh thiện của người";
- "Khởi đầu Di chúc khả kính của thánh Phanxicô";
- "Khởi đầu Di chúc của cha thánh Phanxicô chúng ta: anh em không buộc phải giữ";
- "Khởi đầu Di chúc của cha thánh Phanxicô chúng ta: người đã lập ra vào cuối đời, khi người tràn đầy Chúa Thánh Thần";
- "Khởi đầu Di chúc của cha thánh Phanxicô chúng ta: Anh em buộc phải tuân giữ, theo ý nguyện của người".

Tuy nhiên, đa số các bản sao đều mang đầu đề đơn giản của bản Assisi: "Di chúc của thánh Phanxicô", có bản thêm: "mà người đã lập lúc đến gần giờ chết"³¹⁰.

³¹⁰ Ở câu 34 thánh Phanxicô gọi bản văn này là "*meum testamentum*". Theo nghĩa bình thường và cũng là nghĩa pháp lý, đó là "Di chúc", nghĩa là bản văn diễn tả ý muốn cuối cùng của một người liên hệ đến các của cải hoặc sở hữu của mình. Nghĩa này thực ra không hoàn toàn phù hợp ở đây, vì bản văn này chủ yếu chứa đựng "những lời nhắc lại, khuyên bảo, khích lệ" (c. 34). Đức Giáo hoàng Ghêgôriô IX, trong sắc chỉ *Quo elongati* (1230), xem bản văn này là "lời trời" (*mandatum*) của thánh Phanxicô, một tài liệu thiêng liêng không mang tính pháp lý như Bản Luật dòng. Năm 1295, trong lá thư gửi cho chân phước Conrad Offida, P. Olivi gọi đơn giản là "một lá thư". Mới đây Auspicius van Constanje đề nghị hiểu "*testamentum*" theo nghĩa Kinh Thánh, tức là "giao ước": cũng như dân Ítraen đã đón nhận Lễ luật để sống giao ước với Giêvê,

Đi vào mỗi dung chi tiết người ta có thể phân biệt ba phần trong bản Di chúc này.

Trong phần thứ nhất (cc. 1-23): thánh Phanxicô nhắc lại những thời điểm và những yếu tố quan trọng trong cuộc hoán cải của Người. Chính Thiên Chúa đã ban cho người ơn hoán cải, ơn tin vào các nhà thờ, các linh mục, các “mầu nhiệm rất thánh” và các lời của Chúa; sau đó là ơn có các anh em, ơn “mặc khải” sống theo Tin Mừng, ơn được sống bằng lao động, ơn được biết cách rao giảng sự bình an.

Trong phần thứ hai (cc. 24-33): đi từ thời đầu ơn gọi của bản thân và của huynh đệ đoàn, thánh Phanxicô sang phần khuyên bảo và căn dặn. Giọng văn ở đây cứng cỏi và nghiêm khắc; người ta có thể giả định là phần một và phần hai được soạn không phải trong cùng một lúc. Trong phần hai này thánh nhân nêu ra bốn mối nguy hiểm đe dọa đời sống của huynh đệ đoàn: các nhà thờ và nhà ở của anh em không hợp với đức nghèo; các đặc ân của Tòa Thánh tạo nên một cuộc sống yên hàn; thiếu tinh thần tuân phục; không đọc các giờ kinh như Luật dạy. Nguy cơ cuối cùng này làm cho thánh nhân rất lo lắng. Mặc dầu sống ở đời này như “khách lạ và lữ hành”, anh em phải liên kết với huynh đệ đoàn bằng sự tuân phục đối với các phụ trách của mình, và liên kết với Giáo Hội bằng việc đọc kinh phục vụ hằng ngày.

thì Phanxicô và các Anh Em Hèn Mọn cũng phải tuân giữ Luật dòng để sống tương quan giao ước với Chúa Kitô (x. *Un peuple de pèlerins*, Paris 1964).

Phần thứ ba (cc. 34-41) cho chúng ta thấy phản ứng của một vài anh em có mặt khi bản văn đang được đọc cho viết và phản ứng tức thời của Phanxicô: “Xin anh em đừng nói đây là một Bản luật khác, vì đây là những lời nhắc lại, khuyên bảo, khích lệ và là Di chúc của tôi”. Mục đích của Di chúc là giúp anh em “tuân giữ Luật dòng một cách công giáo hơn”. Muốn vậy, anh em phải hiểu Luật dòng “một cách đơn sơ” và “không có chú thích gì cả”. Vì thế Phanxicô xin anh em đừng tách rời Bản luật với Di chúc, nhưng giữ hai bản văn ấy đi kèm với nhau, để khi anh em đọc Luật dòng thì cũng đọc Di chúc này nữa.

Sau hết Phanxicô xin Thiên Chúa Ba Ngôi và toàn thể các thánh chúc lành cho những anh em tuân giữ Bản luật, đồng thời Người cũng thêm lời chúc lành của riêng mình cho những anh em ấy.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Chúa đã ban cho tôi là anh Phanxicô, bắt đầu cuộc đời hoán cải³¹¹ như thế này: khi còn sống trong tội lỗi³¹², mỗi lần trông thấy người phung, tôi lấy làm cay đắng lắm. ⁽²⁾ Nhưng chính Chúa đã dẫn tôi đến với họ và tôi đã tỏ lòng thương

³¹¹ Từ “*penitentia*” ở đây phải được hiểu theo nghĩa mà các sách Tin Mừng dùng (Hy Lạp: *metanoia*), đặc biệt là Mc 1,14: đó là thay đổi đời sống và trở về cùng Thiên Chúa, chủ yếu bằng đức tin (x. *Lksc* 23, 4.7).

³¹² Nói đến “tội lỗi”, có lẽ Phanxicô nghĩ tới thời gian ngài tham gia vào nghề buôn bán của người cha. Vào thời ấy hàng giáo sĩ quan niệm nghề lái buôn là một nghề bất lương, vì những người lái buôn thường kiếm được tiền bạc do sự gian dối, lừa đảo (x. *Bnb*, 19).

xót họ. ⁽³⁾ Khi rời xa họ, điều trước kia đối với tôi là cay đắng đã trở thành dịu ngọt cho tôi trong tâm hồn cũng như ngoài thể xác. Sau đó, tôi chờ đợi ít lâu và ra khỏi thế gian³¹³.

⁽⁴⁾ Chúa đã ban cho tôi đức tin mạnh mẽ vào các nhà thờ, đến nỗi tôi cầu nguyện một cách đơn sơ rằng: ⁽⁵⁾ *“Lạy Chúa Giêsu Kitô, chúng con thờ lạy Chúa trong hết mọi nhà thờ của Chúa trên khắp hoàn cầu. Chúng con chúc tụng Chúa, vì Chúa đã dùng thánh giá mà cứu chuộc thiên hạ”*³¹⁴.

⁽⁶⁾ Sau đó, Chúa đã ban và vẫn còn ban cho tôi đức tin mạnh mẽ vào các linh mục sống theo qui luật Hội Thánh Rôma vì thánh chức của các ngài, nên dầu các ngài có bách hại tôi, tôi vẫn chạy đến với các ngài.⁽⁷⁾ Dù tôi có khôn ngoan như vua Salômon, nếu tôi gặp các linh mục thấp kém ở thế gian này, tôi cũng không muốn giảng dạy trong giáo xứ của

³¹³ *Ra khỏi thế gian*: thuật ngữ thời xưa ngụ ý từ bỏ lối sống giữa đời bình thường để bước vào đời sống tu trì theo lối sống đan tu, hoặc ẩn tu. Sau khi đã trả lại tiền bạc và quần áo cho người cha, Phanxicô tự tạo cho mình chiếc áo của người ẩn tu (x. *Bnb*, 21).

³¹⁴ Kinh này được lấy lại từ phụng vụ ngày thứ sáu Tuần Thánh để tôn vinh Thánh Giá: *“Adoramus te, Christe, et benedicimus tibi, quia per crucem tuam redemisti mundum”*. So với công thức phụng vụ thì thánh Phanxicô đã thêm vào ba chi tiết: a) tên: *Giêsu*; b) câu: *trong mọi nhà thờ của Chúa trên khắp hoàn cầu*; c) tính từ *“thánh”* để miêu tả thập giá. Câu được thêm ở mục b) cho thấy lúc đầu thánh Phanxicô đọc kinh này để tôn thờ Chúa Kitô hiện diện trong Bí tích Thánh Thể được cất giữ trong các nhà thờ. Về sau anh em đọc kinh này khi bắt gặp một tượng thánh giá (x. 1 Cel 45).

các ngài, nếu các ngài không chấp thuận. ⁽⁸⁾ Tôi muốn kính sợ, yêu mến và quý trọng các ngài cũng như tất cả các linh mục khác như là tôn chủ của tôi. ⁽⁹⁾ Tôi không muốn xem xét tội lỗi của các ngài, vì tôi nhìn thấy Con Thiên Chúa hiện diện nơi các ngài và vì các ngài là tôn chủ của tôi. ⁽¹⁰⁾ Tôi hành động như thế vì tôi không thấy có gì cụ thể³¹⁵ trong thế gian này về Người Con Tối cao của Thiên Chúa, ngoài Minh và Máu rất thánh của Người, mà chính các ngài nhận lấy và chỉ các ngài mới được ban phát cho kẻ khác. ⁽¹¹⁾ Tôi muốn các mẫu nhiệm rất thánh này được mọi người kính trọng, tôn sùng trên hết mọi sự, và cất giữ ở những nơi quý giá. ⁽¹²⁾ Nếu tôi bắt gặp những tấm giấy ghi chép Tên và Lời rất thánh của Chúa ở những nơi bất xứng, tôi muốn thu lại và tôi xin người ta thu lại, và để vào nơi xứng đáng. ⁽¹³⁾ Còn đối với tất cả các nhà thần học và những người ban phát lời chỉ thánh của Thiên Chúa, chúng ta phải quý mến và tôn kính các ngài như là những người thông ban cho chúng ta Thần Khí và sự sống (x. Ga 6,63).

⁽¹⁴⁾ Sau khi Chúa đã ban cho tôi một số anh em, không ai chỉ bảo cho tôi phải làm gì, nhưng chính Đấng Tối cao đã mặc khải cho tôi biết phải sống theo mẫu mực thánh Phúc âm. ⁽¹⁵⁾ Và tôi đã nhờ viết ra mẫu mực sống ấy một cách đơn

³¹⁵ *Corporaliter: theo thân xác.* Xem ghi chú nơi TGs 3.

sơ và ngắn gọn, và Đức Giáo hoàng đã xác nhận cho tôi³¹⁶.
(16) Những ai đến chia sẻ đời sống này, thì hãy phân phát cho người nghèo *tất cả những gì họ có thể có* (Tb 1,3), và chúng tôi bằng lòng chỉ có một áo dài, ai muốn thì vá thêm bên trong và bên ngoài, một dây thắt lưng và vài cái quần ngắn. (17) Chúng tôi không muốn có gì hơn nữa.

(18) Chúng tôi đọc thần tụng như thế này: anh em giáo sĩ đọc như các giáo sĩ khác, anh em giáo dân đọc các kinh Lạy Cha. Chúng tôi sẵn lòng lưu lại trong các nhà thờ.

(19) Chúng tôi đốt nát³¹⁷ và phục tùng tất cả mọi người.

(20) Phần tôi, tôi đã làm việc tay chân và vẫn muốn làm việc. Tôi nhất quyết muốn tất cả anh em khác đều phải chuyên tâm làm một công việc lương thiện. (21) Ai không biết làm việc thì phải học, không phải vì ham muốn nhận thù lao, nhưng là để làm gương và tránh ở nhưng. (22) Khi người ta không trả công cho chúng ta, chúng ta hãy chạy đến bàn ăn của Chúa bằng cách đi xin của bố thí từng nhà. (23) Chúa đã mặc khải cho tôi phải chào bằng lời này: “*Xin Chúa ban bình an cho quý vị*” (x. Lc 10,5).

³¹⁶ Chúng ta không thể tìm lại nguyên văn Bản luật đơn sơ và ngắn gọn này, được trình lên Đức Giáo hoàng Innocentius III năm 1209, nhưng có thể xem *Lksc* 1,1-5 như là nội dung cơ bản (x. thêm *1 Cel* 32).

³¹⁷ *Idiota* (= *illettré, thất học*). Thực ra Phanxicô cũng đã qua vài lớp học như một lái buôn: vì thế người biết đọc, biết viết (x. Các thủ bút), biết tính toán.

⁽²⁴⁾ Anh em phải giữ mình nhất thiết không nhận nhà thờ, nhà ở bé nhỏ và tất cả những gì người ta xây cất cho anh em, nếu những nơi ấy không hợp với thánh đức nghèo khó mà chúng ta đã hứa giữ trong Luật dòng, và chúng ta chỉ trú ngụ ở đó *như khách lạ và kẻ lữ hành* (x. 1 Pr 2,11).

⁽²⁵⁾ Nhân danh đức vâng lời, tôi nhất quyết truyền lệnh cho tất cả anh em, dù bất cứ ở nơi nào, chớ cả gan tự mình hoặc nhờ người trung gian xin Giáo triều Rôma một chứng thư cho phép nhận một nhà thờ hoặc một nơi ở nào khác, cho dầu viện có để rao giảng hay để tránh một cơn bách hại nguy hiểm cho tính mạng. ⁽²⁶⁾ Nhưng ở bất cứ nơi nào, nếu người ta không chấp nhận anh em, anh em *hãy trốn đi nơi khác* (Mt 10,23) mà sống đời hoán cải, với phép lành của Thiên Chúa.

⁽²⁷⁾ Tôi nhất quyết muốn vâng lời anh Tổng Phục vụ của Huynh đệ đoàn này và anh Phụ trách khác ³¹⁸ mà anh ấy sẽ cất đặt cho tôi theo ý anh. ⁽²⁸⁾ Tôi muốn chịu cảm buộc trong tay anh này, đến nỗi tôi không thể đi đâu hay làm gì trái với mệnh lệnh và ý muốn của anh, vì anh là chủ tôi.

⁽²⁹⁾ Và mặc dầu tôi chất phác và đau yếu, tôi vẫn muốn luôn luôn có một anh em giáo sĩ giúp tôi đọc thần tụng như đã ấn định trong Luật dòng.

³¹⁸ Sau khi từ chức Tổng Phục vụ, Phanxicô tự đặt mình dưới quyền vị Tổng Phục vụ mới; vị này, theo yêu cầu của Phanxicô, đã trao phó ngài cho một anh Phụ trách đặc biệt chăm sóc, x. 2 Cel 151.

⁽³⁰⁾ Tất cả các anh em khác cũng phải vâng phục anh Phụ trách mình như vậy và đọc thần tụng như Luật dạy.⁽³¹⁾ Nếu có những anh em không đọc thần tụng như Luật dạy và muốn thay đổi cách nào khác hoặc không phải là công giáo thì, nhân danh đức vâng lời, tất cả các anh em khi gặp một người như thế, buộc phải đem trình diện cho anh Phụ trách gần nơi ấy nhất³¹⁹.⁽³²⁾ Nhân danh đức vâng lời, anh Phụ trách này cũng nhất quyết buộc phải mạnh mẽ giữ kẻ ấy ngày đêm như một tù nhân, đừng để kẻ ấy thoát khỏi tay mình cho đến lúc đích thân giao tận tay anh Tỉnh Phục vụ của đương sự.⁽³³⁾ Nhân danh đức vâng lời, anh Tỉnh phục vụ nhất quyết buộc phải nhờ những anh em có khả năng giữ kẻ ấy ngày đêm như một tù nhân, áp giải kẻ ấy cho tới khi trình đương sự trước mặt Đức Hồng y ở Ostia³²⁰ là tôn chủ, là đáng bảo trợ và là người sửa dạy toàn thể Huynh đệ đoàn.

⁽³⁴⁾ Xin anh em đừng nói: “Đây là một Bản luật khác”. Đây chỉ là những lời nhắc lại, khuyên bảo, khích lệ và là Di chúc mà tôi là Phanxicô, người anh em bé mọn, viết ra cho anh em là những người được Chúa chúc phúc, để chúng ta giữ

³¹⁹ *Custos illius loci*: Đương thời thánh Phanxicô các Phụ trách nhà được gọi bằng nhiều từ: “*minister loci*”, “*custos loci*”, “*guardianus*” (x. K. Esser, *Origini e valori autentici dell’Ordine dei Frati Minori*, Milano 1966, tr. 221. Đàng khác người phụ trách thường xuyên tiếp xúc với anh em là “phụ trách nơi ở” (nhà) chứ không phải là Hạt Phục vụ.

³²⁰ *Domino Ostiensi*, dịch sát: Tôn chủ ở Ostia, tức là Đức Hồng y Hugôlinô, giám mục tại Ostia. Về Đức Hồng y bảo trợ: x. *Lsc* 12,3.

một cách công giáo hơn Luật dòng mà chúng ta đã tuyên hứa với Chúa.

⁽³⁵⁾ Anh Tổng Phục vụ và tất cả các anh Phục vụ khác là những người gìn giữ anh em³²¹, nhân danh đức vâng lời, không được thêm hay bớt điều gì vào những lời này. ⁽³⁶⁾ Anh em hãy luôn mang theo mình bản văn này cùng với Luật dòng. ⁽³⁷⁾ Mỗi lần họp tu nghị, khi đọc Luật dòng, anh em cũng hãy đọc những lời này. ⁽³⁸⁾ Tôi nhất quyết truyền lệnh cho tất cả anh em, giáo sĩ cũng như giáo dân, nhân danh đức vâng lời, không được thêm các chú thích vào Luật dòng cũng như vào những lời này mà nói: “Phải hiểu như thế này”. ⁽³⁹⁾ Nhưng, cũng như Chúa đã ban cho tôi nói và viết Luật dòng cùng những lời này cách đơn sơ và tinh tuyền, thì anh em cũng hãy hiểu cách đơn sơ, không cần chú thích nào cả, và bằng hành động thánh thiện, anh em hãy tuân giữ cho đến cùng.

⁽⁴⁰⁾ Vậy ai tuân giữ các điều này thì trên trời xin Chúa Cha Tối cao ban cho tràn đầy phúc lành, và dưới đất xin Chúa Con yêu quý của Người cùng với Chúa Thánh Thần, Đấng Bảo trợ, và toàn thể các dũng thần thiên quốc và tất cả các thánh ban tràn đầy phúc lành cho. ⁽⁴¹⁾ Phần tôi, Phanxicô, người anh em bé mọn và tội lỗi của anh em, theo quyền hạn của tôi, tôi cũng xin xác nhận, từ trong lòng đến ngoài miệng lời chúc lành rất thánh đó cho anh em.

³²¹ *Omnes alii ministri et custodes*: kiểu nói “*ministri et custodi*” đã được dùng trong Lsc 8, 2.4, nhằm chỉ một đối tượng thôi, tức là các Tỉnh phục vụ, và được bao trùm trong hai từ “*omnes alii*” (= tất cả những anh khác).

PHỤ TRƯỞNG

Phần này gồm những tác phẩm của thánh Phanxicô được các truyện ký trong thời Trung cổ nhắc tới, nhưng nay đã bị thất lạc. Trong một số trường hợp thì nội dung của chúng còn được giữ lại, nhưng bản văn nguyên vẹn thì không còn nữa. Cha K. Esser đã thu thập các tác phẩm này lại trong chương cuối của ấn bản truy nguyên của người, tức là chương XXVIII và đặt cho đầu đề là: "Opuscula dictata" (Những tác phẩm đã được đọc cho viết).

Phần này đã gây bàn cãi rất nhiều trong giới chuyên viên về sau. Đầu đề cha K. Esser đặt không hoàn toàn thích hợp, vì phần lớn các tác phẩm của thánh Phanxicô đều do Người đọc cho thư ký viết, chứ không chỉ vài tác phẩm được nêu danh trong phần này. Đáng khác khi đề cập đến "các lời nói" của thánh Phanxicô thì nhiều vấn đề nảy sinh mà chưa được giải quyết. Các lời nói bao hàm đủ loại: các Huân ngôn, các câu đàm thoại, các lời kinh, các dụ ngôn v.v. do các tác giả của các truyện ký ghi lại. Các lời nói ấy đích thực là của thánh Phanxicô và đã được ghi chép lại một cách trung thực như thế, hay đó chỉ là bút pháp văn chương của các tác giả viết truyện ký? Để trả lời cho những câu hỏi ấy, thì trước hết phải đánh giá tính khả tín lịch sử của từng truyện ký và thói quen suy nghĩ và nói năng của thánh Phanxicô! Vấn đề này rất phức tạp! Vì thế

cha C. Paolazzi đã đặt chương XXVIII của cha K. Esser vào phần Phụ trương và chia ra thành hai mục:

- Mục I: gồm một số di ngôn của thánh Phanxicô: Niềm vui đích thực, Di chúc lập tại Xiêna, Lời chúc lành cho anh Bênađô;

- Mục II: gồm những bức thư đã bị thất lạc nhưng được nhắc tới trong các truyện ký thời xưa. Trong mục thứ hai này, tác giả còn thêm “Thư gửi cho Đức Hồng Y Hugôlinô”, dựa theo công trình nghiên cứu mới của Giovanni Miccoli³²².

Đàngh khác trong phần này, cha K. Esser còn để lẫn lộn các tác phẩm, vì tác giả vẫn theo thứ tự A, B, C... như trong các phần khác, còn cha C. Paolazzi đã xếp lại theo một thứ tự thời gian mà tác giả nghĩ là hợp với hoàn cảnh cho từng tác phẩm.

³²² G. Miccoli, *Parabole, Logia, Detti*, in *Francesco d'Assisi, Scritti*, EFR-Editrici Francescane, Padova, 2002, p. 501-561.

I. MỘT SỐ DI NGÔN CỦA THÁNH PHANXICÔ

1. NIỀM VUI ĐÍCH THỰC VÀ TRỌN VẸN³²³

Bài đàm thoại về “Niềm vui đích thực và trọn vẹn” đúng là một bài “chính tả”: thánh Phanxicô đã gọi một anh thư ký lại và đã đọc cho viết.

Đây là một trong những bài trình thuật nổi tiếng nhất về thánh Phanxicô. Người ta thường trích từ quyển sách “Những cánh hoa đơn” (x. ch. 8). Tuy nhiên, bên cạnh trang sách đầy thi vị đó, còn có một bản văn khác lâu đời hơn, đơn giản hơn và hầu như không được trau chuốt gì cả. Người bảo đảm cho tính xác thực bản văn này là anh Lêônácđô thành Assisi. Anh này là người đã cùng thánh Phanxicô trở về từ phương Đông (x. 2 Cel 31), vì thế là người hiểu biết câu chuyện và đã làm chứng trước mặt Đức Giáo hoàng Grêgôriô IX vào dịp điều tra phong thánh cho Phanxicô (x. StAs 72).

Tư tưởng về “niềm vui đích thực và trọn vẹn” liên hệ chặt chẽ với Huấn ngôn 5 của thánh nhân. Người ta có thể nghĩ rằng bản văn này triển khai Huấn ngôn ấy.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Cũng người anh em ấy [anh Lêônácđô] kể ở chỗ ấy rằng: Một hôm, tại Nhà thờ Đức Bà³²⁴, thánh Phanxicô gọi

³²³ Đầu đề bằng La ngữ: *De vera et perfecta laetitia*, x. SCRIPTA, tr. 416.

³²⁴ Tức là nhà thờ của anh em ở Poxiuncula, x. 2 Cel 18-19.

anh Lêô lại và bảo: “Lêô ơi, hãy viết đi”. ⁽²⁾ Anh ấy đáp: “Vâng, con đã sẵn sàng”. ⁽³⁾ Người tiếp: “Con hãy viết thế nào là niềm vui đích thực”.

⁽⁴⁾ “ Có người đưa tin đến và nói rằng: tất cả các giảng sư ở Paris đã gia nhập Dòng ta, con hãy viết: đây không phải là niềm vui đích thực. ⁽⁵⁾ Cũng thế, tất cả các chức sắc bên kia dãy núi³²⁵, các Tổng Giám mục và các Giám mục, đến cả Vua nước Pháp và Vua nước Anh đều đã vào Dòng; con hãy viết: đây không phải là niềm vui đích thực. ⁽⁶⁾ Cả điều này nữa: các anh em cha đã đến với các dân ngoại và đưa họ hết thảy trở về với đức tin; và thêm điều này nữa, cha được Thiên Chúa ban cho ơn đặc biệt là chữa lành các bệnh nhân và làm được nhiều phép lạ: cha nói rõ với con rằng, tất cả những điều ấy không đưa lại niềm vui đích thực”.

⁽⁷⁾ “Vậy, thế nào là niềm vui đích thực?”

⁽⁸⁾ “Này nhé, cha đi từ Perugia về, mãi tới đêm khuya mới tới nhà đây. Lúc này là mùa đông, đường lầy lội và trời lạnh rét. Nước mưa đông cứng ở gấu áo cha và quất vào đôi chân, làm rách da chảy máu. ⁽⁹⁾ Minh mẩy lắm bùn, tê cóng vì giá lạnh, cha đến trước cửa nhà. Sau khi cha gõ cửa và kêu van hồi lâu mới có anh nọ ra hỏi: “Ai đấy?” Cha trả lời: “Tôi là anh Phanxicô đây!” ⁽¹⁰⁾ Anh ấy liền quát: “Cút đi! Giờ này không phải là lúc đi lại; đừng vào đây”. ⁽¹¹⁾ Cha nài nỉ. Anh

³²⁵ Dãy núi Anpơ phân chia nước Ý với các nước phía Tây (Pháp, Tây Ban Nha v.v.)

lại đáp: “Cút đi! Thứ người *ngây ngô và vô học*³²⁶! Dẫu sao thì cũng đừng đến đây với chúng tôi. Chúng tôi đông đảo thế này rồi và không cần đến anh nữa đâu!”⁽¹²⁾ Cha vẫn đứng trước cửa và nói: “Vì tình yêu Thiên Chúa, xin cho tôi trú chân đêm nay”.⁽¹³⁾ Anh ấy liền đáp: “Không được đâu!”⁽¹⁴⁾ Hãy lại đằng nhà các thầy dòng Mang-Thập-giá mà xin³²⁷”.

⁽¹⁵⁾ Cha nói thật với con rằng, nếu cha vẫn giữ được lòng kiên nhẫn và không chút nao núng, thì đó mới là niềm vui đích thực, nhân đức đích thực và là sự cứu độ cho linh hồn”.

2. DI CHÚC ĐỌC CHO VIẾT TẠI XIÊNA³²⁸

Rất nhiều truyện ký trong thế kỷ XIV viết về thánh Phanxicô có nhắc tới một Di chúc ngắn mà thánh nhân đã cho viết vào khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 năm 1226 tại Xiêna. Tại thị trấn này thánh nhân đã ngã bệnh nặng, đến nỗi anh em nghĩ rằng người sắp qua đời. Họ xin người chúc lành và biểu lộ điều người ước nguyện.

³²⁶ *Simplex et idiota*: Đây là những từ mà Phanxicô thường dùng để nói về mình, ta gặp nhiều lần trong quyển Tác Phẩm.

³²⁷ *Cruciferorum* (Croisier). Dòng các tu sĩ “Mang-Thập-giá”, do Đức Giáo hoàng Alexandre III lập năm 1169, thời bấy giờ phụ trách nhiều bệnh viện tại Assisi và các vùng lân cận. Một thành viên của Dòng này là Moricô đã được thánh Phanxicô chữa cho lành bệnh, về sau trở thành một người Anh Em Hèn Mọn, x. *Bônaventura, Đại truyện*, IV,8.

³²⁸ Đầu đề bằng La ngữ: *Testamentum Senis factum*, x. *SCRIPTA*, tr. 418.

Thánh nhân cho gọi anh Bê-nê-đi-tô Piratô³²⁹ tới và bảo anh viết lại nguyện ước cuối cùng của người. Bản văn được nhắc tới đó nay không còn nữa. Tuy nhiên, những gì mà các truyện ký kể lại cũng khá đầy đủ để chúng ta biết được những nguyện ước mà thánh Phanxicô ôm ấp trong lòng vào cuối đời. Ba câu nói của thánh nhân là ba tư tưởng chỉ đạo trong đời sống của người và người muốn chúng được bảo tồn trong tương lai. Thứ tự các lời ấy xem ra cũng có một tầm quan trọng: tình huynh đệ, đức nghèo khó và lòng tuân phục đối với Hội Thánh. Chúng ta phải hết sức chú ý tới điều đó khi muốn đánh giá nguyện ước cuối cùng của thánh Phanxicô.

BẢN VĂN

⁽¹⁾ Con hãy viết rằng cha chúc phúc cho tất cả mọi anh em, những người hiện ở trong Dòng và những người sẽ vào Dòng cho tới tận thế [...] ⁽²⁾ Vì yếu hèn và đau đớn do bệnh tật, cha không thể nói năng được, nên cha bày tỏ văn tất ý muốn ³³⁰ của cha cho anh em trong ba điều này:

³²⁹ Quyển “*Sưu tập Assisi*, số 59” viết về người anh em này như sau: “Người anh em này là một linh mục, kín đáo, thánh thiện, kỳ cựu trong Dòng, thỉnh thoảng dâng lễ trong phòng này cho thánh Phanxicô, vì mặc dầu đau yếu, thánh nhân luôn luôn muốn dự lễ khi có thể được.”

³³⁰ Sách “*Gương trọn lành*”, số 87, thêm “và ý định”.

(³) Thứ nhất, để làm dấu chứng anh em tưởng nhớ đến sự chúc lành và *Di chúc*³³¹ của cha, anh em hãy luôn luôn yêu thương nhau;

(⁴) Thứ hai, anh em hãy luôn luôn yêu mến và tuân giữ thánh đức nghèo khó là bà chúa của chúng ta;

(⁵) Thứ ba, anh em hãy luôn luôn tỏ ra trung thành và tuân phục đối với các chức sắc và tất cả các giáo sĩ của Mẹ Hội Thánh chúng ta³³².

(x. *Sutu tập Assisi*, s. 59).

3. LỜI CHÚC LÀNH CHO ANH BÊNĂĐÔ³³³

Lời chúc lành cho anh Bênăđô Quintavalê thường được nhắc tới trong các sưu tập thế kỷ XIV. Nó thuộc vào loại những di cảo mà thánh Phanxicô đã đọc cho thư ký viết. Về thời điểm thì phải

³³¹ Trong bản dịch các tài liệu nguồn bằng Pháp ngữ ("*Francois d'Assise: Ecrits, Vies, Témoignages*", Paris 2010, quyển I, tr. 396), các dịch giả Pháp đã không theo bản văn của Esser-Paolazzi (hai tác giả này đã lấy bản văn từ quyển "*Sutu tập Assisi*", s. 59), nhưng theo một bản văn khác, được lưu lại trong quyển "*Gương trọn lành - Bản ngắn*" theo đó ở câu 3 ta có chữ "*mysterium*" (mầu nhiệm) thay vì "*testamentum*". Theo Jacques Dalarun, đó là mầu nhiệm Thánh Thể và Nhập thể.

³³² Câu này ngụ ý sự tuân phục đối với tất cả hàng giáo phẩm của Giáo Hội.

³³³ Đầu đề bằng La ngữ: *Benedictio fr. Bernardo data*, x. *SCRIPTA*, tr. 420.

*đặt lời chúc lành này trong tuần lễ trước khi thánh nhân qua đời.
Nội dung lời chúc lành như sau:*

BẢN VĂN

[Thánh Phanxicô đặt tay lên đầu anh Bênađô và chúc lành cho anh. Sau đó người nói với một trong những người bạn:]

⁽¹⁾ “Hãy viết như tôi nói cho anh đây: ⁽²⁾ Người anh em đầu tiên mà Chúa đã ban cho tôi là anh Bênađô. Anh là người đã khởi sự và thực hiện một cách rất hoàn hảo sự trọn lành theo Tin Mừng bằng cách phân phát tất cả của cải của anh cho người nghèo. ⁽³⁾ Vì lẽ ấy và vì nhiều ưu điểm khác của anh, nên tôi có bốn phận yêu mến anh hơn bất cứ anh em nào trong toàn Dòng. ⁽⁴⁾ Bởi vậy tôi mong muốn và truyền lệnh, theo quyền hạn của tôi, là bất cứ ai làm Tổng Phục vụ cũng phải yêu mến và kính trọng anh như yêu mến và kính trọng chính mình tôi, ⁽⁵⁾ và cả các anh Tỉnh Phục vụ và các anh em trong toàn Dòng cũng phải xem anh như chính tôi vậy”. (x. *Sưu tập Assisi*, s. 12).

II. CÁC THƯ THẤT LẠC HOẶC KHẢ NGHỊ

1. THƯ GỬI ĐỨC HỒNG Y HUGÔLINÔ

Anh Tôma Cêlanô kể trong Quyển I Hạnh Thánh Phanxicô của anh như sau ³³⁴:

“... khi nhờ ơn Thiên Chúa, Hội dòng bắt đầu tăng trưởng, như một cây hương bá trong vườn địa đàng của Thiên Chúa³³⁵ Hội dòng vươn tằm lá công phúc lên trời cao, và như một cây nho được tuyển chọn,³³⁶ Hội dòng tỏa nhánh khắp nơi trên hoàn vũ³³⁷, lúc đó Cha Thánh đến triều yết Đức Giáo hoàng Hônôriô, vị lãnh đạo Hội Thánh Rôma, khiêm cung khẩn xin Đức Thánh cha chỉ định Đức Hồng y Hugôlinô, giám mục giáo phận Ostia làm người cha và người chủ của mình và của anh em mình. Đức Giáo hoàng chiều theo lời xin của vị thánh, vui lòng ưng thuận và ủy quyền cai quản Hội dòng cho Đức Hồng y và Đức Hồng y đã cung kính tiếp nhận sự ủy thác [...].

³³⁴ Đoạn văn 1 Cel 100 sau đây được trích từ bản dịch của anh Gioan B. Nguyễn Gia Thịnh: x. Tôma Cêlanô, *Hạnh Thánh Phanxicô, Quyển I & II*, do Ban Tu Thư Tỉnh dòng thánh Phanxicô Việt Nam xuất bản năm 2004 (lưu hành nội bộ).

³³⁵ x. Ed 31,9.

³³⁶ x. Gr 2,21.

³³⁷ x. Tv 80,12.

Thánh Phanxicô là người đầy tràn Thần Khí Thiên Chúa và được Thần Khí hướng dẫn, và nhờ vậy thánh nhân đã biết trước rất lâu những điều mãi sau này mới tỏ hiện trước mắt mọi người. Mỗi lần do công việc của Dòng hoặc thông thường hơn, do tình yêu của Chúa Kitô thúc đẩy, mà ngài định viết thư cho Đức Hugôlinô, thánh Phanxicô không bao giờ chỉ thưa là “Đức Giám mục giáo phận Ôstia và Vallettri”³³⁸ theo cách người khác vẫn chào kính, nhưng ngài làm theo cách riêng và viết: “Trọng kính Đức Hồng y Giáo chủ Hugôlinô, bậc hiền phụ rất cao quý, Giám mục của toàn thế giới”.

Ngoài ra, ngài còn hay dùng những câu chúc lạ lùng, và tuy vẫn là một người con hết lòng tuân phục, đôi khi do Thần Khí thúc đẩy, ngài lại an ủi Đức Hồng y như một người cha, lấy những lời chúc lành của các tổ phụ mà cổ vũ Đức Hồng y, cho tới khi nguyện ước của các ngọn đời muôn thuở được thực hiện³³⁹. (x. 1 Cel 100)

³³⁸ Đức Hugôlinô hỏi đó là Giám mục kiêm nhiệm hai giáo phận Ôstia và Velletri.

³³⁹ *Những ngọn đời muôn thuở* (St 49,26) trong đoạn này ám chỉ bảy ngọn đời của Rôma, kinh thành muôn thuở. Cách đặt câu bí hiểm có ý loan báo rằng Rôma trông đợi ngài lên ngôi Giáo hoàng.

2. THU GỬI ANH EM NƯỚC PHÁP³⁴⁰

Anh Tôma Eccleston là người cung cấp thông tin về bức thư này. Anh đã ghi lại lời kể của anh Máctinô Bắctôna như sau:

BẢN VĂN

“... thánh Phanxicô đã tự tay viết một lá thư... cho anh Phục vụ và các anh em nước Pháp³⁴¹, để khi nhận được thư, họ sẽ vui mừng mà ngợi khen Thiên Chúa Ba Ngôi: Chúng ta hãy chúc tụng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”.

(x. Tôma Eccleston, *De adventu Fratrum Minorum in Angliam*, ch. VI; J. Dalarun, édit, *Francois d'Assise. Ecrits, Vies, Temoignages*, Cerf-EF, Paris 2010, tome II, tr. 1947.)

³⁴⁰ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola fratribus Franciae missa*, x. *SCRIPTA*, tr. 426.

³⁴¹ *Francia*: Theo cha L. Hardick và cha E. Grau thì “*Francia*” ở đây là Tỉnh dòng các anh em tại Pháp, lúc bấy giờ gồm miền bắc nước Pháp và miền Wallonie của nước Bỉ. x. *Die Schriften des Hl. Franziskus von Assisi*, Taschenbuchausgabe, Werl/Wesfalen 1987, tr. 148, ghi chú 8.

3. THƯ GỬI CHO DÂN THÀNH BÔLÔNIA³⁴²

Về thư này chúng ta cũng có được thông tin nhờ quyển Ký sự của anh Tôma Eccleston. Tác giả ghi lại lời kể của anh Máctinô Bắctôna là người bảo đảm tính xác thực của sự kiện.

BẢN VĂN

Người anh em ấy (tức là anh Máctinô Bắctôna) còn kể rằng: tại Brêxia, vào ngày lễ Giáng Sinh³⁴³, có một người anh em đang đứng cầu nguyện thì xảy ra một trận động đất và ngôi nhà thờ đã sụp đổ. Nạn nhân đã được tìm thấy dưới đồng gạch đá mà không bị thương tích gì cả. **Thánh Phanxicô đã tiên báo trận động đất này và đã nhờ anh em loan báo trong tất cả các trường học tại Bôlônia bằng một lá thư viết bằng thứ La ngữ sai lỗi.** Trận động đất này đã xảy ra trước cuộc chiến của hoàng đế Frederico³⁴⁴ và kéo dài

³⁴² Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola civibus Bononiensibus scripta*, x. *SCRIPTA*, tr. 428.

³⁴³ Theo một số tài liệu của địa phương, thì trận động đất có tâm chấn tại Brêxia đã xảy ra ngày 25 tháng 12 năm 1222. Salimbene de Adam cũng nhắc tới biến cố này và nói là một phần lớn thành phố Brêxia bị hư hại: x. Salimbene de Adam, *Cronica*, éd. G. Scalia, vol. 1, Bari, 1966, tr. 48. Như vậy lá thư của thánh Phanxicô đã được viết trước lễ Giáng Sinh năm 1222.

³⁴⁴ Hoàng đế Frederico II (1194-1250) đã giao tranh ba lần với các thị trấn miền Bắc nước Ý, từ năm 1235 đến năm 1238. Các thị trấn này đã liên kết lại với nhau thành Liên minh Lombardia để chống lại hoàng đế, nên cuối cùng hoàng đế đã thất bại.

trong 40 ngày, đến nỗi tất cả các núi non vùng Lombardia đều rung chuyển”.

(x. Tôma Eccleston, *De adventu Fratrum Minorum in Angliam*, coll.VI; J.Dalarun, édit, *Francois d'Assise. Ecrits, Vies, Temoignages*, Cerf-EF, Paris 2010, tome II, tr. 1947-1948).

4. THƯ GỬI CHO CLARA VÀ CHỊ EM VỀ VIỆC GIỮ CHAY³⁴⁵

Trong lá thư thứ ba gửi cho thánh nữ Anê thành Praha vào đầu năm 1238, thánh Clara có nhắc tới một lá thư của thánh Phanxicô, trong đó thánh nhân trình bày cho Clara và các chị em biết phải giữ chay vào những ngày nào. Lá thư này không còn được giữ lại nữa. Tuy nhiên, dựa trên lời lẽ của thánh Clara, chúng ta cũng biết được một vài điều trong nội dung của lá thư, mặc dầu chúng ta không thể đoán được nó được viết vào năm nào. Thánh nữ viết như sau:

BẢN VĂN

⁽¹⁾ “Về những điều mà bà đã xin tôi giải thích, liên hệ đến những ngày lễ mà tôi nghĩ là bà cũng rất yêu mến và **cha thánh Phanxicô rất hiển vinh của chúng ta đã nhắc nhở phải cử hành cách đặc biệt bằng cách thêm vài thức ăn khác**, tôi nghĩ phải trả lời như sau để đáp ứng tình yêu của bà: ⁽²⁾ Quả thật, đức khôn ngoan của bà cũng biết rằng, trừ những chị

³⁴⁵ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola S.Clarae de jejunio scripta*, x. *SCRIPTA*, tr. 428.

ốm yếu và bệnh tật mà **ngài đã nhắc nhở và yêu cầu chúng ta phải cung cấp cho họ một cách chu đáo hết sức bất cứ loại thức ăn gì**, còn chúng ta là những người khỏe mạnh và an lành thì không ai được theo một chế độ thức ăn nào khác với chế độ mùa chay³⁴⁶, ngày trong tuần cũng như ngày lễ trọng. Chúng ta phải ăn chay mỗi ngày, trừ ngày Chúa Nhật và ngày lễ Giáng Sinh: vào những ngày ấy, mỗi ngày chúng ta có thể ăn hai bữa. ⁽³⁾ Vào những ngày thứ năm thông thường, mỗi chị em được tự do: ai không muốn thì không buộc phải giữ chay. ⁽⁴⁾ Tuy nhiên, là những người khỏe mạnh, chúng ta ăn chay mỗi ngày, trừ ngày Chúa nhật và ngày lễ Giáng sinh. ⁽⁵⁾ **Như thánh Phanxicô đã nói trong một bức thư**, chúng ta cũng không buộc phải giữ chay trong mùa Phục sinh, các ngày lễ kính Đức Maria và các thánh Tông đồ, trừ khi những ngày lễ ấy nhằm vào ngày thứ Sáu. Như tôi đã nói ở trên, chúng ta còn khỏe mạnh và an lành, chúng ta luôn luôn dùng những thức ăn như trong mùa chay”.

5. LỜI CHÚC LÀNH CHO CLARA VÀ CHỊ EM³⁴⁷

Cũng trong những nguồn sử lưu truyền lời chúc lành cho anh Bênađô, người ta còn kể là, ít lâu trước khi thánh Phanxicô qua đời, chính chị Clara cũng đau nặng. Chị rất buồn vì nghĩ rằng mình sắp

³⁴⁶ Chế độ ăn uống trong Mùa Chay ngày xưa nghiêm ngặt hơn bây giờ: thịt, trứng, đồ sữa, đồ mỡ đều bị cấm!

³⁴⁷ Đầu đề bằng La ngữ: *Benedictio S. Clarae et ejus sororibus in scriptis missa*, x. *SCRIPTA*, tr. 430.

từ biệt đời này mà không được gặp thánh nhân lần nữa, nên đã nhờ một anh em tới thăm người để đưa tin tức. Nhân dịp ấy, thánh nhân gửi cho chị một lá thư cùng với lời chúc lành được viết lên giấy. Thánh nhân còn nhờ người anh em đưa thư chuyển lời hứa của người là Clara và các chị em còn được thấy người một lần nữa sau khi người qua đời.

Nội dung bức thư được tóm tắt một cách rất tổng quát trong các bài trình thuật. Dầu sao, người ta cũng thấy được rằng, thánh Phanxicô, cho đến lúc chết, vẫn giữ lời hứa của người là luôn luôn quan tâm đến các chị em tại San Damiano. Bài trình thuật về bức thư của thánh Phanxicô cùng với lời chúc lành nói như sau:

BẢN VĂN

... để an ủi chị, **thánh Phanxicô đã viết một lá thư để chuyển lời chúc lành cho chị. Đồng thời người cũng tha thứ mọi thiếu sót của chị, nếu có như vậy, đối với các mệnh lệnh và ý muốn của người, cũng như những mệnh lệnh và ý muốn của Con Thiên Chúa.** Hơn nữa, để chị trút bỏ mọi buồn sầu và được an ủi trong Chúa, người nói với anh đưa thư, -không phải chính người nói, nhưng Thánh Thần của Thiên Chúa nói trong người,- những lời này: **“Hãy đi và cầm lá thư này cho bà Clara³⁴⁸** và nói với bà ấy hãy trút bỏ mọi đau đớn và buồn sầu vì không thể gặp được tôi bây giờ; nhưng bà ấy hãy biết rằng trước khi bà ấy ra đi, thì chính bà

³⁴⁸ Domina Clara: kiểu nói biểu lộ sự tôn kính, đồng thời một sự xa cách.

ấy và các chị em của bà sẽ còn thấy tôi và sẽ nhận được từ nơi tôi một niềm an ủi lớn lao.”

(x. *Sưu tập Assisi*, s. 13).

6. THU GỬI CHO BÀ GIACÔBA³⁴⁹

Lá thư này được nhắc tới rõ ràng trong một số nguồn sử. Người đầu tiên trong số các chứng nhân là Tôma Cêlanô (3 Cel 37-38). Tác giả này nhắc tới một trong những chứng nhân có mặt lúc bấy giờ: đó là người con trai của bà Giacôba (3 Cel 39). Cêlanô kể rằng vài ngày trước khi qua đời, thánh Phanxicô đã nhờ một người anh em viết thư cho bà Giacôba Xéttêxôli ở Rôma và bảo bà ấy hãy khởi hành ngay nếu bà muốn gặp người khi người còn sống. "Lá thư đã được viết..." (3 Cel 37). Tuy nhiên, khi người cầm thư sắp lên đường, thì bà Giacôba đã tới đó rồi. Bà mang theo tất cả những gì mà thánh Phanxicô dặn trong thư. Người ta có thể ấn định được thời điểm soạn thảo lá thư: trong tuần lễ từ 28 tháng 9 tới khoảng 1 tháng 10 năm 1226.

Cha C. Paolazzi đã trích từ quyển "*Actus beati Francisci et sociorum ejus*" ("*Các hành vi của thánh Phanxicô và các bạn hữu của Người*")³⁵⁰ bản văn lá thư mà tác giả, dựa trên một số dấu hiệu, nghĩ là nó có cơ may là đích thực. Trước kia cha K. Esser xem bản

³⁴⁹ Đầu đề bằng La ngữ: *Epistola dominae Jacobae scripta*, x. *SCRIPTA*, tr. 330.

³⁵⁰ Tài liệu này là bản gốc bằng tiếng Latinh mà tác giả quyển *Fioretti* ("*Những cánh hoa đơn*") đã trích dịch 53 chương sang tiếng Ý, x. J. Dalarun, édit., *Francois d'Assise*, tome II, tr. 2715-2716.

văn này như một soạn thảo muộn thời dựa trên một vài thông tin đã sẵn có.

⁽¹⁾ Kính gửi bà Giacôba, nữ tỳ của Đấng Tối cao,

Phanxicô, con người nghèo hèn bé nhỏ³⁵¹ của Đức Kitô, xin gửi lời chào và sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần trong Chúa Giêsu Kitô. ⁽²⁾ Thưa bà rất quý mến, xin hãy biết rằng Chúa Kitô, Đấng được chúc phúc, đã ban ơn và mặc khải cho tôi biết là giờ cuối cùng của đời tôi đã tới gần. ⁽⁴⁾ Vì thế, nếu bà muốn gặp tôi lúc tôi còn sống, thì khi đọc xong thư này, bà hãy mau tới ngay tại nhà thờ Đức Bà các Thiên thần. Vì nếu bà không tới trước ngày... này, bà sẽ không còn gặp tôi còn sống nữa. ⁽⁵⁾ Xin mang theo với bà một tấm vải nhậm³⁵² để liệm xác tôi và một ít nền thấp khi mai táng. ⁽⁶⁾ Tôi cũng xin bà mang cho tôi chút thức ăn³⁵³ mà bà đã thường dọn cho tôi khi tôi đau ốm tại Rôma.

³⁵¹ "*Pauperculus*": Đây là chỗ duy nhất trong các di cảo thánh Phanxicô tự gọi mình là "*poverello*" (*pauperculus*), con người nghèo hèn bé nhỏ.

³⁵² "*Pannum cilicinum*": khăn liệm mà Phanxicô xin ở đây làm bằng lông dê. Các nguồn sử khác nói là một tấm vải như các tu sĩ Dòng Xitô dùng để may áo dòng, nghĩa là "màu tro" (x. *Sưu tập Assisi*, 8; *Gương trọn lành bản dài*, 112).

³⁵³ *De illis comestibilibus*: bản tiếng Ý là "*quei dolci*", thức ăn ngọt; các nguồn sử khác (*StAs* 8,12 và *Gương trọn lành* 107,112) nói rõ là thứ bánh ngọt được làm với mật ong và hạt hạnh đào.

[Khi người ta đang viết thư thì Chúa Thánh Thần tỏ cho thánh Phanxicô biết là bà Giacôba đã tới và mang theo với bà tất cả những gì vừa nói trên. Lập tức người liền nói với anh thư ký: “Đừng viết nữa, không cần đâu, và cất lá thư đi”. Mọi người ngạc nhiên về việc người không cho viết xong lá thư. Và này, sau đó một lúc, bà Giacôba gõ chuông ngoài cửa. Anh giữ cửa đi ra thì gặp bà Giacôba như đã nói ở trên, một phụ nữ quý tộc người Rôma: bà tới thăm thánh Phanxicô cùng với hai con trai là thượng nghị sĩ³⁵⁴ và một đoàn lính tháp tùng rất đông. Bà mang theo với bà tất cả những thứ mà Phanxicô đã đọc cho viết trong lá thư”].

(x. *Actus beati Francisci et sociorum ejus*, XVIII, tr. 14-23).

³⁵⁴ Tôma Cêlanô chỉ nhắc tới tên người con trai đầu của bà Giacôba là Giovanni Frangipane “lúc ấy còn trẻ, sau này là thượng nghị sĩ của thành Rôma và bá tước của Tòa thánh”. Sau khi thánh Phanxicô qua đời, cả hai mẹ con đều được thấy các dấu đinh trên thân thể của thánh nhân; người thanh niên ấy đã tự nguyện khăng định bằng lời thề điều mình đã thấy (x. 3 *Cel* 39).

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ	7
PHẦN I	
KINH NGUYỆN	29
KINH ĐỌC TRƯỚC THÁNH GIÁ	30
LỜI MỜI GỌI CA NGỌI THIÊN CHÚA	32
KINH KÍNH CHÀO ĐỨC TRINH NỮ MARIA	36
KINH KÍNH CHÀO CÁC NHÂN ĐỨC	41
SUY NIỆM KINH LẠY CHA	46
KINH SUY TÔN ĐỌC VÀO MỌI GIỜ KINH	50
KINH KÍNH CÁC MÀU NHIỆM CHÚA GIÊSU	53
THỦ BÚT GỬI ANH LÊÔ	90
BÀI CA ANH MẶT TRỜI	96
BÀI CA GỬI CHO CÁC CHỊ EM THÁNH CLARA	102
PHẦN II	
CÁC THƯ	105
THƯ GỬI CÁC GIÁO SĨ	106
THƯ I GỬI CÁC ANH PHỤC VỤ	111
THƯ GỬI CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN	114
THƯ II GỬI CÁC ANH PHỤC VỤ	118
THỦ BÚT GỬI ANH LÊÔ	121
THƯ GỬI MỘT ANH PHỤC VỤ	124
THƯ GỬI ANH ANTÔN	128

THƯ I GỬI CÁC TÍN HỮU.....	131
THƯ II GỬI CÁC TÍN HỮU	137
THƯ GỬI TOÀN DÒNG.....	151

PHẦN III

CÁC BẢN LUẬT VÀ NHỮNG LỜI KHUYÊN BẢO..... 167

LUẬT KHÔNG SẮC CHỈ	168
NHỮNG ĐOẠN VĂN NGẮN CỦA MỘT BẢN LUẬT KHÔNG SẮC CHỈ KHÁC.....	215
BẢN LUẬT CÓ SẮC CHỈ.....	238
LUẬT SỐNG TRONG CÁC ẮN VIỆN	259
CÁC HUẤN NGÔN	262
CÁC VĂN BẢN GỬI CHO “CÁC QUÝ BÀ NGHÈO KHÓ”	285
DI CHÚC	289

PHỤ TRƯỞNG 299

I. MỘT SỐ DI NGÔN CỦA THÁNH PHANXICÔ	301
II. CÁC THU THẬT LẠC HOẶC KHẢ NGHỊ	307
MỤC LỤC	317